

CỎ THƠM

THÁNG 9, NĂM 2013

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN

<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHẢI.
PHAN KHÂM. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.
ĐĂNG NGUYÊN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯỜNG ANH THUY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Charlotte, NC.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh,
B. Nguyễn Ngọc Anh, TS Võ Hùng Anh, B. Nguyễn Kim Anh, Ô. Trần Hữu Bảo, B. Nguyễn Bạch,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Phan Thanh Bình,
Ô.B. Nguyễn Bông, B. Đặng Thị Bội, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh, B. Huỳnh Thị Chẳng,
B. Nguyễn Phương Châu, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường, B. Vũ Diễm,
B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T. NgọcDung, Ô. B. Phan Anh Dũng,
Ô.B. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, B. Dzung Sencer, Ô.B. Don Van Dang,
B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mậu Đón Nguyễn, Ô. Trần Đại Độ,
Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, B. Hồ Thị Gấm, Ô. Ngô Tăng Giao,
B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao, Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà,
B. Nguyễn T. Song Hà, B. Võ Thị Hai, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh, B. Quán T. Hạnh,
Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu,
MS. Thương Hoff, B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu,
B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng,
B. Diệp Xuân Hương, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Trần Hiếu Lai,
B. Võ Lại, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Pháy, Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm, Ô.B. Đạt Thu Lê,
Ô. Đoàn Thanh Liêm, B. Đỗ Thị Hương Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
B. Vũ Thị Linh, B. Phi Vân Loan, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô.B. Nguyễn Phú Long,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam, Ô. Nguyễn Văn Nghi,
Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đặng Nguyên, B. Phan T. Nhân, B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Nguyễn Tú Nhật,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng,
B. Kim Phụng, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao,
B. Le D. Sharpe, Ô.B Nguyễn Sơn, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân,
Ô. Lê Tam Thanh, Ô. Nguyễn Thanh, Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,
B. Nguyễn Phương Thảo, Ô. Nguyễn Thành Thế, B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy,
Ô. B. Nguyễn Đức Thụy, B. Thương Hoff, Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Nguyễn Minh Tiến, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Phạm Văn Tiến, Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch, B. Sarah Liên Trang, B. Ngô Khắc Trâm,
Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. B. Võ Trưng, B. Tô Bạch Tuyết, B. Đặng Ngọc Tú, Ô.B. Phạm Văn Tuấn,
BS Phan Khắc Tường, Ô. Hoàng Lý Văn, B. Khánh Vân Michalek, B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Yên Vi,
Ô. Đoàn Ngọc-Xuân, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân,
Sovereign Realty, Inc, Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO		Trang		
PHẠM THỊ NHUNG: Trầu Cau		9	CÁT ĐƠN SA: Khắc Khẩu	143
Trong Đời Sống Văn Hóa Dân Tộc			DIỆU TẦN: Đọc <i>Một Đêm Ở Geneve</i>	
PHẠM THẢO NGUYỄN:		15	của Vũ Nam	150
Câu Chuyện Tự Lực Văn Đoàn...			TRẦN TAM NGUYỄN: Dường Như Đã...	154
ĐẶNG THỚ THỚ: Tỉnh Giểu Nhại		28	MINH TÍCH: Hạt Sáng Thế	164
và Tinh Thần Hậu Hiện Đại...			NGÔ TĂNG GIAO: Đọc tập thơ	166
PHẠM VĂN TUẤN: Franz Schubert		42	Ở Nghĩa Trùng Trùng...	
NGUYỄN THUỶ: Đoạn Trường		49	THÁI TÚ HẠP: Lê Mai Lĩnh Trên	
Tân Thanh, Tác phẩm tư tưởng			Những Chặng Đường Gai Lửa	172
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Cơ và		75	PHƯƠNG DUY TDC: Đam Mê ...	175
những biểu thị của nó...			HỒ TRƯỜNG AN: Gặp Gỡ Nữ Sĩ NTND	184
PHẠM TRỌNG LÊ: La mort des oiseaux		118	VŨ NAM: Đi Thăm Hồ Trường An	191
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:		158	VĂN QUANG: Chuyện Cờ Bịch...	195
Sài Gòn cảnh cũ đường xưa				
VĂN			THƠ	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:			NGUYỄN VÔ CÙNG: Lá Thu	14
Lá Thư Mùa Thu		06	PHAN KHÂM: Lục Bát Mùa Thu	41
MÂY THU: Chiều Thơ Nhạc Paris		56	HOÀNG SONG LIÊM: Tình Em	45
NGÔ TĂNG GIAO: Người chuyên		62	HỒ THÀNH ĐỨC: Việt Nam Tổ Quốc...	54
môn cười của HEINRICH BOLL			LÝ HIẾU: Tuồng Cổ	55
ĐỖ BÌNH: Những giai điệu vàng		65	PHAN KHÂM: Tích Dương	55
NGUYỄN LÂN: Lá thư gửi Mẹ		72	LÝ HIẾU: Nỗi Lửa	55
VŨ NAM: Ngày ra mắt sách Ca Dao		83	PHAN KHÂM: Nuối Tiếc	55
con đường văn hoá Việt			BÙI THANH TIÊN: Em từ lục bát bước ra	74
TIỂU THU: Dã Quỳ Ơi!		86	NGUYỄN PHÚ LONG: Lục Bát & Em	88
VŨ ĐỨC NGHIÊM: Mẹ Tôi		94	TRẦN QUỐC PHIỆT: Chiều Thơ	93
PHẠM XUÂN THÁI: Chiếc xe già...		97	PHAN KHÂM: Chân Trời	93
ĐỖ PHÚ: Như Ngọn Đèn Dầu		101	N.T. Ngọc DUNG: Góp Vui Đời	93
Ý ANH: Quỳnh Xưa		109	MOTTHOI: Đường Thi Đối Âm	93
TÔN NỮ MẶC GIAO: Bây giờ Loan...		111	ĐỖ THỊ MINH GIANG: Thu Vãn Vương	95
HỒ CÔNG TÂM: Đọc thơ N.P. Long		120	LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Cũng Thế	99
PHONG THU: Vết Chém Cuối Cùng ...		123	VŨ HỐI: Huyền Thoại Một Âm Thanh	108
PHẠM HỮU BÌNH: Từ Paris đến Ba-lê		131	THIÊN ĐỨC: Giọt Tình	108
Ỡ NGUYỄN: Tuổi thơ như còn đó		135	NGUYỄN BẠCH: Nhớ Mẹ Chiều Thu	110
			CAO NGUYỄN: Ngõ Thu &	
			Em từ lục bát bước ra	117

NGUYỄN BẠCH: Ngồi Bên Hồ ...	129	<u>NHAC</u>	
DIỄM TRẦN: Bồng Một Ngày	134	TẠ BÌNH: Mùa Thu Mây Bay	60
KIỀU ANH: Hà Nội Vào Thu	156	LÊ DINH: Tuy Xa Ngàn Trùng	85
HỒNG THUYẾT: Ngắm thu DC nhớ thu...	165	VŨ ĐỨC NGHIÊM: Tình Thu Muộn Màng	142
DỪ THỊ DIỄM BUỒN: Nhớ Thương U Minh	171	<u>HÌNH ẢNH SINH HOẠT</u>	
<u>GIAO ĐIỂM</u>		Nhà Báo Vũ Văn Hoa	194
LƯU VŨ TÍCH: Âm Tửu Khán Mẫu Đơn	27	Phát hành báo Cỏ Thơm số mùa hè	201
TÂM MINH NGÔ TẦNG GIAO: Uống Rượu Ngắm Mẫu Đơn	27	<u>GIỚI THIỆU</u>	
ROBERT LOUIS STEVENSON: Autumn Fires	27	HÀ NGUYỄN & ASSOCIATES	02
TM NGÔ TẦNG GIAO: Lửa Thu	27	BAN ĐIỀU HÀNH CỎ THƠM	03
HUỲNH MAI HOA: Cây Mùa Thu...	48	DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	04
THANH THANH: Autumn Trees And Humans	48	GIỮ MÃI GIỮM ANH: Uyên Phương Minh Nguyệt	64
JAMES S. TIPPETT: AUTUMN WOODS	64	CA DAO: Con đường văn hoá Việt: Nguyễn Văn Nhiệm	71
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT: Rừng Vắng Sang Thu	64	TIN MỪNG: Kim Vương Hoàng & James Gregory Shaw	122
HOÀNG SONG LIÊM: Hai Phương	100	NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI vượt tuyển qua rừng 1958	152
HOÀNG TÂM: Two World Corners	100	Phòng Mạch BS Nguyễn Quốc Quân	193
<u>TRANH & ẢNH</u>		Phòng Mạch BS Nguyễn Thị Kim Dung	205
BẾ KÝ: Tết Trung Thu Rước Đèn	01+ 09	Sovereign Realty, Inc.	205
HỒ THÀNH ĐỨC: Hai Con Ngựa	39	Tủ Sách Cỏ Thơm	206
CAT ĐÓN SA: Ru Con	149	Harvest Moon Restaurant & Lounge	207
LIÊN PHƯƠNG: Vase	153	Phiếu Mua Báo	208
NHẤT HÙNG: Suối Thu & Tình Thu	210	IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES	209

LÁ THƯ MÙA THU

Kính chào quý vị,
Trong mùa hè vừa qua có một hình ảnh xuất hiện trên vô tuyến truyền hình Hoa Kỳ đã làm cho ta xúc động và cảm thấy đời đáng yêu hơn. Đó là hình ảnh một cặp vợ

chồng trẻ tuổi, chàng đẹp trai, mắt xanh mà rậm, nàng đẹp gái, tóc vàng, mình thon. Lúc mới nhìn hình, người ta ngỡ chàng đứng sau lưng nàng, quàng tay qua vai nàng và ôm nàng. Nhưng không, nàng

cồng chàng đẩy, vì chàng mất cả hai chân trên chiến trường Iraq. Nàng chỉ gặp và quen chàng sau khi chàng đã là phế binh. Nàng đã yêu bộ mặt khôi ngô, hiền hậu của chàng và xin làm vợ chàng. Người ta còn thấy hình ảnh nàng cồng chàng dạo chơi trên bãi biển. Ôi tình yêu ấy thật đáng ngưỡng mộ biết bao!

Một Tin Mừng (Cỏ Thơm, trang 122), đáng kể là ngày 8 tháng 9, 2013, Ông Bà Bác sĩ Hoàng Giang, Đại diện Cỏ Thơm tại Buffalo, New York, đã làm lễ vu quy cho ái nữ là Kim Vương Hoàng cùng James Gregory Shaw, con trai Ông Bà BS John Shaw. Xin chúc mừng Cô dâu, Chú rể và hai Họ.

Những rung động mùa hè rồi cũng qua đi. Hôm nay đã vào thu. Mùa thu vẫn là mùa của gió heo may gợi kỷ niệm, gợi thú đau thương, gợi buồn vô cớ, của rừng phong lá đỏ lá vàng, của thi nhân chiêm ngưỡng thảo ngàn áng thơ, của họa sĩ tuôn màu trên cây cọ, của ống kính nhiếp ảnh gia thu những cảnh thiên nhiên tuyệt vời.

Báo Cỏ Thơm mùa thu năm nay có bìa trước là tranh của Bé Ký khiến chúng ta gợi nhớ đến bài hát vẫn được nghe trẻ em ngộ nghĩnh như tiên đồng, ngọc nữ nghêu ngao trong nhà, trong ngõ một thuở Sài Gòn xưa: *“Tết Trung Thu rước đèn đi chơi. Em rước đèn đi khắp phố phường...”* Xin cảm ơn Họa Sĩ Bé Ký đã cho phép Cỏ Thơm dùng ba bức tranh Trung Thu rất quý.

Về nội dung, đặc biệt trong số báo này, có bài tường thuật về buổi ra mắt sách Ca Dao, con Đường Văn Hóa Việt của Biên khảo gia Nguyễn Văn Nhiệm do Nhà văn Vũ Nam tổ chức tại Đức Quốc, (trang 83). Xin chúc mừng anh Nguyễn Văn Nhiệm.

Trong tháng 8 Vũ Nam cũng làm một chuyến đi thăm Văn Thi sĩ Hồ Trường An tại Troyes, Pháp, (trang 189). Thật bù ngùi nhìn hình ảnh gày còm, xuống sắc của anh Hồ Trường An. Vũ Nam là Đại Diện Cỏ Thơm, nên chúng tôi nơi xa xôi cũng bớt áy náy đã không thể đi thăm Hồ Trường An từ mấy năm nay.

Vì tình trạng đau yếu, gần đây anh không viết nhiều, nên Cỏ Thơm có ý định đăng bài viết của anh về Nguyễn Thị Ngọc Dung, (trang 184). Đây là chương cuối cùng trong 8 chương của tập Bút khảo *“Giai Thoại Văn Chương”* do Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản năm 2006. Chương này chưa được đăng tải trên báo nào. Nhưng 7 chương khác viết về “Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buồn, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San và Tiểu Thu” đã lần lượt được đăng trong báo Cỏ Thơm từ lâu. Sở dĩ Ngọc Dung ngần ngại vì được Hồ Trường An khen ngợi quá trời. Thói thường người ta yêu “cái tôi” của mình nhưng lại không ưa “cái tôi” của người khác. Tuy nhiên, tôi tin rằng quý độc giả Cỏ Thơm khác người, có tâm hồn cởi mở rộng rãi. Văn phong Hồ Trường An vẫn đặc biệt như thế, không ai bắt chước được. Anh là một nhân vật rất quan trọng của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ thuở ban đầu 18 năm về trước. Ngọc Dung xin cảm tạ người đã viết tốt về mình. Những mong anh Hồ Trường An đọc lại bài viết đó và tìm lại nguồn vui của những năm về trước chúng ta thường điện đàm thú vị hàng giờ không dứt...

Sau đây chúng tôi cũng vinh hạnh trình làng một đoạn thư của Giáo sư Biên khảo gia, Phạm Thị Nhung khen tặng Tạp chí Cỏ Thơm trong điện thư gần đây: *“Chị ở xa nhưng vẫn theo dõi tin tức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, tiệc tùng... của các anh chị em*

qua những bài tường thuật cùng hình ảnh trên những trang báo, trang mạng của *Cỏ Thơm*... Chị vô cùng khâm phục những vị trong Ban Trị Sự đã xả thân hoạt động vô vị lợi, vì lý tưởng muốn bảo tồn văn hóa, văn chương Việt ở hải ngoại. Đồng thời đã chọn được cho mình và các anh chị em trong Hội một lối sống lành mạnh, hào hứng vui tươi và không kém phần thi vị nơi xứ người... đã đem lại thêm ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta. Nhân dịp Tam Cá Nguyệt *Cỏ Thơm* kỷ niệm Sinh Nhật thứ 18, chị kính chúc Tạp Chí *Cỏ Thơm* mỗi ngày một vững mạnh, một thăng tiến. Kính chúc quý anh chị trong Ban Trị Sự cùng quý Hội Viên và các tác giả từng đóng góp bài vở cho *Cỏ Thơm* luôn luôn được thân tâm an lạc, sáng tác bền bỉ. **Phạm Thị Nhung (Paris).**

Một độc giả Website Cothom đã gửi điện thư như sau: *Trang cothom tuyệt vời, đẹp, sang, đơn giản trong trình bày, người làm ra nó với mục đích chính là gì tôi không biết! Vì bây giờ, người ta làm ra cái gì cũng mang tính kinh doanh! Còn trang này tôi thấy hầu như mang đến cho mọi người những kỷ niệm đã mất rồi, hôm nay tìm lại được một góc nhỏ, tuyệt. Cảm ơn nhiều lắm. Tôi đã tìm được bản nhạc MP3 "Ngày về thăm nhau" của Hoài An do Thanh Tuyên hát ở cái thời kỳ ban đầu của cô ấy trên trang cothom này. Ngày xưa còn nhỏ, ba tôi hay dẫn tôi đi chơi tại chợ Chùa - Tỉnh Quảng Ngãi, lúc ấy hai ba con ngồi trên xe Lam, tôi nghe ba tôi hát bài "Ngày Về Thăm Nhau", từ đó tôi thuộc, bây giờ 60 tuổi rồi, tìm mãi trên Internet bao nhiêu năm không thấy, may thay mới đây đọc cothom và lấy xuống ổ cứng nghe hàng ngày nhớ lại thời kỳ vàng son của Khúc*

Tình Ca Hàng Hàng Lớp Lớp. Xin một lần nữa. Cảm ơn. Tonthathoabinh.

Cỏ Thơm xin cảm ơn Biên khảo gia Phạm Thị Nhung và độc giả Tonthathoabinh cùng quý vị đã từng khen tặng đầy khích lệ không ủng hộ công *Cỏ Thơm* đã miệt mài 18 năm phục vụ văn học nghệ thuật.

Thưa quý vị, rất đáng tiếc là có những tin vui thì cũng không tránh được tin buồn. Văn hữu Lê Thương của chúng ta đã qua đời ngày 31 tháng 7, 2013 tại Denver sau nhiều tháng đau yếu. Anh đã cộng tác nhiệt thành với *Cỏ Thơm* nhiều năm gần đây và bài viết cuối cùng của anh gửi đăng trong *Cỏ Thơm* 62, số mùa xuân 2013 là: "Dòng Lệ Sử - Duyên Việt Tình Chiêm". Cầu mong hương linh Nhà văn Lê Thương yên nghỉ nơi ngàn thu vĩnh hằng.

Sau hết, có một vấn đề bất đắc dĩ *Cỏ Thơm* phải thưa cùng quý vị. Vì được sự tín nhiệm, nên càng ngày chúng tôi càng hân hạnh nhận được nhiều văn, thơ bài viết của quý tác giả. Mỗi tập báo lại chỉ có số trang giới hạn. Nên một số bài phải gác lại, ưu tiên cho quý tác giả hội viên ủng hộ hiện kim. Giá biểu gửi đi Âu châu một cuốn *Cỏ Thơm* gần 6 Mỹ kim, chưa kể tiền in một tập gần 4 Mỹ kim. Xin quý tác giả thông cảm và ủng hộ cước phí in ấn thì *Cỏ Thơm* mới có thể tiếp tục được gửi đến quý vị. Mong quý tác giả thông cảm cho.

Kính chúc quý vị một mùa thu an lành may mắn. Và Cỏ Thơm sẽ nhận và nghe được toàn những tin vui.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TRÀU CAU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

PHẠM THỊ NHUNG

Kỳ II

3. Công dụng của trâu cau

Trâu cau rất đa dụng, nhất là cau. Thân cau được dùng làm cột nhà, làm cầu, người ta bắc thành cầu khi hay đóng thành bè thay cầu ván. Mo cau để lợp nhà, làm quạt, làm gàu tát nước, đôi khi còn để đựng đồ như gói tiền, gói vàng hay bọc thức ăn. Tàu cau thì làm chổi quét sân v.v...

Trong Đông-y, ngành thuốc Nam, trâu cau được dùng làm thuốc chữa bệnh. Theo Đỗ Tất Lợi, lá trâu già nhỏ ép lấy nước chữa viêm mủ chân răng hoặc hòa với nước để rửa các vết lở loét, mụn nhọt hay vết chàm của trẻ sơ sinh. Lá trâu già nhỏ để nguyên chất đắp lên ngực chữa ho hen, đắp lên vú cho sữa ngưng chảy.

Còn cau thì vỏ cau chữa bụng đầy trướng, bí tiểu, ốm nghén, nôn mửa. Hạt cau khô giúp sự tiêu hóa, viêm ruột, sốt rét, sán lã và bệnh chốc đầu trẻ em.

Tất nhiên, công dụng chính của trâu cau là để ăn. Ăn trâu vừa chắc răng, bổ xương, lại vừa ngon miệng, say sưa vui chuyện; ngoài ra ăn trâu còn để làm đẹp.

Một miếng trâu được gọi là khâu trâu gồm có một lá trâu xanh hay xanh ngả vàng tèm sẵn, trong để chút vôi; cộng với một miếng cau, ngoài là vỏ xanh đậm rồi đến củi có sợi trắng ngà, phía trong, phần trên là

thịt trắng phau, dưới là hạt nhờ nhờ lòng tằm; cộng thêm một lát vỏ mỏng chuyên dần từ màu nâu non đến phớt hồng (thường lấy từ rễ các cây chay, mít chay hay cây đề...). Nhìn màu sắc đã thấy đẹp mắt, khi ăn vào còn có vị ngọt ngọt của cau, cay cay, thơm thơm của lá trâu (toàn thân cây trâu có tinh dầu thơm), chát chát của hạt và vỏ (có chất tanin), cùng cảm nhận được cơ thể đang nóng nóng vì vôi và đầu óc hơi choáng váng say vì trong hạt cau có chất arécoline làm kích thích thần kinh hệ.

Đã vậy, nếu còn được đệm thêm tí quế, tí hồi hay tí thuốc Lào, thuốc lá thì miếng trâu ăn vào càng tăng phần kích thích, làm thêm nóng bừng cơ thể, thêm dậy hồng đôi má và thêm long lanh cặp mắt. Sau nữa, nước cốt trâu có sắc màu đỏ tươi làm hồng thắm đôi môi. Người phụ nữ xưa đã biết lợi dụng những ưu điểm này của miếng trâu, nên họ ăn trâu còn để làm đẹp.

Làm đẹp cũng phải biết cách và phải có nghệ thuật nữa. Đời nào chả thế, người phụ nữ xưa “có trâu chẳng để môi thâm” đã đành, mà còn biết cách ăn hai ba miếng trâu liên tiếp nhau, tạo cho được một cặp môi đỏ có đường viền như sợi chỉ, trông thật quyến rũ, được mệnh danh là “môi ăn trâu cần chỉ”. Khác nào ngày nay chị em bạn gái chúng ta, sau khi đã tô son trên đôi môi rồi còn lấy bút lông vẽ thêm một đường son đỏ đậm thật nhỏ quanh vành môi cho đôi môi thêm nổi.

Sau hết, trâu cau được sử dụng làm phương tiện giao tiếp xã hội, biểu lộ tình

cảm và được dùng làm lễ vật trong những dịp cưới xin, tang ma, cúng tế gia tiên và thần linh.

4. Trầu Cau Trong Nghi Lễ Cưới Hỏi

Người bình dân Việt Nam xưa nhờ vào hoàn cảnh sống gần gũi với thiên nhiên, nhờ điều kiện sinh hoạt tập thể về nông nghiệp, hội hè, hát xướng, lại nhờ vào tục mời trầu của xã hội... đã giúp cho tình yêu của họ dễ dàng nảy nở, cởi mở, hồn nhiên. Dù thế nào chăng nữa, tình yêu của họ cũng không cuồng nhiệt, tự do quá trớn đến vượt ra khỏi vòng lễ giáo gia đình và phong tục xã hội.

Thực tế, người thiếu nữ vẫn hằng nhủ lòng “áo mặc sao qua khỏi đầu”, nên khi vừa bước vào cuộc tình là không quên nhắc nhở bạn về thủ tục đầu tiên:

- *Thương tôi rượu chén, trầu coi
Đến cùng phụ mẫu, đến nơi sinh thành.*

Nếu người con trai còn nghi ngại:

- *Tổn hao anh chẳng màng chi
Chi e lỡ dở uống thì trầu cau.*

thì người con gái xin hứa trước một lời để bạn vững dạ về trình cha mẹ, rồi nhờ người mai mối đến thưa chuyện cùng song thân nàng:

- *Đợi lệnh song thân em phải vậy
Song em quyết một lời rồi, anh hãy cậy mai dong.*

Người con trai sau khi đã được lời hứa chắc của bạn lòng, mặt mày hớn hờ, đi khoe cùng làng, khắp xóm:

- *Tôi về thưa với mẹ cha
Chạy lo sáu lễ đem qua cưới nàng.*

Nhưng khi vào chuyện rồi người ta mới thấy, trong ba việc khó khăn ở đời :

- *Tậu trâu, cưới vợ, làm nhà
Trong ba việc ấy thật là khó thay!*

thì việc cưới xin, việc hệ trọng nhất trong cuộc đời của mỗi con người, là khó khăn

nhất, nghi thức cũng nhiều khê nhất, và tốn kém nhất.

Trước hết, nhà trai phải đem phẩm vật đến cầu cạnh người mai mối, nhờ họ chuyển lời cầu hôn đến nhà gái, đúng như phong tục đã định:

- *Mâm trầu hũ rượu dâng hoàng*

Cậy mai đến nói phụ mẫu nàng mới xong.

Khi ông mai, bà mối đã trình bày tự sự, nhà gái thấy xứng đôi (xưa theo tiêu chuẩn môn đăng hộ đối) thì ưng, liền cho so đôi tuổi cô dâu, chú rể; tuổi tác có hợp rồi mới bắt đầu tính đến chuyện cưới hỏi. Đầu đầu xong xuôi, hai bên gia đình nhà trai, nhà gái cho tiến hành các thủ tục hôn phối. Bắt chước Trung Hoa, tất cả phải trải qua sáu lễ. Đó là:

- **Lễ Nạp Thái** còn gọi là Lễ Sơ Vấn, nhà trai đưa lễ vật để tỏ ý đã kén chọn. Lễ này hôm nay gọi là lễ chạm ngõ hay lễ giạm vợ.

- **Lễ Vấn Danh**: hỏi tên tuổi và họ người con gái.

- **Lễ Nạp Cát**: báo cho nhà gái biết đã bó được diềm tốt.

- **Lễ Thỉnh Kỳ**: xin định ngày cưới.

- **Lễ Nạp Tệ**: tệ là lựa, nghĩa là đem lựa hay phẩm vật quý đến nhà gái, nói chung là đem đồ sinh lễ đến nhà gái trong ngày lễ cưới.

- **Lễ Thân Nghinh**: lễ đón dâu.

Sáu lễ kể trên về sau ta giảm xuống còn ba là lễ Sơ Vấn (chạm ngõ), lễ Vấn Danh (ăn hỏi) và lễ Thân Nghinh (đón dâu). Nghi thức cũng đã được thay đổi phần nào cho hợp với phong cách Việt Nam. Theo phong

tục của nước ta thì cả ba lễ này, trầu cau đều là lễ vật căn bản .

- **Lễ chạm ngõ:** nhà trai chỉ phải đem tới nhà gái vài gói trà, hai chai rượu và một nhánh cau cùng một xấp lá trầu (tất cả đều phải đi số chẵn). Theo tục lệ trong Nam thì ngoài trà rượu bánh mứt, nhà trai còn đem tới nhà gái một khay trên bày 2 cái chung (ly) nhỏ, 1 nậm rượu và 1 coi trầu tằm sẵn 4 miếng, để mời anh chị sui mà trực tiếp thưa chuyện giạm vợ cho con.

- *Chiếc khăn nhiễu tím đội đầu*

Quai thao, nón thúng, coi trầu cầm tay

Xu xê, bánh cốm, bánh dầy

Anh nhờ cả mẹ cùng thầy đưa sang.

Nếu cô dâu, chú rể tương lai chưa hề biết nhau thì đây chính là dịp họ được thấy mặt nhau, nên lễ này còn gọi là lễ xem mặt.

Người thiếu nữ từ ngày nhận trầu cau coi như đã là dâu con nhà người, tục ngữ có câu: “Miếng trầu nên dâu nhà người” là vậy.

Tuy nhiên lễ chạm ngõ không quan trọng mấy, vì dù sao mới chỉ là “giạm”, nghĩa là ướm hỏi trước giữa hai gia đình mà thôi. Do đó sau này vì lễ gì một bên muốn bãi bỏ thì cũng dễ dàng, chỉ cần thông báo cho bên kia biết chứ không phải thưa kiện, bồi thường gì. Thế nên tục ngữ lại có câu: “Miếng trầu chạm ngõ là miếng trầu bỏ đi”.

- **Lễ ăn hỏi:** trong Nam lễ vật quan trọng nhất kỳ này là trầu cau, rượu trà và cặp đèn cây để lễ gia tiên bên gái. Ở ngoài Bắc, xưa có lệ vào dịp lễ ăn hỏi, nhà gái chia phần trầu bánh cho bà con họ hàng, xóm giềng, bạn bè để báo tin lễ đính hôn chính thức của đôi trẻ; vì thế nhà trai phải dẫn cho đủ số trầu cau, trà bánh, nem trạo để nhà gái biếu xén.

Sau lễ ăn hỏi, hai gia đình mới bàn đến chuyện đám cưới. Theo phong tục xã hội Việt Nam xưa, nhà gái được quyền thách cưới. Ngoài vụ thách cưới áo quần, chăn chiếu, màn gối, nữ trang cho cô dâu, nhiều bậc cha mẹ còn đòi thách cưới cả tiền mặt để trang trải cỗ bàn thết đãi hai họ, cùng là ruộng vườn, trâu bò cho đôi vợ chồng mới ra riêng lập nghiệp. Nhiều chàng trai nhà nghèo, không theo được đành phải mất vợ.

- *Vấn tay với chẳng tới kèo*

Cha mẹ anh nghèo, cưới chẳng dặng em.

Từ lễ ăn hỏi đến lễ cưới khoảng một hai năm, người con trai phải sêu tết nhà vợ. Theo tài liệu trong Việt Nam Phong Tục của Phan Kế Bính thì bốn mùa xuân hạ thu đông, mùa nào thức nấy. Tháng ba thì sêu vải; tháng năm sêu dưa hấu, đường, ngỗng; tháng chín sêu cốm, hồng, gạo mới, chim ngói; tết sêu bánh mứt, cam bưởi. Không sêu mà xin cưới thì người ta cho là thiếu lễ.

- **Lễ đón dâu:** sáng sớm ngày lễ đón dâu, chính bà mẹ chồng đích thân mang một coi trầu, ngoài phủ khăn điều, trong đựng 6 miếng trầu, tượng trưng đủ 6 lễ, đem tới nhà gái để xin dâu cho trịnh trọng (nếu bà mẹ chồng mất sớm mới phải nhờ tới bà cô, bà bác hay người chị lớn của chú rể đi thay). Đồng thời báo cho nhà gái biết trước giờ phải đoàn nhà trai đến để sửa soạn nghênh tiếp.

Phái đoàn đón dâu gồm vị chủ hôn (phải là người trọng tuổi, vợ chồng song toàn, con cháu đê huê, kén chọn trong gia đình họ hàng chú rể), mặc áo thụng xanh cầm bó hương dẫn đầu, sau đến vợ chồng người mai dong, tiếp theo là đoàn người đội phù trang mang đồ sính lễ, gồm trầu, cau (nguyên buồng), trà rượu, bánh mứt, xôi

heo... Với người miền Nam còn phải thêm đôi đèn cây lớn, trạm rồng phượng và đôi bông tai (hoa con gái) cho cô dâu. Đoàn Chú rể và bà con đi sau chót.

Cặp đèn cây nhà trai đưa tới được thấp sáng trên bàn thờ gia tiên nhà gái, một phần lễ vật đem ra bày cúng. Sau khi lễ gia tiên (4 lạy, 2 vái) cô dâu chú rể lạy tạ cha mẹ vợ (2 lạy, 1 vái), đoạn đi chào ra mắt cùng mời trầu, mời thuốc chú bác, cô dì bên vợ . Thời điểm này cô dâu chú rể nhận được tiền phong bao và lời chúc mừng của họ hàng Xong xuôi, lễ vật, cỗ bàn được bung ra đãi đãi hai họ:

- *Anh hai đi cưới chị hai,
Mâm trầu, hũ rượu tốn hai mươi tiền.
Mua cặp lông đèn, hai họ cùng lên.
Ông cai, ông ký ngồi trên
Sui gia ngồi dưới, hai bên họ hàng.*

Mọi người ăn uống say sưa, chuyện trò vui vẻ; chờ tới giờ hoàng đạo (giờ tốt) mới đón dâu về nhà chồng.

Về tới đàng trai, cô dâu, chú rể lễ gia tiên (4 lạy 2 vái) trước rồi mới lễ tơ hồng (4 lạy 2 vái), chủ đích tạ ơn Nguyệt Lão đã xe duyên đôi lứa. Lễ tơ hồng cốt yếu có đĩa trầu cau, đĩa xôi gác trên đặt con gà trống thiến luộc, mỏ cắm một bông hồng đỏ và đôi bạch lạp.

Theo tài liệu của Đỗ Thị Kênh G, trên nguyệt san Thế Kỷ 21 số 88, thì lễ gia tiên cũng như lễ tơ hồng lúc này đều có bài bản sẵn. Có thể mỗi gia đình soạn một bài riêng, nhưng đại khái cũng không khác nhau là bao.

Thí dụ lễ gia tiên:

- *Cung cúc bái trước bàn thờ
Kính dâng lễ bạc hương hoa rượu trầu
Cùng là phẩm vật trước sau
Lòng thành tâm nguyệt thỉnh cầu gia tiên...*

Lễ gia tiên xong, cô dâu chú rể ra sân, quỳ trước bàn thờ Nguyệt Lão để lễ tơ hồng:

- *Cung duy tơ hồng... Nguyệt Lão thiên tiên
Xích thằng giao cầu kết nhân duyên.
Gối phượng, chân loan tung bùng đôi lứa
Chèo lan, lái quế êm ấm một thuyền ...*

Người chủ tế vừa hoàn tất việc xướng lễ, bái lễ, chú rể bước tới bàn thờ, nâng chung rượu uống nửa rồi trao cho cô dâu nhấp phần còn lại, đoạn nhón 2 miếng trầu trong cái đĩa đặt trên bàn thờ, chia cho cô dâu một miếng, xong hai người cùng ăn. Để kết thúc buổi lễ tơ hồng, người chủ tế nhắc hai cây bạch lạp trên bàn thờ xuống cho châu đầu vào nhau để hai ngọn lửa nhập làm một, đoạn thổi tắt, hàm ý vợ chồng từ nay sống chết cùng nhau, không rời bỏ nhau.

Sau lễ tơ hồng, cô dâu chú rể vào nhà lạy cha mẹ chồng (2 lạy 1 vái) cùng chú bác bên chồng, lại được tiền phong bao nữa.

Buổi tối, mâm cỗ lễ tơ hồng được hạ xuống cho cô dâu chú rể ăn chung.

Hôm sau ngày cưới gọi là ngày nhị hi hay ba hôm sau gọi là ngày tứ hi, cô dâu chú rể đem heo, xôi – sau này được thay bằng trà rượu – về bên ngoại cúng từ đường, thăm nhà và đi chào cảm ơn bà con cô bác.

Tục lệ thách cưới và dẫn lễ này không chỉ áp dụng trong dân gian mà ngay cả trong triều nội.

Theo tài liệu của Ông Tiến Hưng, đăng trong báo Thế Kỷ 21 số 84, cho biết, vua Thiệu Trị có em gái là công chúa Hương La, đến tuổi kén chồng. Các quan trong triều và hội đồng hoàng gia thấy ông Hoàng Kế Viêm đỗ cử nhân, 23 tuổi, là người hiền đức, lại là con cụ Hoàng Kim Xán, nổi tiếng hiếu hạnh, có bài vị thờ tại miếu Hiền Lương, nên đồng thanh tiến cử làm phò mã

và được chuẩn y (mặc dầu ông đã có vợ và có 1 con gái, đang sống cùng mẹ chồng tại làng Văn La, Quảng Bình). Đám cưới công chúa trước sau đủ 6 lễ rườm rà, mỗi lễ đều có lễ vật, tính chung gồm 2 mâm trầu cau, 2 trâu, 2 bò, 3 heo, 4 ché rượu, 2 cây gấm, 12 cây lụa, 10 nén vàng, 36 nén bạc và 2 chuỗi ngọc. Ngoài ra còn các thứ lặt vặt khác như 2 hộp chỉ ngũ sắc, 100 đồng tiền tượng trưng sự phú quý, 2 lá thiên tuế tượng trưng cho sống lâu, 2 con ngỗng thay cặp nhận ở xứ ta không có (chim nhận không lia đôi).

Nghi lễ ấn định như thế, nhưng sau Bộ Bình và Bộ Lại tâu lên vua về gia cảnh nhà trai nên nhà vua chấp nhận mọi chuyện chi phí về hôn lễ sẽ do công bố đài thọ.

Từ nửa đầu thế kỷ XX trở đi, các nghi lễ cưới xin nào quá rườm rà và không hợp lễ đã bị nhiều nhà văn, nhà báo tiến bộ như nhóm Phong Hóa, Ngày Nay... viết sách viết báo đã kịch liệt. Như chuyện thách cưới chẳng hạn, sự đòi hỏi quá lộ của nhà gái có khác gì bán con? Khẩu ngữ “gả bán” cũng từ đây mới có. Nhiều nhà trai nghèo phải vay nợ để cưới dâu nên đem lòng oán hận, cưới được dâu về rồi cha mẹ chồng mới hành hạ cho đáo đẽ:

- *Mát tiền mua mâm*

Bà dâm cho thúng.

Chỉ vì cha mẹ tham của hay vì chút tư ái, thích huênh hoang với xóm làng, ra cái điều con gái ta cao giá mà để cho con phải chịu đọa đày. Đã vậy, hai vợ chồng trẻ còn phải làm việc công lưng, trâu vầy để trả nợ cưới mà mãi vẫn không xong.

Những tục lệ nào phiền nhiễu và vô lý như thế, không chỉ bị đả kích mà còn vì xã hội đã có nhiều đổi thay, chiến tranh kéo dài, kinh tế khó khăn, tiềm ẩn mầm mống tiêu cực nên chúng đã phải suy giảm rõ

rệt. Tuy nhiên ở ngoài Bắc trước năm 1954, và ở trong nam trước năm 1975, lễ ăn hỏi vẫn còn giữ lại tục lệ chia trầu cau, trà và bánh mứt (thường là bánh dày bánh chưng, sau mới đổi ra bánh xu xê – (còn gọi là bánh phu thê) – hay bánh quế, bánh cốm, mứt sen...cho bà con họ hàng, xóm giềng và bạn bè. Tất nhiên nhà nào nghèo thì chỉ cần chia trầu cau với gói trà nhỏ cũng đủ.

- **Tục ở rể**

Xưa kia trong Nam không có tục chia trầu cau thì lại có tục ở rể. Trong khoảng thời gian từ lễ giạm đến lễ cưới kéo dài hai ba năm, người con trai phải về nhà vợ ở rể, giúp đỡ cha mẹ vợ mọi việc khi được yêu cầu, thường là những công việc nặng nhọc như cày cấy, tát nước, dọn nhà, đào giếng... ăn uống thì lại kham khổ khiến nhiều chàng đã phải than thở:

- *Trời mưa cho ướt lá khoai*

Công anh làm rể đã hai năm ròng

Nhà em lắm ruộng ngoài đồng

Bắt anh tát nước cực lòng anh thay

Tháng chín mưa bụi gió bay

Cát lầy gàu nước chân tay rụng rời!

Chẳng qua chàng trai này vì nhà nghèo, không đủ điều kiện cưới vợ nên khi ở rể phải làm những công việc nặng nhọc để đền bù, có vậy nhà gái mới chịu gả con. Trái lại, chàng trai nào chữ nghĩa lâu thông thì chẳng những nhà vợ nể vì mà còn được phục dịch là đấng khác:

- *Ham chi rể học hơn người*

Ngồi trên phản vọng còn đòi lửa lư.

(phản vọng là phản kê ở gian giữa, lửa lư là lửa than trong cái đỉnh nhỏ, dùng để mỗi thuốc hút)

Như thế ai dám bảo cứ “ở rể” là khổ ?!

LÁ THU

**Lá vàng như gợn bóng thời gian
Được mấy mùa xanh vội úa tàn
Có phải mưa chan trời cổ quận
Hay vì gió cuốn nẻo quan san?
Cơn sầu lã chã bên thêm mộng
Nỗi nhớ rưng rưng giữa phím đàn
Xác rã thân mòn theo tuế nguyệt
Mà tình non nước dễ nào tan!**

nguyễn vô cùng

- Tục nộp cheo

Ở xứ ta những tục lệ liên quan tới việc cưới xin thì ngoài những lễ nghi đã trình bày ở trên, còn một tục lệ rất đặc biệt và cũng rất quan trọng là tục nộp cheo (tục này không có ở Trung Hoa).

- *Nuôi lợn thì phải vớt bèo*

Cưới vợ thì phải nộp cheo cho làng.

Nộp cheo là gì? Khi người con trai muốn cưới vợ thì phải nộp một khoản tiền hay vật liệu cho làng xã bên người con gái (gọi là cheo ngoại) để chứng thị lễ hôn nhân, rồi xin tờ cheo ở Lý trưởng trong làng, tương tự như tờ hôn thú ngày nay.

Muốn cảm ơn những hương chức đã xét và đã chấp nhận cuộc hôn phối của họ là phải phép, người con trai ngoài tiền nộp

cheo còn phải dẫn thêm xôi thịt, trâu cau, trà rượu để khao đãi các vị.

- *Ông xã đánh trống thành thành*

Quan viên mũ áo ra đình ăn cheo.

Bằng chưa nộp cheo, chưa khao đãi thì dù đám cưới đã được cử hành trọng thể giữa hai họ đến thế nào, làng cũng không cần biết, và coi đôi trẻ như chưa thành vợ, thành chồng.

- *Ai chồng ai vợ mặc ai*

Bao giờ ra bảng, ra bài sẽ hay.

Bao giờ tiền cưới trao tay

Tiền cheo rấp nước mới hay vợ chồng.

Cuộc nhân duyên không nộp cheo sẽ không có gì là vững chắc vì không được làng bảo vệ:

- *Có cưới mà chẳng có cheo*

Nhân duyên trắc trở như kèo không đình.

Trai gái cùng làng lấy nhau thì tiền cheo có được giảm bớt (gọi là cheo nội).

Lệ nộp cheo này có xuất xứ từ tục “lan nhai”, tức tục bện trẻ trong làng nhà gái giăng dây tơ hồng (lụa đỏ) ở công hay trên đường làng để đón mừng hôn lễ, có nơi còn đốt pháo. Để cảm ơn, nhà trai mời trâu và thường tiền. Dây được cởi ra, đoàn đón dâu tiếp tục lên đường. Về sau nhiều người có ý đồ bất chính, họ giăng dây làm trở ngại đường đi với mục đích vói tiền. Tiền không nộp đủ, họ không cởi dây cho đi, hoặc họ cắt dây và nói những lời không hay. Nhà trai sợ xui, đồng thời sợ trễ giờ tốt, cứ phải nộp tiền hết chạng này đến chạng khác. Tục “lan nhai” trở thành một tục lệ xấu. Triều đình thấy vậy ra lệnh bãi bỏ và thay vào đấy, cho phép làng được thu tiền cheo. Tiền này sẽ được làng chi dùng vào những việc công ích.

Phạm Thị Nhung (Paris)

Câu chuyện Tự Lực Văn Đoàn, và những điều chưa nói

PHẠM THẢO NGUYÊN

Mục đích bài biên khảo này là tìm hiểu việc xây dựng báo Phong Hoá Ngày Nay và Tự Lực Văn Đoàn trong suốt thập niên 1930, đưa đến việc hiện đại hoá nghề báo và thúc đẩy nguyên một cuộc cách mạng văn chương, văn hoá Việt Nam. Đồng thời khám phá sự thực về đời sống của thành viên Tự Lực Văn Đoàn, cái phần lâu nay vẫn bị hiểu lầm.

Cuối thập niên 1920, Nguyễn Tường Tam đi Pháp du học ba năm, đỗ cử nhân giáo khoa Vật Lý, đồng thời tìm học thêm nghề báo, xuất bản, in ấn, và tham khảo văn chương các nước. Đối với ông văn bằng cử nhân chỉ dùng để dạy học kiếm sống khi cần, và là cái cơ để xin chính phủ thuộc địa cho đi du học, phân học thêm mới thật quan trọng. Ông hiểu sâu sắc rằng chỉ có báo chí và văn học mới giúp dân trí chóng tiến hoá, nên trước đó đã bỏ nửa chừng việc học Y khoa và Mỹ thuật. Chẳng khác người anh cả của làng báo Việt Nam Nguyễn văn Vĩnh, từ đầu thập niên 1920 đã mang hết cuộc đời đi mở mang báo chí và dịch tài liệu từ nhiều thứ tiếng sang tiếng Việt, để giúp dân nâng cao kiến thức, hiểu biết thế giới bên ngoài. Ông Vĩnh từng nói: “Nước Nam ta sau này hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ».

Về nước, ông Tam đi dạy trường tư thực Thăng Long của Phạm Hữu Ninh, chờ thời.

Sau khi xin ra báo không xong, gập lúc báo Phong Hóa của ông Ninh sắp đình bản vì ế ẩm, không người đọc. Ông Tam xin mua tờ Phong Hoá, nghĩa là mua cái tên báo, cái giấy phép ra báo, rồi thay đổi toàn bộ ban biên tập: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam làm chủ bút, với hai người bạn: Khải Hưng Trần Khánh Giur, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, cùng hai em: Tứ Ly Nguyễn Tường Long và Việt Sinh Nguyễn Tường Lân.

Ngày 22/09/1932 báo Phong Hóa số 14 của nhóm Nguyễn Tường Tam ra đời, là tờ **báo trào phúng** đầu tiên của Việt Nam. Mục đích là:

Bàn một cách vui về các vấn đề cần thiết: Xã hội, chính trị, kinh tế- nói rõ về hiện tình trong nước...

Nhờ **tính thời sự và giọng trào lộng châm biếm** với tư tưởng phóng khoáng về văn học, nghệ thuật, tờ báo lập tức nổi tiếng.

Đó chính là khởi đầu **tinh thần dân chủ mở rộng và bình đẳng trong tư tưởng, văn chương, báo chí** của cuộc cách mạng chữ nghĩa Việt Nam thế kỷ 20, mà chúng ta còn được hưởng tới ngày nay.

Nhất Linh hiểu rõ là dân chúng chán ngấy văn chương, báo chí cổ, chỉ đều đều một giọng mô phạm dạy đời, họ chờ đợi một tờ báo có tinh thần mới, phù hợp với nhu cầu muốn biết, muốn hiểu, muốn tiến về đời sống đang thay đổi mạnh mẽ. Cho nên Phong Hoá làm một cuộc lột xác báo chí: báo ngày càng gần gũi đời thường, qua

những bài bình luận về thời sự, kinh tế, xã hội, chính trị mới mẻ sắc sảo, và những bài phóng sự điều cốt rất được chờ đón.

Với dòng văn học nhẹ nhàng dễ đọc, dẫn đầu bởi Khải Hưng và Nhất Linh, Phong Hoá thay đổi sâu xa chữ nghĩa, câu văn Việt Nam với những tiêu thuyết ngắn, dài, kịch, thơ mới.... Tất cả được lồng trong hình thức mỹ thuật hay, lạ, dí dỏm, có duyên, với những truyện vui, văn vui, những bức tranh khôi hài. Một loạt nhân vật hoạt kê trào phúng được sáng tạo: Lý Toét, Xã Xê, Bang Bạnh... Lúc đầu chỉ có Đông Sơn (Nhất Linh) và Tứ Ly vẽ minh hoạ, về sau là do những hoạ sĩ hàng đầu, tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Đông Dương phụ trách.

Với tinh thần rộng mở vui vẻ, tinh nghịch tạo không khí trẻ trung yêu đời, Phong Hoá Ngày Nay dần trở thành món ăn tinh thần mới, không thể thiếu của dân chúng khắp nơi. Số báo phát hành tăng vọt, vượt trên 5000, rồi trên 10 000, những con số chưa từng có trong lịch sử báo chí.

Hai nhân tố làm cho Phong Hoá Ngày Nay nổi bật lên chính là: *Sức trẻ tiên phong về văn học nghệ thuật và tinh thần chiến đấu trên mặt trận văn hoá kiên chính trị*. Ta thấy ở đây cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm nhận **đầy tinh thần đổi mới** vì sự tồn vong và tiến bộ của dân tộc, **đầy khí huyết của lớp nhà văn** khao khát kéo đất nước đến với trào lưu chung của thế giới. Tóm lại, Phong Hoá Ngày Nay là **cái mới, hứa hẹn điều tốt đẹp cho Việt Nam**, vì vậy đã lôi cuốn hấp dẫn được trí thức và tầng lớp trung lưu đến thế.

Không lâu sau, Nguyễn Thế Lữ, một cây viết trẻ, đã có ít nhiều thành tựu về thơ văn, về hợp tác với Phong Hoá. Ngay khi thấy nhân sự đã đầy đủ, báo đã vững vàng, Nhất

Linh đề nghị **thành lập Tự Lực Văn Đoàn**, một loại «hạt nhân», để giúp đỡ che chở nhau cùng tiến lên, tự lập, không dựa vào ai khác «*Nguyên tắc là làm ăn dựa trên sức mình, theo tinh thần anh em một nhà, tổ chức không quá mười người nên không phải xin phép nhà nước, không cần có văn bản điều lệ: lấy lòng tin nhau làm cốt, chỉ nêu ra trong nội bộ, mục đích, tôn chỉ, anh em tự giác tuân theo*». (theo Tú Mỡ (1)), (Lúc đó Pháp trợ cấp cho Nam Phong của Phạm Quỳnh 600fr mỗi tháng, Trung Bắc Tân Văn 500fr mỗi tháng, trong khi một lạng vàng giá 30fr).

Tự Lực Văn Đoàn thành lập vào **trung tuần tháng 7/1933**, gồm toàn bộ nhân viên toà soạn Phong Hoá: Nhất Linh, Khải Hưng, Tứ Ly (Hoàng Đạo), Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ. Trên Phong Hoá số 56 vào ngày 22 tháng 7-1933, nhóm chữ-Tự Lực Văn Đoàn đã xuất hiện lần đầu tiên trong hai khung quảng cáo sách Hồn Bướm Mơ Tiên, và Vàng và Máu :



Vì «*Không cần có văn bản điều lệ: lấy lòng tin nhau làm cốt*», cho nên lúc đầu

Văn Đoàn không công bố tôn chỉ. Nửa năm sau, mới đưa ra trên báo Phong Hoá số #87 ngày 2/3/1934. Điều này không do ý muốn của văn đoàn mà vì bị bên ngoài hỏi thăm nhiều quá. Đó là:



1-Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài, nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi : mục đích để làm giàu thêm văn sản trong nước.

2-Soạn hay dịch những cuốn sách có giá trị xã hội, chủ ý làm cho Người, cho Xã hội ngày một hay hơn lên.

3-Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân, và cố động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.

4-Dùng một lối văn giản dị dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính cách Annam.

5-Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời. có trí phấn đấu và tin ở sự tiên bộ

6-Ca tụng những nét hay, vẻ đẹp của nước mà có tính cách bình dân, khiến cho

người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân. Không có tính cách trường giả, quý phái.

7-Trọng tự do cá nhân.

8-Làm cho người ta biết rằng đạo Không hợp thời nữa.

9-Đem phương pháp khoa học thái tây ứng dụng vào văn chương Annam.

10- Theo một điều trong chín điều này cũng được, miễn là đừng trái ngược với những điều khác.

Hiện nay, căn cứ trên Di Cảo «**Đời Làm báo**» của Nhất Linh, được gia đình ông cho công bố. Chúng tôi xác định :

Thành viên Tự Lực Văn Đoàn:

Ngoài sáu vị đầu tiên, không ai bàn cãi. Trên Di Cảo chỉ một mình Xuân Diệu có thêm hàng chữ «**Có chân trong Tự Lực Văn Đoàn**». Vậy, thi sĩ Xuân Diệu là thành viên thứ bảy.

Những trường hợp dư luận có nghi vấn:

* Đỗ Đức Thu: Nhất Linh đã chính thức gửi thư mời, nhưng ông từ chối, vì không muốn bị ràng buộc vào tôn chỉ của bất cứ văn đoàn nào.

* Họa sĩ Nguyễn Gia Trí cũng như các họa sĩ khác, đều không thuộc Văn Đoàn vì không phải là nhà văn, tuy các ông làm việc sát cánh trong toà soạn Phong Hoá Ngày Nay nhiều năm.

* Cuối thập niên 1950 tại Saigon, ba nhà văn Duy Lam, Tường Hùng và Nguyễn thị Vinh, được Nhất Linh lựa chọn dự bị cho nhập văn đoàn, nhưng việc không thành.

Các nhà văn của Tự Lực Văn Đoàn cùng nhau làm việc rất hăng hái suốt gần một thập kỷ, trong tinh thần anh em bình đẳng, không ai làm chủ, mỗi người bắt buộc làm chủ bút trong 6 tháng, khiến Tự Lực trở thành một văn đoàn kiểu mẫu chưa ai so sánh được (chỉ Tú Mỡ và Xuân Diệu không làm việc toà soạn) . Nhờ con mắt tinh đời của Nhất Linh, các thành viên được mời đều là những tài năng độc đáo xuất sắc hiếm có. Và nhờ tinh thần dân chủ, đậm chất thân ái kính trọng nhau, đã tạo nên một tinh thần bền chặt khiến mỗi thành viên đều hăng hái làm việc hết mình, tài năng ngày càng nảy nở.

Sự nghiệp văn chương lừng lẫy của họ đã được nhiều nhà phê bình công nhận. Khải Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam được ca tụng là những nhà văn hàng đầu, mở đầu cách viết văn mới, tiểu thuyết mới. Thế Lữ, Xuân Diệu là những thi sĩ sáng chói, tiên phong, xây dựng phong trào thơ mới. Trong khi lôi viết trào phúng hoá chính trị; hải hước đen tố cáo thực tế khốn cùng của dân nghèo, cùng những lời thúc dục tuổi trẻ tiến lên theo mới, thay đổi xã hội của Hoàng Đạo, đã làm rung động bao trái tim thanh niên thuở đó.

Báo Phong Hoá và Ngày Nay được dân chúng hoan nghênh, tinh thần yêu tiếng Việt, yêu dân tộc được xây đắp, ắp tàng lòng yêu giống nòi, yêu đất nước. Đề tiến tới mục đích nâng cao dân trí, xây dựng tinh thần cho dân chúng, và mong mỗi người Việt trí thức nhìn ra tương lai của dân tộc mình, cũng như sửa soạn cho ngày đất nước thoát khỏi ách nô lệ; trong những năm về sau, nhất là từ khi Mặt trận bình dân lên nắm chính quyền ở Pháp, Phong

Hoá đưa ra nhiều loạt bài như Công dân giáo dục, Trước vành móng ngựa, Thuộc địa ký ước,... cũng như viết những lá thư gửi những người Pháp có tinh thần rộng rãi, công bình, hiểu những bất công dân thuộc địa phải gánh chịu.



Tranh bà kiểm duyệt (Nguyễn Gia Trí).

Những ngón đòn kiểm duyệt của Pháp :

Lẽ dĩ nhiên, thực dân muốn điều ngược lại vì quyền lợi của họ, nên luôn luôn rình rập sơ hở để đóng cửa báo. Vì vậy, muốn sống sót để tiếp tục nghĩa vụ của mình, thì phải che dấu hết sức khéo léo. Ngoài những bài viết bị Kiểm Duyệt xoá trắng trợn đầy trên báo, Tự Lực Văn Đoàn đã từng ném trái những điều đứng như sau:

1) Phong Hoá bị phạt đình bản 3 tháng, từ ngày 24/5/1935. Hồ sơ Mật vụ ở Aix en Provence, nơi tàng trữ những tài liệu thời thuộc địa của Pháp, cho thấy: Báo Phong Hoá bị phạt 3 tháng vì giễu nhại các quan lại Nam Triều.

2) Sau Phong Hoá số 190 ngày 5/6/1936, báo bị đóng cửa rút giấy phép vĩnh viễn, không lý do. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân cuối cùng đưa đến hình phạt tối hậu này là do bức tranh « Tam anh chiến nhất Bồ » trong số báo này.

Sau bao năm tháng chơi mèo rình chuột, thực dân Pháp cho rằng Phong Hoá đã dám hé tới điều cấm kỵ: Trong bức tranh này, Lý Toét, biểu hiệu dân tộc Việt, đang bị ba con chó tấn công xâu xé, mà con dân không hiểu, đứng reo hò bên cạnh! Những con chó đó là kẻ thù của dân Việt, là « mầu quốc » chứ ai! Báo đã ra lọt, độc giả dân chúng thời đó, cũng như hậu thế chúng ta sau này, đã được coi tranh. Nhưng Phong Hoá không thoát khỏi sự trả thù của Tây, đã bị đóng cửa hẳn.

(Bức tranh không có chữ ký, có nghĩa là họa sĩ vẽ theo ý kiến của cả toà soạn. Ngoài ẩn ý chính trị chửi Tây, tiêu đề « Tam anh chiến nhất Bồ » còn là một ý tưởng đùa giỡn trong văn chương tuyệt hay. Tam anh chiến Lã Bồ là tên trận đùng chiến của đại tướng Lã

Bổ chống lại ba anh hùng Lưu Quan Trương trong sử Tàu thời Tam Quốc. Chỉ cần “nói trọ” đi một chữ “Lã” thành “Nhất”, thì các anh hùng trong sử Tàu hoá thành Lý Toét đánh nhau với 3 con chó ngay!).



Tam anh chiến nhất Bồ



Nhất Linh đoán biết sẽ có ngày Phong Hoá bị giết chết. Nên đã phòng hờ. Ông nhờ anh ruột là Nguyễn Tường Cẩm, một công chức, xin ra báo Ngày Nay từ 31/1/1935. Ban đầu, báo Ngày Nay rất hiện lành, chuyên về văn hoá, thử nghiệm ảnh mỹ thuật và phóng sự thực tế. Tuy lỗ vốn, báo vẫn được giữ cho sống lại dai tới khi Phong Hoá mất. Lập tức, toàn lực Tự Lực Văn Đoàn và cộng sự viên quay sang làm việc cho Ngày Nay, làm Ngày Nay trở thành một Phong Hoá thứ hai, lừng lẫy, hiện đại hơn nữa.

3/ Ngày 7/1/1939 Nguyễn Gia Trí vẽ tranh bìa Lý Toét biểu gà cho quan tây trên bìa báo Ngày Nay số #144, cho hợp với biểu hiệu « con gà sống (trông)» của Pháp, (cocorico), mà hoạ sĩ xuýt bị kiện tù, chủ báo Nhất Linh bị khiển trách. Lý do: Nói cạnh quan tây thích gái (tiếng Pháp: gà mái= “poule”).

4/ Ngày Nay bị đình bản một tháng, sau tờ Ngày Nay số #206, ngày 6/4/1940. Lần này do một bức tranh chửi thực dân của Nguyễn Gia Trí đăng trong phụ bản. (Hiện nay, chúng tôi không có tài liệu này).

5/ Cuối cùng, sau số 224 ngày 7/ 9/1940, Ngày Nay bị rút giấy phép, đóng cửa vĩnh viễn, không lý do.

Thế mà thời nay có những nhà phê bình viết rằng Tự Lực Văn Đoàn không biết ai là kẻ thù của dân tộc, không biết đả kích Tây, quả thật là quá ngây thơ.

Dưới đây là một tấm ảnh quý hiếm Đồi Lim chụp năm 1938. Có 4 thành viên của Tự Lực, và 2 người bạn. Có chữ chữ ký của

Thế Lữ viết đề tặng Xuân Diệu 1938 (Nguồn: Cù Huy Hà Vũ).



Từ phải sang trái: Đứng: Hoàng Đạo + một người bạn. Ngồi: Khải Hưng, Thế Lữ, Xuân Diệu + một người bạn. Hai người bạn trong ảnh, chúng tôi không biết là ai, nhưng chắc chắn không phải Nhất Linh, hay Thạch Lam, hay Nguyễn Gia Trí.

VỀ NHẤT LINH, THỦ LĨNH VĂN ĐOÀN TỰ LỰC,

Nhất Linh là một văn hào viết văn đầy hứng thú, đầy tài năng. Gặp đúng lúc văn chương Việt Nam mạnh nhen từ đầu thế kỷ 20, đang bắt đầu hiện đại hoá, cái nhìn rộng lớn của ông đã giúp văn học Việt Nam chuyển hoá từ cổ điển tới hiện đại vô cùng nhanh chóng. Không có một tác giả nào có tác phẩm đi qua đủ các thể loại tiểu thuyết rõ ràng bằng Nhất Linh: Từ phong thái cổ kính của những năm 1932 và trước đó, như Nho Phong, Người Quay Tơ, tới tiểu thuyết luận đề xã hội cũ mới với Giác Mộng Từ Lâm, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, qua Năng Thu lãng mạn ly kỳ rất được lòng độc giả,

chuyển tới tâm lý xã hội với Bướm Trắng, Đồi Mưa Gió (viết chung với Khải Hưng), rồi tiểu thuyết không cốt truyện Đồi Bùn, ... và sau cùng là hiện đại với Bèo Giạt, Xóm Cầu Mới. Đúng là chính Nhất Linh đã mở đầu, sau đó là cả Văn học Việt Nam tiến tới, xông pha vào những bộ môn mới của văn chương cùng thế giới.

Thêm nữa, giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn đã kích thích hoạt động văn hoá trong nước, tạo thêm người viết, văn sản trong nước và có su hướng khuyến khích người viết đi vào các bộ môn chưa được biết đến. Thế Lữ từng nói: “Anh Tam dậy tôi nhiều điều. Giác mơ của anh lớn quá...”

Nhất Linh, người điều hành Phong Hoá Ngày Nay,

Nhất Linh điều khiển báo Phong Hoá, Ngày Nay và nhà xuất bản Đồi Nây đặc biệt xuất sắc, có phương pháp, có nghề, làm các báo đối thủ không sao chèn chân được. Ông có **con mắt tinh đời**, nhận xét rất xác đáng tài năng, sở trường của từng tác giả, tìm được nhân tài, cũng như giao phó trách nhiệm rất đúng người, đúng việc. Điều này giúp các cộng sự viên tin tưởng theo đuổi sự nghiệp của mình đến cùng. Nhất Linh thường không ép buộc mọi người phải theo ý kiến của mình, chỉ khuyến khích. Theo nhiều người kể lại mỗi khi ông có một ý tưởng, một dự án nào đó, thường tìm đến người thích hợp nhất, cùng bàn luận suy nghĩ làm chung, khi việc chạy tốt, ông giao hẳn cho người công sự, còn ông đi sang một dự án khác. Như nhiều truyện ngắn, truyện dài lúc đầu có hai tên tác giả, nhưng sau chỉ còn một tên. Tuy nhiên, có khi ngược lại: Hình tượng Lý Toét, lúc đầu do Đông Sơn « đẻ » ra, sau có vô số người vẽ tiếp!

Nhất Linh có rất nhiều ý tưởng mới với những quyết định đặc biệt. Ngoài ý kiến tuyệt vời là mua lại báo Phong Hoá cũ, và ra thêm tờ báo Ngày Nay phòng hờ, ta có thể kể một vài:

1* Thành lập Tự Lực Văn Đoàn. Đó là việc ông hài lòng nhất trong suốt cuộc đời văn chương của mình.

2* Khuyến Khải Hưng đổi loại viết từ nghị luận sang tiểu thuyết. Kết quả: Cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên là cuốn thử tay của Khải Hưng, cũng là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của văn đoàn Tự Lực, đã được độc giả hoan nghênh nhiệt liệt. Còn chúng ta được một văn hào thay đổi cả cách viết văn, viết truyện Việt Nam.

3* Đề nghị Tú Mỡ chỉ nên tập trung viết thơ trào phúng trong Mục *Dòng Nước Ngược*. Nhờ đó Tú Mỡ phản ứng rất nhạy bén dí dỏm trước mọi diễn biến thời sự. Được nhiều thế hệ yêu thích, Tú Mỡ nổi tiếng một thời, như một Tú Xương đời mới, lại có dạng Hồ Xuân Hương!

4* Sáng tác ra hình tượng Lý Toét, tượng trưng cho quốc hồn quốc túy Việt nam, một nhân vật hý lộng đi vào văn học sử. Đông Sơn, Nhất Linh vẽ tranh Lý Toét trước hết để vui cười, sau để diễu nhại những thói hư tật xấu, hủ lậu, mê tín, tham lam ích kỷ... của dân ta, để sửa mình. Nhưng quan trọng hơn hết là để phê bình các quan tham, thúc dục họ làm việc đắc lực cho dân cho nước, sửa soạn lòng dân cho việc tranh đấu đòi độc lập sau này. Hay hơn nữa, Nhất Linh không giữ tác quyền Lý Toét riêng mình, mà rủ tất cả các họa sĩ trong và ngoài toà soạn cùng vẽ. Ông tạo ra những cuộc thi vẽ tranh Lý Toét để có thêm hứng thú, thêm ý tưởng, thêm bạn và mở rộng ảnh hưởng của Lý Toét.

5* Thành lập An Nam xuất bản, Cục Xuất Bản (Société anamite d'Édition) (1933). Đến 1934 đổi tên là Đồi Nay. Xin độc giả lưu ý, các **Nhà Xuất Bản thường không có nhà in**, họ chỉ đưa tác phẩm cho các nhà-in-ngoài như Lê văn Tân, Tân Dân, Thụy Ký... in thành sách, rồi mang về bán (bây giờ vẫn vậy). Vì vậy tiền lời chui vào túi các đầu nậu giấy, chủ nhà in, các ông tư bản, gần hết. Anh em Nhất Linh hiểu chuyện đó, nên nhất định để dành vốn đầu tư mua nhà in. Việc mua nhà in còn xa, chúng tôi sẽ nói tới sau.

Thoạt đầu An Nam xuất bản các tác phẩm của các thành viên Tự Lực. Theo cách in tại các nhà in ngoài rồi mang về bán (ngay các báo Phong Hoá Ngày Nay cũng vậy). Sau đó xuất bản cả sách của các bạn văn ngoài văn đoàn, như Vũ Trọng Phụng, Hoạ Sĩ Cát Tường, HS Trần Bình Lộc, Vũ Hoàng Chương... Từ đó ra sách và bán sách ngày mỗi nhiều, tới 5 vạn bản một năm, mỗi cuốn sách in khoảng 5 ngàn bản. Nổi tiếng đất khách chẳng kém gì Phong Hoá Ngày Nay, Đồi Nay là nhà xuất bản đầu tiên của nước ta chia lãi cùng tác giả, để các tác giả vẫn được giữ bản quyền, khỏi bị bóc lột như khi bán tác quyền cho con buôn sách.

Trên thị trường lúc đó, khi một tác giả có tác phẩm văn chương muốn xuất bản, phải đưa cho một nhà in hay một hiệu sách, họ thường bị ép bán đứt bản quyền với giá rẻ mạt. Đó là một cách: *“chiếm đoạt tư tưởng của người ta, cả một quãng đời niên thiếu của người ta, vì theo hợp đồng hai bên đã ký thì những tác phẩm kia đã nghiêm nhiên trở nên vật sở hữu của ông buôn chữ rồi!”* !.Rồi (sách) mãi mãi là của họ, của con cháu họ, nó sẽ là di sản của nhà họ. Thực, *hạng buôn người cũng không tàn nhẫn*

bằng hạng buôn chữ... mà khắp trong nước không có lấy một nhà xuất bản sách- xuất bản sách theo như các nước văn minh, nghĩa là để tác giả được hưởng chung lãi, mà vẫn được giữ bản quyền về cuốn sách đã soạn” (4)(Nhị Linh Khải Hưng, *Viết Sách, Xuất Bản Sách*).

6* Đưa tiêu thuyết trình thám lên báo Việt ngữ và tìm ra người sẽ viết thành công những tiêu thuyết đó. Theo chuyện kể trong gia đình Thế Lữ:

Bạn có biết tại sao Thế Lữ viết truyện trình thám không?

- *Đơn giản lắm. Hội ấy báo bắt đầu giảm số lượng phát hành, chính Nhất Linh nghĩ rằng phải viết truyện trình thám cho người ta đọc, và Thế Lữ là người có khả năng làm việc đó. Hết chuyện.*

Sau đó, không chỉ có báo Phong Hoá đăng tiêu thuyết trình thám, mà các báo chí Việt cùng nhiều văn sĩ khác cũng theo chân. Theo các nhà phê bình có hai nhà văn viết truyện trình thám nổi nhất thời đó là Phạm Cao Củng và Thế Lữ. Nhưng Lê Phong phóng viên của Thế Lữ có phần được yêu mến hơn Kỳ Phát.

7* Đưa lên báo vấn đề cải cách y phục phụ nữ Việt Nam, giao cho Nguyễn Cát Tường, một hoạ sĩ còn rất trẻ, 22 tuổi, phụ trách. (Nhất Linh cũng vẽ vài mẫu áo). Thế là các bà các cô có Áo dài Lemur, một chiếc áo thay đổi cách ăn mặc của phụ nữ, và làm chúng ta thật hãnh diện.

8* Thiết lập Hội Ánh Sáng, cùng các kiến trúc sư “Tiếp và Luyện” xây dựng “Nhà ánh sáng” thoả đáng hợp vệ sinh cho người nghèo, thay thế nhà ổ chuột...Mời gọi các nhà hảo tâm tới họp, làm việc xã hội tập thể tại nhiều tỉnh thành của Việt Nam. Việc này đã gây một phong trào lớn

trong nước, dân chúng chung lòng làm việc giúp người nghèo, như tham gia các việc cứu trợ cho các nạn nhân thiên tai, bão lụt hàng năm, cũng như các tai nạn lớn, tới cả giúp nạn đói năm 1945.

9* Đăng những bản nhạc mới đầu tiên của Tân Nhạc Việt Nam lên báo Ngày Nay, giúp các nhạc sĩ trẻ tiên phong phổ biến tác phẩm tới quảng đại quần chúng, giúp phong trào lan rộng. Ngày nay chúng ta có được cả một nền Tân nhạc to lớn thật đặc biệt.

10* Lập trò chơi văn chương cổ điển “Câu Đối” dưới dạng “Thách đối” cũng do Thế Lữ phụ trách, làm điền đầu biết bao người đọc!

Nhân đây, tôi xin kể lại một câu chuyện xảy ra cho chính tôi:

Khoảng hai năm trước đây, được biết tôi có trong tay một bộ báo Phong Hóa, Ngày Nay cũ, đang cùng các bạn hữu tìm kiếm cho đủ, làm số hóa từng trang, sửa soạn đưa lên mạng cho tất cả mọi người cùng đọc. Một người bạn, học giả Cao Huy Thuân, người đã được đọc toàn bộ Phong Hoá Ngày Nay trong tủ sách gia đình từ trước năm 1946, viết cho tôi:

“Tôi không ngờ chị giữ được của quý văn hóa đó cho đến nay. Vậy tôi xin đố chị:

Ngày Nay đã ra câu đối này trong số nào: "Ngày Nay ngày nay in nhà in nhà"

Câu đố này đọc lên rồi tính, thật ra có nghĩa là:

(Báo) Ngày Nay ngày (hôm) nay, in (tại) nhà-in (của) nhà.

Nhận được thư, tôi ngẩn người, tự hỏi: Làm sao có thể tìm nổi một câu đối trong 224 số báo Ngày Nay, mỗi số lúc đầu là 16 trang, sau tới hơn 24 trang? Nên đành xin hàng, với lý do: “*Thời gian báo Ngày Nay*

phát hành thì tôi... chưa sinh ra đời, nên bây giờ mù tịt, không biết tìm ở đâu.”

Hôm sau, tôi nhận được một thư dẫn:

“...Cho tới hôm đó, Ngày Nay phải mang đi in tại một nhà in. Sau một thời gian, xu hào rùng rình, Ngày Nay tậu được máy in, in ấn ngay tại nhà in của mình. Cho nên hôm đó là một ngày có thể gọi là vinh quang. Trí nhớ tôi bây giờ đã bắt đầu khập khiễng, nhưng hình như câu đối "Ngày Nay ngày nay in nhà in nhà" được phổ trương như một chiến công, đánh dấu một trang sử mới của tờ báo.

Chuyện chẳng có gì, nhưng cái gì trong Ngày Nay cũng đều có duyên như thế. Tự Lực Văn Đoàn là một cách mạng ngôn ngữ mà hậu thế ghi ơn đời đời...”

Thế là nhờ được “mách nước”, tôi biết cách đi tìm câu thách đối trong núi báo Ngày Nay cũ. Kết quả là: Trên tờ Ngày Nay số 208, ra ngày 18/5/1940, có câu đố nói trên, trong 2 thông báo, và Ngày Nay số #209 ra ngày 25/5/1940 là tờ báo đầu tiên in tại nhà-in Ngày Nay.

Vì « *Không cần có văn bản điều lệ: lấy lòng tin nhau làm cốt* », cho nên lúc đầu Văn Đoàn không công bố tôn chỉ. Nửa năm sau, mới đưa ra trên báo Phong Hoá số #87 ngày 2/3/1934. Điều này không do ý muốn của văn đoàn mà vì bị bên ngoài hỏi thăm nhiều quá. Đó là:

Báo Phong Hóa và Ngày Nay ngày một nổi tiếng, hoàn toàn không có đối thủ trong làng báo. Bên ngoài tưởng rằng họ là những “**nhà tư bản, báo có nhà in!**”, mà không biết rằng, muốn có tiền mua nhà in, họ đã sống cằn kiệm, thanh bạch như thế nào:

ĐÀO NGÀY NAY ĐÃ CÓ NHÀ IN
 Bắt đầu từ kỳ sau báo Ngày Nay sẽ in tại
 nhà in Ngày Nay. Chữ mới, nhà in mới,
 cách xếp đặt bài vở và quảng cáo có thay đổi
 (Xem tiếp trang 16)

Bắt đầu từ kỳ sau, báo Ngày Nay
 của chúng ta sẽ in ở nhà-
 Ngày Nay. Để cùng đọc giả chia
 vui Ngày Nay xin ra một câu đố,
 và đặt ra ba giải thưởng.
 Giải nhất: Một năm báo Ngày Nay
 và một cuốn sách hiện
 có của nhà xuất bản Đ N
 Giải nhì: Nửa năm báo N N. và
 một cuốn sách
 Giải ba: Nửa năm báo Ngày Nay
 Câu đố ra:
**Ngày-nay ngày nay in
 nhà-in nhà.**
 Ngày Nay

Hai thông báo của Ngày Nay

Nhất Linh kể trong Phong Hoá số #154, ra ngày 20/9/1935, bài Lời Nói Đầu (về việc thành lập báo Phong Hoá): “*Mỗi người mỗi tháng chỉ cần một số tiền đủ sống, còn tiền lãi, nếu có, sẽ là của chung và sẽ dùng vào những công cuộc chung phải làm sau này*”

Tú Mỡ, viết trong cuốn Tiếng Cười (5) : “*Họ tập trung chung lo tờ báo, anh em quyết tâm đem hết tài lực làm việc quên mình, không vụ lợi. Bốn anh rường cột trong tòa soạn (anh Tam, anh Long, anh Giur, anh Thế Lữ) tình nguyện chỉ lĩnh mỗi*

tháng 50 đồng (có nhiều nguồn tin nói 30đ) đủ sống(1 người), để dành tiền lãi làm vốn cho báo phát triển”

Và họ đã làm được điều họ muốn: “*Xuất thân từ những bàn tay trắng, đoàn đã có một số vốn khá to, đủ để xây dựng một nhà in riêng, để có thể từ nay:*

“*Ngày Nay ngày nay in nhà in nhà*”

Đó là câu đố báo đưa ra để thách đố, đồng thời để báo tin mừng với bạn đọc”.

Nhưng, đằng sau tất cả những vinh quang đó, mấy ai biết tới những cảnh này:

Báo Ngày Nay bị Tây rút giấy phép sau số #224 ngày 7/9/1940. (Đóng cửa hẳn, chấm dứt hẳn sự nghiệp của hai tờ báo nổi tiếng nhất nước ta. Hồ sơ mật vụ Tây để ở Aix en Provence nín thinh, không hề nói nguyên do).

Nghĩa là: Sau 8 năm làm báo, với biết bao tâm lực, bao cố gắng về tài chính, hai tờ **Phong Hoá** và **Ngày Nay** chỉ được in tại nhà in Ngày Nay từ số #209 tới #224. Hay, báo chỉ được **in tại nhà-in nhà 16** số tất cả, **trên 401** số (tổng cộng cả Phong Hoá và Ngày Nay) (**hay 4%**).

Đề gia đình, con cái sống qua nổi những ngày tháng thanh bạch đó (từ 1932 tới 1940, và sau đó), phải có người làm lưng buôn bán tàn tảo ngược xuôi. Người đó chính là những người mẹ, người vợ của các thành viên nổi tiếng như con của Tự Lực Văn Đoàn, những tác giả được (bị) mang nhãn hiệu “*tư bản*”, bị ghen tị vì thành công lừng lẫy.

Bây giờ tôi xin kể những việc làm của **các bà Tự Lực**:

- Bà Nhất Linh buôn cau khô nuôi gia đình. Bà kể với các con (anh Nguyễn Tường Thiết thuật lại qua điện thoại): “*Khi đi dạy học ở trường Thăng Long thì lương*

của cậu mang về là 200 đồng, đến khi làm báo, báo bán chạy lắm, nhưng cậu chỉ mang về có 20 đồng thôi” (chắc ông chủ báo giữ lại ít tiền túi, để tiêu vật suốt tháng: nào xe cộ, chè tàu, thuốc lá, nào giúp gia đình, giúp người nghèo...).

- Bà Hoàng Đạo nuôi gia đình hoàn toàn. Anh Nguyễn Lân, con Hoàng Đạo nói qua điện thoại: “Bác Tam còn mang về 20đ, chứ ba tôi chẳng bao giờ đưa một đồng nào về cho vợ con hết”.

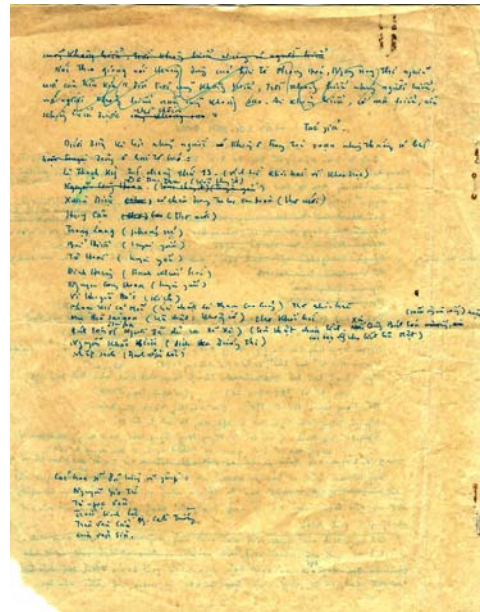
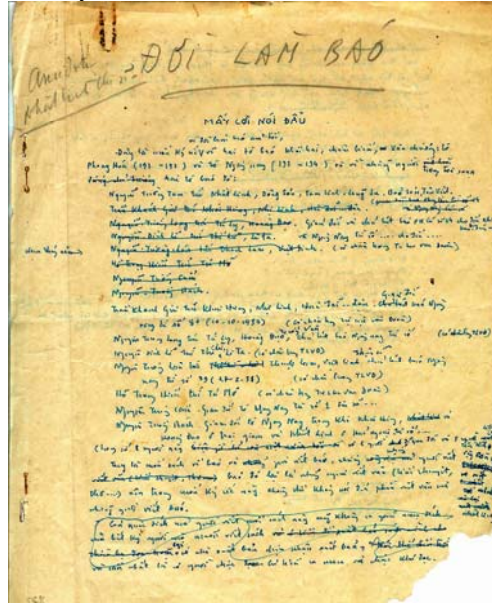
Theo hồi ký của bà Nguyễn thị Thê, em gái Nhất Linh, thì lúc này các vị Nguyễn Tường còn chung nhau trả tiền nuôi mẹ, tiền thuê nhà ở Hà Nội để đưa cụ bà Nguyễn Tường Nhu về sống gần các con các cháu.

- Bà Khải Hưng dù có hoa lợi riêng, cũng phải mua bán tảo tảo thêm mới đủ chi tiêu (Trần Khánh Triệu, Ba tôi).

- Bà Thê Lữ, ở Hải Phòng hành nghề bà lang, chữa bệnh trẻ con gia truyền (truyền dạy từ gia đình mẹ của Thê Lữ). Bà làm thuốc, đầu tắt mặt tối cơm nước nuôi một đàn con và thay chồng phụng dưỡng mẹ già. Thi sĩ đang ở Hà Nội làm báo, mỗi tháng về thăm một, hai lần. Ông bán cả đất mẹ cho để lấy tiền làm kịch với bạn bè.

Chúng ta đừng quên các bà vợ trong bóng tối đó, họ không phải là những nhà tư bản, rùng rình xu hào. Sau này đọc bài Tâm tình của người con, Nguyễn Tường Thiết viết về Nhất Linh, tôi đã thật sự cảm động: “...Chúng tôi thường hay nói đùa: “Cậu có nhiều cái “sĩ” quá, này nhé: văn sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, và kiêm cả “chiến sĩ” nữa. Nhưng không mấy ai biết là ông còn có một cái “sĩ” nữa mà có lẽ ông hãnh diện nhất trong những sĩ vừa kể, đó là “hàn sĩ”. Ông

sống nghèo, trong sạch, và rất kiêu hãnh về điều này.



Trong hai năm 1962-63, tất cả bố mẹ con chúng tôi chen chúc nhau ở trên một căn gác rộng 4m x 12m lầu 2 chợ An Đông, vì dưới nhà là gang sơn buôn bán của bà cụ tôi mà các bồ (đụng) cau đã chiếm hơn nửa. Chính tôi cũng không chịu được cảnh bần hàn này, nên có lần trong bữa ăn có ai than thở về cảnh sống chật chội. Ông cháu, cầm bát đứng dậy, cái bát run run trong tay:

“Mình phải hãnh diện là nhà mình nghèo chứ!”

Suốt đời chúng tôi không bao giờ quên được câu nói này. Tiếc rằng lúc đó chúng tôi không hiểu được cái chiều sâu của câu nói, chắc ông cũng cảm nhận được điều đó, nên càng tỏ ra buồn phiền hơn.”(6)

Khoảng đầu những năm 1940, Nhất Linh bị thực dân Pháp theo dõi. Để mật vụ cho rằng mình mê nhạc, không làm chính trị, ông tạo ra việc đi thổi kèn cho một dàn nhạc, có lẽ là ban nhạc đầu tiên của người Việt, tên là Diễm Hoa của Thẩm Oánh và Dương Thiệu Tước. Sau đó thoát ra hải ngoại. Khi báo Ngày Nay bị đóng cửa, nhà in Ngày Nay và nhà xuất bản Đồi Nây còn hoạt động, đã xuất bản thơ, tiểu thuyết, sách Hồng nhiều hơn trước. Lúc này các thành viên nhận được ít tiền chia lời thất thường của Đồi Nây. Nhờ vậy, cũng đã giúp được các gia đình qua ngày, trong thời buổi rất khó khăn.

Một vài cố gắng của Thạch Lam và Khải Hưng ra báo *Chủ Nhật*, rồi cũng sớm bị rút giấy phép. Năm 1941, Hoàng Đạo, Nguyễn Gia Trí và Khải Hưng bị Pháp bắt tại Hà Nội, mấy tháng sau bị đưa lên phát vãng tại Vụ Bản, Hòa Bình. Hoàng Đạo và Nguyễn Gia Trí bị tra tấn tàn nhẫn. Tới 1943, Pháp đưa Nguyễn Gia Trí về quản thúc ở Thủ Đầu Một. Hoàng Đạo, Khải Hưng ở Hà Nội.

Trong khi các anh vắng bóng, Thạch Lam trông nom nhà xuất bản một mình. Năm 1942, ông mất trong thiếu thốn vì bệnh lao, khi mới 32 tuổi. Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, người em út, đứng ra tiếp tục nhà xuất bản Đồi Nây. Tháng 4/1945 ra cuốn Hoa Niên (tức Nghẹn Ngào) của Tế Hanh là cuốn cuối cùng.

Năm 1946 Tự Lực Văn Đoàn tự giải tán. Nhà in mang bán, mỗi thành viên có cổ phần được chia 6 nghìn đồng. Thế Lữ mang tiền về Hải Phòng chia cho mẹ và vợ con, trước khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ (7).

80 năm trôi qua, Phong Hoá Ngày Nay vẫn còn là đỉnh cao của văn chương, báo chí Việt Nam. Đó là một kho tàng văn hoá mà chúng ta còn học được nhiều điều...

Phạm Thảo Nguyên
(New York)

Thư Mục:

(1) Tú Mỡ, Tạp chí Văn học, HN, số tháng 5,6/1988.

(2) Nhất Linh, Di cảo «Đời làm báo».

(3) (5) Tú Mỡ, *Tiếng Cười* NXB Hội Nhà văn, HN, 1993.

(4) Khải Hưng, *Viết Sách, Xuất Bản Sách*, PH#101.

(6) Nguyễn Tường Thiết, *Tâm tình của người con*, Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ, Người Chiến Sĩ, nhiều tác giả, Thế Kỷ, California, USA, 2004.

(7) Song Kim, *Hồi ký: Những chặng đường sân khấu*, 1995.

飲酒看牡丹
今日花前飲，
甘心醉數杯。
但愁花有語，
不為老人開。

劉禹錫

**ẨM TỬU
KHÁN MẪU ĐƠN**

Kim nhật hoa tiền ẩm
Cam tâm túy số bôi
Đã sàu hoa hữu ngữ:
Bất vị lão nhân khai.
Lưu Vũ Tích

**UỐNG RƯỢU
NGÂM MẪU ĐƠN**

Hôm nay uống rượu bên hoa
Say sưa mấy chén quả là lòng vui
Chỉ e hoa sẽ thốt lời:
Nào đâu có nở cho người già nua.

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO
chuyển dịch

AUTUMN FIRES

In the other gardens
And all up the vale,
From the autumn bonfires
See the smoke trail!

Pleasant summer over
And all the summer flowers
The red fire blazes,
The gray smoke towers.

Sing a song of seasons!
Something bright in all!
Flowers in the summer,
Fires in the fall!

ROBERT LOUIS STEVENSON
(1850-1894)

LỬA THU

*Trong vườn khắp chốn đó đây
Và thung lũng ở muôn nơi
Ngọn lửa thu bập bùng cháy
Nhẹ dăng làn khói chơi vui!*

*Mùa hè vui đã trôi qua
Úa tàn theo những cánh hoa
Ánh lửa hồng lên chói lọi
Màn khói lam bốc nhạt nhòa.*

*Hãy hát lên đón mùa sang!
Khúc ca tươi sáng rộn ràng!
Mùa hè hoa phô sắc thắm,
Mùa thu lửa đẹp thênh thang!*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO
chuyển ngữ

TÍNH GIỮU NHẠI VÀ TINH THẦN HẬU HIỆN ĐẠI TRONG NHỮNG TÁC PHẨM CHƯA XUẤT BẢN CỦA HOÀNG ĐẠO

ĐẶNG THƠ THƠ

20.07.2013

Hoàng Đạo thường được nhắc tới như lý thuyết gia của Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ), linh hồn chống đối của Phong Hóa và Ngày Nay (PH_NN), ngòi bút vô úy trong đấu tranh cách mạng (Võ Hồng, 37-38). Tuy vậy, viết và nghiên cứu về Hoàng Đạo không dễ, vì công việc này đòi hỏi một cách tiếp cận khác với những người viết khác trong TLVĐ: nghĩ đến Nhất Linh, Khải Hưng, hay Thạch Lam, chúng ta thấy họ là nhà văn, nghĩ đến Thế Lữ, Tú Mỡ, hay Xuân Diệu, chúng ta biết họ là nhà thơ.

Khi nghĩ về Hoàng Đạo, chúng ta khó quy về một mặt, một thể loại, một khuynh hướng để chỉ dựa trên đó mà nhận định đầy đủ, khách quan, và công bằng về ông.

Trong quá trình thực hiện một vài chuyên đề về Hoàng Đạo, tôi “khám phá” ra ông như một trí thức đa diện: nhà báo, nhà văn hóa, nhà tư tưởng, nhà văn hiểu theo nghĩa rộng, nhà cách mạng xã hội, dựa trên những gì ông đã viết ra không ngưng nghỉ trong thời gian làm PH-NN, trong đó ông đóng vai trò chủ lực về đường lối và chủ trương vận động xã hội, văn hóa, chính trị với mục tiêu là cách mạng giải phóng Việt Nam khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp.

Cùng với Nhất Linh và Khải Hưng, Hoàng Đạo là một trong những nhà văn dân thân nhất của TLVĐ. Các bài viết của ông phần lớn thuộc thể loại biên khảo và tiểu luận, nội dung của các bài viết đòi hỏi sự can đảm, lòng yêu nước, và kiến thức uyên bác, mang tính tranh đấu và đối đầu trực diện với thực dân Pháp, mang tính giáo dục quốc dân và truyền bá những tư tưởng cấp tiến, đề trang bị kiến thức chính trị xã hội và tạo tinh thần cách mạng cho thanh niên thời ấy. Trong thời gian làm Phong Hóa (từ số đầu ngày 16/6/1932 đến số cuối 190 ngày 5/6/1936), ông phụ trách các mục Người Và Việc, Từ Nhỏ Đến Lớn, Từ Cao Đến Thấp. Cùng thời gian này ông còn viết Trước Vành Móng Ngựa, Những Cuộc Điều Tra Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu, và Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, là những thể loại khác mà tôi sẽ trình bày sau trong phần nhận định ông như một nhà văn đương đại.

Hoàng Đạo là cây viết đảm trách phần chính luận về nội dung và đường hướng của tờ Ngày Nay từ 30 tháng 1, 1935 đến số cuối cùng 6 tháng 8, 1940. Chúng ta thấy HĐ luôn luôn thực hiện một công trình dài hơi nào đó dần trải qua phần tiểu luận trong suốt 224 số báo, bên cạnh các mục thường xuyên Người và Việc, Từng Tuần Lễ Một, và Ngày Nay Trào Phúng. Ông đi từ Mười Điều Tâm Niệm viết cho tầng lớp thanh niên, Văn Đề Cần Lao nhận định về thực

trạng lao động dưới chế độ Pháp thuộc, Chính Trị và Đảng Phái giới thiệu và phân tích các chế độ và chủ nghĩa chính trị cách mạng trên thế giới, Công Dân Giáo Dục hướng dẫn bổn phận và nghĩa vụ của một người dân trong xã hội vừa trong tư cách một công dân thế giới, Thuộc Địa Ký Ước là một bản cáo trạng xác thực về chủ nghĩa và chế độ thực dân. Có Cứng Mỏi Đứng Đầu Gió là loạt bài cuối cùng của Hoàng Đạo về các vấn đề luật pháp trong xã hội Việt Nam thời đó. Trong loạt bài này ông lấy bút hiệu Tường Vân, từ Ngày Nay số 200 đến số cuối cùng 224. Riêng trường hợp cuốn Bùn Lầy Nước Đọng, năm 1938 vừa xuất bản đã bị Chính Phủ Thuộc địa Pháp ra lệnh thu hồi, cấm tàng trữ và lưu hành vì nội dung cấp tiến bị coi là nguy hại cho chế độ thực dân Pháp. Tất cả những công trình vừa kể, trừ Mười Điều Tâm Niệm và Bùn Lầy Nước Đọng, đều chưa được xuất bản vì Ngày Nay bị đóng cửa sau số báo ngày 7 tháng 9, năm 1940 và cuối năm đó Hoàng Đạo bị Pháp bắt giam và đưa đi an trí tại Vụ Bản. Ông bị tra tấn bằng nhiều cực hình dã man và đây có thể là nguyên nhân dẫn đến cái chết trẻ ở tuổi bốn mươi hai của một người trước đó khỏe mạnh và có nếp sống mẫu mực điều độ. Với vai trò đầu não trong TLVĐ và PH-NN, những công trình nghiên cứu về ông không nhiều. Tôi chỉ được biết số chuyên đề về Hoàng Đạo do tạp chí Văn thực hiện năm 1968 tại Sài Gòn, cuốn Hoàng Đạo-Nhà Báo- Nhà Văn của tác giả Vu Gia (nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1997), và chuyện đề Hoàng Đạo do Tạp Chí Thế Kỷ 21 thực hiện, số 199, tháng 11 năm 2005 ở

California. Tôi cho rằng vì những nguyên do sau:

1. Phần lớn những công trình của HĐ chưa được xuất bản. Tất cả vẫn còn nằm trong mấy trăm số báo Phong Hóa-Ngày Nay, cho đến gần đây mới được số hóa và công bố trên mạng.

2. Khi nhận định về HĐ, theo nhà văn Thế Uyên trong bài viết “Đọc và Đặt Lại Vị Trí Hoàng Đạo” (74), phần lớn những người viết đều chỉ biết tới hay chỉ coi trọng con người HĐ nhà văn, và lơ là con người HĐ toàn diện. Theo nhà phê bình Thụy Khuê, phần lớn những nhận định về Hoàng Đạo trong nước được viết theo “kiểu phê bình thành kiến, xây dựng trên thành kiến của một người khác” (30), bắt nguồn từ việc đánh giá đầy thiên kiến của Vũ Ngọc Phan, và sau đó được Nguyễn Văn Xuân trên tạp chí Văn 107&108 và Văn Tâm trong cuốn Từ Điển Văn Học dựa trên đó viết tiếp hay sao chép, là một thí dụ điển hình.

3. HĐ xử dụng hầu như tất cả những thể văn: nghị luận, biên khảo, ký sự, sáng tác, châm biếm, giễu nhại. Trong khi đó, khuynh hướng chung khi nhìn Tự Lực Văn Đoàn, là nhìn về mảng tiểu thuyết, và thơ mới. Vì vậy chỉ có hai cuốn Con Đường Sáng và Tiếng Đàn của ông được kể vào thể loại sáng tác. Trong bài viết này, tôi sẽ không khảo sát Con Đường Sáng, là cuốn truyện dài HĐ viết tiếp sau khi Nhật Linh đã hoàn tất một vài chương đầu, lý do là vì cuốn truyện này vẫn theo hình thức chung của tiểu thuyết TLVĐ.

4. Những sáng tác khác của HĐ không nằm trong khuynh hướng tiểu thuyết thông thường của TLVĐ. Trong Hậu Tây Du, Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu, ngôn ngữ chủ đạo của HĐ là trào phúng, giễu nhại, và châm biếm. Một lý do nữa, tuy không hiển hiện, nhưng có

thể cảm nhận, là cách các nhà phê bình Việt Nam nhìn về thể loại châm biếm, trào phúng, giễu nhại trong văn học, coi nhẹ thể loại sáng tác này. Đây là một điểm khác với cách văn học Tây Phương trong cách nhìn và đánh giá thể loại giễu nhại hài hước.

Vào thời điểm của TLVĐ, những tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng đã định hình một khái niệm chung thể nào là tiểu thuyết, và đã hình thành những nguyên tắc chung về cấu trúc, chất liệu, bố cục, nhân vật. Những thứ HD viết mà tôi sẽ phân tích sau đây không thuộc vào dòng tiểu thuyết đó. Tuy không thể bỏ qua giá trị tư tưởng và văn học trong những tác phẩm này, người đọc có thể gặp lúng túng khi tìm cách xếp loại chúng. Một trong những đặc tính, và cũng là bất lợi cho thể loại giễu nhại, là tác động của nó tùy thuộc vào sự nhìn nhận, ghi nhớ, và thấu hiểu những tác phẩm nguồn bị chúng giễu nhại, cả về phong cách lẫn diễn ngôn. Khoảng cách thời gian giữa công chúng đọc và tác phẩm giễu nhại càng xa thì việc dựng lại bối cảnh ra đời, mục tiêu, lẫn đối tượng bị giễu nhại càng thêm khó khăn. Điển hình là thời gian đã tạo ra những nứt rạn và mảnh vụn trong kiến thức người đọc đương đại về những vấn đề đặt ra trong những hài kịch cổ Hy Lạp của Aristophanes hay Euripides (Dentith 39). Ngoài ra, những bài châm biếm giễu nhại hay được nhìn như thể loại báo chí có tác động cấp thời hơn là một tiểu thuyết để nói lên những vấn đề lớn lao của con người và đời sống. Nhưng ở vào thời điểm hiện nay, trong bối cảnh văn học hậu hiện đại, tôi nghĩ chúng ta nên thử tìm ra một cách đọc mới về HD để có thêm một nhìn nhận khác hơn về những điều ông viết. Tôi sẽ tập trung vào việc phân tích và so sánh những

tác phẩm chưa xuất bản (trừ Trước Vành Móng Ngựa) của HD trong tương quan với hình thức văn chương hậu hiện đại, cách vận dụng những chất liệu văn hóa đại chúng vào tác phẩm, và việc sử dụng thể loại giễu nhại hiện nay trong phim ảnh, tư liệu, và truyền thông truyền hình.

1. Các thuộc tính Hậu Hiện Đại trong những sáng tác chưa công bố của Hoàng Đạo:

Là một trào lưu, một phong cách, hậu hiện đại và khái niệm giễu nhại ở đây bao gồm việc nhái lại, dưới nhiều hình thức, các tác phẩm văn hóa hay nghệ thuật khác, bao gồm nhưng không giới hạn trong kiến trúc, âm nhạc, kịch nghệ, văn chương. Việc nhái lại này mang tính hài hước hoặc châm chọc, thông qua cách sử dụng ngôn ngữ, văn phong, hay dựng lại cốt truyện và nhân vật phỏng theo những văn bản trước đó. Giễu nhại và châm biếm, bàn về những vấn đề trọng đại hay phù du, mang trong nó bản chất hiện sinh, thể hiện qua nhiều hình thái nghệ thuật, từ Dada và Pop Art trong tạo hình, đến âm nhạc của Erik Satie và Moussorgsky, đến múa hiện đại của Myra Kinch, cho đến các show truyền hình sitcom, cartoon, cho đến điện ảnh như các phim tài liệu của Michael Moore chẳng hạn. Việc xếp loại châm biếm và giễu nhại là một định nghĩa mở cho bất cứ những vấn đề nào mang thông điệp về con người và chính kiến, kể cả tranh vẽ trên đường phố (graffiti), những cuốn niên giám sự kiện thế giới (almanac), những ghi chép trong văn phòng, những liên hoan phim giễu nhại (Mock Festivals).

Đặc tính của văn chương hậu hiện đại là sự pha trộn nhiều thể loại, văn bản không bị đóng trong một thể loại cố định, văn bản

mang tính phân tán, phân mảnh, nội dung văn bản mang tính nước đôi hay đa nghĩa, và đặc biệt là tính liên văn bản trong tác phẩm – trong đó sự quy chiếu với những văn bản trước đó trong quá khứ đóng một vai trò đáng kể. Các tác phẩm hậu hiện đại xử dụng nhiều thông tin và tự sự trong văn hóa đại chúng, nhiều khi xử dụng những yếu tố này theo cách rất thẳng đur, lạm phát, và bất định, dẫn đến việc tác phẩm không không có một kết thúc rõ ràng. Ngoài ra, giễu nhại mang tính cách chủ đạo trong việc quy chiếu đến những văn bản khác. Có thể kể những tác phẩm hậu hiện đại xử dụng giễu nhại và liên văn bản như *Possession* của Antonia Byatt (1990), *The Cure for Love* của Jonathan Bate (1998), *Oscar and Lucinda* của Peter Carey (1988), *The British Museum is Falling Down* của David Lodge (1965), và nhiều tác giả khác theo phong cách này như Umberto Eco, John Fowles, Jonathan Coe, Alasdair Gray, John Barth, vv... Mặc dù có những khác biệt, các tác phẩm vừa kể đều mang một đặc tính chung là việc xử dụng lại những sản phẩm văn hóa hay/và văn học trước đó trong quá khứ, và cho thấy tính liên tục và cùng lúc khoảng cách giữa những tác phẩm hay sự kiện văn hóa được quy chiếu lúc đó với chính bản thân tác phẩm hậu hiện đại (Dentith 164).

2. Hậu Tây Du và Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, tính liên văn bản, vận dụng văn hóa đại chúng, và tinh thần giễu nhại:

Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa (PH số 131 – PH số 138) ít được nhắc đến vì Phong Hóa bị đóng cửa sớm vào năm 1936. TQCDN xử dụng hình thức liên văn bản dựa trên một tác phẩm rất phổ cập trong văn hóa đại chúng và thêm thắt nhiều yếu tố thời sự chính trị, dẫn đến nhiều cách và

nhiều tầng đọc khi tiếp cận văn bản. Việc đọc một tác phẩm liên văn bản thú vị ở chỗ nó mở ra nhiều thời gian chồng lấp trong một không gian, nhiều thứ văn hóa tương tác và nhiều lớp ngữ nghĩa trên một không gian truyện. Trong TQCDN, HĐ cho những nhân vật được “tôn sùng” như Lưu Bị, Quan Công, Khổng Minh hành xử một cách trẻ con ấu trĩ như một cách lật đổ những thần tượng văn hóa Trung Hoa khỏi tâm thức Việt. Cuối truyện ông dựng cảnh Tôn Phu Nhân đi chơi với Lưu Huyền Đức bằng một kỹ thuật “phá rối” ngôn ngữ:

“Trong khoang thuyền, Tôn Phu Nhân tựa đầu lên vai Huyền Đức mà cất tiếng hát du dương: Nói với tôi ái tình...”

Lại nói với tôi những cái đồ mềm...

Bài hát ấy truyền tụng đến tận bây giờ. Có người Pháp thấy hay, phổ vào đàn tây và dịch ra rằng:

Parlez-moi d’amour...

Recitez-moi des choses tendres...”

Vì khoảng cách thời gian, tôi không chắc nguyên nhân dẫn đến đoạn giễu cợt này. Tham khảo ý kiến của nhà phê bình Thụy Khuê, tôi được giải thích có lẽ HĐ “muốn chế Ngô Tất Tố; vì lúc đó cụ Tố là cụ đồ nho, hay bị chế giễu là không biết chữ Tây, mà nhóm Ngô Tất Tố là nhóm đối lập với TLVD, hoặc cũng có thể HĐ muốn chế Phạm Quỳnh, là người mà ông cho là cứng nhắc; không có tình cảm, nên thay vì dịch des choses tendres là những lời êm ái, thì lại dịch sát nghĩa là những cái đồ mềm.” Ngay cả khi không thể chắc chắn đối tượng của việc giễu cợt này, rõ ràng khái niệm dịch thuật ở đây đã bị “đánh phá” trong tinh thần hậu hiện đại: trên thực tế, một bài hát tiếng Tây dịch lung củng sang tiếng Ta, nhưng trong văn bản lại là nguyên tác tiếng

Việt rồi người Pháp phổ nhạc và dịch sang tiếng Pháp. Đây là tinh thần mập mờ, nước đôi, đa nghĩa, dùng ngôn ngữ Việt xâm nhập vào ngôn ngữ Pháp, khuấy rối ngôn ngữ của kẻ mạnh bằng tinh thần giễu nhại, châm biếm, trào phúng của trí thức yêu nước Việt Nam. Đặt tiếng Việt song song và ngang hàng với tiếng Pháp, Hoàng Đạo muốn giễu cợt những kẻ sính tiếng Pháp cho ra dáng trí thức, cũng như những người tôn sùng thái quá vào văn hóa Trung Hoa. Vì ngay sau đó Hoàng Đạo kết thúc truyện bằng

*“Lời bàn của nhà sử ký Trần Trọng Kim
“Có người báo, truyện Tam Quốc đến đây chưa kết liễu, Khổng Minh còn phò tá Lưu Bị lấy Ích Châu, chia ba thiên hạ làm ra thế chân vạc. Nhưng đó là sự hoang đường, không đáng tin. Việc xảy ra đã mấy ngàn năm về trước, như câu truyện Sơn Tinh Thủy Tinh, câu chuyện móng rùa của An Dương Vương, và câu chuyện Lưu Huyền Đức lấy Thục đều là những truyện không căn cứ, không đáng những học giả như tôi và các vị để ý đến.” (PH 138, 1/3/1935)*

Có thể đặt câu hỏi rằng: chuyện Khổng Minh phò Lưu Bị chiếm Tứ Xuyên lập nước Thục là có thật, không hiểu tại sao HĐ lại viết như thế?

Xem xét lại cấu trúc của TQCDN, mỗi chương lại có lời bàn của những nhân vật đương thời (thay vì Kim Thánh Thán) như Nguyễn Tiên Lãng, Dương Bá Trạc, ông Chánh Ngọt, Trần Trọng Kim, cô Nguyễn thị Kiêm, vv..., có thể nói rằng đây là một sự chất vấn và lật đổ những giá trị Khổng giáo được dùng làm khuôn vàng thước ngọc cho dân Việt. HĐ dùng gậy ông đập lưng ông, xử dụng chính hình thức văn hóa đại chúng để xâm nhập cách nhìn đại chúng. Việc vận dụng hình thức kể chuyện gắn chặt

với mục tiêu của nội dung là một đặc điểm của văn chương hậu hiện đại, trong đó việc đọc nội dung một văn bản không thể tách rời khỏi việc quan sát hình thức, cấu trúc, và kỹ thuật dựng truyện của tác giả trên văn bản đó. Sự (làm ra) mơ hồ trong lời bàn về lịch sử của Trần Trọng Kim là một cách đặt vấn đề về tính tương đối của mọi kiến thức, trong đó có khái niệm lịch sử luôn luôn là một cách diễn dịch lại, không phải và không bao giờ là một chân lý. Đây cũng là thuộc tính của hậu hiện đại, chống lại những giá trị được coi là xác thực, giữ vị trí trung tâm, và là hệ quy chiếu trong một trật tự mang tính áp chế của quyền lực.

Đọc Hậu Tây Du, điều đầu tiên đập vào ý thức người đọc là tính nước đôi của văn bản. HĐ dùng chính văn phong của Hậu Tây Du để kể hành trình sự nghiệp của Phạm Quỳnh từ lúc làm báo Nam Phong đến khi vào Huế nhận chức Lai Bộ Thượng Thư của triều đình. Lời mở đầu của HTD như sau:

“Thay lời tựa

Có người hỏi: tại làm sao lại có chuyện Hậu Tây Du này?

Xin trả lời rằng:

Ngày xưa, Tề thiên Đại thánh cùng hai sư đệ phò Đường-Huyền-Trang đi lấy Kinh, trải qua bao nhiêu sự hiểm trở gian nan mới thành công quả. Người đời nhân đó mới đặt nên chuyện Tây Du, kỳ kỳ quái quái.

Ngày nay, Phạm Quỳnh tiên sinh, tuy phép thần thông không được bằng Đại- Thánh, nào được thiên đình, ăn trộm được tiên đan, nhưng cũng có lắm điều sở đắc, cũng đã có phép hô được quốc tiên quốc tủy, cũng đã từng nhảy vô Hoàng Cung, đội mũ đi hia, và kể về mặt mũi hình dung thì còn xinh đẹp hơn Tôn ngộ Không nhiều.

Thế cho nên, Phạm tiên sinh phò Hoàng Hậu vượt biển như Tây, khó nhọc vất vả ra sao, mắt thấy tai nghe những gì, mơ ước nghĩ ngợi thế nào, chắc là còn kỳ kỳ quái quái gấp trăm gấp nghìn những sự kỳ quái trong chuyện Tây Du.

Nhân đó, mới đặt ra chuyện Hậu Tây Du này vậy.”

Với Hậu Tây Du, Hoàng Đạo đã phần nào trình bày chủ trương của Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) là dùng tinh thần hài hước để đã kích người và việc thời ấy. Đã kích quan lại và hệ thống quan trường là một trong những mục tiêu của TLVĐ, và riêng trường hợp HĐ, năm 1935 ông đã được bổ nhiệm làm tri huyện nhưng từ chối, chọn cách sống đúng như điều tâm niệm thứ 8: “Cần Sự Nghiệp, Không Cần Công Danh.” Xin mở ngoặc là điều tâm niệm này được đưa ra để chống lại lòng ham muốn làm quan của thanh niên và trí thức thời đó. Bởi vì làm quan trong tình thế đất nước như vậy làm việc cho chính quyền bảo hộ và là một hình thức tay sai ngoại bang (Thế Uyên, 80). HĐ đã phê phán trường hợp Phạm Quỳnh một cách rất tiên tri: “Nhưng nên nghĩ rằng ông Quỳnh có để tiếng lại về sau, sẽ không bao giờ vì ông đã thành một trong tứ trụ triều đình, mà sẽ nhờ đời văn chương của ông mà ông đã từ bỏ.” Khi viết như vậy, ta nên hiểu rằng HĐ đã lấy làm tiếc cho PQ, và sự châm chọc nhân vật Thượng Chi (tức Phạm Quỳnh), không xuất phát từ cảm tính cá nhân, vì HĐ và TLVĐ châm chọc tất cả những gì họ xét rằng đi ngược với trào lưu tiến bộ và cuộc vận động cách mạng xã hội của họ. Đối tượng giễu nhại không phải nhân vật PQ, mà là lý tưởng ông chọn lựa và đề xướng, trực tiếp hay gián tiếp. Trên đường tầm sư học đạo để

được làm quan, được đội mũ cánh chuồn, Thượng Chi gặp một người mắt xanh như mắt mèo ở bên Tây Phương sang, tự xưng là Mạc Tiên Chân Nhân (một phúng dụ của HĐ về thực dân Pháp). Thượng Chi khẩn khoản được người mắt xanh thu nhận làm đệ tử. Và đây là thử thách đầu tiên mà Thượng Chi phải trải qua:

“Kỳ nhân vội vàng đến gần cung kính chìa hai tay ra. Người mắt xanh bèn khạc vào tay kỳ nhân một miếng đờm lớn rồi mỉm một nụ cười chế nhạo:

- Đấy! Phép tiên của ta chỉ có thế, nhà người có thích thì nuốt đi.

Phạm kỳ nhân định nhón nhìn bãi đờm, rất mình kinh hãi. Bãi đờm màu xanh, nổi lên những tia màu đỏ thắm, kẻ người thường trông thấy hẳn phải lợm giọng, dẫu ai bảo nuốt xong là thành tiên Phật cũng không dám bỏ vào miệng. Nhưng kỳ nhân không phải là người thường, cố giương mục kính để ngắm kỹ của vưu vật ấy. Thì bỗng mục kính hóa ra cặp kính hiển vi, và dưới cặp kính đó, bãi đờm hóa to lên gấp bốn năm trăm lần.

Không hay cảm động như kỳ nhân cũng đâm ra hoảng hốt. Vì trong bãi đờm, kỳ nhân trông rõ từng đám vi trùng lớn bằng những con dòi một, lớn ngón bò ngang bò dọc. Kỳ nhân vội nhắm nghiền mắt lại, nhưng trước mắt, vẫn thấy hiện ra màu xanh rùng rợn của bãi đờm. Kỳ nhân buồn rầu mà nghĩ rằng:

- Ta bây giờ thật là khó xử. Nuốt ư? Không nuốt ư? Trời ơi! Biết làm sao đây. Nhưng Kỳ nhân thấy trong tâm trí nảy ra ý tự kiêu rằng tình cảnh của kỳ nhân lúc ấy giống tình cảnh của các nhân vật của nhà kịch sĩ Corneille. Và một cuộc tranh đấu kịch liệt làm nao động linh hồn lớn lao của

Kỳ nhân. Mặt Kỳ nhân lúc hồng hào, vui vẻ, lúc tái ngắt.

Bỗng Kỳ nhân nức nở khóc rằng:

- Nuốt ư? Sẽ phải tự hạ nuốt cục đờm đầy vì trùng ghê gớm, lở ra mang hận suốt đời.

Rồi lại nức nở cười rằng:

- Nhưng nuốt đi sẽ được học đạo, sẽ thoát được cái xác thịt bạch đĩnh mà bay lên cao vót.

Đoạn, lại cười lên ba tiếng:

- Không nuốt ư? Sẽ khỏi phải chịu cái khổ nhục nuốt đờm.

Nhưng lại khóc luôn ba tiếng:

- Nhưng không nuốt thì cái công tìm thầy học đạo chẳng hóa ra uống lăm ru.

Và Kỳ nhân nghĩ đến những người đời xưa đi tu tiên cũng phải chịu khổ nhục nuốt đờm. Kỳ nhân bèn cười một mắt, khóc một mắt, rồi lấy hết can đảm há miệng thật to như miệng cá ngão, ném tuột cục đờm vào miệng nuốt thật nhanh. Tức thì một thứ mùi kỳ dị xông lên, rồi kỳ nhân thấy bụng sôi lên sùng sục. Trong lúc ấy người mắt xanh há hê lăm.

Phạm kỳ nhân nuốt xong, thấy thân thể tự nhiên trở nên nhẹ nhàng, rất lấy làm sung sướng, vội phủ phục trước mặt người mắt xanh. Người mắt xanh nín cười mà bảo rằng:

- Nhà ngươi có thể dạy được. Chịu khổ nhục đã khá lắm rồi. Miếng đờm nhà ngươi vừa nuốt, ta đã khổ công lấy khinh khí luyện cho đặc lại, nay vào trong bụng nhà ngươi sẽ làm cho thân thể biến ra nhẹ nhàng có thể bay lên cao được.”

(Ngày Nay số 170, ra ngày 15.7.1939).

Hậu Tây Du giễu những tranh luận và bút chiến giữa Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh qua những màn giao đấu rất ngoạn mục giữa Thượng Chi và Văn Vĩnh Tử: “hiển pháp chùy” đấu với “trực trị

gươm”, cây gậy “quốc hồn phan” đấu với sợi dây “thực tế thẳng”, “điều cay quốc túy” độ sức cùng “vòng âu tây tư tưởng”. Trước khi giao chiến Phạm Quỳnh còn niệm thần chú “có đồng đảng mới bình đẳng được.” Để hiểu tất cả những điều này người đọc cần quy chiếu đến những gì đang xảy ra trong làng báo thời ấy và trong bối cảnh chính trị, văn hóa, xã hội đặc thù của Việt Nam vào giai đoạn được nhắc đến. Liên tiếp dùng hình thức giễu nhại và châm chọc, HĐ áp dụng văn phong Tây Du Ký và “sáng tác” ra những đạo pháp mà người mắt xanh muốn truyền thụ cho Thượng Chi bằng phương pháp chơi chữ, như Nông Tự Môn Trung, hay Bộc Tự Môn Trung. Cách chơi chữ gợi ý cho người đọc hình dung một cách diễn dịch khác của hai cụm từ, một cách diễn dịch mang tính tượng hình và tượng thanh đặc thù của ngôn ngữ Việt, “nong” và “bốc” mùi từ giữa miệng. Hay với phép đẳng vận, Thượng Chi có thể nhảy cao và đi xa, một bước 600 km đi từ Hà Nội vào ngay Huế (làm quan cho triều đình). HTD chỉ sống được có sáu số và bị kiểm duyệt số vào số 177. Chân dung Hậu Tây Du phần 5 trên Ngày Nay (số 177- ngày 2/9/1939) là một trang trắng lớn với 2 gạch chéo X. Cho đến bây giờ, không ai biết được HĐ định lái câu chuyện HTD về đâu. Phần kết truyện sẽ là một bí mật không giải đáp. Đồng thời gạch chéo X gợi ra những câu hỏi: Vì sao? Mức độ động chạm đến những nhân vật nào? Nếu chỉ là truyện giễu nhại thì có đáng bị kiểm duyệt đến thế, vì vốn “truyền thông” của nhóm Tự Lực Văn Đoàn vẫn là đã kích, giễu cợt, châm biếm? Có những thế lực nào cao hơn nhúng vào vụ này chẳng? Chắc chắn Hậu Tây Du không chỉ là truyện giễu nhạo cho vui, căn

cứ vào số phận mà kiểm duyệt dành cho nó, cũng như căn cứ vào những bài báo cùng thời gian ấy, cụ thể là bài viết của Thanh Tịnh về các Cuộc Tây Du, bài của Trạng Quỳnh Báo công kích việc ông Phạm Quỳnh vận động trở lại Hiệp Ước 1884; và bài nghị luận sắc sảo của Hoàng Đạo, phân tích mặt phản động của việc quay lại Hiệp Ước kể trên (xem chuyên đề Hoàng Đạo trên Da Màu). Theo Tú Mỡ: “... *Lý do chính trị là lúc ấy cái chính phủ Nam triều cái tổ đang vận động để Pháp đình trở lại thi hành triệt để hiệp ước Pháp-Nam 1884 mà thực dân Pháp trong hơn 50 năm đã được đàn chân lân đàn đầu, cướp hết quyền lực về kinh tế, tài chính, quân sự, ngoại giao, đến nỗi cái triều đình Huế thực tế chỉ còn lại quyền cai quản đám mũ cánh chuồn, lũ lính sà cạp vàng, cúng tế tổ tiên nhà Nguyễn, tế Nam Giao, phong hàm cho công chức Annam, phong sắc cho bách thần... Bấy giờ chính phủ bảo hộ muốn giờ trở mị dân để “Pháp-Việt đề huề”, cùng lo phòng thủ Đông Dương, trong lúc tình hình quốc tế thay đổi, gay go, phức tạp. Có những đế quốc mạnh hơn Pháp, như Đức, Nhật, Mỹ đang tranh giành thế lực với Pháp ở Đông Nam Á, đang thềm thuồng nhòm nhỏ miếng môi Đông Dương béo bở. Cho nên Pháp phải gây lại uy tín cho triều đình Huế, hòng lấy lòng người Annam. Phong Hóa châm chọc vua Bảo Đại hỏi loan, con cưng của Pháp, lẽ dĩ nhiên Pháp không thể để yên như trước” (Tú Mỡ, 32-33). Và như vậy, ẩn dụ nằm trong HTD là chống đối gián tiếp chính quyền thực dân đương thời. Mở đầu với một thông điệp mang tính nước đôi và kết thúc với một yêu cầu truy cứu liên văn bản (Tú Mỡ, Thanh Tịnh, Trạng Quỳnh Báo, nhận định sau đó của*

HTD...), hành trình của Hậu Tây Du không đóng lại với các gạch chéo X, ngược lại nó là một chuyến viễn du thú vị qua nhiều chứng cứ thu thập được, như một câu hỏi nằm sau bề mặt giấu nhại. Việc thiếu vắng một kết thúc cụ thể càng làm tăng tính mở, tính bất định của văn bản, một sáng tác mà đối tượng đả kích không hẳn là một cá nhân, mà là một chế độ, một quan niệm sống, và cả một hệ thống quan lại và thực dân liên kết lại. Kết thúc bằng một trang lớn bỏ trắng với hai gạch chéo, việc kiểm duyệt đục bỏ có lẽ, theo tôi, là kết thúc hay nhất và thích hợp nhất cho HTD. Nó nói lên tinh thần chống đối của HTD và của TLVĐ, cho thấy tự do tư tưởng và tự do ngôn luận là những quyền TLVĐ không ngừng tranh đấu và cho đến tận bây giờ quyền ấy vẫn còn là một viễn tưởng xa vời trong xã hội Việt Nam.

3. Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu- phỏng sự giả hay tiêu thuyết thật?

Kéo dài từ PH số 139 đến 159, mục tiêu của Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu (NCPVKTKH) là lật tẩy những nét giả dối, tiêu cực, và vô hiệu của chế độ quan trường, và đả phá những cách nghĩ đã bám rễ vào truyền thống văn hóa của người Việt. NCPVKTKH gồm 3 phần: Đi Thăm Mũ Cánh Chuồn phỏng vấn giới quan lại từ thượng thư Phạm Quỳnh đến tổng đốc Vi Văn Định và tổng đốc Hoàng Trọng Phu (sau hai bài phỏng vấn hai vị tổng đốc này thì PH bị đóng cửa mất 3 tháng). Đi Thăm Mũ Ni là cuộc điều tra các chùa chiền như chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá. Đó cũng là thời gian PH tường thuật nhiều tin không hay về tăng giới như thầy tu ăn thịt, làm tiền bằng cách bán thuốc phiện

lâu, lấy tiền phật tử nhờ lên đồng, xuống xóm chị em bị bắt quả tang, sư có vợ, vợ sư có chùa, ở chung với sư trong chùa, vv.. qua những bài phóng sự của Trọng Lang. Đi Thăm Mũ Giấy là cuộc phỏng vấn những người đã chết, trong đó có Không Tử, Đức Phật, và Diêm Vương. Qua những cuộc đối thoại này, HĐ chất vấn giá trị của đạo Không, tính cách tiêu cực chịu đựng của đạo Phật, và những ý tưởng mê tín về đời sống sau cái chết. Đoạn đối thoại với Diêm Vương giễu nhại tính luân lý của sự trừng phạt ở một “kiếp sau” tương tượng:

“Trong một phố vắng, trước một cái vườn hoa trông tuông vì và dâm bụi, lâu đài của đức Diêm Vương trông có vẻ đồ sộ nguy nga. Chỉ hiềm lối kiến trúc giờ kim giờ cổ, làm tôi nhớ đến kiếu nhà bánh khảo ở cõi dương.

Đức Diêm Vương còn trẻ và có vẻ tân thời hơn tòa nhà lối trung dung của người nhiều. Người đương vận áo sơ-mi cụt tay, thấy tôi, bắt tay niềm nở chào hỏi:

- Ông tha lỗi cho, tôi vừa đánh xong một sét ten-nít. Ông có muốn đánh, tôi xin hầu.

Tôi cáo từ, hơi lấy làm ngạc nhiên. Đức Diêm Vương như biết ý, cười bảo tôi rằng:

- Ông không nên lấy làm lạ, nếu ông thấy một người mới như tôi còn ở một tòa nhà cũ kỹ và không có mỹ thuật. Nhưng hẳn ông biết, cá nhân tiến bộ bao giờ cũng chóng hơn hoàn cảnh.

Tôi lại càng ngạc nhiên. Một ông Diêm Vương mà ăn nói như một ông sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội!

- Cứ lấy sự kinh nghiệm còn non của tôi mà suy xét, người cõi âm không khác người cõi dương một tí gì.

Đức Diêm Vương mỉm cười trả lời:

- Ông vẫn chưa biết điều ấy ư? Ông há lại không biết rằng không phải vì hết thờ

mà tâm tính người ta thay đổi đi. Chết xuống cõi âm, người đời vẫn y nguyên như khi ở trên trần. Họ xuống đó thì họ lại đem những điều xấu của họ theo xuống. Sự chết thật không có ích gì cho họ. Ông để ý mà xem, ông sẽ lại thấy họ ích kỷ, tham lam, háu hức danh và ưa giả dối. Nói tóm lại, họ vẫn là người...

- Tôi ở trên trần vẫn thường nghe nói địa ngục là nơi trừng phạt những người có tội đối với lương tâm. Sự đó không có hay sao?

- Địa ngục chỉ có ở trong trí tưởng tượng người ta. Họ nói dối nhau để cho bớt cái tính tàn ác thiên nhiên của họ, chứ thực ra chúng tôi làm gì có thì giờ rồi mà xét đến công việc từng người chết xuống đây. Họ dọa nhau những hình phạt ghê gớm: như bỏ vạc dầu, cưa đôi người. Nhưng chúng tôi nào có ác tâm như họ đâu, mà lấy sự đau đớn của người khác làm sự vui sướng của mình. Thực ra thì chết xuống đây, người nào đem nét xấu của người ấy xuống là họ đã đem theo cái hình phạt của họ rồi...” (PH 155, ngày 27 tháng 9, 1935)

HĐ đưa ra một cách nhìn khác và một giải đáp khác mang tính triết học thông qua câu nói của Diêm Vương. Có thể hiểu rằng, nếu như có luân hồi, thì đó là sự luân hồi của tội lỗi, địa ngục nằm ngay trong kiếp này, trong con người mình, trong những tính xấu như ghen ghét, tham lam, nhỏ nhen, của chính mình. Sự giải thoát đích thực cũng nằm ngay trong bản thân, trong khả năng của con người khi muốn vươn tới những điều hướng thượng. Mục tiêu của Đi Thăm Mũ Giấy không phải để giễu nhại hay báng bổ thánh thần mà là lấy lại quyền tự chủ của con người từ tay thánh thần và trao quyền ấy lại cho con người, làm họ mạnh mẽ hơn và đẹp đẽ hơn trong đời sống.

Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu là một thiên phóng sự giả, trừ bài phóng sự Ông Nghị Linh- Một Quái Trạng Ở Trong Nghị Viện (viết theo sự thực, PH 159, 25/10/1935). Như thế, dù có được nhìn nhận như một tiêu thuyết thật hay không, tập phỏng vấn này tự nó đã mang tính cách hậu hiện đại, ở chỗ nó tự xác nhận và cùng lúc tự phủ định bản chất của nó, là phỏng vấn, tức một cuộc hỏi đáp và trò chuyện giữa hai nhân vật có thật, hay cùng thời đại, và còn sống. Tính hậu hiện đại của NCPVGTKH nằm ở chỗ không thể tách rời nội dung tường thuật ra khỏi hình thức của thể loại, là phỏng vấn giả tưởng. NCPVGTKH kết hợp những yếu tố của văn hóa đại chúng, vừa tường thuật, vừa đối thoại kịch giễu nhại của Saturday Night Live trên đài NBC, vừa tựa tựa kiểu phỏng vấn và dẫn chuyện của đạo diễn Michael Moore trong Bowling for Columbine, hay Roger&Me, hay Fahrenheit 9/11. Trong những bộ phim gọi là “tư liệu” này, Moore đặt song song những dữ kiện thật và những tài liệu do ông “sáng chế”. Việc ông tháo tung những trật tự trong bài diễn thuyết của một đối tượng và sắp đặt lại theo một logic khác, việc ông xử dụng phương pháp ẩn dụ, so sánh, chọn lọc chi tiết và sắp xếp lại theo một trình tự hợp lý riêng của tác phẩm, tất cả để nhắm đến mục đích chính là nói lên một sự thật theo cách hiệu quả nhất và tạo ấn tượng mạnh nhất. Thủ pháp này cùng lúc cho thấy những dữ kiện giả hay sự sáng tạo cũng đóng một vai trò quan trọng tương đương trong việc trình bày sự thật như là những dữ kiện thật. NCPVGTKH của HĐ cũng mang hình thức diễn đạt của loại phim tư liệu “giả” tuy dựa trên sự kiện có thật. Với giọng điệu đùa cợt, nửa hư nửa thực, tạo

ngghi vấn cho người xem và đọc, HĐ đã làm một điều tương tự như Moore, từ hơn bảy mươi năm trước, qua thủ pháp cắt ráp ngôn ngữ, hình ảnh, và phát biểu của những nhân vật được phỏng vấn. Vẫn với phong cách hậu hiện đại không coi mọi thứ quá trân trọng, HĐ muốn làm bật lên sự tương phản giữa giả và thật, giữa lời nói và việc làm, tính cách giả trá của chính trị, thủ đoạn, các âm mưu thực dân, sự thỏa hiệp của trí thức, sự như nhược của nghị viên và triều đình, và sự tha hóa của cái gọi là truyền thống, tôn giáo, và ý thức hệ Khổng Nho.

4. Trước Vành Móng Ngựa, khi một thể loại bị đưa ra xử án.

Trong bối cảnh văn học thập niên 1930 cho đến 1975 ở VN, tập Trước Vành Móng Ngựa (TVMN) được nhìn như một ghi chép ở tòa án. Có thể đọc nó như phóng sự tường thuật. Có thể “coi” TVMN như từng màn xử án riêng rẽ, có thể “xem” nó như kịch bản, và cũng có thể đọc chung tất cả như đọc một tiêu thuyết với nhiều nhân vật chung một chủ đề xuyên suốt.

Lối đọc tôi muốn thử nghiệm là “xem” TVMN như một tổng thể với những phân cảnh cắt và ngưng mang hiệu ứng điện ảnh và tâm lý. Với cách đọc như thế, tổng thể TVMN là câu chuyện dài về chế độ tòa án thời Pháp thuộc, nhân vật tái xuất hiện trong tất cả những chương hồi là viên chánh án, người thông ngôn, lục sự. Những nhân vật thay đổi trong từng chương khác nhau là những bị cáo trong phiên tòa. Những màn xử trong tòa án đẩy người đọc vào ngay tâm điểm ngôn ngữ của nhân vật, khác với lối viết như một tường thuật mang tính tự sự. Khi chúng ta đã rơi vào không khí của phiên tòa, giọng kể trong TVMN sẽ biến mất, đầy

người đọc trở thành người xem, người tham dự buổi xử án, trực tiếp nghe nhìn màn kịch ở trước vành móng ngựa:

“Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử “tù rượu”, nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi băng khuâng hơn.

Một giấy người khốn khổ, ốm yếu, áo nâu tả, váy đụp, không dám ngồi hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mặt ghế của nhà nước, một giấy người hốc hác, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, nheo nhóc ở nơi bùn lầy, nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đói hiện hồn lên trách thâm cái phủ quý của những người khác.

- Mà có nấu rượu lậu không?

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Phạt hai nghìn quan tiền tây.

Sự thất vọng và tính nhẫn nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy gò xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, và nhiều chỗ. Anh ta đã rời vành móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nói điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng đều vô ích, nên lại bước chân đi.

- Mà có com rượu lậu không?

- Bẩm, con không nấu rượu lậu...

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão, kêu van:

- Bẩm, con già nua, quan thương cho.

Viên thông ngôn:

- Già nua mặc kệ, về việc đoan, không ai thương xót đâu. Ra!

Bà lão thở dài, nước mắt rung rung muốn khóc, cổ van lớn:

- Bẩm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đâu con già?

Viên thông ngôn:

- Tòa xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi. Đi ra!

Thấy bà lão còn trù trù, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đâu! Lôi nó ra!

Người đội xếp sấn sổ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, áo tứ thân rách, váy đụp, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mà có com rượu lậu không?

- Bẩm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm không, ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bẩm, ruộng con cách xa nhà con

lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ.

- Có biết ai bỏ không?

- Bẩm không.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kế tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ông Chánh án không mấy khi phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra van lạy:

- Bẩm, con tàn tật...

- Tàn tật mặc anh. Có com rượu lậu không?

- Bẩm có.

- Anh đã bị cáo hai lần rồi. Sao lại còn tái phạm?

- Bẩm, con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật, bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.

- Không biết. Hai nghìn quan tiền phạt.”

(Ngày Nay số 5, ngày 10 tháng 3 năm 1935)



Tết Trung Thu Rước Đèn Đi Chơi: Tranh của Họa Sĩ BÉ KỶ

Người đọc trở thành người đến xem từng phiên tòa xử, mở ra với một vụ án và đóng lại với một bản án. Tất cả những màn xử vừa đứng độc lập vừa nằm trong chuỗi liên kết của tổng thể là bản cáo trạng về chế độ thuộc địa và những luật lệ vô nhân áp đặt lên người dân bản xứ. Những phần cắt nối tạo ấn tượng về một sự liên kết ngầm mà người xem/ người đọc giữ nhiệm vụ tự suy diễn và giải mã. Sự cắt hay đóng một phân cảnh và nối tiếp với một phân cảnh khác trong tòa án có tác động thị giác của kéo màn và hạ màn trên sân khấu. TVMN như vậy là một tổng thể bị nứt rạn, rất gần với những tiểu thuyết đương đại vì tính cách phân mảnh, đứt quãng, và (dường như) thiếu sắp đặt trước. Về hình thức của thể loại, việc xử lý cắt/ rập/ nối của tập phóng sự cho thấy tính linh động và năng

động trong cấu trúc của một tập hợp (dường như) không theo trật tự nào: người đọc có thể bắt đầu ở bất kỳ một màn kịch nào, không có sự ưu tiên, tất cả các màn kịch đều có giá trị tương đương, tạo ra vô số văn bản tùy theo cách đọc, nhắc nhở đến tính cách bất ngờ và bất chợt của tập hợp những hiện thực và kinh nghiệm trong đời sống.

Tính cách trực tiếp không bị tác giả hay người kể chuyện chen vào giữa người đọc và nhân vật khiến TVMN ở lưng chừng giữa các thể loại phóng sự, văn xuôi, tiểu thuyết, kịch, và nghệ thuật thị giác cùng lúc.

Kết luận:

Việc khó định dạng và phân loại những tác phẩm kể trên đến từ việc chúng không thuộc cố định vào một thể loại, mà chúng tham dự vào nhiều thể loại cùng lúc. Và điều này là một đặc điểm của văn chương

hậu hiện đại. Một trong những quan tâm của người viết đương đại là hình thức diễn đạt. Sự thương lượng/cân nhắc/chọn lựa hình thức diễn đạt thể hiện tương quan của người viết với hiện thực. Tương quan giữa HĐ với hiện thực là tương quan của một người am hiểu luật và chất vấn những bất công trong luật pháp. Với tương quan ấy, hình thức diễn đạt thích hợp nhất có lẽ là nhìn và trình bày mọi thứ dưới ánh sáng giễu nhại, đả kích, châm biếm, mỉa mai. Hoàng Đạo viết *Hậu Tây Du* hay *Những Thiên Phóng Sự Không Tiền Khoáng Hậu*, không hề đả kích là một cá nhân nào, mà nhắm tới việc mở ra những phán đoán mới, thúc đẩy và khuyến khích những thảo luận mới về sự bất công và bất bình đẳng trong xã hội, với tính hệ thống, cơ chế của một xã hội nệ cổ và được hậu thuẫn của chế độ thuộc địa. Người chọn thể loại giễu nhại là kẻ mang tâm trạng canh thức và báo động về mọi biến cố đáng cảnh giác trong xã hội, đời sống, hiện tượng, và con người. Họ cảm thấy hồi thúc phải thể hiện thái độ phản kháng. Họ viết không phải để thỏa mãn tâm trạng cá nhân, mà viết với quan tâm cho công chúng, người đọc. Nhiều khi người viết phóng sự giễu nhại không được nhìn nhận chính thức như một nhà văn. Nhưng thực sự họ là nhà văn, họ là nghệ sĩ, người nghệ sĩ che dấu nghệ thuật của họ dưới hình thức hài hước. Những nghệ thuật ấy bao gồm việc so sánh một cách táo bạo, ẩn dụ, tượng hình, lật mặt nạ, làm lộ tẩy, khắc họa chân dung những nhân vật, chọn lọc và xếp đặt với mưu đồ tạo kịch tính. Do đó, tất cả những biện pháp nghệ thuật của Hoàng Đạo là những kỹ thuật để viết tiểu thuyết dù ông đang viết phóng sự, như trong cuốn *Trước Vành Móng Ngựa*, hay khi ông thực hiện

cuộc phỏng vấn tưởng tượng trong *Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu*, hay khi ông viết lại một câu chuyện liên văn bản từ văn hóa đại chúng trong trường hợp *Hậu Tây Du* và *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Nói như vậy không có nghĩa là những sáng tác này là những tác phẩm hậu hiện đại. Nhưng với con mắt đã quen nhìn, đọc, và xem hậu hiện đại, chúng ta sẽ phát hiện ra những thuộc tính HHD trong những văn bản cũ, như trường hợp cuốn *Don Quixote* của Cervantes đầu thế kỷ 17 hay *Tristram Shandy* của Lawrence Sterne vào thế kỷ 18. Cuối cùng, sau một tháng “khai quật” những gì HĐ đã viết từ PH-NN, cho đến lúc này, con người HĐ toàn diện vẫn còn là một tảng băng ngầm, những gì chúng ta biết đến HĐ vẫn chỉ là một lớp băng mỏng trên bề mặt (nhận định của nhà văn Phạm Phú Minh). Tiểu luận này nằm trong nỗ lực khai phá dần tảng băng ngầm ấy.

Tài liệu Tham Khảo:

- Dentith, Simon. *Parody*. London: Routledge, 2000. Print.
- Hutcheon, Linda. *A theory of parody: the teachings of twentieth-century art forms*. New York: Methuen, 1985. Print.
- Thế Uyên. "Đọc và Đặt Lại Vị Trí Hoàng Đạo." *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 74-87. Print.
- Thụy Khuê. "Hoàng Đạo, Người Trí Thức Dẫn Thân." *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 28-36. Print.
- Võ Hồng. "Gặp Tự Lực Văn Đoàn." tạp chí Văn 107&108. Apr 1968: 37-38. Print.

LỤC BÁT MÙA THU

TRĂNG THU

Mười ba mười bốn mười lăm
Đêm nay mười sáu ngắm trăng trên đồi
Mỗi chân em cứ việc ngồi
Anh xin qùy gối nói lời yêu em

ÁO LỤA VÀNG

Trời xanh mặc áo lụa vàng
Mùa thu cúc nở cô hàng xóm ơi
Cô em lên xe hoa rồi
Buồn thay xin có vài lời gửi ai

HOA QUỲNH

Trăng thu hẹn với hoa quỳnh
Qua khung cửa hẹp cuộc tình trăng hoa
Đừng nhìn vào mắt người ta
Ngửi mùi hương ấy mới là tâm giao

XIN CƯỚI

Mong xin cưới được đầu thu
Chần chờ chi nữa cho dù chiến tranh
Nhu chuông treo sợi chỉ mảnh
Không cần ngày tháng tốt lành con ơi

ĐƯỜNG TRĂNG

Con đường là con đường trăng
Quay lui quay tới dùng dằng cũng vui
Cho nhau miếng ngọt miếng bùi
Đêm thu vắng vặc thơm mùi dạ lan

NỬA VÒNG

Cứ đi về phía chân trời
Tìm người con gái một thời phương đông
Hiền khô như đậu xanh lòng
Có còn nguyên vẹn nửa vòng phương tây

GIÓ MÙA THU

Gió mùa thu lá mùa thu
Thổi vèo một cái mây mù xôn xao
Gió chiều nào mưa chiều nào
Cuốn theo chiều gió ra sao bây giờ

LỤC BÁT... SỐ 24

Em từ lục bát bước ra
Trung thu Chú Cuội Hằng Nga đèn lồng
Mình đi về phía đời thông
Bài thơ gửi gắm tay bồng tay mang

PHAN KHÂM

(Maryland)

FRANZ SCHUBERT

(1797-1828)

Nhạc Sĩ Áo Danh Tiếng thuộc Trường Phái Lãng Mạn

Phạm Văn Tuấn

Cuộc đời của nhạc sĩ Franz Schubert tượng trưng cho số mệnh của một nghệ sĩ thuộc trường phái Lãng Mạn. Trong suốt quãng đời, chàng nhạc sĩ này đã chịu đựng cảnh nghèo nàn, bị quên lãng rồi chết khi còn quá trẻ vào tuổi 31, nhưng sau khi qua đời, giới âm nhạc đã tôn vinh vị nhạc sĩ tài ba này, đặt lên ngôi vị của các nhân vật bất tử do hơn 600 bản nhạc xuất sắc, bất hủ.

1/ Cuộc đời của Nhạc Sĩ Franz Schubert.

Franz Schubert chào đời vào ngày 31/1/1797 tại Himmelfortgrund, một khu vực ngoại ô nhỏ của thành phố Vienna, nước Áo. Người cha cũng tên là Franz, là con của một nông dân miền Moravia, làm nghề dạy học tại một giáo khu, mẹ là bà Elizabeth Vietz, trước khi lập gia đình, đã là đầu bếp cho một gia đình tại Vienna. Trong số 15 người con của ông bà Schubert này, 10 người đã chết trẻ, còn lại Ignaz (sinh năm 1785), Ferdinand (sinh năm 1794), Karl (sinh năm 1796), Franz, và em gái tên là Theresia (sinh năm 1801).

Ông Franz Schubert là một nhà giáo uy tín và cũng là một nhạc sĩ tài tử, đã truyền.



dạy âm nhạc cho hai người con lớn là Ignaz và Ferdinand

Vào tuổi lên 5, cậu Franz bắt đầu được cha dạy cho âm nhạc với phần căn bản về vĩ cầm (violin). Khi lên 6 tuổi, cậu Franz bắt đầu học chữ tại trường Himmelfortgrund và được người anh Ignaz dạy chơi đàn pianoforte. Năm sau, Franz Schubert đã vượt qua tài năng của hai vị thầy nhạc gia đình, nên đã theo học ông Michael Holzer, nhạc trưởng của nhà thờ

Lichtenthal. Ngoài việc thực tập các bài dạy của ông Holzer phần lớn thuộc về loại cầu nguyện, Franz còn được các bạn bè dẫn đi tập đàn tại một căn nhà có cây đàn tốt hơn thứ của gia đình.

Vào tháng 10 năm 1808, Franz Schubert nhận được một học bổng để theo học nhạc tại trường Convict, dưới quyền điều khiển của nhạc sĩ Antonio Salieri, là người đào tạo các ca sĩ thuộc ca đoàn trong Nhà Thờ của Triều Đình Áo. Franz đã theo học nơi này cho tới năm 17 tuổi, học hỏi nhiều hơn do thực tập trong dàn nhạc của nhà trường, do giao du với các bạn bè tâm đắc. Những người này là Spaun, Stadler, Holzappel và hơn một chục bạn học khác, họ đã giúp Franz Schubert mua giấy viết nhạc, yểm trợ tài chính và khuyến khích sáng tác.

Tại trường Convict, Franz Schubert học hỏi được các kiến thức âm nhạc căn bản, làm quen các bản khai khúc (overtures) và các bản giao hưởng (symphonies) của W.A. Mozart. Các giáo sư của ngôi trường nhạc cũng rất ngạc nhiên về thiên tài của cậu học trò Schubert, một người vừa e thẹn, vừa mơ mộng. Một trong các vị thầy đã nhận xét rằng Franz Schubert có vẻ như học thẳng từ Thượng Đế.

Cũng tại trường nhạc Convict, Franz Schubert đã tỏ ra có thiên tài về sáng tác. Bản Fantasia (for piano duet, D.1) (các bản nhạc của Franz Schubert đã được ông Otto Erich Deutch xếp theo mục lục và đánh số từ D.1) được ghi viết ngày 8/4 và 1/5/1810 (năm 13 tuổi), rồi qua năm 1811 là 3 bản thanh nhạc khá dài (D.5-D.7), một bản tứ hòa đàn dây (a string quartet, D.2) và bản Fantasia thứ hai cùng một số bài hát, tất cả

đã khiến cho ông thầy nhạc là nhạc sĩ Salieri phải khen ngợi tài năng của người học trò này, rồi ông Salieri quyết định dạy thêm cho Schubert về nhạc lý và sáng tác âm nhạc. Do ảnh hưởng của Thầy Salieri, các sáng tác âm nhạc tôn giáo đầu tiên của Franz Schubert đã phản ánh nét nhạc giáo đường của vị thầy này giống như các bản nhạc hát (songs) thuộc thời kỳ ban đầu.

Franz Schubert bắt đầu tham gia ngành nhạc thính phòng (chamber music) và các buổi hòa nhạc được thường xuyên tổ chức tại nhà vào ngày chủ nhật và các ngày lễ, với hai người anh chơi đàn vĩ cầm (violin), người cha chơi đàn hồ cầm (cello) còn Franz xử dụng đàn trung vĩ cầm (viola). Chính nhờ các buổi hòa nhạc thính phòng này mà về sau, Franz Schubert đã sáng tác nhiều cho loại âm nhạc đặc biệt này.

Franz Schubert cũng viết nhiều bản nhạc cho loại đàn pianoforte, bản Kyrie (D.31) và Salve Regina (D.27), bản nhạc hòa 8 kèn (octet for wind instruments, D.72, D.72q) để tưởng niệm ngày mẹ qua đời năm 1812, một bản cantata (D.110) dành cho ngày kỷ niệm tên thánh của cha và bản giao hưởng đầu tiên (D.82) vào lúc ra trường.

Vào năm 1818, Franz Schubert hoàn thành bản nhạc kịch (opera) đầu tiên (Des Teufels Lustschloss = D.84) và bản nhạc lễ (Mass) đầu tiên theo cung Fa trưởng (D.105). Cũng vào năm này còn có 3 bản tứ hòa đàn dây (string quartets), nhiều bản nhạc ngắn, đoạn đầu của bản Giao Hưởng thứ hai theo cung Si giáng trưởng (D.125), bản Giao Hưởng thứ ba theo cung Ré trưởng (D.200), 2 bản nhạc lễ (2 Masses, D.167 và D.324).

Các ngày đi học chấm dứt. Franz Schubert muốn theo gót cha trong nghề dạy học nhưng chàng thanh niên e thẹn này không thích hợp với cuộc sống nơi lớp học. Chàng ẩn mình trong cô đơn, trên căn gác gần nóc nhà, say đắm đọc các vần thơ trữ tình của các nhà thơ đầu tiên thuộc trường phái Lãng Mạn Đức. Và đúng như lời một người bạn đã nói: "mọi thứ mà Franz Schubert dính dáng vào đã trở nên các lời nhạc". Franz Schubert đã sáng tác nhạc tức thời một cách dễ dàng, giống như W. A. Mozart với các giai điệu diễn tả các ý tưởng trữ tình. Do cảm hứng từ các vần thơ của Johann W. Goethe, Franz Schubert vào tuổi 17, đã sáng tác trong một buổi chiều bản nhạc "Gretchen ngồi quay tơ" (Gretchen at the Spinning Wheel, D.118, phổ biến bằng tên Opus.2), rồi một năm sau và chỉ sau vài giờ đồng hồ, đã hoàn thành bản nhạc từ bài thơ Erlkoning, cũng của Văn Hào J. W. Goethe.

2/ Sinh sống nhờ các bạn tốt.

Vào tháng 12 năm 1814, Schubert quen nhà thơ Johan Mayhofer và mặc dù hai người khác biệt tính tình, họ đã kết bạn với nhau rất lâu năm: Schubert thẳng thắn, cởi mở, hân hoan, đôi khi bị trầm cảm còn Mayhofer là con người trầm mặc, yên lặng, coi cuộc đời là cảnh sống chịu đựng.

Vào năm 1815, một thanh niên trẻ tuổi thuộc một gia đình khá giả, tên là Franz von Schober, đã gặp chàng nhạc sĩ Schubert chơi đàn tại nhà của người bạn Spaun. Schober đã đề nghị cho Schubert ở nhờ mà không phải trả tiền thuê nhà, đây là một cơ hội tốt cho chàng nhạc sĩ bởi vì Franz Schubert mới bị từ chối khi nộp đơn xin làm nhạc trưởng tại Laibach. Nhờ có hoàn cảnh sinh sống này, Franz Schubert đã dồn

hết thời giờ vào công việc sáng tác, và chàng đã nói với các bạn: "tôi viết nhạc suốt ngày, và sau khi tôi hoàn thành một bản nhạc, tôi bắt đầu một bản khác".

Qua năm 1816, Franz Schubert đã viết xong 3 bản cantatas, 1 bản nhân ngày lễ kỷ niệm của Thầy Salieri vào ngày 16/6 (D.407), 8 ngày sau là bản cantata "Prometheus" (D.451) viết cho các học trò của G.S. Heinrich Spendou (D.472). Ngoài ra còn 2 bản giao hưởng mới: số 4 cung Đô thứ (N. 4 in C minor, D.417), còn được gọi là "Bản Giao Hưởng Bi Thương" (The Tragic Symphony) và số 5 cung Si giáng (N.5 in B-flat, D.485). Bản giao hưởng sau này vừa trong sáng, vừa tươi mới, giống như nét nhạc của A.W. Mozart. Thêm vào đó, Franz Schubert còn viết ra nhạc kịch tên là "Die Burgschaft" (D.435) và sáng tác hơn 100 bản nhạc hát (songs) trong đó có các bản với nguồn cảm hứng từ các lời thơ của Goethe và Schiller.

Trong thời gian này, số lượng các bạn bè của Franz Schubert tăng dần: ca sĩ Michael Vogl đã trình bày các bài hát của Franz Schubert tại các phòng nghe nhạc, Joseph von Gaby, một nhạc sĩ dương cầm tài ba, đã trình tấu các sonatas và fantasias, và gia đình Sonnleithners với người con trai đã từng theo học tại trường nhạc Convict, đã vì Franz Schubert thường hay tổ chức các buổi họp mặt âm nhạc (music parties) và các buổi gặp gỡ này đã được gọi là Schubertiaden. Các bạn bè khác cũng cung cấp cho chàng nhạc sĩ nhiều phương tiện vật chất, bởi vì Franz Schubert thường không có tiền trong túi. Chàng được bạn bè gọi tên một cách vui đùa là "Cây Nấm Nhỏ" (The Little Mushroom), bởi vì chàng

TÌNH EM

Yêu dấu gửi Mai

Cảm ơn em đã đến trong đời
Chia sẻ cùng tôi nỗi ngọt bùi
Từ thuở hàn vi sồn áo vải
Đến bây giờ tóc điểm sương phơi.

Năm chục năm bao ngày lận đận?
Thế thời đời đổi vẫn bên nhau
Biển dâu vẫn một niềm son sắt
Chung một tình sâu, một nghĩa sâu.

Hăm tám năm dài nương đất khách
Xót bao nước mắt, giọt mồ hôi
Trước sau vẫn một lòng chung thủy
Má ấp, vai kề bước sánh đôi.

Thăm cảm ơn Trời, tuổi bảy mươi
Mừng em yêu dấu mộng đêm cười
Vợ chồng hòa thuận vui con cháu
Thơ tạ tình em - hạnh phúc tôi .

Hoàng Song Liêm

Virginia 2003

chi cao 5 feet 1.5 inches, nhưng vóc người lại mập mạp.

Qua năm 1818, Franz Schubert đã nhận được lời hẹn gặp khi nộp đơn xin làm nhạc sĩ cho gia đình của Bá Tước Johan von Eszterhazy tại Ziezovec, Tiệp Khắc, vào thời gian đó còn nằm trong Đế Quốc Hungary. Trong năm này, Schubert đã sáng tác ra bản "Giao Hưởng cung Đô trưởng" (D.589), bản "Hành Khúc cung Rê" (Marche Militaire in D) và một vài nhạc khúc khác: Eismkeit (D.620), Marienbild (D.623) và Litaney.

Khi trở về thành phố Vienna, vì anh bạn von Schober không còn chỗ ở dành cho mình, nên Franz Schubert đến ở nhờ người bạn Mayrhofer. Vào mùa hè năm này, chàng nhạc sĩ đã cùng bạn Michael Vogl du lịch qua miền bắc của nước Áo rồi tại Steyr, Franz Schubert viết ra bản "Piano Quintet in A Major" (Bản Cá Hồi, The Trout, D.667).

Trong năm 1820, các sáng tác của Franz Schubert xuất sắc hơn nhờ nhạc phong (style) vững vàng và nhờ cách khai triển mới. Vào tháng 2 là bản Diễn Ca (oratorio) còn dang dở "Lazarus" (D.689), tiếp theo là một số sáng tác ngắn: bản "Psalm thứ 23" (the 23rd Psalm = D.706), bản "Gesang der Geister" (D.705) và bản nhạc đặc biệt "Wanderer Fantasy" dành cho đàn dương cầm (D.760).

Trong vòng hai năm, hai bản nhạc kịch (operas) của Franz Schubert đã được trình diễn tại Nhà Hát Lớn Karnthnerthor, đó là bản "Die Zwillingsbruder" (D.647) vào ngày 14/6 và bản "Die Zamberharfe" (D.644) vào ngày 19/8.

Các sáng tác dài của Franz Schubert chỉ được trình diễn do ban nhạc tài tử tại Gundelhof, ban nhạc này là một hội âm nhạc phát triển từ các buổi họp mặt gia

đình. Dần dần, các sáng tác của Schubert đã được dân chúng biết tới khi anh bạn Michael Vogl hát bản "Erlkonig" nhân một buổi hòa nhạc tại Nhà Hát Lớn Karnthnerthor vào ngày 8/2/1821. Tuy nhiên, các nhà xuất bản âm nhạc vẫn còn ngần ngại nhận in các sáng tác của Franz Schubert. Ông Anton Diabelli là một nhà phát hành, chỉ lãnh in vài sáng tác có tiền thù lao, rồi hợp đồng bị chấm dứt. Đây cũng là một khuyết điểm của giới thưởng thức âm nhạc của thành phố Vienna và trở ngại là do các nhà thương mại trung gian đã quá cẩn thận trong việc phổ biến tác phẩm.

Franz Schubert phải chịu đựng cảnh bị quên lãng trong ba năm và các sáng tác đã bị từ chối: bản "Alfonso und Estrella", bản "Fierabras" (D.796), bản "Die Verschworenen" (D.787) bị kiểm duyệt, bản "Rosamunde" (D.797) cũng gặp trở ngại, đây là sáng tác mang nét nhạc hấp dẫn nhất mà Franz Schubert đã từng viết ra.

Vào năm 1822, Franz Schubert đã có dịp làm quen hai nhạc sĩ danh tiếng là Carl Maria von Weber và Ludwig van Beethoven, nhưng không có tiến triển gì mặc dù Beethoven đã nói về Franz Schubert như sau: "Quả thực, ánh sáng của Thiên Tài đã ở trong anh chàng Schubert này" (Truly, the spark of Divine genius resides in this Schubert).

3/ Các năm cuối đời và các tác phẩm âm nhạc của Franz Schubert.

Năm 1823, Franz Schubert viết xong tập bản nhạc "Die Schone Mullerin" (D.795) phổ theo thơ của Wilhelm Muller. Các bản nhạc này cùng với tập bản nhạc viết năm 1827 "Winterreise" (D.911) được

coi là các sáng tác hạng nhất của Franz Schubert và của loại bản nhạc hát (Lied) của nước Đức.

Mùa xuân năm 1824, Franz Schubert viết bản nhạc rục rờ "Hòa tấu 8 đàn theo cung Fa" (Octet in F = D.803) rồi bản TẠ "Nhạc tiêu khiêu Hongroise" (Divertissement a l'Hongroise = D.818), bản "Tứ hòa đàn dây cung La thứ" (the String Quartet in A minor = D.804). Vào thời gian này, chàng nhạc sĩ cũng đam mê một cách tuyệt vọng cô học trò học nhạc là nữ bá tước Karoline Eszterhazy.

Franz Schubert tuy mắc bệnh với sân khấu nhưng cũng hoàn thành năm 1822 bản "Nhạc lễ theo cung La giáng" (Mass in A flat = D.678), và bản nhạc rất danh tiếng "Bản Giao Hưởng Dang Dở" (the Unfinished Symphony = Symphony No. 8 in B minor = D.759). Câu hỏi là tại sao bản giao hưởng này được gọi tên là "dang dở", đây là một vấn đề tranh luận và chưa được giải quyết. Ngoài ra, một bản nhạc khác tên là "Arpeggione" (D.821) cũng được coi là xuất sắc, ngày nay thường được trình tấu bằng đàn hồ cầm (cello) và dương cầm, ngoài các thứ đàn khác.

Năm 1825 là thời gian hạnh phúc của Franz Schubert. Cảnh nghèo khó của chàng giảm bớt, Schubert đã vui hưởng những ngày hạnh phúc tại miền bắc nước Áo và trong chuyến đi xa, chàng đã sáng tác "Các bản nhạc từ Sir Walter Scott" trong đó có bản nhạc danh tiếng "Ellens dritter Gesang" (D.839) mà ngày nay nhiều người thường biết tới bằng tên "Ave Maria". Franz Schubert còn viết ra vào thời gian này bản "Sonata dành cho dương cầm cung La thứ" (Piano Sonata in A minor = D 845, Op.42).

Trong thời kỳ từ 1826 tới 1828, Franz Schubert sinh sống tại thành phố Vienna và đôi khi đi tới miền Graz. Mùa đông năm 1825, chàng viết bản "Tứ hòa đàn dây theo cung Rê thứ" (String quartet in D minor = D.810) rồi qua năm 1826 là hai bản "Rondeau brilliant" dành cho dương cầm và vĩ cầm (D.895, Op.70), "Sonata dành cho dương cầm cung Sol" (Piano Sonata in G = D.894, Op.78), bản nhạc sau này đôi khi được in bằng tên "Fantasia".

Vào năm 1827, Franz Schubert viết tập nhạc "Winterreise" (D.911), "Fantasia for piano and violin in C" (D. 934), rồi qua năm 1828 là bản "Giao Hưởng theo cung Đô trưởng" (the C major symphony), bản "Nhạc lễ theo cung Mi giáng" (Mass in E-flat = D.950), bản nhạc rất hay "Tantum Ergo" (D.962), "Bản nhạc 5 đàn dây theo cung Đô" (String Quintet in C = D.956), ngoài ra còn một tập bản nhạc chỉ được xuất bản sau khi chàng nhạc sĩ đã qua đời: "Bài Hát Chim Thiên Nga" (Swan Song = D.957).

Trong khi Franz Schubert đang sáng tác một cách rất phong phú thì sức khỏe của chàng bị suy giảm. Chàng nhạc sĩ này đã mắc bệnh giang mai (syphillis) từ năm 1822, rồi bị nhiễm độc vì chất thủy ngân, bởi vì vào đầu thế kỷ 19, thủy ngân là thứ thuốc thường dùng để chữa bệnh kể trên. Tới tháng 11 năm 1828, Franz Schubert lại mắc bệnh sốt thương hàn (typhoid fever) nên qua đời vào ngày 19/11/1828 ở tuổi 31 trong căn phòng của người anh Ferdinand thuộc thành phố Vienna.

Do lời yêu cầu trước kia của chàng nhạc sĩ, Franz Schubert được chôn trong nghĩa trang Währinger, gần ngôi mộ của

Ludwig van Beethoven, là người mà chàng ngưỡng mộ trong suốt cuộc đời.

Vào năm 1888, cả hai ngôi mộ của Beethoven và Schubert được chuyển về nghĩa trang Zentralfriedhof và gần đó là nơi an nghỉ của hai nhạc sĩ danh tiếng Johann Strauss (cha) và Johannes Brahms.

Năm 1838, nhạc sĩ Robert Schumann nhân một chuyến đi thăm thành phố Vienna, đã tìm ra một bản thảo của Franz Schubert đầy bụi: bản "Giao Hưởng cung Đô trưởng" (C major Symphony = D.944) rồi mang về thành phố Leipzig và bản nhạc này được nhạc sĩ Felix Mendelssohn trình tấu.

Các sáng tác của Franz Schubert đã bị quên lãng tới mùa thu năm 1867 khi Sir George Grove và Sir Arthur Sullivan đã tới thành phố Vienna và tìm ra 7 bản giao hưởng của Schubert, bản Rosamunde, vài bản nhạc lễ (Masses) và nhạc kịch (operas), một số bản nhạc thính phòng cũng như rất nhiều bản nhạc ngắn khác.

Nhạc sĩ lừng danh Franz Liszt đã dùng 50 bản nhạc của Franz Schubert, chuyển soạn cho đàn dương cầm và đã tuyên bố: "Franz Schubert là Nhạc Sĩ thơ mộng nhất đã từng sinh sống trên thế gian" (the most poetic musician who has ever lived).

Franz Schubert là nhạc sĩ đã sáng tác nhiều tác phẩm âm nhạc rất rực rỡ, hấp dẫn và trên mộ chí của chàng hiện này còn thấy ghi khắc hàng chữ: "Nơi đây, một kho tàng âm nhạc đã bị chôn lấp"../.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

CÂY MUÀ THU VỚI NGƯỜI

Cây đã sống qua mùa đông rét mướt
Hứng tuyết sương nuôi cành mới đâm chồi
Trong âm thầm nấn nót nụ hoa tươi
Chờ dâng hiến cho đời bao sắc thắm

Cây đã sống qua mùa xuân êm ấm
Đón nắng hồng tô màu lá thêm xanh
Đón gió đưa nhẹ nhẹ lá ru cành
Cành với lá nâng niu chum hoa nở

Cây đã sống qua mùa hè nắng đỏ
Chờ Hạ vàng trên thân nám da khô
Vẫn hoài mong cho trái chín ai chờ
Trái ngọt mát dù thân cây cần cỗi

Cây đã sống qua mấy mùa thay đổi
Xuân có vui và Đông có lạnh lùng
Giữa hạ nóng cây có khát hay không?
Khi đã vắt cho đời bao giọt nước

Cây có mỏi, nên khi hè vừa bước
Thu vội về để nhận lá vàng rơi
Thu ru cây ngủ giấc chết bên đời
Tim nhựa sống mong ngày hồi sinh mới

Người nhìn cây có bao giờ tự hỏi
Cây với người ai gian khổ hơn ai?
Lá trên cây còn có những lần thay
Người trợn kiếp được mấy lần ngơi nghỉ

Nếu người được mùa thu ru giấc ngủ
Rũ nhọc nhằn năm tháng bám trên vai
Người sẽ đi không ngại quãng đường dài
Để làm lại những gì còn dở vỡ.

HUYỀN MAI HOA

AUTUMN TREES AND HUMANS

Trees have passed through the cold winter,
To nourish budding branches, receiving mist and snow.
In silence they create fresh flowers
To offer life so many beautiful colors to glow.

Trees have experienced the warm spring,
Welcoming rosy sunlight greener leaves to render,
Hosting the wind to softly lull the boughs
As twigs and blades cosset the blooms' splendor.

Trees have subsisted through the sand season,
Bearing summer on trunks tanned and barks dry,
Still waiting for ripe fruits so long longed for,
The fresh sweet produce, being stunted to defy.

Trees have survived so many changing periods,
Feeling merry in spring and numbed in cold.
Do trees suffer thirst in sultry summer
After dripping for life so many drops of water gold?

Do trees sense fatigue so when summer just left
Autumn hurries back to accept falling yellow leaves?
Autumn lulls trees to a deadly sleep on the sidelines,
Awaited resuscitation, to seek for sap that achieves.

Have humans, looking at trees, ever wondered:
Trees or humans are to endure more displeasure?
Leaves on trees can be changed many times;
How many times may humans all life rest at leisure?

If humans were lulled by autumn to sleep
To cast off their shoulders what has been downbeat,
They would advance up in spite of long distances
To perfect everything that is still incomplete.

Verse translation by **THANH-THANH**

Đoạn Trường Tân Thanh: tác phẩm tư tưởng của Việt Nam và của nhân loại

NGUYỄN THÙY

Gia trị ‘Đoạn Trường Tân Thanh’ trước nay đã được nói nhiều về mọi lãnh vực : nghệ thuật, đạo đức, nhân đạo, triết lý, tâm lý, lịch sử, xã hội, chính trị,... Nhưng, theo người viết, tất cả những giá trị đó mới chỉ là những phần ‘ngoại diện’ hay chỉ là những cái đên sau, mặc nhiên đên, những cái cục bộ, từng phần tất yếu nằm sẵn trong cái ‘chung cùng’ bao quát toàn diện, toàn trình’ mà Nguyễn Du muốn phỏ vào tác phẩm. Cái ‘chung cùng, bao quát, toàn diện, toàn trình’ đó là cái gì ? Xin thưa, đây là *tư tưởng Nguyễn Du* được gởi vào tác phẩm và vì thế, nên, theo người viết, ‘*Đoạn Trường Tân Thanh là một tác phẩm tư tưởng*’. Và vì là tác phẩm tư tưởng nên Đoạn Trường Tân Thanh không chỉ là tác phẩm của riêng dân tộc Việt Nam mà còn là của chung nhân loại vì đề cập đến mọi thắc mắc của chung nhân loại xưa nay cùng nói lên hướng giải quyết những thắc mắc đó.

Câu hỏi đặt ra : *Do đâu có thể bảo ‘Đoạn Trường Tân Thanh’ là tác phẩm tư tưởng* ? Xin được trả lời qua những phần sau đây (nơi đây chỉ xin nói tổng quát một số điều; tư tưởng ND trong ĐTTT còn nằm nơi một số từ ngữ và lời thơ không chỉ đẹp về lời mà còn mang chở bao ý nội hàm sâu sắc, xin không trung dẫn để tránh dài dòng).

A.- Trước tiên do nhan đề tác phẩm : từ *Cự Thanh sang Tân Thanh*.

* **Tại sao Nguyễn Du đặt tên cho tác phẩm là ‘Đoạn Trường Tân Thanh’ ?**

Từ ngày tác phẩm được ra đời, dân gian thường gọi là **Truyện Kiều** chứ không mấy gọi là ‘Đoạn Trường Tân Thanh’. Nhiều bản in ấn do các học giả hoặc do cả các cơ quan Văn hóa, Giáo dục của Chính Phủ hay Nhà Nước đôi khi cũng lấy tên là ‘Truyện Kiều’ và dù có dùng đúng nhan đề tác giả đã đặt, nhưng cũng không mấy để ý lý do nào Nguyễn Du đã đặt tên cho tác phẩm phóng tác của mình là ‘**Đoạn Trường Tân Thanh**’.

Cả bốn từ ‘**Đoạn Trường Tân Thanh**’ có thể hiểu theo hai cách. Trước tiên là ‘*Tiếng kêu mới (làm) đứt ruột*’, hiểu như thế này thì chỉ giới hạn nơi câu truyện, nơi cuộc đời Kiều thôi và chắc không đúng với nội dung tư tưởng nơi tác phẩm vì đoạn trường mà Kiều trải chịu chưa hẳn là những đoạn trường cùng cực nơi cõi tại thế, hơn nữa, cuộc sống Kiều có phải chỉ toàn là đoạn trường đâu vì nàng đã trải qua bao lúc sung túc, vinh quang, thêm nữa cũng không nêu rõ tại sao lại là ‘tiếng kêu mới’. Cách hiểu thứ hai : từ ‘Đoạn trường’ ‘nơi đây làm định ngữ’, ta sẽ bảo : ‘*Tiếng kêu mới về đau khổ*’ hay ‘*Tiếng kêu mới của đau khổ*’. Dĩ nhiên, đau khổ không tự nó lên tiếng kêu, vậy ‘Đoạn Trường Tân Thanh’ là ‘**Tiếng kêu mới của con người về đau khổ**’.

Tân Thanh là ‘tiếng mới’ mà ‘tiếng’ là ‘âm thanh’ dù là tiếng gì. Từ ‘âm thanh’, con người tạo nên ‘ngôn ngữ nói’ rồi ‘ngôn ngữ viết’.

Ngôn ngữ, theo nghĩa phổ thông là ‘*hệ thống dấu hiệu dùng làm phương tiện truyền đạt, thông giao*’ (1). Theo Martinet : “ *Ngôn ngữ là quan năng của con người thông giao với nhau bằng âm hiệu*” (2). Định nghĩa theo hai cách trên là căn cứ trên cái ‘Dụng’ thông thường của ngôn ngữ. Hiểu ở bình diện cao hơn, theo thể điệu M. Heidegger : ‘*Ngôn ngữ là ngôi nhà của Đạo Thể. Trong ngôi nhà đó, con người cư ngụ. Những nhà tư tưởng và thi sĩ là những người canh giữ chỗ cư ngụ đó. Sự canh giữ của họ là công trình viên đạt mới hiển lộ của Đạo Thể ; qua thể điệu và cách nói của họ, họ mang chở mới hiển lộ đó vào ngôn ngữ và bảo lưu nó trong ngôn ngữ*’ (3). Hiểu như thế, thì chính ngôn ngữ làm hiển lộ Đạo Thể (hay Tính thể) nơi hiện thể. Đạo Thể được hiểu là ‘*uyên nguyên sinh thành vạn hữu và cư ngụ nơi mỗi thứ hiện hữu (mỗi hiện thể, mỗi pháp) để đưa vạn hữu trở lại với mình*’. Đạo học Đông Phương đã bảo : ‘**Vạn vật đồng nhất thể, Vạn hữu bản lai đồng**’ và ‘**Tất cả khởi đi từ Một để trở về trong Một**’. Kinh sách Phật giáo, Ki-Tô giáo cũng nói như thế (xin không dẫn chứng để tránh dài dòng). Theo M. Heidegger, chỉ riêng nhà tư tưởng và thi sĩ mới nghe ra và viên thành sự hiển lộ của Đạo Thể qua ngôn ngữ.

Nhưng ngôn ngữ không chỉ Tiếng và Từ, Lời và Câu, Văn và Điệu mà là Cách Nói (le Dire) của họ. Cách nói của nhà Tư tưởng và thi sĩ thể hiện cách nói của Tư tưởng (le dire de la pensée) nghĩa là cách thể hiện của tư tưởng vào hoạt sinh, vào cõi tại thế. Theo Parménide, ‘*tư tưởng và Đạo thể là một*’ (4). Theo Đạo học, Đạo Thể là

cái Nguồn gốc sinh thành vũ trụ. Cái nguồn gốc đó thể hiện nơi cõi thế gian qua tư tưởng và tư tưởng được giải bày qua ngôn ngữ tức cách nói của nhà tư tưởng và thi sĩ.

Cách nói của Nguyễn Du qua ‘Đoạn Trường Tân Thanh’ chính là ngôn ngữ Nguyễn Du và ngôn ngữ Nguyễn Du qua tác phẩm này, diễn đạt ‘*tiếng kêu mới về đoạn trường*’ tức ‘**cái nhìn mới**’, cái ‘**Ý nghĩa mới của đau khổ**’ về cuộc đời, về hiện hữu tại thế, có khác với cái nhìn cũ, cái ‘nhìn cựu thanh’ xưa nay . Do đó mà ông đặt tên cho tác phẩm là ‘Tân Thanh’.

‘Đoạn Trường Tân Thanh’ là ‘*tiếng kêu mới về đoạn trường*’. Tiếng đoạn trường mới không là tiếng than khóc mới mà hay một đoạn trường mới nào khác tiếp theo cái đoạn trường đã có mà là cái ‘nhìn mới’ về đoạn trường. Cũng là cuộc sống bi đát của Kiều, cũng là tâm thân trôi nổi, bèo bọt của Kiều -của kiếp người nói chung-nhưng Thanh Tâm tài nhân cũng như mọi người xưa nay đã nhìn theo cái ‘đoạn trường cũ’, cái ‘đoạn trường cựu thanh’ ; Nguyễn Du đã nhìn ra cái ‘tiếng mới’ trong cái cũ đó. Từ cái nhìn ‘cựu thanh’ về đau khổ, Nguyễn Du đã nhìn ra cái ‘tân thanh’ của đau khổ để phóng tác ‘Kim-Vân-Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân thành ‘Đoạn Trường Tân Thanh’.

Cuộc sống vốn khổ, cuộc đời vốn khổ, nhà Phật đã bảo thế, triết lý Đông Tây cũng bảo thế, hiện thực cuộc sống, cuộc đời từng người, từng dân tộc, quốc gia và chung cho cả nhân loại đã minh chứng điều đó. Cái khổ, cái đoạn trường muôn đời xưa nay vẫn thế : bịnh tật, nghèo nàn, nợ nần, thất nghiệp, thất tình, thất chí, bị coi thường, dèm pha, phỉ báng, đố kỵ, khinh khi, bị bóc lột, bị chà đạp oan ức, bị hạ nhục, bị tù tội, bị hành thân hoại thể, bị bắt làm tôi đòi, nô lệ, không nguồn cảm thông, không nơi nương tựa, sống vô gia cư, chết vô

địa táng, bị bắt buộc phải làm trái ý mình, bị đẩy vào đường cùng thế bí, con gái phải kiếp giang hồ, con trai phải vòng lao lý,..., nghĩa là mãi mãi lo lắng, hãi hùng, buồn đau, bi lụy, thấp thỏm, bồn chồn cho cuộc sống bây giờ và ngày tới.

Cuộc sống nào rồi cũng lần quẩn mãi trong một tiết điệu hao mòn, tẻ tãi : sinh ra, lớn lên, làm việc, học hành, đấu tranh, cưới vợ, gả chồng, sinh con đẻ cái, hoạt động mưu sinh, hiến mình cho lý tưởng, buông tuồng theo khoái lạc, ví dụ đời phương tiện, thời trang, mưu giàu, mưu lợi, mưu sự nghiệp, công danh, tiếng tăm, hạnh phúc,... ; vui phút chốc, buồn triền miên, thành công ngắn ngủi, thất bại nã nê, sướng khổ, buồn đau liên tục,.. rồi già nua, chết chóc, từ thời ông tăng, ông tổ đến đời cha, đời mẹ, đời con, cháu, chắt, chít..., bao giờ cũng thế, cũng thế !

Ngay cả những kẻ đã thành công một thời, uy thế, tiếng tăm lẫy lừng một thuở, lúc tuổi đời bóng xế có sống thong thả yên vui, có được mọi người nhắc đến, hâm mộ kỳ công, thành tích ; lúc chết có được bao khách thập phương đưa đón, điếu tang với nhiều vòng hoa tưởng niệm, thì, thật ra, lúc bóng ngả tà huy, không khỏi lạnh buồn, u uẩn trong hoài cảm ngày qua và trong nhát nhòa hiện tại. Nhất là lúc nhìn thành tích mình đã bị vượt qua, lúc kỳ công của mình ít nhiều bị phủ nhận, lúc thời thế đổi thay, trào lưu chuyên khác rồi đến tuổi cuộc đời không khỏi tự lự, buồn đau, u hoài lênhênh phơ phất trong ‘nỗi buồn tại thế’ không nguôi, nhất là kiểm điểm lại bao lỗi lầm đã gây ra cho cha mẹ, vợ con, đồng bào, đất nước, quê hương, luân thường, đạo Thúy Kiều, Kim Trọng từ lúc *“Tiên thế cùng thảo một chương, ...trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”* thì cuộc tình hai người xem như hoàn hảo, tốt đẹp vô cùng.

lý..., rồi ân hận, dày vò. Chính vì thế mà người ta thường quan niệm cuộc sống, cuộc đời là bể khổ, là hí trường phù du, tạm bợ, giả hoặc, vô thường, là giấc mộng, cơn mơ, mối nợ, sống là gọi, thác là về,...

Vâng, cuộc sống, cuộc đời là những thể hiện đó, không sai, nhưng ‘do đâu, tại sao, để làm gì, dẫn về đâu’ thì chưa có lời giải đáp. Nguyễn Du đã giải đáp những thắc mắc đó.

‘Tân Thanh’ nơi Nguyễn Du là ‘ngôn ngữ mới’, và ‘ngôn ngữ mới’ nơi đây là ‘cái nhìn mới’, cái ‘ý nghĩa mới’ của đau khổ. Cũng những đau khổ đó nhưng trước nay người ta nhìn theo cái ‘nhìn cũ’, cái *‘đoạn trường cữu thanh’*, cho đây là những cái dĩ nhiên, những cái tất định, không thể nào thoát ra được vì không đau khổ này thì đau khổ khác, có thay đổi bộ mặt, thay đổi mức độ, tính chất nhưng chung quy vẫn là đau khổ. Mượn tất cả những ‘đoạn trường cữu thanh’ của Kiều, của Hoạn, của Kim Trọng, Từ Hải, Thúc Sinh, của Sở Khanh, Bạc Bà, Bạc Hạnh (ngoại trừ Vải Giác Duyên và Sư Tam Hợp), Nguyễn Du muốn đưa dẫn chúng ta về một cái ‘nhìn mới’ về đau khổ nên đặt tên tập truyện là **Đoạn Trường Tân Thanh**. **Cái nhìn mới đó**, nói theo nhà Phật là *“Phiền não là Bồ đề, Khổ đau là Giải thoát”*. Cái nhìn mới về đau khổ đó cũng được Jésum nói đến qua **bài giảng trên núi về Tám Mối Phúc**, miễn là biết *“Trăm năm để một tấm lòng từ đây”* như Kiều.

*** Lý do Nguyễn Du phóng tác ‘Kim Vân Kiều truyện’ của Thanh Tâm tài nhân : Cuộc tình từ ‘Có thành Không’ chuyển sang ‘Không trong Có’ :**

Hai người, trong tâm thức, đã là *‘một thịt’*, hai người đã *‘cùng có trong nhau’* hoàn toàn *‘chưa chẵn gối cũng vợ chồng’*. Nhưng rồi, cuộc đời oái oăm bề gãy tình duyên đôi lứa.

Kim Trọng phải về Liêu Dương hộ tang chú ; Kiều phải bán mình chuộc cha. Mười lăm năm không gặp lại, mười lăm năm cả hai sống trong tưởng nhớ, ngậm ngùi. Cuộc tình thể là **'từ Có thành Không'**.

Mười lăm năm sau, tái hợp, *'mười lăm năm mới bây giờ là đây'* và *'động phòng dầu đặt chén môi'* nhưng *'Lọ là chẵn gối mới ra sắt cầm'*. Cả hai cùng **có** bên nhau, *'cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao hoan'*, cùng ăn chung nằm chạ, thể mà không là vợ chồng (khác với trước : *'chưa chẵn gối cũng vợ chồng'*). Cái gì lạ ? Một màn hài kịch ? *Cuộc tình đã chuyển từ 'Có trong Không' sang thành 'Không trong Có'*.

Chúng ta muốn thể nào ? Chúng ta muốn *'Có trong Không'* hay muốn *'Không trong Có'* ? Sở hữu mà không sở hữu, không sở hữu mà sở hữu ? Qui luật kinh tế nào giải thích được chẳng ? Cuộc đời đã đưa cuộc tình hai người từ 'Hữu vào Không', buộc hai người phải sống cái 'Hữu trong Không' để kết cục dẫn về cái 'Không trong Hữu'. Liệu có thể bảo theo lời Kinh Duy Ma : **'bất trụ vô vi, bất tận hữu vi' ?**

Một điều nữa, kết thúc câu truyện khiến ta liên tưởng đến lời Chúa Jésus : *'Vi đến khi sống lại, người ta không lấy vợ cũng không lấy chồng, song những kẻ sống lại là như thiên sứ trên trời vậy'* (Ma : 22-30). Thiên sứ là trạng thái sống 'hữu trong không' và 'không trong hữu' cùng lúc. **Kiều đã 'sống lại'** (cái chết của nàng là cái chết hụt, cái chết của nàng không là cái chết đoạn kiếp, đổi kiếp, hóa kiếp để đầu thai sang một kiếp khác), nàng 'sống lại trong cuộc đời này với môi tình ngày trước nhưng trong một trạng thái khác trước, trạng thái 'Không trong Có'.

Chính cái kết cục lạ lùng của câu truyện đã khiến Nguyễn Du chú ý vì hợp với tư tưởng lâu nay của ông, tư tưởng của

con người *'Thiên tuế trường ưu vị tử tiên'* (câu thơ chữ Hán của ND : 'Trước khi chết vẫn lo nghĩ, ưu tư chuyện nghìn sau'). Chính cái kết cục kỳ lạ này đã khiến Nguyễn Du phóng tác 'Kim Vân Kiều truyện' của Thanh Tâm tài nhân mà không phóng tác một tác phẩm nào khác trong vườn Văn học Trung Hoa cũng như không sáng tác một truyện nào tương tự dù ông biết cuộc sống truân chuyên, chìm nổi của bao hồng nhan bạc phận vì tất cả những cuộc sống đó, ngay cả của chính ông, của cô Kiều hay của bất kỳ ai đều chỉ là **'Đoạn trường cữu thanh'** mà thôi. (Xin đừng ốm ờ nghĩ rằng biết đâu chẳng đã có một 'xao động lượng tử' (flux quantique, xin mượn một từ của Khoa học) đã khiến xảy ra cuộc làm tình giữa hai người dù Kiều không muốn thì Kim Trọng cũng đã hẫng ép liễu nài hoa ? Xin đừng đánh giá Nguyễn Du quá thấp như vậy để khỏi mang tội hạ nhục tác giả và tác phẩm). Xin không đi xa hơn để nói đến cảnh giới sống của xã hội nhân loại mai này với một thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa,... khác với hiện nay.

Chỉ riêng với hai điều kể trên - cái nhìn mới về đoạn trường và kết thúc lạ lùng của câu truyện - Nguyễn Du đã phỏ vào cho Truyện Kiều hai tư tưởng sau đây :

1) **Sống là đau khổ nhưng chính cái đau khổ của cuộc sống, cuộc đời sẽ giải thoát ta khỏi đau khổ.** Diễn tiến nhân sinh sẽ đến thời điểm chấm dứt đoạn trường và bao nhiêu lý do, điều kiện, sự vụ con người tạo đau khổ tội lỗi cho nhau sẽ chấm dứt để mở ra một cảnh giới hay một trạng thái sống mới không còn đau khổ nữa. Điều này, Nguyễn Du đã nói qua Đạm Tiên -hình ảnh cuộc đời đau khổ- lúc nàng bảo với Kiều vừa được vãi Giác Duyên vớt lên từ sông Tiền Đường : *'Đoạn trường số rút tên ra, Đoạn trường thơ phải đem mà trả*

VIỆT NAM, TỔ QUỐC CỦA TA

Thuở xa xưa trống đồng con chim Lạc
Chàng Long Quân trăm trứng gái Âu Cơ
Rừng thiêng biển rộng lăng miếu đình cờ
Gấm vóc giang sơn trăm ngàn nỗi nhớ
Chiều quê hương băng lãng điệu Nam Bình
Đèo quanh co trời bình nguyên trở gió
Thuyền ra khơi nghìn hải đảo trùng trùng
Đất bằng khuâng núi biển cũng tương phùng
Mây theo gió và trăng trôi theo nước
Tổ quốc ta ngàn năm sau nghìn năm trước
Ánh bình minh sáng rọi Lý Lê Trần
Có những đêm trừ tịch ánh sông Ngân
Có những buổi ngựa về reo chiến thắng
Đòi áo cơm! Tự do và bình đẳng!
Chống xâm lăng và giữ vững sơn hà!
Đất nước Việt Nam! Tổ quốc của ta
Giã Trường Sơn chạy dài reo huyền bí

Có những nỗi buồn bên kia thế kỷ
Trời âm u trên chừ S hoang đường
Giã Trường Sơn nổi sóng Thái Bình Dương
Từ đó lớp người đi không trở lại
Áo giáp binh đao ngược đường quan ải
Hồn vọng phu tình sững vạn nỗi sầu

Âm vang xưa vọng lại tiếng vó câu:
Thành quách cũ rêu phong đình miếu đổ
Trang sử buồn gợi nhớ chuyện An Tiêm
Con dao đau chém lia trái dưa đỏ
Bờ anh em khúc ruột bỗng phân chia
Và từ đó khởi đầu trang sử nhục
Của Cha Rồng trăm trứng với Mẹ Tiên
Của đôn đau tủi nhục ưu phiền
Trang sử chẻ những giong sông máu chảy
Biển Rồng sâu trôi xác mẹ thân em

Đêm nay đây trăng sáng tỏ bên thềm
Bao oan trái gửi về quê đất Việt
Trong yêu thương với những lời tha thiết
Mong một ngày vui cho Tổ quốc Việt Nam
Mong yêu thương xóa bỏ những oán hờn!
Mong sum họp xưa tan niềm chia cắt
Mong đường vui nối lại với đường Tim

Xin Thượng Đế và hồn thiêng sông núi
Ban sum vầy cho dân tộc Việt Nam

April 1996
Hồ Thành Đức

nhau'' để từ nay cuộc sống, cuộc đời hoàn toàn sung sướng với ''*Duyên xưa đây đây phận phúc sau đời dào*''.

2) **Tài và Mệnh không còn đổ kỵ, tương khắc, tương xung mà hài hòa, hảo hợp**

nhau. 'Tài' là tài sức, khả năng từng người để lo cho cuộc sống riêng của mình ; 'Mệnh' là cuộc đời tức cuộc sống chung của tất cả mọi người trong xã hội, nói rõ hơn là 'môi trường xã hội, môi trường đồng loại', là 'cõi người ta' (trăm năm trong cõi người ta - Kiều - Không nên hiểu 'Mệnh' là

số mệnh, định mệnh). Con người vì cần thiết của Sự Sống, kết hợp nhau, tạo nên xã hội để vừa hợp tác vừa cạnh tranh nhau. Cạnh tranh xã hội là điều tất yếu và là động lực cho xã hội tiến bộ văn minh nhưng lại luôn luôn tạo nên thế tranh chấp thường trực giữa cuộc sống, cuộc đời tức giữa cá nhân với xã hội dù trong từng đơn vị nhỏ nhất như gia đình, đoàn thể rồi đến quốc gia, dân tộc, rộng hơn nữa là cộng đồng nhân loại. Do thế tranh chấp đó mà con người cùng xã hội luôn luôn bất an, đau khổ. Những đau khổ của cuộc sống cuộc đời trở thành đa dạng, lớn dần lên theo đà văn minh. Sự tranh chấp, tương xung giữa tài và mệnh, giữa cuộc sống, cuộc đời, giữa cá nhân và xã hội sẽ đến thời điểm chấm dứt do diễn tiến tiến hóa của nhân sinh. Nguyễn Du đã tiên đoán, hay đúng hơn, đã nhìn ra điều đó. Mở đầu tác phẩm bằng hai câu thơ nói lên tính cách ‘đố kỵ’ giữa tài và mệnh : ‘*Trăm năm trong cõi người ta, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*’, Nguyễn Du đã kết thúc tác phẩm bằng câu ‘*Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai*’ (câu 3246) tuy có mượn ý nhà Phật để lý giải về chữ Tâm.

(Còn tiếp)

Phụ lục : Thi hào Pháp Victor Hugo, theo người viết, có lẽ cũng trong những cảm nhận như Nguyễn Du, đã báo hiệu giờ chấm dứt mọi đoạn trường để nhân sinh được sinh thành trở lại (sống lại) trong một kỷ nguyên mới, trong một cảnh giới mới tức vào thời điểm ‘**muôn vật đổi mới**’ theo Thánh Kinh Ki-Tô giáo. Trong đoạn cuối bài trường thiên ‘*Bên bờ Vô hạn*’ (au bord de l’infini), thi hào đã viết :

Tout sera dit. Le mal expirera, les larmes Tariront ; plus de fers, plus de deuils, plus d’alarmes ;

*L’affreux gouffre inclément
Cessera d’être sourd, et bégaiera : qu’entends-je ?
Les douleurs finiront dans toute l’ombre ; un ange
Criera : Commencement !*
(Les Contemplations, nrf Poésie, Gall. Paris 2002, trang 407)
Mọi điều sẽ được nói (5). Điều xấu cáo chung, lệ buồn
Chấm dứt ; không còn xiềng xích, tù công, tang ma, lo lắng
Hồ thắm khát khe không còn cầm nín (mà) bập bẹ ‘tôi nghe gì ?
Đau khổ nhân sinh tan đi trong mọi vùng bóng tối
Thiên sứ từ cao reo tiếng gọi mời:
Khởi nguyên!

Chú thích :

- 1) Tout système de signes pouvant servir de moyen de communication – André Lalande : Vocabulaire technique et critique de la philosophie.
- 2) Le langage est la faculté qu’ont les hommes de s’entendre au moyen de signes vocaux – Xem André Vergez và Denise Huissaman: Petite dictionnaire de la Philosophie, les abc du Bac.
- 3) Le langage est la maison de l’Être. Dans son abri, habite l’homme. Les penseurs et les poètes sont ceux qui veillent sur cet abri. Leur veille est l’accomplissement de la révéabilité de l’Être ; en tant que par leur dire, ils portent au langage cette révéabilité et la conservent dans le langage – M. Heidegger : Lettre sur l’humanisme trong Questions III, Gall. Paris 1973, trang 74.
- 4) C’est la même chose que penser et être – Xem La pensée grecque của Léon Robin, éd. Albin Michel, Paris 1973, trang 110.
- 5) ‘sẽ được nói’ (sera dit) có nghĩa là ‘sẽ được giải bày, sẽ được trở thành hiện thực’.

TUÔNG CỖ TỊCH DƯƠNG

Chôn gương tráng sĩ biệt quê hương
Tàn cuộc hồn mang nặng vết thương
Chiến địa vừa tan hồi trống trận
Cấm thành vắng bật bóng quân vương
Quần thần thất tán miền quan ải
Cung nữ dạn dày chốn gió sương
Hoài vọng đàn ngân thương ngọc vỡ
Điệu tình ai oán giữa tà dương

họa

Một thuở đang nồng với lửa hương
Đổi đời đau đớn cuộc tang thương
Quê hương bỏ lại bao lưu luyến
Đất nước xa rời triệu vắn vương
Lưu lạc đường xiêu chân mỗi gối
Lần mò ngõ vắng tóc pha sương
Cánh bèo trôi nổi theo cơn sóng
Lưng cúi mắt mờ bóng tịch dương

Lý Hiểu Phan Khâm

NỎI LỬA NUÔI TIẾC

Bóng tối bữa vây lạnh quảng trường
Quanh đời bỗng lạ đáng yêu thương
Hoang mang; gió bắc vàng đô thị
Hoảng loạn; cờ sao đỏ phố phường
Vết cắt hận thù da chẳng khép
Mây mù lịch sử lệ còn vương
Ai về nỏ lửa cho hồn ấm ?
Viếng mộ vô danh giữa chiến trường.

họa

Nhớ tuổi hoa niên dưới mái trường
Bao nhiêu kỷ niệm quá thân thương
Đạp xe hò hẹn qua đầu phố
Kẹp sách tung tăng tới cuối phường
Xao xuyên con tim nghe trống giục
Sững sờ vật áo ngó mây vương
Ngày xanh trời đã đem đi mất
Khép lại màn nhung lạnh hí trường.

Lý Hiểu Phan Khâm

CHIỀU THƠ NHẠC PARIS

Nguyễn Mây Thu

Chủ nhật ngày 02-06-2013, tại nhà thờ Saint Hippolyte, nằm trên đại lộ Choisy, Paris quận 13. Một buổi sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật chủ đề : "Chiều Thơ Nhạc Paris" đã được Chi Hội Phụ Nữ Âu Cơ Paris tổ chức.

Mở đầu chương trình là nghi lễ chào quốc kỳ và một phút mặc niệm. Hội trưởng Chi Hội Phụ Nữ Âu Cơ Paris, chị Trần Thúy Phương cũng là MC ngỏ lời chào quan khách, nói qua về ý nghĩa buổi sinh hoạt chiều nay, đồng thời giới thiệu những khách tham dự gồm có : LS, Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đăng Trình và phu nhân đến từ Canada, GS,TS Trần Văn Cảnh, GS,TS âm nhạc Quỳnh Hạnh, GS Trịnh Khải và phu nhân, GS Trịnh Văn Giao và phu nhân, BS Phan Khắc Tường Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Tại Pháp, BS Nguyễn Bá Hậu và phu nhân, BS Nguyễn Bá Linh, BS Nguyễn Văn Thanh, Nhà biên khảo Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Niên trưởng Hướng Đạo Đỗ Đăng Di, Châu Văn Lộc, Ông Lê Minh Triết, Ông Nguyễn Cao Đường Ban Đại Diện Cộng Đồng, Ông Trần Minh Răn Văn phòng Liên Đối Xã Hội, Công Thiêm, Phạm Văn Đức Tập Thể Chiến Sĩ VNCH Âu Châu, Nhà thơ Đỗ Bình, Bích Xuân, Việt Hoài Phương, Mây Thu Đại diện tạp chí Cỏ Thơm, Bạch Sương Đại diện tạp chí Nguồn, Nhạc sĩ Michel Tùng và phu nhân, Nhạc sĩ Minh Nhật, Nhạc sĩ Trần Văn Trung, Ca sĩ

Đình Đại, Nghệ sĩ Thúy Hằng, Ca sĩ Cathy Huệ, Nhiếp ảnh gia Đoàn Quốc Tiệp, Guillaume Phan, Đạo diễn Trần Song Thu...

Diễn giả, Nhà thơ Đỗ Bình được mời lên nói về Thơ và Nhạc, ông phát biểu như sau: *"Thơ và nhạc là hai nghệ thuật riêng biệt khác nhau nhưng khấn khít nhau làm say đắm lòng người. **Thơ là nghệ thuật của lời. Nhạc là nghệ thuật của âm thanh.** Trong thơ có chứa tư tưởng, triết lý, tôn giáo, hội họa, âm nhạc... những chất liệu trong cấu trúc để hình thành thơ như ngôn từ, hình tượng, vần điệu, niêm luật, ẩn dụ, hoán dụ v.v.... Riêng thơ Việt Nam hay thơ Trung Hoa đều có thêm chất nhạc. **Âm nhạc là một môn nghệ thuật dùng âm thanh làm ngôn ngữ để diễn đạt tư tưởng và tình cảm của con người.** Ngày nay người ta còn dùng âm nhạc để trị liệu bệnh tâm thần (musicothérapie). Âm nhạc gồm những đặc tính như cao độ, trường độ, âm sắc v.v... những ký hiệu đòi hỏi ghi lại hình nốt để nghe những giai điệu được diu dặt khoan thai như bước vào một cõi mộng. Riêng thơ chưa có một định nghĩa nào rõ ràng làm mẫu mực. Người ta chỉ cảm nhận **thơ là một nghệ thuật của một nghệ thuật phát xuất từ cảm xúc của tâm hồn.** Thơ phổ nhạc là nghệ thuật đem thêm âm hòa với âm thanh sẵn có trong thơ, hoặc thay đổi âm thanh của thơ chuyển thể thành những nốt nhạc để hát..."* Nhà thơ Đỗ Bình đã minh họa phần tính nhạc qua những bài Đây Thôn Vỹ Dạ của Thi sĩ Hàn Mặc Tử, Qua Đèo Ngang của Nữ sĩ Bà Huyện Thanh

Quan, Áo Lụa Hà Đông của Thi sĩ Nguyễn Sa. Tiếp theo nhà thơ Phương Du Nguyễn Bá Hậu nói về Những Nét Đẹp Trong Thi Ca, ông cho rằng một bài thơ hay phải hội đủ nhiều yếu tố: *"giàu vần, giàu điệu, lời hay ý đẹp, có thể ngẫu nhiên tức là những đối thanh, đối ý trong câu"*. Ngoài ra nhà thơ Phương Du còn nói đến **điệu hát xẩm**, là những bài hát của những nghệ sĩ mù thường dùng lời ca để tìm kế sinh nhai, mọi người cùng lắng nghe giọng ca ngâm thật cảm động "Bài Hát Xẩm" trích trong Thi tập Tình Thương của tác giả: *"Non nước ơi! Kể từ khi ta dần thân ra đi lưu lạc chốn quê người, sâu chia ly, sao chưa cạn, mà cuộc đời buồn bã cứ qua trôi... Non nước ơi! Dân tình ta trông thật là đời rách, thảm thương: ăn chẳng đủ no, mặc không đủ ấm, đau yếu thì thường chẳng có thuốc thang... Non nước ơi! Luông gió tự do, mai đây thời tới, sẽ quét sạch phi phùng, tha hương ta lại lên đường trở về kiến thiết quê cha..."*.

MC Trần Thúy Phượng với nụ cười rất tươi, thay đổi chương trình bằng giọng ca trầm ấm của Ca sĩ Đình Đại, bài "Chiều Trên Phá Tam Giang" nhạc Trần Thiện Thanh phổ thơ Tô Thùy Yên. Một nhạc phẩm được nhiều người ưa thích, viết vào thập niên 70, trong giai đoạn chiến tranh khốc liệt của Việt Nam, ở đó nổi bật nhất vẫn là tình yêu nhưng nhớ của thanh niên thiếu nữ trong thời chiến. Những dòng nhạc này rất phong phú về giai điệu lẫn ca từ, cho đến ngày nay vẫn còn hợp thị hiếu của thính giả trong cũng như ngoài nước. Nhạc sĩ Michel Tùng hòa âm cùng tiếng sáo của Nhạc sĩ Trần Văn Trung để ca sĩ Đình Đại trình bày tiếp theo nhạc phẩm của Phạm Đình Chương: "Nửa Hồn Thương Đau" và anh được thính giả yêu cầu trình bày thêm

nhạc phẩm "Em Đến Thăm Anh Đêm Ba Mươi" của Vũ Thành An.

Nhà thơ Bích Xuân tiếp nối chương trình, diễn ngâm bài "Áo Lụa Hà Đông", thơ Nguyễn Sa, sau đó chị "gọi nắng về" bằng nhạc phẩm "Giọt Nắng Bên Thềm", nhạc và lời của Thanh Tùng.

Bài "Tương Tư", thơ Nguyễn Sa, được Nghệ sĩ Thúy Hằng diễn ngâm cùng với tiếng đàn tranh của GS,TS âm nhạc Quỳnh Hạnh. Khung cảnh trong gian phòng thật ấm cúng với những đóa hoa cúc vàng cắm trong bình sáng lên dưới ánh đèn ửng màu hồng tím. Giáo sư Quỳnh Hạnh đầu đội khăn vàng, cô quần phụ-la vàng kim tuyến làm nổi bật màu áo nhung tím hài hòa cùng màu áo tím in hoa lan huệ của Nghệ sĩ Thúy Hằng thật vô cùng thanh nhã. Giọng ngâm của nhà thơ Đỗ Bình tiếp theo với "Đôi Mắt Người Sơn Tây", thơ Quang Dũng, phảng phất một chút Quách Đàm hay Hoàng Thư làm thính giả cùng lắng nghe say sưa, tưởng như nơi đây là Sài Gòn của những tối nào xưa trên đài phát thanh trong chương trình Thi Văn Tao Đàn của Thi sĩ Đình Hùng. Đến lượt Giáo sư Quỳnh Hạnh vừa ngâm vừa dạo đàn tranh bài thơ lục bát "Tiền Chân Anh Khóa" của cụ Á Nam Trần Tuấn Khải và trình bày tiếp theo nhạc phẩm "Mùa Hoa Anh Đào" của nhạc sĩ Thanh Sơn. Ca sĩ Cathy Huệ tiếp nối chương trình với nhạc phẩm "Nắng Chiều" của Lê Trọng Nguyễn, Nhạc sĩ Michel Tùng dạo đàn cùng tiếng khẩu cầm của Nhạc sĩ Trần Văn Trung. Nhạc phẩm tiếp theo của Trần Thiện Thanh "Mùa Đông Của Anh" cũng do Cathy Huệ trình bày.

Nhạc Tiền Chiến hay Nhạc Vàng?
Hai danh từ này bỗng dưng được đem ra

tranh luận sôi nổi. Ông Phạm Văn Đức, Tập thể Chiến sĩ VNCH tại Châu Âu đã nêu ra câu hỏi: *"Tại sao gọi là Nhạc Vàng? Danh từ Nhạc Vàng có xuất xứ từ đâu?"* Giáo sư Quỳnh Hạnh trả lời: "Nhạc Vàng bắt nguồn từ Nhạc Tiền Chiến thời Đoàn Chuẩn, Từ Linh... ca từ và hòa âm rất hay, rất đáng trân trọng. Đa số các học sinh trường quốc gia âm nhạc thường chọn để làm chuẩn". Theo Đỗ Bình: " Trong dòng lịch sử tân nhạc Việt Nam đã mấp mé gần thế kỷ khởi từ những nhạc sĩ đầu tiên như Nguyễn Văn Tuyên, Nguyễn Xuân Khoát, Văn Chung, Lê Yên, Doãn Mẫn, Văn Cao, Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Lê Thương, Hoàng Quý... Những giai điệu quê hương mang tính lãng mạn trữ tình của dòng nhạc tiền chiến được những nhạc sĩ đã từng học nhạc Tây Phương và đã đem những dòng nhạc Tây Phương vào hòa với dòng Dân Nhạc của Việt Nam vì tính chất nhạc Việt Nam dựa trên nền âm nhạc ngũ cung chỉ có 5 nốt, trong khi nhạc Tây Phương có đến 7 nốt. Ở giai đoạn đó, nhạc ngũ cung lấy chất liệu từ các thể điệu dân ca như Ca Dao, Hát Nói Ca Trù, Hát Quan Họ... Sau này người ta đem dòng nhạc Tây Phương vào để có được nhiều nốt hơn, giàu giai điệu hơn. Ngôn ngữ của Việt Nam có nhiều thay đổi đã xuất hiện nhiều cụm từ và chữ mới, do đó cấu trúc âm nhạc từ giai điệu, tiết tấu, hòa âm có thêm chất liệu giúp cho việc sáng tác những ca khúc thêm màu sắc, phong phú hơn...".

Ông Phạm Văn Đức giải thích rằng: *"Sở dĩ có danh từ Nhạc Vàng là do khi Cộng Sản chiếm miền Nam họ mới phân biệt, bởi vì nhạc của ta là nhạc tình cảm. Nhạc Vàng là tên gọi của Cộng Sản dành*

cho chúng ta. Nhưng cho đến nay khắp cả toàn dân toàn nước đều hát, bởi vì Nhạc Vàng đi vào lòng người".

Nhà thơ Phương Du đưa ý kiến : "Nhạc Vàng là nhạc trữ tình. Vì màu Vàng là màu đẹp, cho nên Thế Lữ mới có câu: "Hỡi cô tát nước bên đàng, Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?" Và Nguyễn Du có câu: "Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng".

Ông Châu Văn Lộc, Niên trưởng hướng đạo Nam Quan, cũng đồng ý với ông Phạm Văn Đức: "Nhạc vàng có từ khi có Cộng Sản. Đầu tiên là Nhạc tiền chiến rồi tới Nhạc cải cách hay Nhạc hiện đại. Nhạc Vàng là từ của Cộng Sản, có từ sau 1975". Sau đó ông trình bày nhạc phẩm "Thăm Những Vùng Đất Mang Tên Anh" của cố nhạc sĩ Thanh Sơn: *"Thị trấn buồn cao nguyên cheo leo. Gió buốt miền đất đỏ mù sương. Kontum đây với những kiêu hùng. Kia Charlie núi rừng thung lũng, Về Chu Pao hát ca ngợi Ko Man. Dak Lak ngày nào còn hiên ngang! Sẽ thấy một ngày Quê Hương ta hòa bình. Màu cờ Việt Nam phát phối thêm đẹp xinh. Hỡi những ai người da chung màu vàng. Mau hãy xây dựng quê hương với nhau. Sẽ thấy một ngày quê hương ta hòa bình. Để nhìn cọng rau cây lúa được bình yên. Hãy hát ca mừng anh em một nhà. Địa sử oai hùng Việt Nam quê hương ta! "*. Liên tiếp theo đó, "Đoàn Người Lữ Thứ" là một nhạc phẩm nổi tiếng của nhạc sĩ Lam Phương viết năm 1954, nói lên cảm xúc của những đồng bào di cư miền Bắc, cùng thời với Chuyên Đò Vĩ Tuyên, Nhạc Rừng Khuya, Nắng Đẹp Miền Nam, cũng được trình bày. Tiếng hát hòa cùng với tiếng vỗ tay nhịp nhàng của thỉnh

giả trong gian phòng âm cúng theo từng giai điệu của bản nhạc nghe thật hào hùng và cảm động, tiếp theo là bài "Sài Gòn Xa Hoa", viết năm 1948.

Nhạc sĩ Minh Nhật cùng đến tham dự với nhạc phẩm "Thu Quyên Rũ" của Đoàn Chuẩn và Từ Linh.

Được biết vào năm 1986, hội Văn Hóa đã tham dự ngày quốc tế văn hóa Symbiose nhằm giới thiệu văn hóa dân tộc VN với các dân tộc khác sống trên xứ Pháp, nhà nhiếp ảnh Nguyễn Đăng Trình là một thành viên của hội, được mời làm khách danh dự triển lãm tại Đại Hội Nhiếp Ảnh Vương Quốc Bỉ ở Charleroi. Năm 1987, ông được vào triển lãm 2 tháng liền trong Musée Français de la Photographie, Bièèvres. Luật sư Nguyễn Đăng Trình là một nhà nhiếp ảnh đam mê, từng đoạt giải nhì quốc tế UNESCO, và nhiều giải nhất về nhiếp ảnh cơ trung tại Pháp. Khi rời khỏi VN ông mang theo được một số âm bản chụp nhiều cảnh VN trước và sau năm 1975, qua Pháp ông làm ảnh bằng kỹ thuật mới trong phòng tối và phóng lớn. Lúc đó VN hoàn toàn bị cắt đứt với thế giới bên ngoài, những hình ảnh Nguyễn Đăng Trình mang theo là một không gian VN thu hẹp. Do đó, viện bảo tàng chấp nhận và đã mở cánh cửa cho ông đem hình vào viện triển lãm. Năm 1988, ông được mời sang tận Museum Volkenkude Rotterdam và Museum Groningen Hoà Lan triển lãm 4 tháng liền. Hiện nay LS, Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đăng Trình, người đã từng hợp tác sinh hoạt với Nhà thơ Đỗ Bình vào khoảng năm 1987, đang định cư ở Montréal, Canada, vẫn bấm máy nhưng không còn triển lãm, trước khi chia tay, ông đã có vài lời phát biểu:

"Chúng tôi ở cách đây xa một đại dương hơn mười ngàn cây số, hôm nay được sinh hoạt lại với không khí đầy tình thân ái trong tinh thần văn nghệ sống động. Thật là một duyên may cho chúng tôi, được thấy lại, được sống lại một khoảng thời gian trước kia khi chúng tôi cùng với nhóm anh Đỗ Bình đã triển lãm ở Musée Français de la Photographie, ở Rotterdam, ở Charleroi bên Bruxelles... Tôi xin cảm ơn Chi Hội Phụ Nữ Âu Cơ Paris đã tạo cơ hội cho chúng tôi được sống lại không khí sống động như ngày hôm nay mà ở Montréal chúng tôi không có được như vậy".

Chương trình kết thúc vào khoảng 18h30. Mọi người cùng chia tay trong vui vẻ hân hoan. Sau nhiều ngày mưa gió triền miên, chủ nhật hôm nay là một ngày nắng đẹp.



Nguyễn Mây Thu
(Paris)

Mùa Thu Mây Bay

Nhạc và Lời: Tạ Bình

Chậm, êm đềm



1. Mùa Thu mây bay, hoa lá phai màu -Sao em nhạt phấn, héo sần đôi
2. Mùa Thu em đi, mây tím buồn man. Dây tơ lạc phím, tiếng chuông thang



môi. Buồn mang mang, trong ánh mắt xa vời. Bâng khuâng tình
âm. Minh anh mơ trong nét bút âm



nhớ tơ trời mong manh. Mùa Thu em thăm -Thu phai tàn



úa, đôi giòng từ đây. Mây Thu bay bay, tình em mê

say, buồn này anh có hay. Riêng em lệ
 đắng men rượu nồng chua cay, cho mẹ mừng hôm nay.
 Tâm tư se sắt, du âm một thời, một trời yêu đương.
 Em về bên ấy, vương vương tình buồn, lạc bước cô đơn.
 Chiều nay Thu sang, buồn tiếng tơ đàn. Cường xưa tìm
 bóng tháng ngày âm vang. Đường em đi trên lối ngát hoa
 ...đôi ngăn cách giấc mộng
 vàng - Hay em quanh quẽ, bẽ bàng duyên tơ... Đường chia...
 đời - Em ơi còn nhớ... những ngày Xuân vui.

11/62

Mời quý vị nghe Như Hương trình bày Mùa Thu Mây Bay ở link này:
<http://cothommagazine.com/nhac/TaBinh/MuaThuMayBay-TB-NH.mp3>

NGƯỜI CHUYÊN MÔN CƯỜI

HEINRICH BOLL

Heinrich Boll sinh tại Cologne (Đức) vào năm 1917 và mất năm 1985, là một trong những nhà văn hậu chiến rất nổi tiếng của nước Đức. Ông nhận giải Nobel về văn chương vào năm 1972.

Truyện ngắn sau đây được chuyển ngữ theo bản dịch Anh ngữ của Leila Vennewitz với nhan đề "The Laughter".

*

Vì người ta thường coi tôi là một người đứng đắn đàng hoàng nên khi có ai đó hỏi tôi rằng tôi làm nghề gì thì tôi thật là lúng túng: tôi đỏ mặt lên và nói năng lắp bắp ngay. Tôi thấy như ghen với những người mà họ có thể trả lời thoải mái: tôi là thợ hồ. Tôi ghen tức với những người thợ hớt tóc, những anh chàng thư ký kế toán và những anh chàng viết văn vì câu trả lời của họ thật là đơn giản, chính cái nghề của họ đã tự nói lên là họ làm công việc gì rồi mà chẳng cần "dài dòng văn tự" để giải thích gì thêm, trong khi tôi thì bó buộc phải trả lời những câu hỏi trên rằng: "Tôi là một người chuyên môn cười." Khi thú nhận như thế rồi thì lập tức bao giờ tôi cũng phải trả lời thêm một câu hỏi thứ hai: "Thế bạn kiếm sống bằng cách đó à?" Tôi thành thật trả lời: "Đúng vậy!" Tôi hiện tại đúng là đang kiếm sống bằng tiếng cười của tôi đấy, mà kiếm chác ngon lành là đàng khác nữa, vì tiếng cười của tôi - nói theo giọng lười kinh doanh - đang ăn khách trên thị trường.

Tôi là một chuyên viên cười, cười xuất sắc, lại kinh nghiệm đầy mình, chẳng có kẻ nào khác có thể cười giỏi như tôi được,

chẳng có ai cười mà có thể đạt tới tột đỉnh nghệ thuật như tôi.

Có một thời gian dài, để tránh khỏi phải giải thích lòng thông chán ngấy, tôi đã tự gọi tôi là một diễn viên, nhưng tài nghệ của tôi trong lãnh vực kịch câm và kịch nói thì lại xoàng xĩnh lắm khiến tôi cảm thấy gọi như thế không ổn, xa vời sự thật quá. Tôi yêu sự thật và sự thật là: tôi là một người chuyên môn cười.

Tôi chẳng phải là một chú hề, cũng chẳng phải là một diễn viên hài kịch. Tôi không làm cho bà con cô bác khoái chí, vui vẻ, tôi chỉ diễn tả sự vui nhộn thôi: tôi cười như hết một vị hoàng đế La Mã, hay cười kiểu giống y như một chú học trò nhậy cảm, tôi cười thoải mái giống kiểu cười thể kỷ thứ 17 cũng như thể kỷ thứ 19, và đôi khi vì nhu cầu tôi có thể cười theo bất cứ kiểu cười của thể kỷ nào, bất cứ tầng lớp xã hội nào, bất cứ loại tuổi tác nào: đó chỉ thuần là một sự khéo léo mà tôi đã thu thập được, tương tự như sự khéo tay sửa dây, dẹp vẩy. Trong lồng ngực của tôi chất chứa tiếng cười của Mỹ Châu, của Phi Châu, tiếng cười của dân da trắng, da đỏ, da vàng và nếu được trả một khoản tiền tương xứng thì tôi sẽ cười vang vang lên theo đúng với lời yêu cầu đặt hàng của ông giám đốc.

Tôi đã trở nên quan trọng rồi. Tôi cười để thâu vào đĩa hát, tôi cười để thâu vào băng, và các ông giám đốc truyền hình đối xử với tôi một cách kính nể. Tôi cười một cách sâu thẳm, ôn hòa hay điên dại. Tôi cười như một ông tài xế lái xe điện hay như một gã phụ việc trong tiệm thực phẩm. Có tiếng cười kiểu bình minh, kiểu hoàng hôn và kiểu đêm tối. Nói tóm tắt lại: người ta cần cười ở bất cứ nơi nào, cười bất cứ kiểu nào, tôi sẽ làm chuyện đó.

Thật khó mà vạch ra cho mọi người thấy rằng một cái nghề như thế này thì chán mớ đời, nhất là đối với tôi đó lại là một nghề

chuyên môn, tôi đã lên đến tột đỉnh của nghệ thuật gây tiếng cười. Điều này cũng khiến cho tôi trở thành cần thiết để giúp cho các diễn viên hài kịch hạng ba hay hạng tư khi các anh chàng này có lý do chánh đáng sợ rằng khán giả của họ không phá ra cười với những câu pha trò vào lúc chót của câu chuyện. Bởi thế tôi hầu như mỗi đêm phải đến các hộp đêm, các phòng trà ngồi làm cò mời kín đáo, công việc của tôi là cười vang lên trong những đoạn yếu nhất của chương trình để mọi người nghe thấy mà cười theo. Cần phải "canh me" mà tính toán giờ giấc cẩn thận: tôi phải cười cho thật lớn, thật mạnh, không sớm quá nhưng cũng đừng trễ quá, phải cười đúng lúc, đúng thời điểm đã sắp xếp trước. Tôi phá ra cười, toàn thể các khán giả sẽ rú lên cùng cười theo tôi và như thế cái vụ pha trò, giễu dờ của anh chàng diễn viên sẽ được cứu vãn. Nhưng riêng phần tôi, tôi mệt mỗi lê chân ra phòng để áo, mặc áo khoác vào và lòng cảm thấy vui sướng vì cuối cùng dầu gì thì mình cũng vừa hoàn thành xong nhiệm vụ.

Ở nhà, tôi thường nhận được những bức điện tín gửi cho tôi: "Khẩn cấp. Cần tiếng cười của anh. Ghi âm thứ ba" và một vài giờ sau là tôi đã chui vào ngồi trong một chuyến xe lửa tốc hành quá nóng nực để mà than vãn cho cái số phận của mình.

Tôi cũng cần phải nói thêm rằng những lúc ngoài giờ làm việc hay khi đang đi nghỉ hè thì tôi lại có khuynh hướng cười rất ít: những kẻ chăn bò chỉ vui khi họ quên bò của họ, người thợ nề chỉ vui khi quên đi vôi vữa, và các anh chàng thợ mộc thì thường thường lại có cái cửa ra vào hay những ô kéo bị kẹt, khó mở, những tay làm bánh mút lại khoái đồ chua, những anh chàng hang thịt lại ưa bánh hạnh nhân, và người làm bánh thì thích thịt nhồi hơn là bánh, những tay đấu bò thích nuôi chim bồ câu làm thú giải trí, những võ sĩ quyền Anh mặt

tái đi khi thấy con cái mình bị chảy máu mũi. Tôi thấy tất cả đều là chuyện bình thường, vì chính tôi chẳng bao giờ cười lúc ngoài giờ làm việc. Tôi là một người nghiêm túc và mọi người coi tôi - có lẽ đúng vậy - là một gã bi quan.

Trong những năm đầu của cuộc sống hôn nhân bà vợ tôi thường nói với tôi: "Cười lên chứ!" nhưng rồi kể từ đó bà vợ tôi hiểu ra rằng tôi chẳng thể chiều ý bà ấy được. Tôi cảm thấy sung sướng khi tôi được thoải mái khỏi phải lên gân mặt, được thoải mái tinh thần. Thật vậy, ngay cả lúc người khác cười thì cái cười ấy cũng tác động đến đầu óc của tôi, vì nó gọi cho tôi nhớ đến nghề nghiệp của mình. Chính vì thế mà cuộc hôn nhân của chúng tôi hoàn toàn trầm lặng và an bình, bởi vì bà vợ tôi cũng quên mất cả cười rồi. Thịnh thoảng tôi chợt bắt gặp vợ tôi mỉm cười và tôi cũng cười mỉm theo. Chúng tôi trò chuyện với nhau bằng một giọng nhỏ nhẹ, bởi vì tôi ghét cay ghét đắng cái tiếng động ồn ào của các hộp đêm, các phòng trà, ghét cái âm thanh đôi khi âm ỉ vang rền lên khắp cả phòng thu thanh. Những người nào không biết rõ tôi lại nghĩ rằng tôi là kẻ suy tư, ít nói. Có lẽ tôi như vậy đó, bởi vì tôi đã phải há miệng ra để cười quá nhiều rồi.

Đời tôi trôi qua với những nét biểu lộ tình cảm trơ lạnh như vậy. Thịnh thoảng tôi cũng có cười nhẹ nhàng chút đỉnh và tôi thường tự hỏi không biết mình đã từng biết cười bao giờ chưa nhỉ? Tôi nghĩ rằng không. Các anh chị em của tôi lại coi tôi như một đứa rất nghiêm trang.

Bởi thế tôi có thể cười đủ các kiểu khác nhau, nhưng chính tôi, tôi không có được một nụ cười nào cho riêng cá nhân mình.

TÂM MINH NGÔ TANG GIAO

(chuyển ngữ)

Autumn Woods

I like the woods
 In Autumn
 When dry leaves hide the ground,
 When the trees are bare
 And the wind sweeps bye
 With a lonesome rushing sound.
 I can rustle the leaves
 In autumn
 And I can make a bed
 In the thick dry leaves
 That have fallen
 From the bare tree
 Overhead

James S. Tippett

Rừng Vắng Sang Thu

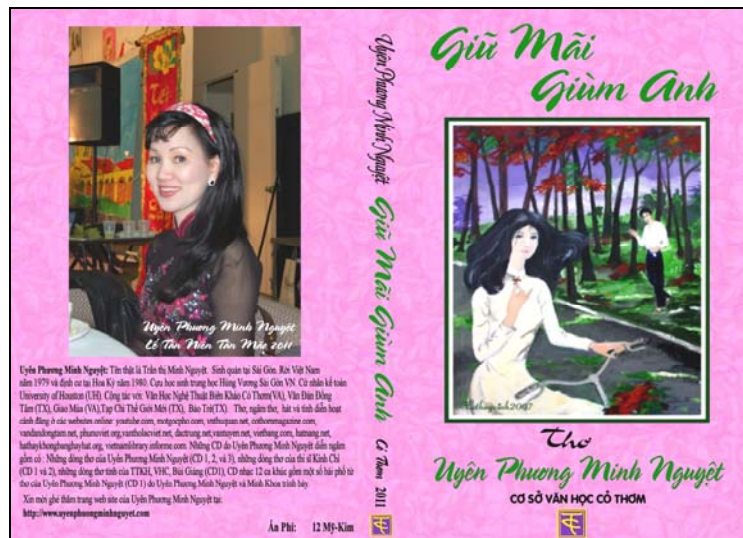
Thương làm sao rừng xanh nơi chốn vắng
 Trời vào Thu xơ xác cảnh hoang tàn
 Lá héo khô thoi thóp ngập đường hoang
 Cây trơ trụi nắc nùng cơn nuối tiếc

Gió về ngang ru lời buồn da diết
 Hồn đơn côi gió thét buốt mây ngàn
 Tôi bước đi vọng nghe tiếng thở than
 Thu lại đến dòng sầu vương khoé mắt

Gom túi hờn vào lá khô chông chất
 Trải thành giường uơm nổi nhớ dằng dầy
 Lá vẫn rơi theo nhịp điệu cuồng say
 Cảnh dầy chết Thu trong tôi trống vắng

Uyên Phương Minh Nguyệt

CỔ THƠM GIỚI THIỆU



Liên lạc Uyên Phương Minh Nguyệt : ttnm2nguyet@yahoo.com

NHỮNG GIAI ĐIỆU VÀNG

Đỗ Bình

Từ thuở hồng hoang xa xưa khi con người chưa xuất hiện trên trái đất thì gió vẫn vi vu trên đồi, biển vẫn rì rào tiếng sóng, và rừng vẫn xào xác lá. Những tiếng động va chạm phát ra trong thiên nhiên thoảng nghe chỉ là những tạp âm, nhưng nếu tất cả những âm thanh đó cùng hòa nhịp, quyện với nhau thì biết đâu chẳng phải là bản giao hưởng tuyệt vời mà tạo hóa đã ban cho con người? Trái đất có ý nghĩa hơn từ khi con người xuất hiện làm cho cuộc sống vui lên, nhờ trí khôn của con người và sự đa cảm của những tâm hồn nghệ sĩ biết rung động trước cái hay cái đẹp của thiên nhiên. Nhạc sĩ nhờ có thính giác thẩm âm phân biệt được các âm sắc, biết vận dụng kỹ thuật chất lọc các âm thanh phối hợp thành một thứ nghệ thuật gọi là âm nhạc làm ngôn ngữ; để diễn đạt tư tưởng và tình cảm của con người. Ngày nay người ta còn dùng âm nhạc để trị liệu bệnh tâm thần (musicotherapy). Âm nhạc gồm những đặc tính như cao độ, trường độ, âm sắc v.v... những ký hiệu hình nốt diễn tả những cảm xúc của nhạc sĩ qua những giai điệu du dặt khoan thai như thả hồn vào một cõi mộng. Từ những cánh buồm xa khơi thấp thoáng dần khuất trong bóng hoàng hôn, đến cơn mưa chiều rả rích trên phố... Chỉ những hình ảnh ấy cũng đủ gợi nguồn cảm hứng cho nghệ sĩ vút hồn tận chốn ngàn khơi để nghe trùng dương thì thầm lời biển cả, hay nghe tiếng mưa buồn tí tách như lời thở than. Tâm hồn nghệ sĩ thật nhạy bén, dù sự rung động của con tim mỗi người có khác

nhau nhưng tính đam mê vẫn chót vót, hòa điệu chung cuộc sống như giọt nước long lanh trong nắng tỏa sắc muôn màu.

Trong dòng lịch sử tân nhạc Việt Nam đã gần thế kỷ khởi từ những nhạc sĩ đầu tiên như **Nguyễn Văn Tuyên** (*Kiếp Hoa, Bông Cúc Vàng*), **Nguyễn Xuân Khoát** (*Bình Minh, phổ thơ Thế Lữ*), **Lê Yên** (*Bẽ Bàng, Nghệ Sĩ Hành Khúc, Ngựa Phi Đường Xa*), **Thắm Oánh** (*Khúc Yêu Đường, Đôi Oanh Vàng, Xuân Vè*), **Nguyễn Thiện Tơ** (*Giáo Đường In Bóng, Trên ường Vè, Nhấn Gió Chiều*), **Dương Thiệu Tước** (*Vàng Trắng Sáng, Ang Mây Chiều, Ngọc Lan, Tiếng Xưa, Đêm Tàn Bến Ngự...*), **Lê Thương** (*Bản Đàn Xuân, Hòn Vọng Phu 1,2,3, Tiếng Thu, phổ thơ Lưu Trọng Lư*), **Văn Chung** (*Bóng Ai Qua Thềm*), **Doãn Mẫn** (*Biệt Ly, Gió Xa Khơi, Hương Có Nhân*), **Đan Trường** (*Trách Người Đi*), **Văn Cao** (*Thu Cô Liêu, Buồn Tàn Thu, Thiên Thai, Trương Chi, Suối Mơ*), **Hoàng Quý** (*Cô Láng Giêng, Chiều Quê*), **Nguyễn Đình Phúc** (*Lời Người Lãng Tử, Cô Lái Đò, phổ thơ Nguyễn Bính*), **Tử Phác** (*Tiếng Hát Quay Tơ*), **Lương Ngọc Châu & Tử Phác** (*Tiếng Hát Lênh Đênh*), **Phan Huỳnh Điểu** (*Trầu Cau*), **Đặng Thế Phong** (*Đêm Thu, Con Thuyền Không Bến, Giọt Mưa Thu*), **Nguyễn Văn Thương** (*Đêm Đông, Bướm Hoa*), **Hoàng Giác** (*Lỡ Cung Đàn, Khúc Hát Thương Bình*), **Trần Hoàn** (*Sơn Nữ Ca*), **Tô Hải** (*Nụ Cười Sơn Cước*), **Việt Lang** (*Tình quê hương*), **Nguyễn Mỹ Ca** (*Dạ Khúc*), **Phạm Duy** (*Cô Hái Mơ, phổ thơ Nguyễn Bính, Cây Đàn Bỏ Quên, Chinh Phụ Ca*), **Tô Vũ** (*Anh*

Đến Thăm Em Một Chiều Mưa, Tạ Từ), Nguyễn Văn Tý (Dư Âm), Nguyễn Văn Khánh (Nỗi Lòng), Hoàng Trọng (Đêm Trăng, Một Thuở Yêu Đàn, Chiều Tha Hương, Dừng Bước Giang Hồ), Nguyễn Hiền (Người Em Nhỏ, phổ thơ Thiệu Giang, Anh Cho Em Mùa Xuân, phổ thơ Kim Tuấn, Ngàn năm mây bay), Thông Đạt (Ai Về Sông Tương), Tu My (Tan Tác), Anh Việt (Bến Cũ), Lê Mông Nguyên (Trăng Mờ Bên Suối, Quê Tôi, Bài Thơ Huế), Lê Trạch Lựu (Em Tôi), Đoàn Chuẩn & Từ Linh (Ánh Trăng Mùa Thu, Lá Thư, Tà Áo Tím, Thu Quyển Rũ, Chuyển Bến, Lá Đỏ Muôn Chiều),...vv... Dòng nhạc tiền chiến với những giai điệu mang tính lãng mạn trữ tình ảnh hưởng của dòng nhạc bán cổ điển Tây Phương, nhất là nhạc Pháp do các danh ca, trong đó có danh ca: Josephine Becker, Tino Rossi với những giai điệu trữ tình Foxtrott,

Valse, Tango: C'est À Capri (1934), Il Pleut Sur La Route (1935), Marinella (1936) thể điệu rộn rã vui tươi, J'attendrai (1937), Ave Maria (1938) giai điệu dịu dặt khoan thai, Ecis Moi (1945), J'ai deux Amours, Mon Pays et Paris ... Thời đó có một số ít nhạc sĩ đã từng học nhạc Tây Phương nên đã đem những dòng nhạc ấy vào hòa với dòng Dân Nhạc của Việt Nam thành cổ kim hòa điệu. Tính chất nhạc Việt Nam dựa trên nền âm giai ngũ cung chỉ có 5 nốt, lấy chất liệu từ các thể điệu dân ca như Ca Dao, Hát Nói, Hát Quan Họ... trong khi nhạc Tây Phương âm giai 7 nốt lại giàu giai điệu, do đó càng về sau, hướng sáng tác ca khúc càng chịu nhiều ảnh hưởng dòng nhạc Tây Phương. Nhạc sĩ không chỉ đơn thuần viết cho ca khúc mà có người còn viết cho những dòng nhạc giao

hưởng đại hòa tấu có cấu trúc nhạc rất phức tạp, đòi hỏi phần hòa thanh, âm sắc phong phú. Hơn nữa ngôn ngữ của Việt Nam có nhiều thay đổi đã xuất hiện nhiều cụm từ và chữ mới, do đó cấu trúc âm nhạc từ giai điệu, tiết tấu, hòa âm có thêm chất liệu giúp cho việc sáng tác những ca khúc thêm màu sắc, giai điệu đẹp. Những ca khúc có từ thời tiền chiến được phổ biến ở Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố lớn miền Bắc trải dài cho đến năm 1954 thì chịu chung số phận đau thương chia cắt của đất nước. Nền văn nghệ của miền bắc bị cưỡng bách o ép một chiều, điển hình là vụ án «Nhân Văn Giai Phẩm», giới văn nghệ sĩ không những bị cấm sáng tác mà còn bị cầm tù, có người bị nhốt nhiều năm dài ! Văn học nghệ thuật cũng có lúc hưng thịnh, lúc suy vi, âm nhạc cũng thế, gặp lúc trái thời dù cho dòng nhạc đậm tình quê hương đang được công chúng say đắm, tính nghệ thuật đã lôi cuốn lòng người bởi những ca khúc trữ tình lãng mạn, giai điệu mượt mà ca từ như một bài thơ, thể mà nhạc sĩ và tác phẩm bỗng nhiên tắt nghẹn, đành phải lẩn khuất trong xô tổi sống hăm hiu, nhưng vẫn bị chính quyền Cộng Sản lôi ra kết tội là “phản động” vì nhạc Vàng mang tính bi lụy, giai điệu ẻo lả, ca từ ủy mị chỉ biết than thở không mang tính đấu tranh theo tinh thần “cách mạng”! Người ta đã mang chính trị vào nghệ thuật, biến nó thành một thứ công cụ tuyên truyền cho quyền lực, nghĩa là phải viết những ca khúc đầy tính chiến đấu sát máu, nghệ sĩ phải đoạn lìa thứ chủ nghĩa cá nhân, nghệ thuật vị nghệ thuật, mà phải hướng về tình yêu Nước, yêu Đảng nên các văn nghệ sĩ bị dày vò tả tơi ! Vì sự hệ lụy đó dòng Nhạc Tiền Chiến đã biến mất một thời gian khá dài ở miền Bắc, và sau 1975 trên toàn qu

huong, nhưng qua thế kỷ mới vì nhu cầu mở cửa để đón nhận những luồng gió mới trên thế giới du nhập vào Việt Nam, văn nghệ cõi trời, dòng nhạc Vàng từ cõi chết sống dậy, được khôi phục giá trị. Những ai đã từng là nạn nhân của văn hóa Vàng này, hôm nay đọc lại những cuốn sách cũ, hát lại dòng nhạc xưa chắc lòng không khỏi ngao ngán buồn tiếng thở dài? Năm xưa có một nhạc sĩ ở Sài Gòn chỉ vì cất giữ ít nhạc lưu niệm của các bạn, trong đó có một số nhạc phẩm của ông sáng tác thế mà bị kết tội 8 năm tù! Thảm hơn nữa, ở Hà Nội có người chỉ vì hát nhạc Đoàn Chuẩn Từ Linh, vì những bài tình ca ấy mà bị tù 14 năm hết cả đời thanh xuân! Cũng từ đó dòng nhạc Vàng gắn liền tên người nghệ sĩ. Chân giá trị của Nghệ Thuật đòi hỏi từ sự rung cảm chân thật để diễn tả tiếng nói của con tim trước những biến đổi của ngoại cảnh, dù có những điều khác ý một số người chỉ vì người nghệ sĩ luôn đi trước thời đại, nên dễ bị ngộ nhận biến thành vật hy sinh, bị đập vùi trước bạo lực hay phe nhóm tranh giành quyền lực! Sau năm 1954 nhạc Vàng bị kết tội là văn hóa đồi trụy! Phải chăng vì sợ hãi mà chẳng còn ai dám nghe, hay sáng tác những ca khúc vàng đầy chất nghệ thuật thấm tình người nữa? Nếu có, thì họ cũng cất dấu chẳng dám khoe ra là đi tù ngay! Một dân tộc tự hào về một nền văn hóa lâu đời, thấm nhuần lễ đạo, lại có một nguồn Ca Dao vô tận, thì con người phải thẩm tính Thơ và chan chứa Tình Người? Than ôi, lòng đố kỵ và bạo lực đã tước đoạt ý nghĩa cao đẹp đó. Tình yêu và Quê hương là những đề tài muôn thuở trong văn học nghệ thuật, đó là nguồn sáng tác vô tận của nghệ sĩ; nhất là đối với những ai đã từng trải qua chiến

tranh và ngục tù, hay chứng kiến sự thăng trầm của đất nước, khó mà quên được những mắt mát, chia ly, đổ vỡ... Từ trong sâu thẳm của nỗi buồn đó vết hằn quê hương đã bật lên cung bậc chất chứa những đau thương minh họa bằng hình nốt, tiết tấu gieo thành bản hòa tấu mang chung giai điệu: Tiếng nấc nghẹn của tâm hồn! Trong suốt thời gian đất nước chia đôi vì chiến tranh Quốc Cộng, cả hai miền đều có biết bao cuộc chia ly mắt mát, biết bao cuộc tình dang dở. Bao nỗi lòng của người mẹ tiễn con lên đường ra trận. Cuộc chiến đã làm vợ chồng, cha con, anh chị em xa nhau!

Những tình cảnh đó ở hai miền Bắc Nam tuy giống nhau ở truyền thống dân tộc, nhưng lại hoàn toàn khác về cách diễn đạt tình cảm qua văn học và nghệ thuật. Trong thời kháng chiến chống Pháp vào thập niên 40 của thế kỷ trước, những văn nghệ sĩ ở mọi miền đất nước trước khi lên đường vào chiến khu kháng Pháp họ là những thành phần trí thức tiểu tư sản, ngoài tình yêu nước, tâm hồn họ còn mang chất nghệ sĩ. Họ yêu nghệ thuật và sáng tác những bài tình quê, hay những bài ca chiến đấu đều mang tính nghệ thuật đượm đầy tình cảm của con người. Những hình ảnh nhớ nhung, chia lìa và đợi mong đều được thể hiện trong văn thơ, trên nét nhạc, ca từ.

Do đó những ca khúc hay mang tính xuất sắc thường ca ngợi tình quê hương, tình người, lễ đạo dựa trên nghệ thuật vì thế, dù thời gian đã qua lâu nhưng giá trị tác phẩm vẫn còn và được lưu truyền mãi đến hôm nay. Những nhạc sĩ tài danh: **Văn Cao, Phạm Duy** (Tình ca, Bà Mẹ Gio Linh, Nương Chiều, Ngày Trở Về, Chiến Sĩ Vô Danh, Về Miền Trung, Tình Hoài Hương, Bà Mẹ Quê, Em Bé Quê...) **Nhi Hà**

(*Mẹ Tôi, Trở Về Thôn Cũ*), **Việt Lang** (*Tình Quê Hương*), **Lưu Hữu Phước** (*Tiếng Gọi Thanh Niên*), **Nguyễn Văn Thương, Văn Chung** (*Đợi Anh Về*), **Tô Hải, Tô Vũ, Phan Huỳnh Điểu, Huy Du, Huy Thục** (*Đợi*),.... Trong thời ly loạn không một ai là không bị ảnh hưởng, thân phận người đàn bà có lẽ còn chịu nhiều thiệt thòi đắng cay nghiệt ngã hơn ! Nhạc sĩ Phạm Duy đã viết lên ca khúc Bà Mẹ Gio Linh, bài ca mang tính biểu tượng bà mẹ Việt Nam chống ngoại xâm :

«*Mẹ già cuốc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày. Dù cho áo rách sờn vai, cơm ăn bát vơi bát đầy.*».

Hình ảnh quê hương được nhân cách hóa với người mẹ. Sự gian khổ, nhẫn nại và đức tính hy sinh của người mẹ được gắn liền với sự thăng trầm của đất nước. Nhạc sĩ Nhị Hà đã viết lên ca khúc Mẹ Tôi để diễn tả tâm tình của người mẹ có con ở ngoài chiến trận, giai điệu buồn xa xót, ca từ có lẫn những giọt nước mắt thấm vào hồn người nghe như tiếng chuông vọng buồn từ cõi xa. Thuở ấy người nghệ sĩ chưa bị uốn bút nên đã dám bộc bạch cõi lòng :

«*Mẹ tôi tóc xanh nhuộm bạc tháng ngày. Mẹ tôi đau buồn nặng trĩu đôi vai, bao năm nuôi đàn trẻ thơ nhỏ dại, cầu mong con mình có một ngày mai. Mẹ tôi nắng mưa chẳng ngại nhọc nhằn, Mẹ tôi mỉm cười nhìn bóng con ngoan. Không than không phiền dù lâm hoạn nạn. Lòng mong con mình xứng thành người dân... Nhưng nay con nên người, thì nay còn đâu bà mẹ hiền xưa ! Chiều nay đốt hương tưởng niệm trước mộ, Nhìn khói đau lòng tưởng nhớ năm xưa. Công ơn sinh thành ngày nao đền trả. Mẹ ơi con mẹ nhớ lời mẹ khuyên.* »

Trở Về Thôn Cũ của Nhị Hà và TÌNH QUÊ HƯƠNG của Việt Lang là những bức tranh quê mang những gam màu buồn. Ca từ là một bài thơ hòa quyện dòng nhạc Tây phương với âm giai ngũ cung thành giai điệu đẹp làm xao xuyên lòng người. Những Ca khúc tiền chiến đã gợi trong lòng người nghe thoáng hiện những hình ảnh đặc sắc như bức tranh ấn tượng. Nghe xong bản nhạc mà giai điệu và hình ảnh vẫn còn đọng trong hồn :

«*Làng tôi nghiêng mình soi bóng Hương Giang
 Những đêm trăng sáng long lanh giòng sông
 Dáng ai giặt yếm bên bờ dịu dàng
 Thả tiếng "khoan hò" theo nhịp chèo vọng xa
 Làng tôi những chiều khi gió lên khơi
 Nắng hanh phơn phớt pha hồng gò má
 Những cô thôn nữ trên đường về chợ
 Và tiếng sáo diều diu dặt buông lời thơ
 Nhưng sao hôm nay ta trở lại quê hương
 Tuy con sông xưa vẫn êm đềm uốn quanh
 Còn đâu đồng xanh? Còn đâu gia đình?
 Còn đâu bóng hình mẹ già mến yêu?
 Nơi đây diều linh
 Nơi đây quạnh quẽ
 Nơi đây chẳng còn bóng người ngày trước
 Nơi đây tang thương buông bức màn thê lương
 Quê hương còn đó nhưng người về đâu?
 Vì đâu thôn làng thành chốn nương hoang?
 Cớ sao bao cánh chim xa tổ ấm?
 Biết bao giờ gió tha hương trở về
 Cùng tiếng sáo diều diu dặt lời nhạc xưa?»
 (Nhị Hà)*

TÌNH QUÊ HƯƠNG

«*Ngàn dâu xanh ngắt mấy nếp tranh xa mờ
 Tiếng sáo bay dập dìu đường về thôn xưa
 Tình quê lai láng dưới trời thu
 Khói xây thành chập chùng mây đưa
 Cảnh thơ liễu thấp thoáng bên hồ*

*Mùa nhớ nhung dòng nước lững lờ.
Ta ra đi một chiều thắm
Vang lời ca buồn trong khóm lá
Nổi u hoài ngày tháng khôn nguôi.
Miền xa thương nhớ
Tình quê hương thiết tha buồn lắng
Nhấn theo lời gió.
Mùa trăng êm tiếng tơ một trời còn vương
Ôi buồn nhớ quê hương!»
(Việt Lang)*

Nhạc sĩ Văn Chung trong chiến khu đã không dẫu lòng viết lên ca khúc : Đợi Anh Về, diễn tả nỗi nhớ nhung người thương : «*Em ơi ! Đợi anh về ! Đợi anh hoài em nhé, mưa có rơi dầm dề, ngày có buồn lê thê thì em ơi em cứ đợi ...*»

Chất lãng mạn theo nghệ sĩ bàng bạc trong không gian, lan tỏa núi rừng làm tâm hồn nghệ sĩ dào dạt nguồn cảm hứng sáng tác nên đã có những tác phẩm hay. Nhưng chỉ vài năm sau, sự sáng tác được chỉ đạo, những mộng mơ, nhớ nhà, nhớ gia đình, nhớ người yêu... đều ngủ kỹ trong đáy hồn ! Sau năm 1954 nền văn nghệ miền Bắc chỉ còn là chiếc loa phóng thanh hò hét thúc giục thanh niên lên đường và ca ngợi Đảng, mặc dù những văn nghệ sĩ còn ở lại trên đất Bắc đa số đều có tài, bạo lực đã làm trầy trụa tâm hồn họ ! Trong vòm trời khép kín, vườn văn nghệ chỉ có một loài hoa đỏ được phép nở, cho dù màu hoa có rục rờ vì đậm sắc thì cũng không thể thay thế được tất cả những màu sắc khác ?!

Bỗng vào những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ trước, có một số thơ nhạc trữ tình được rộ ra do một số văn nghệ sĩ có từ thời kháng chiến, những bài thơ phổ nhạc đó đã đi lệch hướng chỉ đạo, dám ca ngợi tình lứa đôi, một tình cảm thiêng liêng của con người. Bản nhạc được công chúng đón nhận vì dân miền

Bắc đã lâu bỗng được nghe lại những giai điệu trữ tình, những vần thơ lãng mạn thắm tình người mà không hò hét thi đua ccách mạng. Người nghệ sĩ chỉ cần một lần trong đời dám làm theo con tim dù phải chết, hay bị tù đầy thì cũng mãn nguyện. Nhạc sĩ Huy Du phổ bài Tình Em của nhà thơ Ngọc Sơn : «*Khi chiếc lá xa cành, lá không còn màu xanh. Mà sao em xa anh ; đời vẫn xanh với vơi. Có gì đâu em ơi ! Tình yêu là sự sống ; nên nắng ửng trong lòng. Tình yêu như khe suối, lưu luyến và nhớ thương, chảy theo anh khắp rừng....*» Nhạc sĩ Huy Thục phổ bài thơ Đợi của nhà thơ Vũ Quần Phương : «*Em đứng trên cầu đợi anh
Dưới chân cầu nước chảy ngày đêm.
Ngày xưa đã chảy sau còn chảy
Nước chảy bên lòng em đợi anh*»

Ở miền Nam nam trước 75 nền văn nghệ được tự do, trăm hoa đua nở, mặc dù chính quyền cũng cố võ văn nghệ hướng ra tuyên truyền, nha tâm lý chiến khuyến khích các nhạc sĩ sáng tác các nhạc phẩm ca ngợi lòng dũng cảm của người lính, nhất là những bài chiến đấu ca. Giới văn nghệ sĩ được tự do sáng tác dù hòa vào chiến tranh nhưng những giai điệu quê hương hoặc tình đôi lứa vẫn dựa trên nghệ thuật, mang tính lãng mạn trữ tình của dòng nhạc Vàng, mà ca từ phải đẹp như lời thơ, hoặc lời bài hát là bài thơ được phổ, hòa quyện với giai điệu đẹp đẽ của nhạc diễn tả những cảm xúc của tuyệt vời của tâm hồn. Những bài thơ được các nhạc sĩ cảm được hồn thơ nên đã hòa thêm âm thanh vào biến những bài thơ và nhạc cùng bắt từ : *Thuyền Viễn Xứ, thơ Huyền Chi, Phạm Duy phổ nhạc. Mộng Dưới Hoa, thơ Đình Hùng, phạm Đình Chương phổ nhạc. Nguyệt Cầm, thơ Xuân Diệu, Cung Tiến phổ nhạc. Tình Khúc Thứ*

Nhất, thơ Nguyễn Đình Toàn, Vũ Thành An phổ nhạc. Màu Tím Hoa Sum, thơ Hữu Loan, Dzũng Chinh phổ nhạc. Mái Tóc Dạ Hương, thơ Đinh Hùng, Nguyễn Hiền phổ nhạc. Chiều Tím, thơ Đinh Hùng, Đan Thọ phổ nhạc. Áo Lụa Hà Đông, thơ Nguyễn Sa, Ngô Thụy Miên phổ nhạc...vv... Trong khi đó dòng nhạc tiền chiến dần dần bị chìm vào không khí chiến tranh, những ca khúc vàng êm dịu lắng sâu vào hồn khách mộ điệu nhường chỗ cho một thể loại khác được gọi là nhạc Thời trang trong đó có dòng nhạc viết về Lính, dòng nhạc Trẻ cho những thanh niên nam nữ đang còn ngồi ghế nhà trường, nhạc mang lời Việt hoặc lời ngoại quốc mà thể điệu đang thịnh hành ở các nước Âu Mỹ. Nhạc Thời trang nhằm diễn tả cái thực trạng của xã hội đang bị cuốn hút bởi những quyến rũ vật chất, đang vội vã hưởng thụ hâu quên đi thực tại của vòng khói lửa chiến tranh vây hãm ! Chính ở thời điểm khốc liệt này, làng tân nhạc miền nam xuất hiện nhiều ca khúc quê hương trữ tình đượm chất lãng mạn trữ tình pha chút chiến chinh. Những thể điệu rất thịnh hành trong giai đoạn đó: Valse, Slow, Boston nhẹ nhàng phảng phất chút âm hưởng bán cổ điển tây phương, điệu Blues Jazz lãng mạn, buồn tê tái như lời than chứa đầy những giọt nước mắt của những người da đen nô lệ xa xưa. Làn điệu Boléro mềm mại, ai oán diễn tả nỗi u uất thân phận người Gitan hát rong Tây Ban Nha, hay những thể điệu Tango, Habanera, Rumba...dịu dàng tha thiết vọng theo nhịp sóng vỗ từ những hải đảo xa xăm bên kia bờ đại dương kết thành cung bậc gần gũi với dân ca Việt Nam để diễn tả về thân phận con người trong chiến tranh qua giai điệu trầm bổng ngũ cung. Lời ca tiếng nhạc


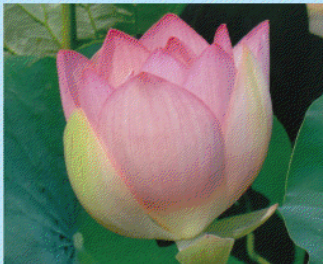
đã đi vào lòng người, bàng bạc khắp mọi nơi, từ hang cùng ngõ hẻm nơi phố thị đến những thôn làng hẻo lánh nơi rừng sâu núi thẳm. Ở thời điểm chiến tranh hừng hực lửa ấy, nếu chỉ cần rời xa thành phố cư ngụ ít ngày hay thoáng nghe lại những giọng ca truyền cảm quen thuộc phát ra từ một máy thu thanh chắc hẳn ta không khỏi xao xuyến về một khung trời kỷ niệm mà chính ca khúc và nghệ sĩ đã làm sống lại. Ca sĩ tuy có khác nhau về các chất giọng và cách trình diễn, nhưng lại có chung sự quyến rũ làm say đắm khách mộ điệu. Giới thưởng thức, mỗi người một sở thích, tùy tâm trạng của người nghe chọn lựa bài hát và ca sĩ được ưa thích, nếu chất giọng nào mà mang nhiều ấn tượng của kỷ niệm, làm lòng họ xao xuyến thì họ sẽ yêu thích. Do đó có những ca sĩ chất giọng rất hay, kỹ thuật thanh nhạc cao, trình bày đẹp mắt nhưng chưa chắc bài nào cũng được mọi người thích ? Ở Sài Gòn năm xưa, nếu ai đó tình cờ đi ngang qua một quán bên đường sẽ nghe từ trong quán vẳng ra tiếng kèn đồng nức nở giai điệu trầm bổng trong điệu blues hòa với chất giọng khàn của ca sĩ nghe nào nuốt, u uất ! Lời ca điệu nhạc diễn tả tâm trạng lớp người của chốn phồn hoa đô thị đầy ánh đèn màu, men rượu, khói thuốc, vũ trường, những thứ đó đã làm chóa mắt họ, mà quên, hay không biết hiện trạng của đất nước đang mịt mù khói lửa, phần đất tự do đang bấp bênh giữa cái mắt còn ! Sự rung động của tâm hồn nhạc sĩ tuy có khác nhau về cảm nhận và cách diễn đạt nhưng những ca khúc thời chiến lại gần gũi, quyến vào nhau về cấu trúc lẫn giai điệu, phải chăng sự đồng điệu này đã biến những cảm âm thành những dòng nhạc liên khúc sau này? Nhưng có một điều chắc chắn chẳng có một

nghệ sĩ nào đứng vững sống bên lề chiến cuộc. Chiến tranh đã ảnh hưởng đến tâm hồn họ, nhưng trong sáng tác những ca từ trong loại nhạc phổ thông ở giai đoạn đó lại thật hiền hòa, nhân bản. Nhạc sĩ Lam Phương đã xúc cảm nỗi lòng của người Mẹ, ông viết lên ca khúc Tình Mẹ như tiếng ru buồn diễn tả nỗi lòng cô quạnh của thiếu phụ chờ chồng và tấm lòng của người mẹ trong thời chiến, và thực trạng đó là nỗi buồn quê hương :

«Đêm khuya rồi à ơi..con yên ngủ. Trăng xa vời đèn gầy nào soi kiếp người. Mái tranh nghèo lạnh lùng hắt gió sương rơi, được nhìn con thân mẹ đường ám cuộc đời. Hận loạn thù tình cha dứt bước ra đi, tháng năm qua thôn nghèo chờ mối duyên quê. Rồi một ngày người người lòng chiến công về, mừng thăm mẹ hỏi tin cha, ngờ đâu bóng đã khuất xa !»
(Còn tiếp 1 kỳ)

ĐỖ BÌNH (Paris)

CỎ THƠM GIỚI THIỆU

<p>Đầm Đại Từ hoa sen thơm ngát, Giếng Đại Từ nước mát trong xanh. Đồng Tô uốn khúc lượn quanh, Đất nuôi trẻ nhỏ lòng danh trong ngoài.</p> <p>Thấy dừa thì nhớ Bến Tre, Thấy bông sen nhớ đồng quê Tháp Mười. Bông sen nở, bông sen nở, gốc sen chìm, Bao nhiêu quý vật đều tìm quý nhom.</p> <p>Sen mọc giữa đồng lòng sen trắng, Sen đất Tháp Mười mưa nắng vẫn tươi. Bông sen như nét con người, Đẹp như con gái Tháp Mười quê ta.</p>  <p>Tiết thu viếng cảnh đào viên, Mẫu đơn một đóa, hoa sen mấy ngàn.</p> <p>Nhân tài như thể bách hoa, Hoa sen thơm ngát, hoa trà đẹp tươi.</p> <p>Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng. Nhị vàng bông trắng lá xanh, Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.</p> <p>Khuyến me niệm Phật cho chuyên, Thì hoa sen đợi ở bên Liên Trì.</p>	<p>Nguyễn Văn Nhiệm Ca Dao Con Đường Văn Hóa Việt Lạc Hồng</p>	<p>Nguyễn Văn Nhiệm</p> <h1>Ca Dao</h1> <p>Con Đường Văn Hóa Việt</p>  <p>Lạc Hồng</p>
---	--	---

**Liên lạc: Lạc Hồng – Bismarck Str. 24 – 78549 Sapichingen – Germany;
<songdinh81@gmail.com>; Tel. 07424/7529**

LÁ THƯ GỬI MẸ

Mẹ ơi!
Đáng lẽ bức thư này phải là anh chị con viết cho mẹ mới đúng vì con ít được sống gần mẹ và chắc cũng không biết nhiều về mẹ bằng anh chị! Khi sinh con, mẹ bị băng huyết phải gửi ngoại lo cho cháu suốt thời thơ ấu. Nhưng con muốn Mẹ biết những cảm nghĩ của con vì đây là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng con gửi như cho Mẹ, người đàn bà con yêu thương nhất trên đời - Người đã sinh ra con, đã nuôi dưỡng con, đã dạy con thành người hữu dụng.

Mẹ ạ! Ba là thần tượng của con trong văn chương, quan niệm nhân sinh và lý tưởng quốc gia. Mẹ là người trong mộng của con vì cái đẹp Á Đông nhẹ nhàng kín đáo mà trang đài, cao quý. Nhìn bên ngoài thật không thể ngờ người đàn bà thanh nhã đó lại là người quá cảm. Con may mắn được thừa hưởng tính nhiệt thành phóng khoáng của Ba và tính can đảm đam mê, của Mẹ.

Con biết mối tình của Ba Mẹ không được ngoại tán thành lúc ban đầu. Mẹ vất vả mới thuyết phục được bà cho thành hôn với Ba. Thời ấy, chắc Ba Mẹ phải yêu nhau lắm! Thư mộng như Ba viết cho Mẹ:

“Ước gì sống rộng một gang
Bắc cầu râu bạc cho nàng sang chơi”

Và Mẹ đã trả lời:

“Ước gì sống rộng một gang
Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi”

Mẹ, ạ! Anh chị em con đã lén mở tủ thơ của mẹ đọc trộm để vui thú, cười rúc rích với nhau. Mẹ tha tội cho chúng con nhé!

Con biết bà ngoại đã hứa hôn mẹ cho một gia đình danh giá, môn đăng hộ đối. Nhưng mẹ đã dám từ hôn khi gặp Ba. Sau ngày Ba mất, người đàn ông ấy có đến thăm mẹ. Ông ta là người trí thức, lịch lãm, đẹp trai. Con tỏ ý tiếc cho mẹ. Mẹ chỉ cười, nhẹ nhàng:” Con ạ! Trâu chết để da, người

ta chết để tiếng. Mẹ hãnh diện được làm vợ nhà văn Hoàng Đạo, nhà cách mạng Nguyễn Tường Long. Thôi nhé, con!”

Từ đấy, ý tưởng giục mẹ bước thêm bước nữa không còn. Nhưng con hiểu nỗi cô đơn của Mẹ. Một người đàn bà góa chồng vào tuổi 32, 33! Thật quá sớm! Bên nách còn 4 đứa con thơ. Thật vất vả! Cuộc đời mẹ đầy sóng gió. Lấy chồng, người cách mạng. Chồng bị mật thám Tây ruồng bắt, tra tấn. Rồi chồng bỏ ba hải ngoại. Rồi vĩnh viễn ra đi....

Mẹ đã cứng cáp gồng mình với bầy con nhỏ. May mà mẹ đã quen thay mặt người chồng lo cho gia đình ngay khi Ba còn sống. Mẹ đã quen chịu đựng, Mẹ đã chu toàn cho con cái. Thưa mẹ, chưa bao giờ con thiếu thốn về vật chất trong thời niên thiếu. Mẹ đã làm lụng vất vả nuôi chúng con. Mẹ không có thời giờ nhiều cho riêng con nhưng bất kỳ lúc nào lâm bệnh, con vẫn thấy mẹ đứng bên.

Con chưa bao giờ bị mẹ đánh đòn dù con bướng ngàng và dữ tợn. Lớn dần, được gần mẹ, nhìn thấy cách xử sự của mẹ với người giúp việc, với người nghèo, với tha nhân, lòng con rộng mở. Từ đấy, con lao mình vào các công tác cứu trợ, đi xây nhà cho con cô nhi tử sĩ. Thấy mẹ lo kiếm sống, con chỉ còn biết chăm chỉ học. Mẹ còn nhớ ngày con lãnh phần thưởng danh dự toàn trường năm Đệ Tam hồi con còn ở Trung Học không? Con cố gắng học giỏi cho mẹ vui, cho mẹ hãnh diện!

Hồi nhỏ, con ganh với anh vì con ít được mẹ bế bồng gần gũi như anh. Con thêm được ngồi lòng mẹ, được ve vuốt cánh tay nuột nà của mẹ mỗi khi ngoại đưa con về thăm. Viết đến đây, con lặng người nhớ đến cánh tay ung thư đã làm Mẹ đớn đau quằn quại, cánh tay đã bị cưa đi mà hồi nhỏ con mơ ước được ôm ấp nó. Cánh tay ma quái này con đã ướp formol khi nó lìa cơ thể Mẹ để khi Mẹ mất nó được ráp lại trong quan tài! Con rợn người khi lau rửa

cánh tay ấy. Mẹ tha thứ cho con! Xót xa quá! Mẹ ơi!

Có những điều trái ngược mà lại hóa hay trong đời! Thuở xa xưa, nhiều khi Mẹ không công bằng với chúng con. Ấn tượng này đã khiến con ra trường đời, khi đi dạy học, con lấy công tâm làm đầu dù với những người con không ưa, dù với những điều trái tại gai mắt. Thật sự, mẹ vô tình hay cố ý chỉ dẫn cho con cách ấy nhỉ? Con đâu có dám hỏi mẹ! Nói vậy thôi chứ con biết Mẹ là người sống với lương tâm. Vì chịu ảnh hưởng nơi Mẹ mà ngoài công tâm con còn hành xử theo lương tri con người chứ không phải đạo đức thế gian.

Ba, Mẹ đều mở mắt cho con thấy những xiềng xích của xã hội - Những sợi dây trói buộc của những người chung quanh làm chậm bước tiến của tuổi trẻ, kìm hãm sự thăng hoa của tư tưởng, trì trệ sự phát triển của trí não, Hiểu thế, con mới đi tìm sự thanh thân cho tâm hồn, sự trẻ trung cho thể xác, không bị người chung quanh và luân lý đạo đức cổ truyền ảnh hưởng. Đạo đức luân lý do con người đặt ra, ắt phải thay đổi với thời gian và không gian. Đúng là:

“sự thật ngày nay không thật đến ngày mai” (thơ Xuân Diệu). Phải vậy không, Mẹ?

Từ Ba, con hấp thụ được tính phóng khoáng áp dụng thực tiễn trên đời sống. Từ Mẹ, con học được tính can đảm, chịu đựng, cách hành xử trong cuộc đời. Thừa Mẹ, con đã thành công trong nghề dù không giàu tiền bạc nhưng rất giàu tình thương yêu của đám môn sinh mà ngày nay họ là những người có địa vị trong xã hội.

Mẹ còn dạy con tính khiêm cung vì chắc mẹ thấy ở con vẻ kiêu ngạo. Một chiều, con còn nhớ, con đứng trước gương làm bộ điệu của một kịch sĩ. Con mê đóng kịch. Con nghĩ mình có khả năng. Nhưng, ngày xưa làm gì có bộ môn kịch nghệ trong chương trình học. Người ta còn nghĩ những “con hát” là “xướng ca vô loài”! Trong gương, có lẽ dáng vẻ của con quá

khích nên khi đi ngang, mẹ nhìn con tủm tỉm: “Đừng làm gì quá lố nhé, con!”. Nhờ câu nói đó, con không dám có hành động nào dơ d่าง mỗi khi trình diễn. Con đã làm trọn vai Sơn Ca trong vở kịch Thành Cát Tư Hãn kỷ niệm 50 năm thành lập cho trường Gia Long – nơi con dạy học. Con đã lấy được nước mắt không những của khán thính giả mà của chính Mẹ mình. Ngay tác giả vở kịch, giáo sư Vũ Khắc Khoan cũng đã vào tận hậu trường sân khấu tìm con khen ngợi. Thế, Mẹ vừa lòng chưa?

Để con nhắc lại một chuyện nữa Mẹ làm con hãnh diện sung sướng. Một tối, sau khi Ba mất. Đang cầm cúi trên bàn viết kê sát cửa sổ. Màn đêm đen đặc. Gương mặt con in trên khung kính cửa sổ dưới ánh nến lung linh. Bỗng, Mẹ hét lên: “Trời ơi! Anh Long!” À, thì ra nhìn con, Mẹ thấy Ba về. Cảm ơn Mẹ đã cho con giống Ba. Tự hào vì được giống Ba trên khuôn mặt, con hứa sẽ cố gắng giống Ba trong tâm hồn, trong lối sống dù chỉ được một phần nhỏ nhoi của Ba thôi!

Càng lớn tuổi con càng cảm thông và thấy xót thương Mẹ nhiều. Mẹ đã làm tổn phần của một người đàn ông trong gia đình. Mẹ vui về thay Ba, không một lời than vãn. Mẹ chịu đựng nhiều từ khi lấy chồng cho đến ngày nhắm mắt, cả tinh thần lẫn thể xác. Mẹ mắc bệnh nan y và sau 8 lần mổ xẻ... mẹ ra đi. Nhìn mẹ đón đau, quần quai mà con bắt lực! Mẹ ra đời dưới vì sao nào mà số phận nghiệt ngã đến thế? Con chẳng làm được gì ngoài trả hiếu Mẹ với hai hàng nữ sinh áo trắng - học trò của con - sau quan tài dâng vòng hoa tang, đưa tiễn Mẹ tới nơi an nghỉ ngàn thu. Giờ đây, chắc Mẹ đã tìm được sự yên bình nơi miền vĩnh cửu.

Nhớ lắm, Mẹ ơi!

Con,

Nguyễn Lân

Tháng 7 Năm 2013

EM TỪ LỤC BÁT BƯỚC RA

1-Em từ lục bát bước ra
Có con bướm trắng đường xa dặm trường
Chiều hoang thờ lạnh hơi sương
Canh khuya mơ giấc vô thường đóa hoa..

5-Em từ lục bát bước ra
Đi về là nỗi xót xa đau đời
Phận duyên là chuyện của người
Bên em, anh nở nụ cười thương yêu..

2-Em từ lục bát bước ra
Đôi chim oanh hót.. ngọc ngà trên môi
Em, cảnh dạ lý buồn lơ lửng
Sợ tình se chặt.. cõi đời mệnh mông..

6-Em từ lục bát bước ra
Nét thơ huyền diệu như là vàng trắng
Nét thơ là chỗ em nằm
Để thương là chỗ em ngâm....yêu anh..

3-Em từ lục bát bước ra
Nhớ nhung chất cạn,rồi ta còn gì?
Chập chùng hình ảnh trôi đi
Tà áo em xanh, bờ mi, giọt buồn..

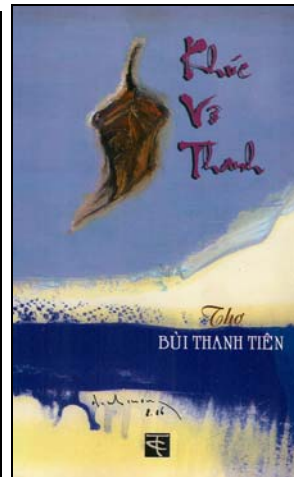
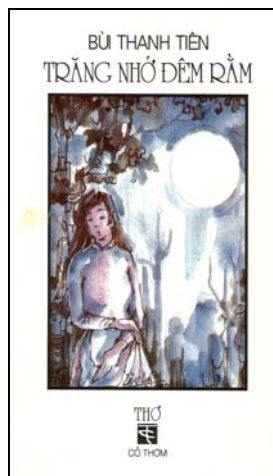
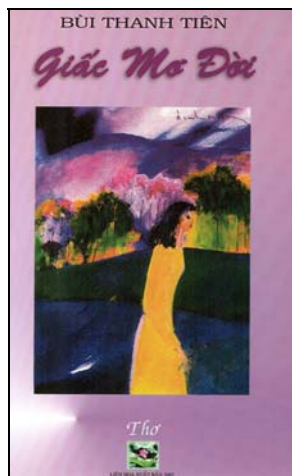
7-Em từ lục bát bước ra
Như con chim nhỏ bay qua tình cờ
Rồi em dừng lại giây mơ
Tình anh nở rộ bài thơ... yêu nàng..

4-Em từ lục bát bước ra
Nghe trong hieu hát..vòng qua kiếp người
Gần nhau? Hay đã phai phôi?
Từ thân hạt bụi.. mảnh đời em mang...

8-Em từ lục bát bước ra
Nụ cười giọng nói.... em là hồn anh
Thân tâm an lạc trọn lành
Thế là từ đó, em dành con tim...

VA, ngày 23/7/13

BÙI THANH TIÊN



Cơ và những hình thức biểu thị của nó

Huyền số qua ca dao

Trích trong Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt của Nguyễn Văn Nhiệm

Cơ là cái mầm vừa phát khởi, là cái gì nguyên nguyên, tế vi, kết tinh bao đời của một nền văn hóa được rút gọn, cô đọng lại đến độ có thể biểu thị bằng vài ba huyền số, hình ảnh hay nguyên ngôn. Cơ vượt phạm vi lý trí đi sang tiềm thức, nó có sức liên hệ lớn, bao quát rộng.

Huyền số

Nguyên Nho đặt nền tảng trên Hà Đồ, Lạc Thư và Dịch, cho nên nói về huyền số thì có:

Số sinh: 1, 2, 3, 4, 5 thuộc vòng trong, là phần tiên thiên hay thể.

Số thành: 6, 7, 8, 9. Gọi là số thành vì chúng được thành với số 5 như: $5+1=6$, $5+2=7$, $5+3=8$

$5+4=9$ thuộc vòng ngoài, là phần hậu thiên hay dụng, tức là đột cá biệt hóa.

Số trời là những số lẻ, số dương: 1, 3, 5, 7, 9.

Số đất là những số chẵn, số âm: 2, 4, 6, 8.

Những số nói trên không có ý nghĩa lượng, mà chỉ chân lý nền tảng. Ý nghĩa của một con số không nhất định, mà còn tùy thuộc những con số liên hệ.

Bộ huyền số căn bản của nguyên Nho, Việt lý là 2,3,5. Số 2 là âm dương (tiên rồng), số 3 là tam tài, số 5 là ngũ hành.

Số 2 cũng chỉ thái hòa, hòa hợp hai đối cực như trời- đất, âm- dương, hữu-vô...Số 2 còn biểu thị tính lưỡng hợp, lưỡng nhất, 2

mà là 1, 1 mà là 2: “ *Nhất âm nhất dương chi vị Đạo* “. Trong khi nhị nguyên thì ngược lại, chọn một, bỏ một, theo nguyên lý đồng nhất, 1 đứt khoát là 1, không chấp

nhận hòa hợp, nên chỉ còn nhất nguyên độc khối bất động.

Số 3 chỉ tam tài : 1 trời, 2 đất, 3 người. Số lẻ nhỏ (1) chỉ trời, số chẵn chỉ đất (2), số lẻ lớn chỉ người (3). Chẵn, lẻ chỉ hai đối cực mà vẫn có thể đi đôi với nhau là do người đứng ra thực hiện sự tổng hợp để đưa đến thái hòa.

Số 5 chỉ ngũ hành: $2+3=5$, trong đó 2 vẫn chỉ đất, 3 chỉ trời (số lẻ nhỏ), 5 chỉ người (số lẻ lớn) theo nghĩa nhân bản tâm linh hay đại ngã. Số 5 gồm cả số 3 và số 2 nên kinh Dịch mới nói:

“ *Tham thiên lưỡng địa nhi ý số* “ (Thuyết quái 1).

Nền văn hóa Nho hòa hợp quân bình hai yếu tố thiên địa theo tương quan 3-2 : thiên 3, địa 2. Trong khi Tây Âu nghiêng về địa phương, duy vật, chấp hữu; Ấn Độ nghiêng về thiên viên, duy tâm, chấp vô với tương quan 1-4 hay 4-1 không quân bình.

Trên đây là tóm lược những con số có ý nghĩa cơ cấu trong triết lý truyền thống Việt từ ngàn xưa đã ẩn sâu trong tiềm thức cộng đồng của dân tộc, nay thử xét xem chúng đã biểu lộ ra như thế nào và còn lưu lại dấu vết đến mức độ nào qua tục ngữ, ca dao, là tiếng nói trung thực của người bình dân.

Huyền số 2
 “Đôi ta là nợ là tình,
 Là duyên là kiếp đôi mình kết giao.
 Em như hoa mạn hoa đào,
 Cái gì là nghĩa tương giao hồi chàng?”
 Con số 2 chỉ đôi ta như ở bài ca dao trên thật là hàm xúc, nó bao gồm nhiều phạm trù của triết lý nhân sinh trong đời sống lứa đôi của người bình dân: duyên, nợ, tình, kết giao, tương giao.
 “Đôi ta như thể con tằm,
 Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong.
 Đôi ta như thể con ong,
 Con quán, con quít, con trong, con ngoài.
 Đôi ta như thể con bái,
 Chồng đánh vợ kết chẳng sai con nào.”
 Những nhóm chữ *cùng ăn một lá*, *cùng nằm một nong* nói lên cái ý nghĩa 2 mà là 1. Rồi những chữ như *quán*, *quít*, *trong*, *ngoài* nói lên cái ý nghĩa trong âm có dương, trong dương có âm, đầu mỗi của triết lý lưỡng hợp, lưỡng nhất.
 “Được vàng được bạc trên tay,
 Em không mừng rỡ bằng nay gặp chàng.
 Trèo lên khung cửi dệt hàng,
 Cửi kêu lẳng lúu, dạ thương chàng lúu lẳng.
 Lời nguyện dưới nước trên trăng,
 Trăm năm không bỏ đạo hằng cùng anh.”
 Lời nguyện cũng được chọn qua hình ảnh con số 2 lưỡng hợp là nước và trăng để khẳng định quyết tâm giữ vững đạo hằng của tình nghĩa vợ chồng.
 “Đôi ta như xôi đậu vò,
 Càng nắm càng dẻo, càng vo càng tròn.”
 Chữ *dẻo*, chữ *tròn* chỉ sự hòa hợp, gắn bó lâu dài, hạnh phúc trọn vẹn.
 “Ngó ra sông cái ngó ngoái thấy đình
 Hạc châu thần còn đủ cặp
 Huống chi mình lẻ loi.”
 Đủ đôi, đủ cặp là hợp lẽ tự nhiên, lẻ loi là tình trạng bất thường của cuộc nhân sinh. Đây là tình cảnh của những người con gái không chồng:
 “Trồng tranh như nón không quai,

*Như thuyền không lái, như ai không chèo.
 Gái có chồng như gông đeo cổ,
 Gái không chồng như phấn gổ long đanh:
 Phấn long đanh anh còn chứa được,
 Gái không chồng chạy ngược, chạy xuôi.
 Không chồng khốn lắm chị em ơi!”*

Những hình ảnh *thuyền không lái*, *trồng tranh* chỉ tình trạng mất quân bình, không định hướng, long đong, khốn lắm là không hạnh phúc.

Tình cảnh của người con trai không vợ cũng không khá hơn chút nào:

“Trâu kia kén cỏ bờ ao,
 Anh kia không vợ đời nào có con?
 Người ta con trước, con sau,
 Thân anh không vợ như cau không buồng.
 Cau không buồng như tuồng cau đực,
 Trai không vợ cực lắm anh ơi!
 Người ta đi đón, về đôi,
 Thân anh đi lẻ, về loi một mình!”

Đạo truyền thống của người Việt Nam là Đạo thờ cúng tổ tiên, Đạo hiếu, mà thân anh như *tuồng cau đực* thì coi như mất hậu.

“Gái Thái Bình lòng ngay dạ thẳng,
 Trai bạc tình một cẳng về quê.”

Thái Bình là địa danh, nhưng ở đây cũng chỉ người con gái giữ đúng Đạo thái hòa của triết lý lưỡng hợp, lưỡng nhất. Còn người con trai bạc tình, bạc nghĩa không theo đúng Đạo lưỡng hợp, mà ích kỷ cho riêng mình, cá nhân chủ nghĩa trở thành *một cẳng*, là thứ chủ nghĩa duy, chọn một bỏ một. Đó cũng là tình trạng:

“Sông Lục Đầu sáu khúc, nước chảy xuôi một dòng.”

Nước sông phải chảy lên, xuống, xuôi, ngược theo thủy triều, một âm, một dương điều hòa, còn chỉ chảy một chiều là không bình thường, không còn theo đúng luật tự nhiên, có thể là do kẻ vô tình hay ác ý chặn dòng nước ở thượng nguồn. Sông Lục Đầu sáu khúc ứng với lục cực: hung họa chết non, tật bệnh, lo sợ, nghèo nàn, tai ác, yếu đuối. Số 6 là huyền số, nên uyển chuyển

tùy theo tâm thức của con người, cho nên cái tên Lục Đầu cũng chưa phải là định mệnh quá khắc khe buộc chặt vào một dòng sông, mà những con người có tầm vóc phi thường cũng có thể khai thông nó và lúc đó lục cực sẽ biến thành ngũ phúc.

Nguyên lý đồng nhất đưa đến hành động ngàn sông khiến cho dòng nước trở thành một chiều, trái ngược với qui luật tự nhiên hòa hợp cả hai chiều là đầu mối của Đạo.

*"Bắt với khoai tụy rằng khác giống,
Nhưng cùng sống trên cục đất giống.
Anh với em đồng vợ đồng chồng,
Tát biển đông cũng cạn, đập núi Hồng cũng tan."*

Đồng vợ, đồng chồng không phải là nguyên lý đồng nhất 1 là 1, mà là hợp nhất, đồng tâm hợp lực, tổng hợp, lưỡng nhất: 2 mà là 1, 1 mà là 2 (tụy rằng khác giống).

Với duy lý thì thế giới hiện tượng đầy rẫy mâu thuẫn, chướng ngại ngăn cách:

*"Đôi ta như ruộng năm sào,
Cách bờ ở giữa làm sao cho liền,
Đôi ta như thể đồng tiền,
Đồng sấp, đồng ngửa, đồng nghiêng, đồng nằm."*

Be bờ, ngăn sông là những biện pháp hữu vi của con người, nếu chừng mực thì có lợi, mà quá đáng, thì có hại. Điều quan trọng là luật quân bình, chứ không phải biện pháp.

Đồng tiền dù ở vị thế nào: sấp, ngửa, nghiêng hay nằm bao giờ cũng là đồng tiền.

Đặc tính của Đạo Việt là ở chữ Việt, có nghĩa là siêu việt, khả năng vượt qua ý thức nhị nguyên đầy mâu thuẫn, nối kết được hai đầu mối của mọi đối cực lại với nhau như cái cầu bắt qua sông, qua vực thẳm:

*"Bắc cầu cho kiến leo qua,
Cho ai bên ấy sang nhà tôi chơi."*

Nhưng phải là cái cầu thật sự mới được:

*"Ở gần sao chẳng sang chơi,
Để anh hái ngọn mồng toi bắc cầu."*

*- Bắc cầu em chẳng sang đâu,
Chàng về mua chỉ bắc cầu em sang.
Chỉ xanh, chỉ tím, chỉ vàng,
Đủ ba thứ chỉ em sang được cầu."*

Bắc cầu bằng *ngọn mồng toi* là loại cầu nói cà rợn, bông đùa, loại cầu giả hiệu thì làm sao nối được mối tơ duyên, cũng tương tự như loại biện chứng giả hiệu một chân cà thọt thì làm sao liên kết được các đối cực của các mâu thuẫn mà không chọn một bỏ một. Người con gái chỉ chấp nhận sang sông với cái cầu thật sự kết bằng ba thứ chỉ là Đạo Ba.

Thay vì bắc cầu bằng ngọn mồng toi, người trọng tình nghĩa, đạo lý bắc cầu bằng miếng trầu:

*"Miếng trầu là nghĩa tương giao,
Muốn cho đây đấy duyên vào hợp duyên."*

Hát hò đối đáp cũng là cách bắc cầu lý thú đầy nghệ thuật: *"Làm giàn cho bí leo chơi,
Hát dăm ba chuyện thử lời nam nhi."*

Hò hát là cơ hội tốt để thăm dò ý nhau, để tìm bạn kết đôi:

*"Bữa nay giọng tấu, tiếng khan,
Trong mình mỗi một choan van cả đầu.
Tai anh nghe chị em hò hát đã lâu,
Giật mình trở dậy bôi dầu bịt khăn.
Bước ra ba bước than rằng:
Biết nơi đâu xứng nợ,
Biết nơi nào bằng kết đôi?"*

Xứng, bằng là hài hòa, là quân bình. Có hài hòa, hòa hợp, quân bình thì mới *kết đôi* bền vững.

Hát hò chẳng những là cơ hội tạo sự gặp gỡ tìm người tâm đầu ý hợp, mà là nơi để thi thố nghệ thuật, nên gái trai tìm đến với tất cả sự say mê:

*"Điều gì vui cho bằng điệu hát hò,
Có một cặp rươi cũng dò mà đi."*

Điệu hát hò thuộc lãnh vực âm nhạc, mà nhạc chủ hòa, tình lý tương dung, cho nên không thể khư khư duy lý được. Kề *một cặp rươi* còn phải chống gậy để trở thành *một cặp rươi* lò dò mà đi hát hò, thì người bình thường hai chân, không đi đứng theo nhịp bước tự nhiên, cố sao lại chọn 1 (1 chân) bỏ 1 để trở thành cà thọt?

Huyền số 3

"*Làm sao giữ trọn Đạo ba,
Sau dầu có thác cũng là thơm danh.*"

hay rõ ràng hơn:

"*Làm trai giữ trọn Ba Giếng,
Thảo cha ngay chúa, vợ hiền chớ vong.*"

Đạo ba trước hết là tam cương ở bình diện luân lý: Quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi thê cương. Còn Đạo ba ở bình diện triết lý là tam tài: thiên, địa, nhân. Nho định nghĩa nhân như sau: "*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí giả*". Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của quỷ thần, cái khí tinh tú của ngũ hành. Con người theo định nghĩa trên rất cao cả, là một tài sánh với tài trời và tài đất, là con người đại ngã ở đợt thể tinh rỗng chưa có đôi tượng phân biệt như ở đợt dụng, đợt tiểu ngã. Con người đại ngã như vậy thống nhất thiên, địa, nhân vào nhất thể, đặt ở trung tâm vạn vật, cho nên có chiều kích vô biên, rất cường kiện. Cái đức của trời đất trong con người đã được Nguyễn Công Trứ diễn tả trong bài "Kê sĩ":

"*Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất*"

Nhà cách mạng Trần Cao Vân đã cực tả tính thể con người là nhân bản tâm linh, là nhân chủ ngang tầm vũ trụ:

"*Trời đất sinh ta có ý không?*

Chưa sinh trời đất có ta trong.

Ta cùng trời đất ba ngôi sánh.

Trời đất in ta một chữ đồng:

Đất nứt, ta ra, trời chuyển động:

Ta thay trời mở đất mênh mông.

Trời che đất chở ta thông thả.

Trời, đất, ta đầy đủ Hóa Công."

Còn ca dao từ lâu cũng đã nói lên cái tầm kích vĩ đại của con người:

"*Bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng,*

Ông Tứ Tượng bằng bốn con sáo."

Cũng do tính nhân chủ này mà trong

truyện Kiều mới có câu:

"*Có trời mà cũng có ta*"

và ca dao cho thấy người bình dân sớm vượt khỏi óc mê tín, đôi khi còn tỏ thái độ ngông nữa:

"*Bắc thang lên đến tận trời,*

Bắt ông Nguyệt Lão đánh mười cẳng tay.

Đánh thôi lại trói vào đây,

Hỏi ông Nguyệt Lão: Nào dây tơ hồng?"

Người bình dân mang tính Việt là những người có niềm tin, không kỳ vọng vào sự linh thiêng hướng ngoại, mà hướng vào tâm linh nội tại bằng sự tập trung bền bỉ toàn diện mọi cơ năng ý, tình, chí (đốc hành):

"*Anh đi lên Bẫy Núi,*

Anh chạy thẳng tới Tà Lon,

Cắn nợ keo sơn thấu đến ông Trời.

Trời cao, Đất thấp,

Anh đến tam cấp lập Cửu Trùng đài.

Thời hư khiến vậy, ráng lập hoài cũng nên."

Anh đi lên Bẫy Núi : Sách Dịch nói :

Thất nhật đắc", cho nên con số 7 là con số huyền niệm, chỉ sự thành tựu. Anh trèo lên Bẫy Núi là với tất cả lòng chí thành, hy vọng rằng *cắn nợ keo sơn thấu đến ông Trời*.

Anh đến tam cấp lập Cửu Trùng đài :

là anh đã quyết tâm cùng cực, thực hiện gấp bội huyền số 3 để được 3.3= 9, con số Cửu Lạc huyền linh và Cửu Trùng đài là nơi vua ngự trên cao.

Thực hiện phương châm: *Có chí thì nên*, cho nên anh kiên quyết và tin tưởng: *ráng lập hoài cũng nên*.

Người bình dân vốn chất phác, phần ảnh hưởng thực tính văn hóa nông nghiệp truyền thống, đôi khi quên đi óc tôn quân triệt để của văn hóa du mục, cho nên trong bài ca dao sau đây thay vì chữ *trung* dành cho vua thì lại để cho cha:

"*Minh về ta chẳng cho về,*

Ta nắm lấy áo, ta đề câu thơ.

Câu thơ ba chữ rành rành:

*Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình là ba.
Chữ trung thì để phần cha,
Chữ hiếu phần mẹ, đôi ta chữ tình."*

Con số 3 là cơ số của nền triết lý nhân sinh lấy việc ăn, làm, hạnh phúc con người làm cứu cánh (Có thực mới vực được Đạo), cho nên đã biểu hiện ra qua châm ngôn sau đây:

"Đói cho chết, ba ngày Tết cũng no "

hay:

*"Giàu ngày ăn ba bữa,
Khó cũng đỡ lửa ba lần."*

Số 3 vừa có ý nghĩa siêu hình, có ý nghĩa triết lý nhân sinh, lại vừa có ý nghĩa trong bình diện thế giới hữu hình, hiện tượng vật lý:

*"Dầu ai nói đông nói tây,
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng.
Dầu ai nói ngã nói nghiêng,
Thì ta cũng vững như kiềng ba chân."*

Số 3 là thế chân vạc kiên cố:
*"Hòn Tàu, Hòn Kẽm, Hòn Vung
Ba hòn xúm lại đỡ vùng Quảng Nam.
Non sông ai dựng ai làm,
Dòng sông Sài Giang lượn khúc,
Cù lao Chàm xanh um."*

Cặp huyền số 2-3

Cơ cấu là cái gì nằm ẩn khuất sâu trong tiềm thức, nhiều khi trôi lên bên trên biểu hiện vào lời ăn, tiếng nói mà ý thức nhiều khi không phát hiện, lâu dần trở thành lẽ lối ngôn ngữ: *"Con chim nho nhỏ*

*Cái lông nó đỏ
Cái mỏ nó vàng
Nó đậu trước cửa Tam Quan
Nó kêu nam tặc, nữ tể
Nam quế, nữ châu
Bớ chị Ba nhỏ ơi, xin chị đừng rầu
Vài ba hôm nữa, mâm trầu tới đây."*

"Trường rằng cha mẹ đập vài ba roi,

*Ai ngờ đập đến chín chục, một trăm roi.
Em bò lẩn bò lóc, em khóc đứng khóc ngồi."*

Úy trời đất quỷ thần ơi! Thân con gái liễu yếu đào tơ mà bị đòn đến chín chục, một trăm roi thì *tan xương nát thịt* rồi còn chi nữa! Chưa hết! Nàng còn tiếp tục kể lể: *Em bò lẩn bò lóc, em khóc đứng khóc ngồi.* - Ghê quá vậy hả? Mà có thật vậy sao? Ai mà tin cho được. Nàng những nhéo với tình lang đó!

Tương quan của cặp huyền số 2-3 rất có ý nghĩa:

*"Năm canh thì ngủ lấy ba,
Hai canh lo lắng việc nhà làm ăn."*

Ba cho việc ngủ, tức lo chăm sóc phần vô thức, tiềm thức thuộc tâm linh. Trong khi hai dành cho việc làm ăn thuộc sinh hoạt ý thức. Đó là tương quan quân bình lý tưởng của triết lý lưỡng hợp *nội ngoại chi Đạo* để có cuộc sống *an nhiên tự tại, ấm no, hạnh phúc*. Còn nếu ngược lại ngủ 2, thức 3 thì sẽ phản tác dụng:

*"Năm canh anh ngủ lấy hai,
Ba canh thao thức, nhớ bạn lành khổ chưa?"*

Trường hợp sau đây lại càng bị thảm hơn nữa, hết con chim trên núi đến con gà rừng dưới suối, chúng gáy suốt năm canh, hết giọng châu đôi lại sang giọng châu ba, một sự mất quân bình toàn diện:

*"Con chim trên núi, con gà dưới suối,
Nó gáy giọng châu đôi, châu ba.
Đêm năm canh chẳng ngủ lại ngồi,
Trông người thực nữ bồi hồi lá gan."*

Cặp cơ số 2-3 có thể biến dạng sang 3-4 như ca dao đã trích dẫn ở ý tưởng con người đại ngã có chiều kích vũ trụ:

*"Bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng,
Ông Tứ Tượng bằng bốn con sào."*

hay:

*"Mồng ba cá đi ăn thề,
Mồng bốn cá về vượt Vũ Môn."*

Thể thơ lục bát với cặp số 6-8 cũng qui về 3-4, rồi song thất lục bát cũng vậy, vì 7=3+4. Về âm nhạc, Tây phương cũng có

nhịp 6-8, 3-4 (valse). Như vậy, hình như cặp cơ số 3-4 có tiết điệu căn cơ phổ biến.

Huyền số 5

Quan niệm ngũ hành, cơ số 5 đã đi vào đời sống dân gian qua cách thức đặt tên núi non:

"*Quảng Nam có núi Ngũ Hành,
Có sông chợ Củi, có thành Đồng Dương.*"

Qua kiến trúc, thiết kế thành đô:

"*Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi!
Sông Nhị nước chảy phân đôi một dòng.
Đôi ta chua ngọt đã từng,
Thành cao, sóng mạnh cũng xin đừng quên nhau.*"

Số 5 bao hàm cả số 2 và số 3 cho nên nếu hành thổ (5) có khả năng thấu hóa, điều hòa các hành kim, mộc, thủy, hỏa thì sông Nhị phân đôi cũng chỉ là một dòng sông mà thôi (lưỡng hợp). Con người vừa có tính lưỡng nhất (2) vừa là nhân bản tâm linh (3) lại vừa có tâm không của hành thổ (5), cho nên dầu có thành cao, sóng lớn cũng không hề nao núng.

Qua việc xây cất nhà ở:

"*Nhác trông nhà ngói năm gian,
Thấy chàng lịch sự khôn ngoan có tài.
Cho nên em chẳng lấy ai,
Em quyết chờ đợi một vài ba đông.
Yêu anh em chẳng lấy chồng,
Em dốc một lòng chờ đợi lấy anh.*"

Nếu không cất nhà năm gian thì cất nhà ba gian hay ba gian hai chái:

"*Ba gian nhà khách
Chiếu sạch giường cao
Mời các thầy vào
Muốn sao được thế
Mắm Nghệ lòng giòn
Rượu ngon cơm trắng
Các thầy dù chẳng sá vào
Hãy đừng chân lại, cho em chào cái nao
Đêm qua em mới chiêm bao
Có năm ông cử bước vào nhà em
Cau tươi bỏ, trâu cay tằm*

*Đựng trong đĩa sứ em đem kính mời.
Năm thầy tốt số hơn người,
Khoa này tất đỗ, nhớ lời em đây."*

Nếu ai không được khá giả thì cất nhà tranh, nhà rạ. Nhưng dầu là nhà tranh, nhà rạ cũng phải theo hình thức ba gian:

"*Ba gian nhà rạ lòa xòa,
Phải duyên coi tựa chín tòa nhà lim."*

Chín gian, năm gian, ba gian hai chái hay ba gian đều có gian ở chính giữa tượng trưng cho hành thổ ở trung cung của cơ cấu ngũ hành, biểu hiện ý thức, tâm thức của một dân tộc có Đạo thờ cúng tổ tiên. Ở phạm vi gia đình thì thờ gia tiên, tổ của dòng họ, ở làng thì thờ Thành Hoàng, phạm vi cả nước thì thờ Quốc Tổ Hùng Vương ở đền Hùng. Tinh thần của lễ gia tiên là chữ hiếu, đối với giỗ tổ thì hiếu trở thành trung, trung với tổ quốc. Việc thờ cúng tổ tiên, quốc tổ không chỉ quan trọng ở chỗ nội dung là tấm lòng hiếu, trung, mà quan trọng ngay cả cách thờ cúng, cách đặt bài vị gọi là văn tổ được xếp vào trung cung của cơ cấu ngũ hành. Chính điều này đã đưa tục thờ cúng tổ tiên vượt qua lối ma thuật vươn lên trình độ nhân bản tâm linh, nghĩa là thờ nhân tính, xứng danh là đất nước có văn hiến: "*Văn hiến chi bang.*"

Mọi người trong gia đình, dòng tộc mà sống theo đúng Đạo Việt với tinh thần cơ cấu ngũ hành, nhân bản tâm linh thì thật đáng tin cậy, là nơi đáng để chọn kết thân. Con trai gặp được gái hiền, con gái gặp được trai giỏi. Người dân Việt xưa rất tin con số 5, nó có khả năng mang lại hạnh phúc, nó là ngũ phúc: thọ, phú, khang ninh, du hiếu đức, khảo chung mệnh nghĩa là sống lâu, giàu có, thịnh vượng yên ổn, vui vẻ yêu chuộng đạo đức, hoàn toàn được tính mệnh. Khai triển đúng tinh thần ngũ hành, người ta tin rằng có thể hiện thực được những ước mơ chính đáng:

"*Năm trai năm gái là mười,
Năm trâu năm rế là đôi mươi tròn,*

*Hai bên phụ mẫu song toàn,
Rồi ra kéo được trâu vàng Hồ Tây."*

Tục truyền Hồ Tây có trâu vàng của Ông Nguyễn Minh Không, ai có được 5 trai, 5 gái cộng với 5 trâu, 5 rế là đôi mươi tròn thì kéo được trâu vàng lên (20=4x5). Đây ý nói đại gia đình nhà nông (5 trâu, văn hóa nông nghiệp) có những khả năng tiềm tàng, nếu khai triển đúng thì sẽ được thịnh vượng theo như tinh thần ngũ phúc.

Ngược lại, với những mong cầu không chính đáng thì thay vì hạnh phúc, tai họa có thể đến không chừa:

*"Anh đã có vợ con hay chưa?
Mà anh ăn nói đầy đũa ngọt ngào.
Mẹ nhà anh ở nơi nao?
Để em tìm vào hầu hạ thay anh.
- Anh đây một vợ hai con,
Lấy thêm em nữa cho tròn một mâm."*

Anh= 1, một vợ=1, hai con=2, lấy thêm em nữa=1. Tổng cộng là 5. Như vậy:

Tròn một mâm= 5 là theo cơ cấu ngũ hành. Theo triết lý ngũ hành thì hành thổ là hành vô hành, hoàn toàn trống không, là siêu hình chân thực, không bị giới hạn bởi bất cứ đối tượng, ý niệm nào nên bao dung, quán thông vạn vật, kim, mộc, thủy, hỏa. Đó gọi là *thiên địa chi tâm*, chứ cái tâm còn đầy tư dục thì làm sao có hiệu nghiệm.

Đây là hình ảnh một *quan ông râu vênh* có cái tâm đặc sệt ham hố, tham lam với nhiều đèo bồng:

*"Nửa đêm xênh phách đồ rền,
Hà Đông sư tử gầm lên phốc vào.
Quan ông râu vênh bôn đảo,
Dúm co bốn cẳng bỏ nhao ra đường."*

Ông cha ta đã từng dạy con cháu rằng:
*"Con ơi! Nhớ lấy câu này,
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan."*
Quan ông râu vênh này chính là loại *cướp ngày*, hời mại quyền thế, tham nhũng, ăn cắp của công, cướp đoạt của dân, sống phè phỡn, sa đọa. Trong ca dao, người bình dân đã phân loại các loài vật như sau:

*"Chim với phượng kể loại hai chân
Thú với kỳ lân kể loại bốn vó."*

Nhóm từ *dúm co bốn cẳng* cực tả bản chất của loại *quan râu vênh* này: Nó không còn là người nữa, nó đã thoái hóa trở thành loài bốn chân làm bậy rồi bôn đảo.

Tổ tiên đã đem triết lý của cơ số 5 vào các thể chế xã hội, đặt ra *luân lý* là để hướng dẫn con người chuyển hóa dần từ tiểu ngã thẳng hoa lên đại ngã:

*"Làm trai phải biết ngũ luân,
Nếu mà thiếu một mười phân thẹn thường."*
Ngũ luân đó có nội dung như ngũ đẳng trong bài ca dao sau đây:

*"Xem trong ngũ đẳng quân vương đứng đầu.
Thờ cha kính mẹ trước sau.
Anh em hòa thuận mới hầu làm nên.
Vợ chồng đạo nghĩa cho bền.*

Bạn bè chung thủy, dưới trên đàng hoàng."

Những tương quan của cơ số 2-3-5 phải được thu xếp cho quân bình:

*"Đôi ta như lúa đòng đòng,
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.
Đôi ta như chỉ xe ba,
Cha mẹ xe ít, đôi ta xe nhiều."*

Nếu không quân bình thì cơ số 5 có thể nhảy qua cơ số 6, thay vì ngũ phúc thì thành ra lục cực:

*"Bồi thương nâng anh chịu đòn oan,
Năm roi sáu rắc *rõ ràng còn đây."*

(* rắc: sợi roi mây rắc) Điều này đã được nói đến trong luật âm dương : "*Trong âm có dương, trong dương có âm*". Đạo Đức kinh của Lão Tử cũng có ghi : "Họa hệ phúc chi sở ỷ, phúc hệ họa chi sở phục "(Chương 58): Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là chỗ núp của họa.

Huyền số 7

7 = 5+2 bao hàm lưỡng nhất, tam tài, ngũ hành.
7 = 3+ 4 bao gồm cả tròn với vuông.

Kinh Dịch cũng nói: "*Thất nhật đắc*", cho nên số 7 gọi là số thành tựu:

"Gặp chàng đây thiếp xin hỏi một câu,
An Thái hai mươi bốn xã, mấy cái cầu
chàng ơi?
- An Thái hai mươi bốn xã, bảy cái cầu:
Cầu phú, cầu quý, cầu lộc, cầu vinh, cầu hiền,
Cầu cho cha mẹ bình yên,
Cầu cho ta bạn kết nguyên phu thê."

Rõ ràng là bảy điều cầu mong là tổng
hợp của ngũ phúc và lưỡng nhất mà ra,
trong đó lưỡng nhất là Đạo thái hòa đưa
đến bình yên, Đạo phu thê hòa hợp.

Những người chính trực thường thận
trọng trong lời ăn tiếng nói:

"Chớ loanh quanh bảy vòng mới nằm,
Người đáo lười bảy lần mới nói."

hay:

"Một lời nói dối, sám hối bảy ngày."

hoặc:

"Một mình lo bảy, lo ba
Lo cau trở muộn, lo già hết duyên."

Ba là tròn đầy, bảy là thành tựu, đó là
những huyền số mà con người đặt kỳ vọng
vào đó để tu tâm dưỡng tánh, đòi hỏi phải
hết sức chí thành, tâm phải trống rỗng,
thanh tịnh, không vướng chút tư dục. Đó là
con đường nội hướng tâm linh khác hẳn lối
ma thuật hướng về sự cầu cạnh linh thiêng
bên ngoài, là mê tín cho nên nhận thức sai
lạc ý nghĩa của các huyền số:

"Chớ đi ngày bảy, chớ về ngày ba,
Đi chơi cũng lỗ hướng là đi buôn."

Huyền số 9

$9 = 5+4$ hay $9 = 2+3+4$. Số 9 là cửu trù,
là khai triển của triết lý lưỡng nhất, tam tài,
ngũ hành ra đến tận các thể chế. Các thể
chế này ngoài thể sự được nối liền với
hồng phạm, tức là ngũ hành mở rộng ở nội
tâm theo tinh thần hợp nội ngoại chi Đạo.
Có được như vậy, con người mới có cuộc
sống an nhiên tự tại, hạnh phúc trong cảnh
thái hòa.

Con số 9 cũng như con số 5 đã đi sâu
vào tâm tư và đời sống của người bình dân

Việt Nam:

"Năm con ngựa cột cồng Ngũ Mã
Chín con rồng nằm Cửu Long Giang
Chàng mà đổi được, có lạng vàng em trao."
hay:

"Nước Cửu Long sóng dồn cuộn cuộn,
Cửa Hàm Luông mây cuốn cánh buồm xuôi.
Bầu với qua hai mặt một lời,
Trên có trời, dưới có đất,
Ngãi trăm năm vương vấn sợi tơ mảnh.
Tử sanh, sanh tử chung tình,
Dầu ai ngăn đón, tôi với mình cứ thương."

Con số 9 cũng như những cơ số khác
không phải chỉ lượng, mà là chỉ phẩm, chỉ
những nguyên lý nền tảng như sông gọi là
Cửu Long tức chín con rồng mà thực sự
chỉ có sáu nhánh chảy ra biển ở sáu cửa:
cửa Tiểu, cửa Đại, Hàm Luông, Cổ Chiên,
Ba Lai, Cung Hầu.

Bộ số cơ 2, 3, 5, 9 được khắc ghi trong
lòng dân gian:

"Ngọ Môn năm cửa, chín lầu,
Cột cờ ba bậc, Phú Văn Lâu hai tầng.
Đi mô cũng nhớ quê mình,
Nhớ Hương Giang gió mát, nhớ Ngự Bình
trăng thanh."

Bộ số của 9 là 18, là 36... là những con số
của minh triết, con số của hạnh phúc, an lạc:

Bài ca dao Cái quạt :

"Cái quạt mười tám cái nan,
Ở giữa phát giấy, hai nan hai đầu.
Quạt này anh để che đầu,
Đêm đêm đi ngủ, chung nhau quạt này..."

Bài ca dao: Hà Nội ba mươi sáu phố phường :

"Rủ nhau chơi khắp Long Thành
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:
Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
Hàng Bưởi, hàng Thiếc, hàng Hải, hàng Khay,
Mã Vĩ, hàng Điếu, hàng Giấy,
Hàng Lờ, hàng Cót, hàng Mây, hàng Đàn,
Phố Mới, Phúc Kiến, hàng Ngang,
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Than, hàng Đồng,
Hàng Muối, hàng Nón, Cầu Đông,
Hàng Hòm, hàng Đạm, hàng Bông, hàng Bè,

Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà,
Quanh đi đến phố hàng Da,
Trải xem hàng phố, thật là cũng xinh.
Phồn hoa thứ nhất Long Thành,
Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.
Người về nhớ cảnh ngân nga,
Bút hoa xin phép vẫn thơ lưu truyền.”

Thiết kế đô thị như vậy không phải là một sự ngẫu nhiên, mà với ý thức của một dân tộc có văn hóa đạt minh triết.

Những cơ sở huyền diệu trên đã ứng hiện ngay trong đời sống thuộc bản năng của con người:

“Ba tháng biết lẫy
Bảy tháng biết bò
Chín tháng lò dò biết đi.”

hay:

“Công cha lớn lắm cha ơi
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.”

Nho Việt, Đạo Việt đã minh xác rằng sự kỳ diệu của những số cơ mang ý nghĩa tâm linh từ nội tâm của con người khởi phát, chiếu tỏa rộng ra, chứ không mang ý nghĩa linh thiêng do những thể lực bên ngoài, cho nên lấy việc tự lực tu thân là chính. Cơ là lúc thiên địa bắt đầu giao thoa, tỏa ánh sáng minh triết, nhưng quá tế vi nên rất ít người nhận ra được. Bậc quân tử thấy cơ vừa máy động là tức khắc hành động ngay, không chờ qua hết ngày: “*Quân tử kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật*” (Hệ Từ hạ IV).

Nguyễn Văn Nhiệm

(Germany)

**Bài viết tóm tắt về ngày Ra Mắt Sách
Ca Dao, Con Đường Văn Hóa Việt (CD,CĐVHV) của tác giả
Nguyễn Văn Nhiệm.**

Ngày 27 tháng 7, 2013 vừa qua có thể coi như ngày đầu hè vì tiểu bang chúng tôi ở, Baden-Württemberg, miền Nam nước Đức, đã bắt đầu cho học sinh nghỉ hè một tháng rưỡi.

Mặc dù có vài bạn hữu đã cùng gia đình đi nghỉ hè xa nhưng hôm Ra Mắt Sách Ca dao, Con Đường Văn Hóa Việt của tác giả Nguyễn Văn Nhiệm tại thành phố Reutlingen ngày 27 tháng 7, 2013 lúc 4 giờ chiều cũng đã đón tiếp được khoảng 45 quan khách, bạn hữu tham dự. Đặc biệt có mặt của Ni Sư, trụ trì Niệm Phật Đường Tam Bảo tại địa phương. Tác giả Nguyễn Văn



Nhiệm, ở cách thành phố Reutlingen khoảng 80 cây số cũng đã về tham dự.

Thành phố hôm RMS có nắng mùa hè đang rực rỡ. Chim chóc hót vang trên các cành cây. Ngoài đường đầy người qua lại, xe cộ ngược xuôi. Qua những ngày lạnh và lụi lụi ở Đức, thời gian cho một mùa hè áp áp trong năm 2013 đã bắt đầu. Con người, cảnh vật đều hân hoan.



Mở đầu chương trình văn hữu Vũ Nam, đại diện cho Ban tổ chức đọc chương trình Ra Mắt Sách, giới thiệu quan khách tham dự. Chương trình gồm có: Giới thiệu quan khách, giới thiệu tiểu sử tác giả (VH Vũ Nam đọc tiểu sử tác giả từ báo Cỏ Thơm số 63 vừa qua), bài nói chuyện của tác giả, bài giới thiệu một đôi nét về cuốn sách CD, CĐVHV của văn hữu Trần Đan Hà và xen kẽ trong chương trình là hai màn văn nghệ đàn hát, hò, ngâm thơ do anh Vũ Xuân Phong, một người rất văn nghệ và có mặt hầu hết những sinh hoạt cộng đồng của miền Nam nước Đức, từ thành phố Stuttgart và anh Trần Đan Hà phụ diễn.

Từ trước đến nay, thành phố Reutlingen cũng đã từng đón các văn hữu từ Canada như nhà văn Nguyễn Văn Ba, Pháp như giáo sư Phạm Việt Tuyên, nhà báo Từ Nguyên, nhà văn Hồ Trường

An và nhiều văn thi hữu ở trên nước Đức nhân dịp có các sự kiện Văn hóa, Ra mắt sách, thăm viếng thân hữu, bạn bè v.v... Nơi đây cũng là nơi sinh sống của nhà báo Vũ Ngọc Long, trước ngày 30 tháng 4, 75 anh là phóng viên cho nhật báo Sóng Thần ở Sài Gòn, sau ngày định cư ở Đức anh đã cộng tác cho nhiều báo ở hải ngoại. Nhà báo Vũ Ngọc Long đã tạ thế cách nay cũng đã hơn mười lăm năm .

Sau hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, trong phần kết thúc buổi Ra Mắt Sách văn hữu Vũ Nam đã ngỏ lời cảm ơn Ni Sư, quan khách đã bỏ ít thì giờ riêng để đến dự buổi RMS, mua sách, cùng thông báo là số tiền bán sách, 280 Euro, sau khi trừ những chi phí lật vật, văn hữu Nguyễn Văn Nhiệm muốn đóng góp vào quỹ của cơ quan Caritas Đức để giúp chút ít về việc cứu giúp lũ lụt tại Đức trong thời gian vừa qua. Bù lại việc đóng góp nhân đạo bất thành linh này, tác giả Nguyễn Văn Nhiệm đã nhận được một tràng pháo tay từ các quý khách đang hiện diện trong ngày hôm ấy.



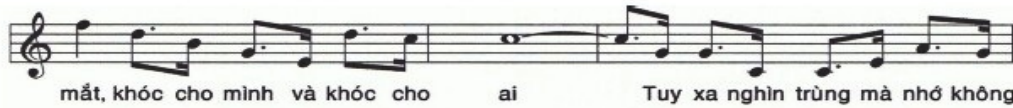
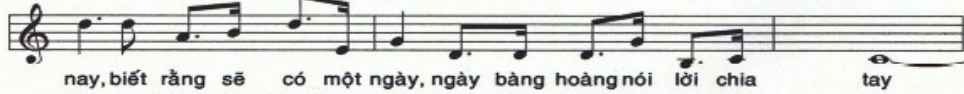
Đức Quốc, ngày 1.8.2013

Vũ Nam

Tuy Xa Nghìn Trùng

Kỷ niệm 30 tháng tư, viết cho người ở lại
Tháng 4-2013
Le Dinh

Slow



CODA



Rall...



Mời quý vị nghe Tâm Hào trình bày “Tuy Xa Nghìn Trùng” ở link này:
<http://cothommagazine.com/nhac1/LeDinh/TuyXaNghinTrung-LeDinh-TamHao.mp3>

Dã Quỳ O'í!

Tiểu Thu

(Tiếp theo)

Bà Luân và Thu chuẩn bị đi Chicoutimi thăm bà Đắc và Quân. Thu mua vé xe đò. Xe đò bên này rộng rãi, đầy đủ tiện nghi nên dù đường xa vẫn không mệt lắm. Đọc con đường từ thành phố Québec xuống Chicoutimi là rừng rậm bạt ngàn với những cây thông tuyệt đẹp mà từ xưa mẹ con Thu chỉ thấy trên hình ảnh. Thấy Quân ra bên xe đón mẹ con nàng với chiếc xe hơi mới tinh hiệu Honda Civic màu xanh dương đậm, Thu tròn mắt ra nhìn. Quân giải thích:

- Anh mới mua. Xe này nhỏ nhưng bền và rẻ. Giá có ba ngàn đô la. Anh trả trước một ngàn, còn trả góp. Khi người bán hàng biết anh thực tập ở bệnh viện là họ rất vui vẻ cho anh... thiếu nợ! Không có xe làm sao anh đưa mẹ và em đi chơi. Phong cảnh nơi này đẹp lắm em ạ.

Thu phản đối:

- Không cần đi chơi. Anh phải dành thì giờ để học. Mẹ và em xuống thăm chứ có phải xuống để đi chơi đâu. Anh đừng mất thì giờ vì mẹ và em nhé.

- Dĩ nhiên là anh học, nhưng cũng phải cho anh thư giãn chút xíu chứ... cô giáo! Thu và bà Luân phì cười. Dây nhà nơi Quân thuê một phòng nằm trên đầu dốc. Vừa đến nơi đã thấy bà Đắc đứng đợi sẵn. Hai bà mẹ gặp nhau mừng quá là mừng. Quân xách đồ vào nhà. Bà Đắc đã làm com sẵn chờ mẹ con Thu. Mọi người ăn bữa com đoàn viên thật là ấm cúng và hạnh

phúc. Mới xa hơn hai tuần mà như là lâu lắm. Chuyện nói hoài không hết. Buổi tối hai bà mẹ ngủ trong phòng. Thu ngủ trên chiếc giường sofa ngoài phòng khách và Quân trải mền xuống thăm ngủ tạm. Tiếng Quân thì thầm vọng lên:

- Nhớ em điên luôn. Cho anh mi một cái nhé.

- Không được! Thu trả lời, giọng chắc nịch. Nàng tự biết, nếu để Quân hôn một cái, có trời mới biết còn bao nhiêu cái sẽ nối tiếp theo? Và... Giọng nài nỉ của Quân càng lúc càng bi thảm:

- Một cái thôi mà. Anh hứa chỉ hôn một cái thôi rồi ngủ.

Thu xiêu lòng:

- Chỉ một cái thôi nhé. Không được ăn gian.

Nàng nghiêng người cúi xuống. Bất thành linh cánh tay của Quân ôm ngang hông kéo Thu rơi ập lên người chàng và đôi môi nóng bỏng của Quân đã tham lam gắn chặt lên môi nàng. Người Thu mềm nhũn dưới cái hôn cuồng nhiệt. Không biết bao lâu. Tiếng bước chân của bà Luân hay bà Đắc không rõ từ trong phòng đi ra nhà vệ sinh khiến cả hai choàng tỉnh. Thu vội vàng leo lên giường, kéo chăn đắp kín. Có tiếng cười nho nhỏ của Quân:

- Ngủ ngon nhé bà xã yêu quý.

Thu không dám đáp lại. Hương vị ngọt ngào của nụ hôn vẫn còn đọng trên môi. Hơi thở còn chưa bình thường. Mãi một lúc lâu nàng mới chìm vào giấc ngủ... Dưới sàn nhà Quân đã ngáy đều đều.

Sáng hôm sau, lúc Quân và Thu thức giấc, hai bà mẹ đã dậy từ bao giờ, đang ngồi uống trà nơi chiếc bàn ăn nhỏ trong bếp. Lúc đi ngang phòng khách, nhìn hai trẻ ngủ say sưa, hai bà mẹ không dấu được nụ cười âu yếm. Lòng bà nào cũng

phơi phới, vì thấy cuối cùng con mình đã tìm được hạnh phúc.

Ăn sáng xong Quân chở mẹ, bà Luân và Thu chạy vòng vòng thành phố. Thu thấy Chicoutimi nhang nhác như Đà Lạt bên Việt Nam. Cũng đồi, dốc lên xuống quanh co. Những căn nhà cổ bằng gỗ nhỏ nhắn, xinh xắn, rực rỡ dưới ánh nắng hè và nhiều loại hoa màu sắc tươi vui trồng trước cửa. Nơi đây không có nhiều gương mặt Á Đông nên bốn người đi tới đâu cũng níu theo ánh mắt của người địa phương. Nhưng thái độ của họ rất thân thiện, hiền hòa. Chưa chi mà Thu đã thấy quyến luyến cái phiên bản của Đà Lạt mù sương. Khi Quân cho xe vượt cầu qua bên kia sông. Con đường trải nhựa loang loáng dưới ánh mặt trời, uốn lượn lên xuống như một giải lụa sẫm màu giữa hai hàng hoa đại đủ sắc xanh đỏ tím vàng. Đến một khoảng đồng trống, cảnh tượng trước mắt khiến Thu như mê đi. Hàng triệu bông cúc trắng chen chúc nhau vươn lên, như muốn tìm chút không khí và ánh sáng mặt trời giữa đám đồng loại đang chen vai thích cánh. Thu nói Quân dừng xe lại bên vệ đường cho nàng xuống. Hai bà mẹ cũng lục đục xuống theo, nhưng chỉ đứng bên đường để ngắm, trong khi Thu không cưỡng được, chạy băng băng vào đám bạch cúc. Nàng cúi xuống sờ hoa này một cái, lại quay đi sờ hoa kia một cái. Như người say rượu mạnh, Thu chỉ muốn nằm lăn trên thảm hoa, ngắm bầu trời xanh biếc trên cao. Và không nghĩ gì hết, đầu óc trống rỗng, thênh thang... như một người hạnh phúc nhất trần gian! Bỗng dưng Thu nhớ đến rừng dã quỳ vàng, mà nàng thấy qua cửa sổ của chiếc máy bay Air Việt Nam, lúc sắp đáp xuống phi trường Kontum ngày nào. Đã quỳ nở vàng cả ngọn đồi (hình như

là một ngọn đồi). Hàng vạn đóa dã quỳ vàng óng ả, lung linh dưới nắng thu và bầu trời cũng trong xanh một màu ngọc biếc như hôm nay. Nhưng nàng đã không có cái may mắn, cái hạnh phúc đắm mình trong rừng dã quỳ như hiện tại. Kỹ niệm và nỗi nhớ nhung pha một chút tiếc nuối khiến Thu chợt thấy bùi ngùi. Không hiểu sao giữa bao nhiêu loài hoa lộng lẫy, kiêu sa như hồng, như lan... nàng chỉ yêu hoa cúc? Thu yêu hoa cúc, đặc biệt là dã quỳ vàng, một loài hoa hoang dã và yêu mùa thu nhất trong các mùa. Nàng yêu bầu trời xanh thẳm, bàng bạc gió heo may và cái không khí lành lạnh, trong suốt như pha lê của mùa thu vùng Cao Nguyên. Có lần Thu hỏi mẹ “Sao mẹ không đặt tên con là Cúc Thu hay Thu Cúc?” Bà Luân mắng yêu “Vớ vẩn chưa! Làm sao tôi biết cô sẽ thích hoa cúc và mùa thu mà đặt tên?” Thu cũng tức cười khi nhận ra sự vô lý của mình. Nàng hái một bó bạch cúc rồi trở ra xe. Hình ảnh Thu tung tăng giữa rừng cúc trắng, long lanh niềm vui như một đứa trẻ thơ khiến Quân thấy nàng càng đáng yêu. Lúc Thu đến bên chàng để khoe bó hoa, mặc kệ sự hiện diện của hai bà mẹ, Quân đã đặt lên môi Thu một nụ hôn thật âu yếm và thì thầm vào tai nàng:

- Em đáng yêu lắm. Tiếc là không có máy ảnh để ghi lại hình ảnh đẹp tuyệt vời này.

Thu ngược nhìn chàng, mỉm cười, cặp mắt ngời hạnh phúc. Có cần nói ra không nhỉ? Chắc là không!

Hôm sắp về lại Montréal Thu mua vài món đồ kỷ niệm tặng bác Phúc và Thu Minh. Có những thứ nhỏ nhỏ xinh xinh do người da đỏ và Esquimaux làm bằng lông thú, bằng đá đen trông rất đẹp mắt. Đêm cuối cùng, cả Thu và Quân đều buồn. Năm

mãi không ngủ được, thấy Thư cũng trở mình liên tục, Quân ngồi lên và... gạ gẫm:

- Cho anh nằm chung một tí nhé.

Ngần ngừ một chút, Thư nói:

- Nằm một tí thôi đấy. Cấm không được... gì!

Quân phóng lên giường trước khi Thư dứt lời và nàng thấy mình nằm gọn trong vòng tay Quân chỉ trong tích tắc. Và sau đó cặp môi tham lam của chàng đã khóa miệng nàng lại. Bàn tay Quân đặt trên lưng Thư từ từ luồn vào trong áo xoa nhẹ nhàng trên tấm lưng trần mịn như nhung. Thư rung mình, nàng đẩy Quân ra, giọng trách móc:

- Anh!

Quân như choàng tỉnh cơn mộng. Chàng ngồi lên, đưa tay vuốt má Thư và nói:

- Anh xin lỗi. Ngủ ngon nhé!

Chàng nằm xuống chỗ của mình, thở hắt ra, cố gắng lấy lại trạng thái bình thường. May mà Thư tỉnh táo!

*

Thư vẫn đi làm hằng nữ trang và Quân vẫn chăm chỉ thực tập ở bệnh viện Chicoutimi. Noel chàng phải trực nhà thương nên trước đó Quân xin nghỉ một hôm đưa mẹ về Montréal chơi với mẹ con Thư. Gặp lại những người quen ở cùng chung cư trước đây bà Đắc rất vui. Trước khi Quân trở xuống Chicoutimi, Thư chuẩn bị cho chàng đủ thứ để ăn trong những ngày mẹ vắng mặt. Nhìn vẻ lo lắng của cô vợ tương lai, Quân không giấu được sự cảm động:

- Đừng lo cho anh quá. Anh có thể ăn trong căng tin ở nhà thương. Lâu lâu ăn cơm tây cũng ngon mà

- Nhưng anh quen ăn thức ăn mẹ nấu. Trước khi đi làm, anh chỉ cần cầm nồi cơm điện là xong.

Lục Bát & Em

Em từ lục bát bước ra
Xin em thừng thặng cho ta tìm vắn
Câu thơ lơ lửng, tần ngần
Gọi là kỷ niệm một lần với nhau.

Em từ lục bát bước ra
Anh vui cao hứng ngâm nga đôi lời
Biết chẳng, chẳng phải là chơi
Là duyên, là nợ trọn đời đó em!

Em từ lục bát bước ra
Hôm nay hay tự hôm qua, hôm nào?
Cầm tay khúc khích rì rào
Bao giờ hết chuyện, khi nào mới ngưng.

Em từ lục bát bước ra
Lơ ngơ lại tưởng từ ca dao về
Bóng hình lững thững trên đê
Chim sa, cá lặn, anh mê mẩn hồn.

Em từ lục bát bước ra
Tiếng rao lạnh lạnh gánh quà hàng rong
Anh nghèo số phận long đong
Gặp đây vui quá phải lòng nhau chơi.

Em từ lục bát bước ra
Chân tay líu ríu tìm ta bước vào
Thôi thì còn biết nói sao
Có nhau thì chẳng khi nào đổi thay.

NGUYỄN PHÚ LONG

(Virginia)

Quân cười:

- Em quên ngày xưa anh đi hành quân trong rừng, trong núi cực khổ đến chừng nào. Bây giờ sướng lắm rồi. Đừng chịu quá anh đâm hư đấy nhé.

Đàn bà Á Đông là vậy. Lúc nào cũng lo lắng tí mĩ cho chồng con. Họ tưởng tượng nếu sảy họ ra là tất cả đều... hồng bét, chả ra làm sao cả! Thư cũng không ngoại lệ!

Bà Đắc ở chơi đúng một tuần. Thư mua vé xe đò, đưa bà lên xe rồi căn dặn đủ điều. Nhưng may quá họ gặp một người đàn ông Á Châu. Một người Việt Nam du học bên này trước bảy năm, có vợ đầm và đang dạy học ở Đại Học Chicoutimi. Thư gửi mẹ chồng cho ông Giáo sư Đoàn, tên người đàn ông. Nhờ ông trông nom bà cụ suốt cuộc hành trình. Tới bến xe sẽ có Quân ra đón. Ông Đoàn vui vẻ nhận lời. Ông bảo được quen thêm người Việt Nam là một niềm vui lớn lao. Bao nhiêu năm dạy học ở cái thành phố nhỏ xíu này ông cũng cảm thấy quanh quẽ và buồn. Gia đình ông rất may mắn, chạy thoát khỏi Việt Nam khi Việt cộng tiến chiếm Sài Gòn. Chính ông đã bảo lãnh họ qua đây. Vài tháng ông lại lên Montréal thăm bố mẹ và các em một lần, vì họ chọn định cư ở Montréal. Ông còn hai đứa em ở tuổi vào Đại Học. Montréal có nhiều trường danh tiếng thích hợp cho chúng hơn.

Trên đường trở về nhà Thư lấy Métro. Ngồi trên toa tàu, từng trạm rồi từng trạm... Thư ngắm nhìn không chán mắt dòng người lên lên, xuống xuống. Dù mọi màu da, mọi sắc tộc. Gương mặt người nào cũng bình thản, vui vẻ. Thư không lúc nào quên được sự hào phóng, lòng nhân đạo của người dân Canada. Họ đã dang tay đón những người tị nạn bất hạnh bỏ nước ra đi, trong đó có nàng. Thư cũng cảm ơn Định

mệnh đã rất biệt đãi hai mẹ con. Trong số mấy chục triệu người Việt còn kẹt lại trong nước, có bao nhiêu người vượt thoát? Giờ Định mệnh lại sắp đặt cho nàng làm vợ Quân. Còn gì đáng cho nàng mơ ước hơn nữa? Thư thấy mình là một người may mắn. Rất may mắn.

Tàu ngừng lại trạm Rosemont, nhìn qua cửa kính Thư bắt gặp một cặp trẻ đang tự nhiên hôn nhau say đắm như chỗ không người. Thư mỉm cười, thông cảm cho hai kẻ yêu nhau. Chính nàng và Quân, tuy không bao giờ dám hôn nhau nơi công cộng, nhưng nhu cầu đó vẫn thôi thúc. Lúc nào họ cũng thèm được hôn nhau. Dù chỉ là những nụ hôn nhẹ nhàng, phớt qua. Chỉ nghĩ đến thôi, Thư đã thấy nhớ Quân quay quắt! Nàng đã cầu nguyện thật nhiều khi Quân thi tốt nghiệp. Thư lên Oratoire St Joseph cầu vì nghe nói nhà thờ này rất linh thiêng. May mắn lần nữa: Quân đậu luôn. Nghe tin, Thư mừng đến ngủ không được. Quân đưa mẹ về ở tạm nhà Thư, rồi đi tìm nhà thuê. Bà Luân bàn nên thuê một căn nhà hai tầng vì đảng nào Quân và Thư cũng sẽ làm đám cưới. Hai bà mẹ sẽ ở tầng trệt và cặp vợ chồng son sẽ ở trên lầu. Nói là làm. Như lần đính hôn, đám cưới Quân và Thư rất đơn giản. Họ chỉ mời đúng năm bàn. Gia đình ông Thiếu tá Hữu, Bác Phúc, Thu Minh làm phù dâu và những người ở cùng chúng cư Alma. Sáu tháng sau nàng thấy trong người khác lạ. Đi khám mới biết là cần thai. Kể sao được sự sung sướng của hai bà mẹ và cái hạnh phúc được làm cha của Quân. Thư bị thai hành ăn uống không được nên sụt ký thấy rõ. Quân và hai bà mẹ bắt Thư thôi việc ở nhà dưỡng thai. Ngày Thư từ già, Bác Phúc và Thu Minh đều buồn. Nhưng chỉ còn ít tháng nữa là Thu

Minh xong chương trình học kế toán hai năm. Cô bé cũng sẽ kiếm việc làm khác và rời hãng Keays như Thu. Bên cánh đàn ông trong phòng mài cũng có vài người tìm được việc làm khác hợp khả năng hơn. Người Việt Nam vốn chịu khó và cầu tiến.

... Ngày thẳng cu Nam chào đời là ngày quan trọng nhất trong đời của bốn người. Đối với bà Đức, thẳng cu là cháu đích tôn, sẽ nối dõi tông đường nhà bà. Với bà, nó là cục... kim cương. Với Quân, sau con bé Lisa, cu Nam là niềm ước mơ thầm kín của chàng. Ông bố nào mà không thèm có một mụn con trai? Khi thẳng bé được ba tháng thì Quân tìm được địa điểm mở phòng mạch tư. Nhỏ thôi, nhưng vừa sức chàng. Quân không muốn hợp tác với người nào khác. Chín người mười ý rất phiền toái. Thu ra phòng mạch phụ chân thư ký. Thẳng cu Nam có tới hai nanny. Cả bà nội lẫn bà ngoại đều chịu thẳng bé quá sức, đến nỗi Quân phải phân nản là hai bà sẽ hư thẳng bé. Thu cười:

- Tục ngữ có câu "... cháu hư tại bà". Đây là một, đằng này nó có tới hai bà nên sẽ hư gấp... hai lần!

Càng lớn thẳng bé càng nghịch như giặc. Quân rầy thì hai bà bênh "nếu không nghịch thì nó đâu phải con trai!". Chàng đành chịu thua không kèn không trống. Hai năm sau bé Diễm chào đời. Con bé sinh thiếu tháng, nhưng lớn nhanh như thổi vì cứ ăn no là ngủ khi! Tới đây thì Thu tuyên bố "đình chiến". Một trai một gái là đẹp lắm rồi. Tiểu gia đình của Thu sống bình lặng như thế. Không đua chen, so bì với ai. Khi Quân mua nhà, cả sáu người vẫn sống chung. Căn nhà đó vợ chồng Thu vẫn ở cho đến ngày nay, dù hai bà nội ngoại đã quy tiên. Khi mẹ qua đời, Thu nhớ lời trăng trối,

thieu và đem tro về Việt Nam để chôn cạnh mộ chồng. Đó là lần thứ nhì Thu gặp lại anh Tiến và chị My. Nhờ tiền vợ chồng nàng gửi về giúp, anh chị và hai đứa con bây giờ có nhà cửa khang trang ở thị xã Kontum. Căn nhà của gia đình nàng giờ thuộc về người khác. Mỗi lần đi ngang Thu lại muốn khóc. Mẹ nàng ngày đó cũng đã đứt ruột bỏ lại sau lưng để về Sài Gòn sống với Thu.

Nhớ lại vào khoảng năm 82, Thu nhận được bức thư của anh Tiến nàng nhờ người bà con đi đoàn tụ với con ở Montréal chuyển lại dùm, mẹ nàng mừng quá khóc bù lu bù loa. Lúc đó thu từ còn bị nhà nước Cộng sản kiểm duyệt nên Tiến không dám kể lể gì cả. Người ấy thuật lại tường tận chuyện Tiến rớt máy bay. Nhờ bấm nút nhảy kịp ra khỏi thân máy bay nên chàng không chết cháy, chỉ bị gãy một chân. Trong rừng rậm Tiến mất phương hướng và cuối cùng rơi vào tay Cộng quân. Chàng bị bắt làm tù binh. Cái chân gãy không được chữa trị đàng hoàng cuối cùng chân phải bị cưa đến đầu gối. May mà Tiến không theo ông theo bà! Chàng bị đưa ra Bắc và sau khi cưỡng chiếm miền Nam, Tiến bị đưa đi học tập cải tạo chung với những sĩ quan miền Nam. Mãi đến năm 82 chàng mới được tha. Tiến về Sài Gòn, đến nhà cũ thấy người chủ lạ. Tiến hỏi hàng xóm mới biết mẹ và em đã ra đi. Chàng mò sang nhà người chú họ xa ở khu Khánh Hội. Tiến tá túc nhà chú, hàng ngày xách thùng đồ ra ngôi ở ngả tư gần nhà, dưới bóng một cây me già, sửa xe đạp. Một hôm trời xui đất khiến thế nào mà một thiếu phụ ăn mặc xuề xòa, quần đen áo bà ba tím than, đầu đội nón lá dẫn chiếc xe đạp xẹp lốp nhờ chàng vá. Khi nàng bỏ nón ra, bốn mắt nhìn nhau bàng hoàng sững sốt. Người thiếu phụ

chính là My. Là My của chàng ngày nào. Là My đã khiến cho chàng đau khổ cùng cực một thời. Người vì chữ hiếu đã phụ Tiến để lên xe hoa với người đàn ông khác, dĩ nhiên là có địa vị cao hơn chàng. Tiến ngậy người ra nhìn, không nói được một lời. Chính My lên tiếng trước:

- Anh Tiến! Không ngờ còn gặp lại. Anh... anh khỏe chứ?

Tiến đã lấy lại được bình tĩnh:

- My! À... My ở gần đây sao?

- Không, em ở bên đường Yên Đỗ. Căn nhà ngày xưa của mẹ em mua đó. Hôm nay có việc sang đây. Không ngờ bị xẹp lốp xe. Anh thế nào? Có gia đình rồi chứ? Lâu lắm em không có tin tức của Thu.

Sau cú sốc, dần dần hai người trở lại bình thường. Tiến mời My ngồi xuống chiếc ghế nhỏ, chạy đi mua hai ly đá chanh rồi trở lại mời cốc nhân giải khát. Tiến vừa uống vừa kể lại quãng đời đầy chông gai đã qua và My, với giọng buồn buồn, cũng kể cho chàng nghe tất cả những đắng cay nàng đã chịu từ khi chia tay với Tiến... Đám cưới với Danh xong, My theo chồng về sống ở Cần Thơ. Họ có với nhau một đứa con gái. Khi Cộng quân vào, Danh cũng bị bắt học tập ở Suối Máu. Chỉ một năm sau, Danh đi chặt tre, đập nhằm gai, không ngờ xui xẻo bị bệnh uốn ván và qua đời. May mắn căn nhà trong hẻm Yên Đỗ để tên My, nên mẹ con nàng được sống ở đó cho đến ngày nay. My chạy thuốc tây với một người bạn, vì thế hôm nay mới lang thang qua đây. Tiến chẳng biết nói gì ngoài những câu an ủi bình thường. Trừ những người từ ngoài Bắc vào Nam nhận họ và khuôn hàng về Bắc, tất cả người dân trong Nam đều chịu chung hoàn cảnh đón đau như Tiến và My. Vậy còn lời gì để nói khi con tim vẫn còn đầy ắp

hình ảnh nhau? My nhìn gương mặt đen đúa, khắc khổ và chiếc chân không lạnh lặn của Tiến mà lòng xúc động đến nghẹn ngào. My biết nàng vẫn còn tha thiết yêu chàng. Những lúc khổ quá, những đêm mất ngủ... không phải bóng hình chàng phi công hào hoa tên Tiến vẫn xuất hiện để an ủi nàng hay sao? Phần Tiến, hình ảnh của My là lá bùa hộ mạng, là sức mạnh khôn cùng đã giúp chàng vượt qua những đón đau của thể xác cũng như tinh thần để sống sót và trở về đây. Đối với chàng, My xinh đẹp hơn nà của ngày xưa, hay My héo úa của ngày nay cũng là My muôn thuở.

Một lần nữa định mệnh đã an bài cho họ gặp lại nhau. Tiến muốn nói lại nhíp cầu. Lúc đầu My ngần ngại, nghĩ rằng mình không còn xứng đáng, vì nàng đã phụ Tiến, đã quay mặt với mối tình đầu. Nhưng sự kiên nhẫn của chàng cuối cùng cũng có kết quả. Tiến và My đã kết hợp lại thành một gia đình nho nhỏ. Tiến về ở với mẹ con My trong hẻm đường Yên Đỗ. Nhưng sau bị làm khó dễ quá nhiều lần, Tiến bán với My bán nhà rồi đem nhau về Kontum sinh sống. Dù gì ở tỉnh nhỏ cũng dễ chịu hơn. Và lại Tiến có nhiều bạn bè trên đó. Tiền bán nhà cộng với tiền do Thu gửi về giúp, Tiến - My mua lại căn nhà trên đường Lê Thánh Tôn, người chủ có con bảo lãnh đi Mỹ. Hai người mở hàng ăn rất đông khách nên sống khá thoải mái. Năm 90 Thu đưa mẹ về thăm anh chị. Bà Luân gặp lại con, dâu và cháu (lúc này Tiến, My có thêm một trai) sung sướng như chưa từng. Bà cho đây là một phép lạ trời ban. Thu gặp lại vài cô bạn cùng trường ngày xưa vui thật là vui. Hai mẹ con chỉ ở Kontum một tuần rồi vào Sài Gòn, vì lúc đó bà Luân đã bị bệnh tiểu đường nặng. Bệnh này sinh ra cao máu, hại

cả tim, thận... Nhà thương tình lẻ không bảo đảm nên Thư không dám để mẹ ở lâu. Lần đó Thư ngờ ý muốn làm đoàn tụ cho vợ chồng Tiến sang Canada, nhưng chàng đã từ chối. Viện lẻ tấm thân tật nguyên sống ở đâu thì cũng vậy thôi. Hơn nữa, cuộc sống ở đây cũng có phần dễ chịu hơn xưa. Trở về Montréal, ba năm sau bà mất vào mùa xuân. Thư chờ cuối hè mới mang tro của mẹ về Kontum. Lúc này không khí mát mẻ dễ chịu. An vị tro cốt của mẹ bên cạnh bố xong Thư có nhiều thì giờ đi gặp bạn bè. Tuyết Anh tình nguyện đưa Thư đi khắp nơi, thăm lại cảnh cũ người xưa. Đau lòng nhất là hàng phượng vĩ dọc hai bên đường Phan Thanh Giản, ngang qua ngôi trường Trung học Têrêsa dấu yêu đã bị đốn trụi. Còn đâu những tà áo dài trắng dịu dàng, quần quít bước chân của các nữ sinh mỗi khi tan lớp?

Nghe Thư ao ước nhìn lại những đóa Dã quỳ vàng, Tuyết Anh cười:

- Thiếu gì hoa đẹp sao mi lại thích Dã quỳ?

Suy nghĩ vài giây, Thư lắc đầu cười trừ:

- Cũng không biết nữa. Chỉ thấy thích nhất loại hoa này thôi!

Khi nghe Thư kể nhìn thấy đồi Dã quỳ vàng trên chuyến AirVN ngày xưa, Tuyết Anh nói:

- Tớ biết ở đâu rồi. Nhưng phải đi hơi xa. Qua khỏi Phương Hòa lặn. Sáng mai tụi mình đi sớm.

Đêm đó Thư thao thức mong cho trời mau sáng. Mới sáu giờ nắng đã dậy ăn điếm tâm, mặc quần áo sẵn chờ bạn đến đưa đi. Nghe tiếng xe gắn máy ngừng trước cửa, không đợi bạn vào, Thư vội vàng đi ra. Tuyết Anh cười:

- Nôn dữ vậy mi?

- Ừ, tao mong mỗi giờ phút này mấy chục năm rồi đấy. Đi thôi.

Xe chạy qua cầu Dakbla, con sông đầy vẻ trữ tình, có giòng nước chảy ngược đã làm hao tổn bao nhiêu giấy mực của những tâm hồn thi văn sĩ. Lúc chạy ngang Phương Hòa, Thư nhớ những múi mít nghệ vàng óng, ngọt lừ trong khu vườn nhà chị Bích Sơn. Khỏi Phương Hòa một quãng xa quang cảnh bắt đầu vắng, không còn nhà cửa, vườn tược sum suê cây trái. Chỉ thấy những ngọn đồi nối tiếp nhau. Qua khỏi khúc quanh, một biển vàng rực rỡ hiện ra trước mắt. Càng đến gần, tim Thư như muốn ngừng đập. Chao ôi, cả một ngọn đồi được bao phủ bởi hàng ngàn vạn đóa dã quỳ, rung rinh nhẹ nhàng trong nắng sớm. Những cánh hoa mỏng manh còn đọng sương mai, lấp lánh dưới ánh mặt trời như được nạm hàng triệu viên kim cương quý giá. Tuyết Anh dừng xe dưới gốc cây bên vệ đường, quay lại bảo Thư:

- Xuông đi chứ. Đồi dã quỳ của mi đây rồi!

Thư xuống xe mà mắt không rời ngọn đồi bên kia đường. Tự hỏi mình tỉnh hay mơ. Những đóa quỳ lung linh trong nắng mai như có sức hút kéo Thư về phía chúng. Nàng dang hay cánh tay như muốn ôm trọn tất cả vào lòng, đôi chân như mọc cánh chạy ào về phía trước. Dã quỳ ơi! Dã quỳ ơi! Ta về đây! Ta đã về đây!

Và những đóa Cúc quỳ đường như cũng thấu hiểu tâm tình của kẻ xa quê, đồng loạt nghiêng về phía Thư như chào đón. Cơn gió sớm, nhẹ như hơi thở của núi rừng đã đẩy Thư và những đóa Dã Quỳ gần lại với nhau. Như những cặp tình nhân lâu ngày mới gặp mặt... Ôi, Dã Quỳ vàng!

Tiểu Thu

CHIẾU THƠ GÓP VUI ĐỜI

Họa

Trải chiếu thơ mời họa vận chơi
Phong lưu thượng đẳng nhất trên đời
Gom mây tám hướng vào xây mộng
Góp gió mười phương lại viết lời
Mặc khách tao nhân đều hơn hờ
Đệ huynh tứ hải thấy vui tươi
Văn chương vốn dĩ không bờ chắn
Tự vượt lên cao vút ngắt trời.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Ca, USA - Aug, 19, 2013

Đề trọn trang thơ hạ bút chơi
Đơn sơ mười vận góp vui đời
Nhìn tranh vãn cầu không thâm tiếng
Thấy cảnh bể dâu vẫn đẹp lời
Thi hữu thanh tao thêu lụa thắm
Bạn văn hòa nhã dệt hoa tươi
Cảm ơn người đã cho cơ hội
Thả mấy vãn sông gửi cánh trời.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

VA 08/2013

CHÂN TRỜI ĐƯỜNG THI ĐỐI ẨM

Họa

(Nương vận)

Mặt mừng tay bắt ghé sân chơi
Cái thú tiêu dao giữa chợ đời
Tức cảnh luyến lưu ghi mấy ý
Sinh tình nhưng nhớ nhắc đôi lời
Cầm kỳ thi họa rất tao nhã
Xuân hạ thu đông vẫn thắm tươi
Cốt cách phong lưu còn mấy thứ
Có đi mới thấy được chân trời

Phan Khâm

08/2013

Đường thi đối ẩm cùng vui chơi
Tiêu khiển thanh tao - tiên cõi đời
Bảy chữ thêu đan... Người gợi ý
Tám câu traу chuốt... Bạn trao lời
Tinh thần sáng khoái, càng trong sáng
Cuộc sống hài hòa, thêm thắm tươi
Xướng họa, giao lưu... Tình tỏa rộng
Ung dung ngày tháng với mây trời!

Motthoi

08/23/ 2013

Mẹ Tôi

VỮ ĐỨC NGHIÊM

Từ những ngày chập chững biết đi, ít khi tôi rời xa mẹ. Nhưng rồi cũng đến ngày mẹ cho tôi lên thành phố với bố ở tỉnh Thái Bình. Để bắt đầu đi học lớp vỡ lòng năm 1936.

Những ngày đầu tiên xa mẹ là những ngày khổ đau nhất của tôi, chú bé lên sáu tuổi. Bố tôi rất thương con, nhưng tính tình nghiêm khắc và tôi sợ bố lắm, ít khi dám đến gần người.

Do đó tất cả những nỗi niềm suy tưởng và nhớ thương của tôi đều hướng về mẹ tôi, vì mẹ rất dịu hiền, ít la mắng con cái và suốt đời chỉ lo lắng, hy sinh cho chồng con.

Mẹ ở quê nhà, chăm sóc ruộng vườn, gầy dựng cơ đồ, xây nhà cửa, thỉnh thoảng mẹ lên Thái Bình thăm bố và chúng tôi, (gồm có hai cậu Thiệu, cậu Thuật, (em trai của mẹ) được ông ngoại gửi lên tỉnh nhờ bố trông nom, chú Ba (sau là ông Vũ Quốc Ngọc,) em trai của bố tôi, hai anh Lý, Khánh (con bác Lục Vũ Đức Phúc, anh ruột bố), anh Chang và tôi là người bé nhất nhà, tất cả sống trong sự dạy dỗ và kỷ luật chặt chẽ của bố. Bố rất chú trọng về thể dục, trí dục và nhất là đức dục.

Bố áp dụng kỷ luật khắt khe nếu ai phạm lỗi hoặc lười học. Hình như, nếu tôi nhớ không lầm thì hai cậu Thiệu, cậu Thuật chưa (hoặc không bao giờ) bị đòn, còn từ chú Ba trở xuống đều bị ăn roi mây, ngay cả tôi bé nhất nhà cũng bị đòn khi phạm lỗi.

Mỗi khi nhớ mẹ, tôi thường ra đứng phía trước nhà, nhìn về phía xa khóc thầm, gọi mẹ. Có những buổi tối nhớ mẹ, tôi khóc, nhìn lên cao những ánh đèn vàng nhạt nhòa qua màn nước mắt, tôi nghĩ rằng những ngọn đèn cũng khóc nhớ mẹ như tôi.

Những ngày mẹ lên Thái Bình thăm bố và các con, cuộc đời thật là hạnh phúc. Mẹ đem rất nhiều món ăn ngon từ quê lên, với nhiều hoa quả, bọn tôi ăn tha hồ. Bố cũng dễ tính hơn, và nếu có ai phạm lỗi thì hình phạt cũng nhẹ hơn vì có mẹ can gián và bào chữa, xoa dịu cơn giận của bố. Nhưng ngày vui mau qua, mẹ về quê, sau ít ngày hạnh phúc thoáng qua mau như mây trời, và cuộc sống vắng mẹ lại tiếp tục với những khó khăn chồng chất.

Những ngày nghỉ hè, chúng tôi về quê. Tôi tiếp tục được mẹ cưng chiều cho bỏ những ngày xa vắng mẹ. Tôi theo mẹ đi thuyền xuống các làng Duy Tắc, Địch Giáo và xa hơn là Hà Cát để thu thóc. Do các tá điền (những người cấy ruộng mướn của mẹ) chia cho chủ ruộng mỗi mùa gặt, hình như theo tỷ lệ 4/6, chủ ruộng được 4 phần, tá điền 6 phần (nếu tôi nhớ không lầm). Tôi được các anh thợ gặt cho những con bọ muồm, cà cuống, nướng lên ăn rất thơm và bùi.

Ngoài ra, các tá điền cũng mang các món ăn rất ngon (thường là gà luộc và cá rán) biếu mẹ vào các bữa ăn.

Khi đã thu xong lúa, thuyền trở về làng, các anh lực điền chèo thuyền bằng những con sào dài, thuyền nhẹ nhàng lướt êm qua các con sông đào, băng qua giữa các thửa ruộng lúa vàng rực rỡ. Những ngày ấy quê hương tôi êm đềm, cuộc sống thanh bình, những người nông dân hiền lành chất phác; đối với mẹ họ có lòng quý mến và kính trọng vì bản tính dịu dàng hiền hậu và thương yêu của mẹ, vì Người thường cứu giúp người nghèo túng gặp lúc khó khăn đau ốm. Tôi biết điều này khi lớn lên được nghe các người tá điền nhắc nhở về mẹ với một niềm cảm phục và kính mến vô cùng.

Những năm 1943, 1944, Hà Nội bị Mỹ ném bom vì có quân đội Nhật chiếm đóng, em Chính và tôi tản cư về quê, mẹ cho chúng tôi học ở Trà Bắc, hai anh em trọ học

Thu Ván Vương

*Nắng thu vàng óng ả
Lùng lơ sợi tơ trời
Chiếc lá bay lơ lả
Làn gió đùa chơi vơi*

*Dù nhau chiều thu nào
Tìm rộn ràng xôn xao
Cửa tâm hồn hé mở
Mảnh tình hồng vội trao*

*Giờ công viên lặng lẽ
Lá phai màu nhẹ rơi
Bờ mi rừng dòng lệ
Lời hẹn xưa xa vơi*

*Tay nâng niu kỷ niệm
Mộng ngày thơ êm đềm
Chia xa chiều hoang tím
Chờ ai đêm từng đêm*

*Giọt sương thu lóng lánh
Điểm trang hoa tâm xuân
Trăng tà bên vườn hạnh
Chào bình minh chuông ngân*

*Mây giăng buồn man mác
Bàng bạc phủ tâm tư
Hạt mưa thu dào dạt
Nồng nàn ướt tờ thư*

18-11-10

Đỗ thị Minh Giang

ở nhà ông bà ngoại, làng Xuân Bảng, cách quê nhà chừng 6,7 km. Mỗi khi mẹ về thăm quê ngoại, hai anh em lại có dịp ở gần mẹ ít ngày. Khi Mẹ về quê, em Chính và tôi tiễn mẹ ra đầu cầu làng Xuân Bảng. Mẹ ngồi lên cáng (palanquin), (cách đây hơn 1/2 thế kỷ, quê tôi thông dụng phương tiện này,) hai anh em cùng khóc, nhưng cùng quay mặt đi, vì không muốn cho người khác thấy mình yếu đuối, đã lớn, 13, 14 tuổi rồi mà vẫn khóc khi xa mẹ.

Năm 1952, tôi là thiếu úy Đại đội phó, tiểu đoàn 26 Việt Nam, đóng đồn ở làng Trung Lăng, gần bến đò Khuê, Kiến An. Mẹ vất vả lặn lội từ quê thăm tôi tại đồn, vượt qua

những đoạn đường nguy hiểm mà tôi đã bị phục kích mấy tháng trước. Đền bến đò, đồn Bến Khuê bên kia sông gọi vô tuyến báo cho biết mẹ tôi đến thăm, tôi hỏi hộ theo dõi bằng ống nhòm thấy mẹ lộ bộ trên chặng đường hơn 2 km thăm nguyện cho mẹ đi bình an. Đền đồn, tôi ôm mẹ vui mừng đến ứa nước mắt: "Mẹ lặn lội đi thăm con, không ngại hiểm nguy sao mẹ?"; Mẹ mỉm cười: "Thương nhớ con, mẹ đâu có ngại gì hiểm nguy, khó nhọc."

Tháng 10-1953, tôi là Đại đội Trưởng Đại Đội 4 (Tiểu đoàn Khinh Quân 711) hành quân chạm địch ở gần Sa Châu, (huyện Giao Thủy), chú lính mang ba-lô cho tôi

làm mất ba lô của tôi gồm có quân trang và giấy tờ. Việt Cộng bắt được c ba lô, phao tin là Trung uý Nghiêm đã chết ; tin đồn về nhà, mẹ khóc quá ngất xỉu; anh cả tôi phải đến hậu cứ Tiểu đoàn hỏi tin tức; biết tôi bình an vô sự , mẹ mới yên lòng. Những lần tôi về phép, Mẹ nói: "Con đi hành quân, mẹ lo lắng biết bao, chỉ biết cầu xin Chúa ban ơn gìn giữ che chở con."

Tháng 4-1975, tình hình dầu sôi lửa bỏng, anh Cả tôi có phương tiện di tản đã đem cha mẹ tôi cùng qua Mỹ, gia đình tôi bị kẹt lại. Tôi bị Việt công giam giữ hơn 13 năm, chịu trăm cay ngàn đắng thì vợ con tôi ở nhà cũng chịu trăm đắng nghìn cay. Bố mẹ ở Mỹ dành dụm gửi quà về giúp cho các con cháu qua cơn đói khổ.

Rất cục, sau hơn 15 năm tình thâm ruột thịt bị chia lìa, gia đình tôi đã đến Mỹ tháng 11 năm 1990. Bố tôi qua đời từ 6 tháng trước nên tôi chỉ được gặp mẹ một thời gian ngắn ở Pasadena khi tôi từ San Jose về Nam Cali thăm mẹ. Tôi được các con tôi lái xe khởi hành vào buổi tối và tới gặp mẹ lúc 1 giờ đêm. Mẹ ra mở cửa và tôi sung sướng ôm mẹ, nước mắt chan hoà, sau hơn 15 năm nhớ tưởng. Tôi gục đầu vào ngực mẹ, hít mùi bạc hà thơm ngát ngào trong áo mẹ, mùi da thịt mẹ mà thấy như mình sống lại những ngày thơ ấu. Bên cạnh mẹ, tôi quên là mình đã hơn 60 tuổi, bởi vì đối với mẹ tôi, lúc nào tôi cũng chỉ là đứa con nít dại khờ, chỉ ước mong suốt đời được gần bên mẹ.

Mẹ qua đời, hai năm sau khi tôi gặp lại Người và tôi thấy rằng không có nỗi khổ đau nào lớn hơn nỗi đau mất mẹ. Tôi vào phòng riêng gục đầu nức nở kêu xin với Chúa: "Xin Chúa đoan mạng con, cho mẹ con sống thêm ít lâu nữa. Hay là, nếu đẹp ý Chúa xin cho con chết thay mẹ con!"

Mới đây, tôi đến Westminster thăm một vườn tưởng niệm (một khu vườn nhỏ với những khóm hồng tươi đẹp, có tên là

Memorial Rose Garden,). Tôi để ý đến mấy câu thơ:

"If tears could build a stairway,"
"And memories, a lane,"
"I would walk right up to heaven"
"To bring you home again."

(tạm dịch:)

"Nếu những giọt nước mắt có thể bắc một cầu thang,
"Và nếu những hoài niệm có thể xây một con đường",
"Tôi sẽ đi bộ thẳng lên Thiên Đàng"
"Để đem người trở lại trần gian."

Nhưng đó chỉ là "nếu", là những chuyện không bao giờ có thể xảy ra được trong hiện tại, và những người thương yêu của chúng ta đã qua đi, sẽ chẳng bao giờ gặp lại được, có chăng là khi chúng ta chết đi mới hy vọng gặp nhau nơi thượng giới.

Anh em họ Vũ chúng tôi thường gặp nhau trong những dịp tưởng niệm ngày cha mẹ qua đời, rồi sau đó ra Đồi Hồng thăm mộ cha mẹ. Riêng tôi chỉ muốn có lời nhắn các người trẻ tuổi, nhất là các con trai, gái, dâu rể và các cháu nội ngoại của tôi rằng :

"Những ai có cha mẹ còn sống là những người có hạnh phúc; hãy làm cho cha mẹ vui lòng" trước khi quá muộn" Bởi vì, nếu bây giờ chúng ta nghĩ đến cha mẹ đã khuất núi, mà hối hận và muốn gặp lại cha mẹ để nói lên lời thương yêu, kính mến, hoặc lời xin lỗi nào đi nữa thì cũng đã quá muộn màng Riêng tôi, nhân dịp tưởng niệm cha mẹ ,tôi muốn nói lên những lời thiết tha nhất trong lòng:

Cha Mẹ ơi, Con Yêu Thương Cha Mẹ,"
"Con Thương Nhớ Cha Mẹ vô cùng."
San Jose, ngày Mother's Day

Vũ Đức Nghiêm

2010

Chiếc xe già nua của tôi

PHẠM XUÂN THÁI

Trong 38 năm sống ở Mỹ tôi đã đổi tất cả 8 chiếc xe: 2 xe cũ và 6 xe mới. Có lẽ hai chiếc xe mang nhiều kỷ niệm nhất đối với tôi là chiếc xe đầu tiên và chiếc xe ở với tôi 14 năm trời mà tôi vừa mới phải lia xa.

Thở mới chân ướt chân ráo tới Mỹ vào tháng 7 năm 1975, tôi được nhà thờ St. Luke tại McLean, Virginia bảo lãnh và kiếm việc làm cho tôi. Nhà thờ giới thiệu tôi tới ở với một gia đình người Mỹ ngoan đạo, cho tôi một chiếc xe đạp để có thể đạp xe đi làm tại gas station, McDonald's, hoặc đi cắt cỏ, sơn nhà. Con đường Old Dominion tại vùng McLean, Virginia, gần Great Falls, 38 năm về trước trông thật đìu hiu, hút gió, đầy đồi cao, dốc sâu. Ngày ngày, có một chàng trai trẻ dong đuôi đạp xe đạp lên đồi, xuống dốc để đi làm những công việc tạp nhạp, thỉnh thoảng chàng lại huyết sáo líu lo, hoặc hát những bài hùng ca, quân ca vang trời.

Sau khi kí cốp để dành được \$700, tháng 12/1975 tôi đã mua được chiếc xe hơi đầu tiên giá \$450, và bảo hiểm xe \$200 một năm. Chiếc xe Volkswagen Beetle, đời 1962 bé nhỏ xinh xinh. Dù hình dáng và nhan sắc em Beetle đã tàn tạ, phai màu theo năm tháng, nhưng đối với tôi, em vẫn đẹp nhất! Tôi say mê và chăm sóc em rất cẩn thận. Tôi đã tự học thay dầu mỡ, bu-gi, bó thắng và thỉnh thoảng còn hút bụi, đánh

bóng để “điểm phấn tô son” cho em có thể “nở với nhân gian một nụ cười”.



Sau khi có được em Beetle, tôi bắt đầu tìm những công việc khá hơn, và bắt đầu đi học trở lại. Mỗi sáng sớm, tôi lái xe đạp Beetle dưới bóng mát tại bến xe, lấy xe bus đi học.

Và ... rồi, tại trường học, tôi đã quen được một bóng hồng. Từ đó, tôi cùng em Beetle đưa đón nàng đi về mỗi ngày. Cuối tuần, em Beetle và tôi chờ nàng về thăm gia đình, đi shopping, và dắt nàng lái xe.

Thời gian êm đềm trôi qua, chúng tôi vẫn thương yêu nhau, săn sóc lẫn nhau, và cùng nhau xây mộng đẹp cho tương lai. Khoảng một năm sau, bó thắng của Beetle đã mòn, nên tôi đã hi-hà hi-hục nâng Beetle lên, tháo bánh xe, và thay cho em bó thắng mới cả đằng trước lẫn đằng sau. Sau đó vội vàng cùng Beetle đến chờ nàng và chị của

nàng đi shopping ở K-mart, thời đó K-mart và Sears là hai tiệm bán hàng được người Việt tị nạn chiếu cố nhiều nhất. Đang lái xe giữa xa lộ 95, bánh xe sau của Beetle văng ra khỏi trục xe, Beetle mất thăng bằng, và xuống giữa mặt đường của xa lộ 95. Chúng tôi may mắn thoát hiểm, nhưng Beetle bị thương nặng, và sau đó phải vào nghĩa địa xe. Mọi chuyện đều do lỗi tại tôi mọi đàng!

Tôi đã vội vàng và ẩu tả khi thay kim nhôm (aluminum pin), gài bánh xe vào trục xe đã bị gãy, với một cây đinh sắt. Beetle chạy một hồi, cây đinh sắt bị gãy, và bánh xe rơi ra khỏi trục xe. Beetle đã ra đi để lại bao luyến tiếc và thương nhớ trong tôi.

Sau em Beetle, tôi đã mua một chiếc xe Volkswagen cũ nữa, lái cho tới khi ra trường. Khi đời sống vững chãi hơn, tôi bắt đầu mua những chiếc xe mới gồm: Chevrolet Chevette, Toyota Corolla, Toyota Camry, Nissan Maxima. Cuối năm 1999, tôi mua chiếc xe Volvo S70, đời 2000.

Em Volvo đến với tôi ở độ tuổi trung niên. Lứa tuổi không còn thích tốc độ, phiêu lưu, mạo hiểm, và lái xe bạt mạng. Volvo có vẻ đẹp đài các, đứng đắn, vững chắc, và bền bỉ. Tôi thương em cũng như thương em Volkswagen đầu đời, và tôi đã chăm sóc em rất kỹ: cho em vào garage ngủ mỗi tối, bảo trì đúng hạn kỳ, và tắm rửa, đánh bóng em những lúc rảnh rỗi.

Sau khi ở với tôi được 11 năm và dong dỏng gần 170,000 dặm đường, Volvo già thấy rõ! Xương sườn em đã bắt đầu kêu răng rắc, máy lạnh ngừng chạy, đèn báo hiệu bật loạn xạ. Tôi đã bỏ ra gần \$3,000 để chữa trị cho em, nhưng sau đó, em cũng vẫn trở lại tình trạng như cũ. Tuy vậy, tôi vẫn thương em, vẫn muốn giữ em vì nghĩ

đến những ân tình chúng tôi đã trao nhau. Ngày ngày Volvo vẫn tiếp tục làm bổ phận của mình, vẫn tiếp tục đưa tôi qua những quãng đường dài, vẫn giúp tôi vượt thoát những trận bão tuyết, mưa gió của đất trời, cũng như vẫn cùng tôi chia sẻ những khó khăn, ngọt bùi trong đời.



Tôi nhớ mãi trận bão tuyết 2 năm trước, khi hàng chục chiếc xe đủ kiểu, đủ loại nối đuôi nhau cố vượt qua ngọn đồi phủ đầy tuyết đóng băng. Rất nhiều xe đắt tiền và tốt như Mercedes, BMW, Lexus, và nhiều loại xe khác nữa đã phải đầu hàng và quành đầu lại, tìm đường khác đi về nhà, nhưng em Volvo vẫn từ từ bám mặt đường, trườn mình tới, leo thẳng lên đỉnh ngọn đồi dưới sự hò hét thán phục của các tay tài xế đứng xếp hàng đằng sau.

Tính đến nay, Volvo đã ở với tôi gần 14 năm, trải qua hơn 212,000 dặm đường (340,000 Km) để đưa tôi đi làm hàng ngày, những chuyến công tác xuyên bang, những cuộc nghỉ hè bên bờ biển, hoặc vùng núi cao. Volvo đã đương đầu với mưa, với nắng, với bão tố, chông gai, bụi bặm để che

Cũng Thế

Có những con chim rời bỏ non ngàn
Nhưng chiếc tổ không gian còn lưu giữ
Anh cũng thế - ra đi là biệt xứ.
Nhưng tâm tình vẫn ở với non sông.

Khi nghe lòng se lạnh buổi tàn đông .
Anh vẫn nhớ ánh hồng quanh bếp lửa.
Dẫu biết chắc mùa xuân không có nữa.
Nhưng trong tim vẫn nở nhánh mai vàng.

Dẫu núi rừng không hẹn với thời gian
Nhưng hoa lá vẫn quay về mùa cũ
Anh cũng thế, Ra đi là biệt xứ.
Nhưng nơi nào bạn cũ vẫn tìm nhau.

Nếu giòng sông lỡ hẹn với chân cầu
Như anh đã hẹn em ngày trở lại.
Em cũng đừng tin những lời ân ái.
Bởi cuối cùng ta cũng phải chia ly.

Quê hương xưa ai cũng phải quay về.
Nhưng tất cả không còn như trước nữa.
Lòng thanh thản như hoa tàn hoa nở
Bởi cuối cùng đi ở cũng như nhau

LAM ĐIỀN

(North Caralina ,6/2013)

chờ cho tôi được bình an. Mùa Hè năm nay ở vùng Hoa Thịnh Đốn nóng dữ dội, nắng và các con thấy chiếc xe đã già nua, không máy lạnh gần 3 năm, khuyên tôi nên mua chiếc xe mới. Con gái tôi đề nghị bố mua xe mới và hai anh em sẽ hùn tiền lại trả cho bố. Bọn tôi thì bảo nên mua chiếc xe mới chạy cho nó sướng cái thân già! Vấn đề ở đây không phải là tôi không có thể tự mua cho mình một chiếc xe mới, mà chỉ vì tôi không muốn xa em Volvo vì những gì em đã làm cho tôi trong 14 năm trời.

Sau cùng, thì vợ tôi và các con đã thắng. Các con tôi đã áp tải bố tới dealer bán xe, cùng đứng trả giá và đấu trí với mấy anh bán xe. Sau khi thương lượng giá cả chiếc xe mới, anh chàng bán xe hỏi tôi về số tuổi của Volvo và số dặm đường đã trải qua, hấn nói:

“Chắc ông phải chờ chúng tôi liên lạc với bên Thụy Điển xem giá cả chiếc xe Volvo này của ông là bao nhiêu, vì tôi nghe nói hãng Volvo muốn mua lại những chiếc xe nào trên 200,000 miles để trưng bày tại viện bảo tàng của hãng Volvo.”

Tên chết tiệt! Hấn muốn chọc quê tôi!!! Sau cùng, anh bán xe đã đồng ý trả tôi \$1,000 để lấy em Volvo. Tôi tần ngần đứng nhìn Volvo mà lòng buồn rười rượi. Những kỷ niệm hiện về trong ký ức, tôi tiến lại gần Volvo, vuốt ve lên người Volvo và thì thầm:

- Thôi nhé, xin lỗi đã đến lúc tôi phải xa em. Xin cảm ơn những hy sinh, chịu đựng, và những ân tình mà em đã dành cho tôi.

Phạm Xuân Thái

(18/6/2013).

HAI PHƯƠNG TWO WORLD CORNERS

Từ thuở xa người cách cố hương
Môi quen rượu đắng mưa đêm trường
Ta một phương và em một phương!

Ở đây Thu đã vàng cây lá
Chờ gió Đông về đợi tuyết bay
Tóc đã phai xanh đầu điểm bạc
Mộng hồ cũng trắng cả đôi tay.

Bao giờ trở lại quê nhà nhỉ ?
Đất khách chân quen ,lạ dấu giày
Phòng lạnh ta nghiêng đầu hỏi bóng
Quê người tâm sự với ai đây ?

Hai đứa , hai phương trời cách biệt
Bên này, bên ấy nhớ thương nhau
Vầng trăng xưa vẫn lung chùm núi
Hiu hắt trời sương, cánh nhạn gầy !

Đêm qua trầm lặng năm canh mộng
Rượu nhạt mềm môi uống chẳng say.

Hoàng Song Liêm
Virginia

Since the time away from you
and motherland
My lips habitually taste bitter liquor and
nightly rain
I'm in one world corner and you're away
in another!

Autumn here is coloring all tree leaves
Waiting for Winter wind and
fluttering snow
My once shiny black hair has turned silvery
All fleeting dreams are now in empty hands

When will I get to go back home?
Familiar feet in foreign land, footprints
still strange
In freezing cold room, I ask my shadow:
With whom can I share my feelings here?

Two lost souls in two world corners
This side, that side, missing each other
The same old moon still shines above
A lonesome crane in foggy sky!

Last night went by in lonely dreams
My lips softened with liquor are still awake.

Translated by
Hoàng-Tâm
Gaithersburg, MD, 6/28/13

NHƯ' NGỌN ĐÈN DẦU

Đỗ Phú

Mới sáng sớm, trời chưa sáng tỏ, mây đen còn nặng trĩu gieo xuống những hạt mưa lấm tấm, bạn Đại từ miền viễn tây Hoa Kỳ gọi báo tin cho tôi hay Hiện vừa ra đi. Đại nói như la trong điện thoại: này bạn có biết gì về Hiện đã qui tiên chưa? Tính Đại là vậy bao giờ cũng cười nói vang vang, tiếng cười đi trước tiếng nói, lúc nào cũng vui, cũng có vẻ như đùa dõn dù khi gặp phải chuyện buồn phiền. Đại và Hiện cùng học với tôi ở Trung Học. Dù tôi đi học trường rất ít nhưng không vì vậy mà tôi không có bạn học. Chúng tôi học chung với nhau một thời gian ngắn, có thể là quá ngắn, không tới một niên học tại Hải Phòng, vào thời gian cách nay trên nửa thế kỷ, vào lúc mà đất nước đang gặp nhiều biến động, chiến tranh, chúng tôi những đứa trẻ mới lớn đang đứng trước bão tố, mưa giông. Thời gian đi học ngắn nhưng chúng tôi có nhiều kỷ niệm và ký ức vẫn ghi lại được nhiều điều đáng nhớ. Năm học đó là năm 1953, ngày khai giảng lớp học của tôi có chừng 40 học sinh nhưng sĩ số cứ tụt dần đến cuối khóa chỉ còn lại chừng 25 mạng. Sau mỗi giờ học, học sinh tụ tập lại chuyện trò gẫu, chia ra làm nhiều nhóm, có một nhóm lớn tuổi chừng 6, 7 người thường nói chuyện riêng với nhau và sau buổi học họ về liền không có chuyện la cà như nhóm chúng tôi. Sau này tôi mới biết

là họ ở Kiến An đến học, nghèo lại có gia đình nên học xong họ phải về nhà cho kịp trước khi trời đổ tối, chưa kể trên đường đi họ còn có thể gặp xe tuần tiễu của Pháp Việt chặn bắt lính dọc đường. Nhờ họ thông thạo đường đi nên họ thường lách tránh được bố ráp ở nhiều nơi. Có một nhóm chắc là thuộc các gia đình có quyền thế, giàu có, mấy cậu đi học có xe đưa đón, có người đi theo như bảo vệ, họ gần như không chơi với ai. Nhóm chúng tôi chừng 6, 7 người thích trò chuyện, trao đổi bài vở, thảo luận với nhau về nhiều vấn đề như vui chơi, thời sự, rồi hẹn hò nhau đi chơi vào những ngày nghỉ. Trong nhóm của tôi, Đại, Hiện và tôi hay gặp nhau nhất, một phần vì chúng tôi ở trên một con đường về và cả ba hợp nhau dù mỗi người có tính tình khác nhau. Đại đáng người thông minh, nước da sáng, mặt hơi vuông, khỏe mạnh, có dáng vẻ con trai, thích nói chuyện khôi hài, lúc nào trong anh cũng như có sẵn vài câu chuyện vui để kể cho bạn bè nghe. Học hành đối với Đại có lẽ là phụ mà vui với bạn bè mới là cần thiết. Vào Nam anh ra nhập đoàn văn nghệ của Phủ Đặc Ủy Công Dân Vụ và trở thành một diễn viên từ đó. Anh đi theo đoàn lưu diễn khắp nơi ở miền Nam, thỉnh thoảng về gần Saigon, anh lại mời tôi đến dự buổi trình diễn của anh.

Hiện trông trắng trẻo, đẹp trai, nét mặt hơi tròn nhưng rất thư sinh, ăn nói điềm đạm,

nhưng nghịch ngàng. Hiện học giỏi, chăm chỉ và thường đứng đầu lớp về môn Việt văn. Tôi cũng thường đứng đầu lớp về môn toán. Môn toán nếu biết cách học, chỉ cần vài tháng là thấy kết quả khá quan rõ ràng.

Tôi lớn lên trong thời loạn, đất nước luôn luôn chìm trong khói lửa. Gia đình phải di tản hoài nên việc học thường bị gián đoạn, đi học ngày có ngày không, tháng có tháng không. Gần 10 tuổi tôi mới được đến trường học, rất may lúc đó bà nội tôi lại ở gần bên nhà thầy giáo Hà Mai Anh, thầy lúc đó là hiệu trưởng của trường Tiểu Học Briere de Lisle (trường ngã ba cây quéo). Thầy sẵn sàng cho tôi vào học, nhưng là vì trường học là trường công lập nên học sinh phải học theo tuổi, tuổi nào vào lớp đó. Tôi gần 10 tuổi phải là tuổi học lớp nhì hay lớp nhất. Thầy giáo cũng rất bối rối về việc xếp lớp cho tôi, thầy cho tôi vào học tạm lớp ba, sau đó vài tháng có kỳ thi sơ học yếu lược, tôi xin dự thi và đậu liền. Thầy Hà Mai Anh vui mừng và cho lên học ngay lớp nhì một, nhưng chỉ được ít ngày là xảy ra vụ Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945, Nhật trao chính quyền VN cho vua Bảo Đại, vua Bảo Đại lập chính phủ Trần Trọng Kim, lúc này nạn đói đang xảy ra làm hàng triệu người chết la liệt đầy đường ở nhiều tỉnh thành ở miền Bắc. Lúc đó tôi đang là một sói con, đi theo các anh hưởng đạo sinh giúp người nghèo như đi lấy cháo cho họ, nhiều người đã hấp hối chờ chết đến cháo cho vào miệng cũng không nuốt được. Người dân đói đến nỗi họ phải ăn bất cứ thứ gì họ nhặt được. Họ chỉ còn là một bộ xương bọc

da, đen đúa, dơ dáy, còn thở yếu ớt chờ chết. Nhiều trường hợp hết sức thương tâm, bố ôm con hay mẹ ôm con cùng người thân nằm chờ chết bên lề đường.

Thời gian là liều thuốc giúp cho con người quên đi những buồn phiền, đau đớn, nhưng có những hoàn cảnh quá phủ phàng, nó chỉ mờ nhạt đi trong trí ức mà không bao giờ mất được. Đó là nạn đói Ất Dậu. Pháp trở lại Đông Dương. Đến ngày 19/8/1945, Việt Minh cướp chính quyền, luôn luôn đụng độ với Pháp để rồi đi đến cuộc toàn quốc kháng chiến chống Pháp vào tháng 12 năm 1946. Bà nội tôi đưa chúng tôi chạy tản cư theo giòng người chạy loạn từ Nam Định đi về hướng Đông Nam xuống vùng Cổ Lễ, xuống miền biển rồi lại chạy ngược lên Hà Nam, Phủ Lý. Chạy đến đâu chúng tôi cũng được dân đón cho về nhà ở, nhưng ai cũng đều quá nghèo đói đến gạo cũng không có đủ ăn. Mới 10 tuổi, đến đâu tôi cũng phải đi làm theo nông dân, ở chung với nhà nghèo, tôi phải đi theo họ đi làm cỏ, cày cấy, tát nước ngoài ruộng, chăn trâu bò, nuôi gà vịt ... đối với nhà giàu thì tôi giúp họ mang cơm nước cho thợ cày, cấy, gặt, thợ làm đồng áng vào buổi trưa v.v... Cuộc chạy loạn kéo dài nhiều năm và triền miên, mỗi nơi chúng tôi chỉ ở được vài tháng là chạy tiếp vì quân Pháp lại sắp tràn tới. Trên đường chạy loạn, chúng tôi thỉnh thoảng gặp lại gia đình thầy giáo Hà Mai Anh, thầy cô tiếp đón tôi rất niềm nở, coi tôi như một đứa con trong nhà thầy. Tôi được biết dù thời gian loạn lạc, di tản liên miên, thầy vẫn dạy các con

học hành và cho mấy anh lớn như Việt, Nguyên, Phương chạy theo trường vài tháng mỗi năm để học cho đủ học trình.

Đến năm 1951, chạy đến vùng ngoại ô của tỉnh Hà Đông, thì gặp phải cuộc đổ bộ lớn của Pháp, chúng tôi phải chạy vào vùng tề tức là vùng thuộc Pháp đang được trả dần cho người Quốc Gia. Bà cháu chúng tôi về Nam Định ít lâu, ra Hòn Gay vài tháng, rồi về HaiPhong. Lúc này tôi mới lo đi học, tới đâu, tôi cũng thấy mình như bị lạc lõng vì với tuổi gần 16, tôi không thể vào học lớp nhất được. HaiPhong lúc đó chỉ có một trường Trung Học công lập, chỉ dạy tới lớp 9, số học sinh thưa thớt, hai ba trường tư thực cũng chỉ dạy tới lớp 9, mỗi trường có chừng 2,300 học sinh. mãi tới năm 1953, trường tư Phùng Hưng mới mở thêm 1 lớp đệ tam, sau cùng là 1 lớp đệ nhị với khoảng 30,40 học sinh. Số người có bằng Tú Tài trở lên thời đó có thể đếm trên đầu ngón tay. Thời gian này, tôi luôn luôn nhận được tin như bạn Lương, Nam đã bị bắt lính, đang được đi học khóa hạ sĩ quan, bạn Việt đã vào Thủ Đức khóa 5, nghĩ đến mình cũng sắp đến tuổi phải đi, mà việc học thì dang dở, chẳng đi đến đâu cả. Những ngày ở trọ nhà Bác Mẫn, bác tôi thường nhắc mày phải đi học và ráng lên chứ không đi lính trơn thì khổ lắm đấy. Nếu không đi lính thì mày cũng chỉ làm phu phen thôi, vừa cực nhọc mà chẳng nuôi nổi vợ con. Tuy ông nói vậy mà ông cũng chẳng hay biết tôi học đến đâu và học hành gì. Trong nhiều tháng trời tôi phải lần mò tìm chương trình học của Bộ Quốc Gia

Giáo Dục, đi thuê thập các sách giáo khoa, các bài giảng dạy, xem các môn mà tôi yếu kém, chưa biết, cần phải học. Sách học, sách luyện thi về những môn như văn chương, toán lý hóa, các môn Pháp văn, Anh văn khá nhiều, các thầy viết rất hay và dễ hiểu. Vài môn học cần nhiều thời gian như Pháp văn, Việt văn thì tôi thấy mình may mắn đã khá, còn môn toán, lý hóa tôi dồn hết sức vào học, học lại từ đầu từ môn số học, đại số đến hàm số, lượng giác ... chỉ gần một năm, tôi đã học hết bài vở tới lớp đệ tam. Chỉ sau vài tháng vào trường, tôi đã trở thành một học sinh khá của lớp. Vào học lớp đệ tam tôi gặp Hiện, Đại, Bình, Lương, Nam, Lộc, Khang... Bạn Hiện ở trọ nhà người chị họ, gần chỗ tôi ở nên sau giờ học thường đến nhà tôi, hai đứa cùng nhau ôn lại bài vở, chỉ dẫn nhau làm bài. Tại nhà tôi, một lần đang học bị mất điện, chúng tôi ngồi chơi bên ngọn đèn dầu, bà tôi nói: tao sống cả đời như một ngọn đèn heo hắt, lúc nào cũng như chờ tắt hay sắp tắt, chúng mày phải ráng học hành cho nên người, chứ không học thì lớn lên chỉ làm đồng áng hay làm cu ly, cực lắm. Hiện cúi đầu không nói gì nhưng sau này hẳn bảo tôi cuộc đời hẳn sẽ không bao giờ như bà tôi nói đâu. Hẳn sẽ sống trong sự giàu có, có thể lực, có quyền hành để vận chuyển xã hội. Hẳn sẽ làm trai cho đáng nên trai. Bình, Lộc, Khang là những học sinh xuất sắc, giáng về thanh tú, đẹp trai, lúc nào cũng nghiêm nghị, Lộc được gọi là thầy đồ non vì mỗi khi anh phát biểu, anh bắt mọi

Mới hay hết thầy là mây nổi
Còn với non sông một chút tình

Học giả Đào Duy Anh



Hai con ngựa chiến trở về
Two survival horses after the war
Mixed media painting.
48 x 32 inches.
Ho Thanh Duc 2002.

người phải chú ý nghe anh nói rành mạch câu chuyện từ đầu đến cuối. Bính và Khang trông có vẻ như các nhà hiền triết, lúc nào cũng nói chuyện học hành, gặp ai các anh cũng cười nói vui vẻ vài câu rồi lẩn mất. Đại, Lộc, Bính, Bình, Khang hiện đang ở Hoa Kỳ, các anh đều có cuộc sống dễ chịu, làm ăn thịnh vượng, gia đình an vui,

con cháu hiếu thảo. Chúng tôi hết sức thoải mái mỗi khi gặp lại nhau.

Hiện chăm học nên cũng kéo tôi theo. Hiện thích văn chương, viết luận văn khá, những bài luận văn của Hiện hay được các thầy lấy ra làm mẫu đọc cho cả lớp nghe. Hiện thích các loại văn thơ hùng sử của những bậc tiền nhân có chí khí nhưng ngang tàng như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tản Đà... anh thường viết lên giấy dán lên tường hay để trên bàn học những câu như:

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.

Có lẽ anh đã gởi vào những vần thơ này một phần nào tâm trạng của mình, của một thanh niên đầy nhiệt huyết mới lớn đang nhìn thấy một xã hội chưa hoàn toàn ra khỏi ách nô lệ mà đang chìm đắm trong chiến tranh. Bất công xã hội lan tràn và những điều chướng tai gai mắt là chuyện thường ngày xảy ra. Tuổi trẻ luôn nghĩ mình có thể đóng góp khả năng của mình vào xã hội, có thể làm được nhiều việc xoay chuyển được cái khung cảnh mình đang sống. Tuổi trẻ là tuổi của mộng mơ, mơ ước, nhiều tham vọng và hiếu thắng.

Những câu thi văn như:

Có trung hiếu nên đứng trong trời đất
Không công danh thì nát với cỏ cây.
hay những câu như
Của đồng lân thiên hạ tiêu chung
Hơn nhau một chữ anh hùng

Anh thích thân thể và văn chương của cụ Nguyễn Công Trứ, vì cả cuộc đời của cụ lúc nào cũng xả thân, biết tiến thoái và biết hưởng thụ. Phần lớn văn thi của cụ mang tính hùng ca và ngạo nghễ, biểu lộ một chí khí mạnh trong một tâm hồn cao cả. Anh thuộc lòng nhiều bài thơ của cụ như phận nghèo, chí làm trai, kẻ sĩ, cầm kỳ thi tửu. Anh cũng hay ngâm nga những bài thơ mới khí khái, anh hùng thi và những bài thơ mộng mơ, tình tự của Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Quang Dũng... Tôi cũng đồng ý thích với anh qua nhiều thi văn và âm nhạc. Tôi đang học chơi đàn guitare, anh cũng như tôi và có giọng ca khá hay.

Hiện và tôi có nhiều sở thích và việc làm giống nhau như thứ bảy, chủ nhật đi tập võ, đi học đàn, chơi đàn, đi bơi, đi cine v.v. Tôi, Hiên, Đại, Lương đã đôi ba lần rủ nhau bơi qua sông Bính. Sông Bính ở HaiPhong là sông lớn, đối với chúng tôi thời đó, nên bơi qua được con sông này là một thành tích đáng hãnh diện của học sinh.

Đôi lần Hiên rủ tôi về thăm quê anh. Từ HaiPhong ra đến bờ sông Bính, qua đò đạp xe một quãng là tới nhà Hiên. Nhà chỉ cách tỉnh HaiPhong chừng 10 cây số, thời đó 10 cây số là một chặng đường khá xa. Đến nhà Hiên tôi được gặp ba Hiên và cô chị gái của Hiên. Hiên giới thiệu tôi với bố và chị gái, cả hai tỏ ra rất thân tình, làm như họ đã quen biết tôi từ lâu, có lẽ vì Hiên khi về nhà thường nói chuyện về tôi. Nhà Hiên là nhà gỗ, mái tranh được cất xén kỹ lưỡng, có thêm gạch, xung quanh là sân vườn rộng giữ gìn sạch sẽ và đẹp mắt. Ba

Hiện là người khoẻ mạnh, dáng vẻ bệ vệ, ông làm y tá, theo Hiên nói cả làng chỉ có mình ông làm nghề thuốc, không có bác sĩ, nên ai đau ốm cũng đến ông. Ông khám bệnh cho thuốc, chích thuốc gần như một bác sĩ vậy. Cả làng đều quý mến ông. Chị gái Hiên trông như một cô thôn nữ. xinh đẹp, ăn nói nhẹ nhàng, chỉ sau vài giờ ở nhà Hiên tôi đã có thể nói chuyện với chị như người thân trong nhà. Chị lo thức ăn, chăm chút từng thứ cần thiết cho Hiên và rất sốt sắng với tôi. Ở nhà Hiên, tôi cảm thấy như ở nhà mình vậy. Về quê nhà Hiên tôi biết thêm một điều Hiên là đứa con cưng của gia đình, và Hiên là con trai rất hiếu thảo. Chừng hai hay ba tuần Hiên về thăm nhà một lần.

Vào một buổi sáng đẹp trời cuối thu, Hiên báo cho tôi hay mới quen một nữ sinh trên đò sang sông về thăm nhà. Nhà cô ở làng trên gần nhà Hiên, Hiên nói chỉ do tình cờ hỏi cô một câu bằng quơ để làm quen được cô ấy đáp lễ ngay và rất ý nhị dí dỏm, làm Hiên mê mẩn tâm thần. Hiên hỏi cô giờ tan học chiều thứ sáu và hẹn xin gặp lại để cùng về. Vài tuần sau Hiên báo tin mừng là Mai và Hiên đã thân nhau, hai người rất hợp nhau, tôi hỏi Mai bao nhiêu tuổi Hiên nói 15, Mai trắng trẻo, xinh xắn và nhí nhảnh lắm, cậu không thể ngờ được ở vùng quê tôi lại có một con bé như vậy. Tôi suyt la lên là Mai còn quá nhỏ và cả Hiên cũng vậy, nhưng may tôi tìm ngay lại được, chuyện yêu đương là chuyện thường tình, tôi nghĩ chắc là mối tình học trò hay tình tuổi thơ mộng rồi sẽ bay đi. Nhưng

đó không phải là điều tôi suy nghĩ, Hiện đã đi vào tình yêu chân tình. Sáng thứ hai nào cũng vậy, sau giờ học anh lại kể cho tôi nghe anh đã gặp Mai ra sao, đã nói được chuyện gì, chuyện tình của anh đã tiến thêm đến đâu. Anh đã đến thăm Mai, được cha mẹ Mai hoan hỉ chấp nhận, anh đã đưa cha mẹ anh đến gặp cha mẹ Mai, hai nhà đều vui vẻ hoan hoan.

Qua năm 1954, tình hình chiến sự càng ngày càng gia tăng, tiếng súng từ xa đã vọng về thành phố, dân tình sơn hào. Tôi rủ Hiện lên Hanoi chơi, xem tình hình như thế nào. Hai đứa đi ngang qua khu buôn bán hàng Ngang, hàng Đào, chợ Đồng Xuân, đến qua trưa ra bờ hồ ăn bún chả, bún chả thật ngon và lại đói, mỗi đứa chỉ đủ tiền ăn một đĩa rồi gọi thêm rau ăn cho no bụng. Hanoi đã bắt đầu lo lắng, hàng cũ tràn ngập ngoài đường, chợ trời đã mọc lên ở nhiều nơi. Đi chơi chụp ảnh gần hết ngày mệt mỏi, chúng tôi mới nghĩ đến tìm chỗ ngủ qua đêm, tôi nghĩ tới một bà cô họ xa làm cho nhà thương Đặng Vũ Lạc. Gặp tôi, bà rất vui mừng đưa hai đứa đi ăn tối, khi về, chúng tôi nói chưa có chỗ ngủ, bà suy nghĩ một lúc rồi nói, bà ở trọ chung với mấy cô làm cùng sở, một phòng mà ở 4,5 người nên không có chỗ nào cho chúng tôi. Bà nói có thể đưa chúng tôi về nhà thương ngủ đỡ cho qua đêm. Nhà thương Đặng Vũ Lạc là một villa hai tầng, tầng dưới là nơi làm việc của các bác sĩ, y tá, tầng trên dành cho bệnh nhân cần ở lại. Bà tìm được một giường còn trống, tôi nhường cho Hiện, còn tôi theo bà vào nhà kho phía sau, bà dọn

sạch, đặt một cái ghế gấp cho tôi ngủ. Sau một ngày đi lang thang mệt mỏi cả hai chúng tôi ngủ một mạch đến sáng hôm sau dậy là ra xe lên đường trở về Hai Phong.

Đến tháng hai, tháng ba Hội Nghị Geneve bắt đầu được triệu tập, Việt Minh đã thắng chiếm được một số vùng Thượng Du và Điện Biên Phủ đang được hình thành để đưa cuộc chiến đến trận thắng bại cuối cùng. Điện Biên Phủ thất thủ, Pháp phải ký hiệp ước đình chiến vào ngày 20/7/1954, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới chia đôi hai miền Nam Bắc. Pháp trả độc lập thực sự cho Việt Nam vào dịp này và rút hết quân ra khỏi miền Nam vào tháng 5 năm 1955. Sau Hiệp Định đình chiến là những cuộc rút quân của hai miền và dân chúng được quyền chọn nơi sinh sống. Các bạn học sinh chúng tôi xem tin tức, bàn cãi nhiều về cuộc đình chiến, về việc nên ở lại hay đi vào Nam. Đối với những người có của, có tài sản nhà cửa, ruộng vườn phải bỏ hết ra đi tay không là điều khó tính hết sức.

Hiện cho hay đi hay ở còn tùy thuộc gia đình, nhưng Hiện nghĩ ở lại là đúng hơn. Hiện thường tự hào là mình nghĩ gì đúng đó, ít khi sai. Khi tôi quyết định đi Nam, Hiện không phản đối, nhưng anh nói rồi ra mình sẽ gặp lại.

Đến tháng 10, tôi từ biệt Hiện lên Hanoi thăm gia đình trước khi vào Nam, anh tỏ ra rất buồn nói với tôi anh sẽ kết hôn vào cuối năm và người bạn thân nhất là tôi phải làm phù rể cho anh lại đi xa. Tôi nghĩ bạn còn quá trẻ, học hành chưa đến đâu lại công việc chưa có, làm sao lấy vợ. Hiện nói mọi việc của anh gia đình hai bên đã đồng ý và tính toán cho anh. Vợ chồng anh sẽ tiếp tục học lên để có nghề nghiệp chuyên môn và

anh sẽ phải là người thành công trong xã hội. Tôi chào từ biệt và chúc anh chị mọi điều may mắn.

Thời gian khổ cực thăng trầm, sống chết bên lề cuộc chiến do Cộng Sản gây ra, cố tình đánh chiếm cho bằng được miền Nam, rồi đến cuộc sống tha hương ở hải ngoại quá bận rộn lẫn lộn với cơm áo, cứ vùn vụt như thoi đưa, tôi đã xa Haiphong trên 40 năm.

Lần Đại về thăm nhà đầu tiên, anh gặp lại Hiện, vừa trở lại Mỹ, anh báo tin ngay cho tôi hay về Hiện, cho tôi địa chỉ để liên lạc. Chỉ vài ngày sau tôi nhận được thư của Hiện, anh cho hay rất vui mừng được tin của tôi qua Đại, gia đình anh tất cả đều hoan hỉ thấy tôi sống khoẻ mạnh, an vui. Anh mong tôi sẽ viết nhiều về tôi những thăng trầm của 40 năm qua. Tôi đã sống như thế nào, học hành ra sao, làm việc, lấy vợ, và con cái giờ ra sao? Sau đó tôi nhận được thư của anh gần như mỗi tuần, thư nào anh cũng ngỡ ý muốn tôi về thăm quê, cha mẹ, bạn bè. Anh kể cuối năm 1954, anh lên Hanoi tìm tôi thì được biết tôi đã vào Nam, cuối năm 1975, anh vào Nam dò tìm tôi thì biết tôi đã đi Hoa Kỳ. Anh được các bạn kể sơ qua về tôi. Anh gửi cho tôi 1 tấm hình của gia đình, gồm có anh Mai và 3 con. Anh kể anh chị đã phải sống qua những ngày đen tối nhất của cuộc đời, đói khổ, sợ sệt đủ mọi thứ mà đến giờ anh còn coi là những cơn ác mộng. Những ngày đó đã qua, anh chị đã vượt lên được để có được một cái nghề chuyên môn để sống. Anh đã vào được sư phạm ra trường đi dạy học trung học, chị ra nghề bác sĩ, ba cháu đều học được nhưng ai cũng chỉ sống đủ, sống tạm ở mức nghèo nàn. Sau 1975, khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, thì người dân

mới thấy được những sự dối trá, đàn áp của chế độ, sự nghèo nàn của đất nước.

Anh luôn nhắc tôi kể cho nghe mọi chuyện về tôi từ ngày vào Nam, từ ngày bỏ nước ra đi. Tôi kể lối sống của tôi, những cơ hội mà một xã hội dân chủ cho mọi người cơ hội tiến thân, phục vụ xã hội, xã hội là của chung mọi người. Vì học luật nên tôi tả rõ cho anh hay cách tổ chức, điều hành của nó như thế nào. Tôi đã được hưởng những gì từ xã hội miền Nam và đã tiến thân ra sao. Anh than trong 1 lần rằng cuộc đời anh là một sự phí phạm và đã tranh đấu hết sức để đến bây giờ về hưu, được gì nhỉ? Anh đang sống trong một xã hội nghèo nàn nhất thế giới trên đủ mọi phương diện. Mấy lá thư sau anh chỉ viết về thú điền viên của anh chị, anh tránh né hỏi thêm tôi và tôi nghĩ có thể thư từ đến anh đã bị kiểm duyệt. Sau khoảng hai năm thư từ qua lại thân mật, rồi bỗng anh thôi không trả lời hay viết thư cho tôi nữa.

Cho đến hôm bạn Đại cho hay anh đã ra đi về cõi vĩnh hằng, có lẽ còn quá sớm với tuổi của anh, chị Hiện cũng đã ra đi trước anh hai năm. Không hiểu vì anh chị đau ốm nhiều nên không còn liên lạc được với tôi nữa hay vì bị áp lực của kiểm duyệt, kiểm thảo mà ngưng mọi thư từ. Một điều mà tôi tin chắc là bạn tôi đã không bao giờ thức hiện được giấc mơ làm trai cho đáng nên trai trong xã hội cộng sản, đọc tài, chuyên trị, một xã hội mà anh chị đã làm tưởng, đã lạc bước chân theo. Tôi nhìn lên trời cao, nhìn vào bầu trời đen tối xâu thẳm để tìm một vì sao vừa lặn.

Đỗ Phú
(Virginia)

Huyền Thoại Một Âm Thanh

(Gửi về người yêu đầu)

Môi em khép mở nụ cười
Vàng trắng thức ngủ,
đêm chơi vui buồn
Tiễn em mắt ướt giọt sương
Âm thanh ngày cũ,
vẫn vương phương này
Em ơi! chưa cạn men say
Nửa say nửa tỉnh giữa ngày chiêm bao
Âm thanh lạc cõi sắc màu
Lệ vương cuối nét, niềm đau xa người
Nắng vàng bên ấy em ơi
Tình anh băng giá mưa rơi bên này
Nhớ thương một thuở đông đầy
Gửi buồn lãng đãng mây bay cuối trời
Hỡi Người yêu đầu em ơi!
Ngập ngừng bước nhỏ
ngheñ lời tiễn đưa
Này em, trời vẫn hay mưa
Là trời khóc chuyện
đong đưa chúng mình!
Tim yêu, ngheñ tiếng, lặng thinh
Trăm năm phong kín chuyện tình
Trương Chi...

VŨ HỒI

(Maryland)

Giọt Tình

(Viết cho Thủy Nguyễn em yêu)

Có tiếng rì rào ngoài song cửa,
Cùng tiếng mưa đêm.
-Nhạc khúc mùa đông!
Có tiếng ai gọi nhau trên đồi vắng...
Tiếng lá rơi xào xạc cuối vườn trăng.
Anh gọi em bằng hơi thở
- không lời.
Như tiếng chim gọi chiều năm cũ...
Nhẹ nhàng như hoa quỳnh nở
lúc nửa đêm.
Giống tiếng lòng anh gọi em
trong tiềm thức.
Khản giọng rồi nhưng vẫn vô thanh.
Thì ra chỉ là nỗi nhớ...
Vô ngôn! -Tình ta muôn thuở!
Vô đề!-Thơ anh viết cho em.
Tiếng tơ đồng réo rắt...
vỡ nát trong đêm.
Rơi từng mảnh giữa thinh không
tĩnh mịch.
Bay la đà...chao liệng giữa ngàn trăng.
Cùng những vệt sao băng.
-Tình ta dâu bể...
Mấy mươi năm đọng thành giọt lệ.
Như giọt sương đêm rơi nhẹ...
-Vô thanh!

THIÊN ĐỨC

(Illinois)

Quỳnh xưa

Có ai không, nhớ đến Quỳnh xưa ấy
Quỳnh của buồn vui tình cảm nặng đầy
Lục bát xâu từng hạt huyền nổi nhớ
Thả theo mưa cùng nắng kết thành thơ.

Lá thư xưa Quỳnh thương về người cũ
Người úa trăm năm, người của nghìn thu
Khóc trong mơ Quỳnh vẫn ngỡ ai chờ
Ai đứng đợi ai về trong sương gió.

Đêm bỗng thom dịu dàng hoa lá mở
Lá như sông quyển luyến bến bờ xưa
Ai đứng kia và ai cười rạn rờ
Một đoá Quỳnh vẫn nở mãi trong mơ.

Mặt trời vừa lên. Ngồi ở ban công nhìn ra không gian cao rộng, như bao dung độ lượng cả trần gian. Mây non lóng lánh ánh bình minh, một chú chim biển đơn độc chậm chậm lượn qua, và biển êm êm lặng sóng. Tôi biết tin cô mất vào một sáng mùa hè như thế.

Tôi nhớ lại từ buổi họp mặt đầu tiên khi tôi cùng cô tham gia vào Cỏ Thơm. Hôm đó có cả chị Ngọc Dung (hiện vẫn là Chủ nhiệm TCNS Cỏ Thơm). Nét mặt của cô cùng dáng người phốp pháp làm tôi liên tưởng đến những nhân vật “bà Phán” trong tiểu thuyết phim ảnh Việt Nam thời trước, nhưng là một bà Phán vui vẻ và tốt bụng! Cô kể chuyện mọi người nghe và cười thật vui. Kể cả chuyện cô khóc trong giấc mơ đêm qua ...*“không biết tại sao nữa, mỗi lần*

mình mơ là cứ khóc mãi cơ, mà khóc như thật ấy chứ”... Và cô cười tiếp, rất thoải mái. Đến hạn “nộp bài”, tôi nhắc cô. Thế là vài hôm sau tôi nhận được thơ cô kèm vào một tờ note từ văn phòng cô làm việc (Department of Statistics, GWU.) Ở tuổi 75 cô vẫn còn làm việc! Tôi nói, *“thôi, cô về hưu đi chơi đây đó cho thoải thích, cao tuổi rồi, cô làm gì nữa cho mệt hờ cô”*. *“Ồi giời! cô mà không vào làm ấy à, thầy trò nó loạn cả lên đấy!”* Và cô lại cười.

Tôi được cô tặng tập thơ Quỳnh Anh. Nhớ về một người yêu đầu xa xưa, cho một mối tình đẹp nhưng dang dở. Những bài văn, bài thơ cô viết đều chuyển quanh một đề tài như thế. Thơ cô làm nhẹ nhàng, chừng như cô viết rất tự nhiên, như dòng sông cứ thế mà trôi dài trôi mãi. Nhưng mỗi bài thơ là mỗi tiếng lòng khác biệt, vang vọng lên rất sâu những âm thanh rung động, nghe xa vợi vợi nhưng mãnh liệt khôn cùng. Có phải như thế không hờ cô?

Tờ note nhỏ của cô bao giờ cũng được viết rất dịu dàng tình cảm và luôn dứt với câu “Cho cô kính lời thăm mẹ nhé”. Mẹ tôi vẫn còn đây nhưng cô đã không còn nữa. Một năm đã qua từ ngày cô mất. Nhớ buổi chiều lễ viếng cô, tôi chạy lanh quanh để tránh đường đang bị kẹt xe. Đến nơi thì đã hết giờ. Phòng tang trống rỗng, không còn ai. Tôi âm ức ra về, bực bội với chính mình. Ngày tiễn cô đi, khi đến nghĩa trang trời bỗng nặng mây xám và lâm râm mưa làm lòng người thêm chạnh. Tôi thả một nhánh hồng trắng xuống mộ huyệt. Cô ơi, vĩnh biệt cô.

Thứ Bảy ở nhà, buổi sáng đầy lên với cà phê và nhạc. Sắp lại tủ sách, ngồi xem lại từng số Cỏ Thơm từ số ra mắt cho tới bây giờ, tôi nhớ đến những nhân vật trong Cỏ Thơm đã qua đời. Trước hết, Bố tôi, Anh Độ Đỗ Cẩm Khê. Sau cuốn Cỏ Thơm số 1 là Bố tôi mất. Mãi sau này là nhà văn thi sĩ Hà Bình Trung, thi sĩ Hoàng Trùng Dương, và cô Quỳnh Anh. Ra đi là bắt đầu một đời

sống ở thế giới khác. Tôi tin như thế. Cầu mong cho cô được sống vui ở nơi cô đang ở, và biết đâu lúc này cô đang sum họp với người xưa, phải không cô Quỳnh Anh quý mến?

Ý ANH

31 July, 2013

Ngày giỗ Nhà Thơ Quỳnh Anh

Nhớ Mẹ chiều thu

*Nhớ thu xưa... mắt mẹ sầu như lá
Đàn con xa, nhà vắng tiếng cười vang
Những nén hương mẹ thắp mỗi thu vàng
Ngày giỗ bố một mình mâm cơm cúng*

*Cuộc đời mẹ ngàn hy sinh chịu đựng
Chuyện chồng con chôn hết nét xuân thì
Thêm chiến tranh mất hết chẳng còn chi
Ngày chạy loạn lũ con còn thơ dại*

*Nhớ cuộc sống đổi thay như chiếc áo
Mẹ mới cười vui thấy cháu lớn khôn
Đã phải khóc tiễn con vượt biển
Đã phải trông ngày đoàn tụ mỗi mòn*

*Năm năm, mười năm từng đưa về thăm
Nợ cơm áo hằn lên vàng trán rộng
Cuộc sống quê người thiếu mẹ như không
Lưng bé nhỏ gánh bao sầu lũ thứ*

*Mẹ hằng đêm, nhớ đưa con xa xứ
Làm phước cho người, để phước con yêu
Ôi! chắt chiu từng đồng tiền con biếu
Mẹ giúp người khôn khó với khổ đau*

*Con ngồi đây một chiều thu cỏ úa
Chiếc lá vàng rơi... rơi sân trước la đà
Chiếc lá vàng rơi... rơi sân sau ngập nắng
Mẹ của con giờ... lạnh lẽo nắm mồ xa!*

Nguyễn Bạch

BÂY GIỜ LOAN Ở ĐÂU?

Tối hôm qua mất ngủ nên sáng nay Xí Muội (XM) cứ “nướng” tới nướng lui mãi không chịu dậy. Chợt nhớ tới hôm nay là ngày phải đi học đàn Piano nên lật đặt ngồi dậy la lên:

- Chết cha!... nhưng kịp thời nhìn được giờ đồng hồ trên tường nên lại nằm xuống lằm bằm: Cũng may chưa trễ giờ, rồi toan “nướng” tiếp, nhưng chưa kịp ngủ lại thì chuông điện thoại reo vang, XM ưỡ ỏi giọng mệt nhọc:

- A lô!

Đầu giây bên kia:

- XM đó hả em! Chị Tâm nè! (Ca sĩ Phương Hoài tâm).

- Dạ ! Chị Tâm.

- Em đã hay cái gì chưa? Ông Hoa (Đạo Diễn Lê Hoàng Hoa) ông chết rồi đó em.

- Dạ em biết rồi chị. Ông chết bữa 30 tháng 7 ở Việt Nam.

Chị Tâm cười:

- Nhỏ Quế (ca sĩ Phương Hồng Quế) nó gọi cho chị báo tin. Chị tưởng em chưa biết nên chị gọi cho em hay, nào ngờ em đã biết trước chị rồi.

Hai chị em trò chuyện “nắng mưa” một hồi rồi mới cúp phôn. Thật ra đêm hôm qua XM mất ngủ cũng vì cái tin buồn này. Hôm Chúa Nhật đi dự Picnic liên trường về, có được tờ Việt Nam Nhật Báo bữa thứ bảy, mở ra đọc mới biết tin Đạo Diễn Lê Hoàng Hoa đã mất. Thì ra cái bánh xe Tọa Hoá nó cứ

quay mãi không bao giờ ngừng, mỗi một ngày có biết bao trẻ em đến với thế gian này và cũng có biết bao người trở về với cát bụi. Chỉ tại không phải là người thân của ta nên ta không chú ý mà thôi! Khi nghe tin một đứa bé có quen biết với XM vừa đáp “chuyến xe đầu, đưa người từ lòng nôi vào dương thế chơi vui. Tay không hành lý, ngờ ngàng lên tiếng khóc cười thay cho lời đầu tiên người nói” một cách suông sẻ thì XM vui mừng và

chúc cháu bé hay ăn chóng lớn vì cuộc đời còn dài lắm con ơi! Ráng sống mà trả nghiệp. Khi hay tin một người quen biết vừa mới rũ sách nợ đời để “đáp chuyến xe cuối cùng” của một kiếp nhân sinh và “vẫy tay vẫy tay chào thôi” với cõi ta bà đầy phức tạp này, bỏ lại tất cả những hư danh, tình yêu bạc tiền để chỉ mang theo một chữ “NGHIỆP” to tổ bố trên lưng. Rồi tùy theo nghiệp mình đã gây ra mà lại luân hồi bắt đầu trở lại một kiếp

sống khác ở một thế giới nào đó! Thì XM cũng chỉ biết góp những lời cầu siêu để mong cho họ được siêu thoát chứ biết làm gì với luật sanh tử bây giờ?

Cuộc đời là bể khổ quả không sai, nếu không ông Nguyễn Công Trứ đã không viết: “Thoạt sinh ra thì đã khóc choé, đời có vui sao chẳng cười khi?”. XM nhớ mình có đọc được ở đâu đó, nói một đứa trẻ khi chui ra khỏi lòng mẹ thì rất đau đớn nên mới khóc



to như vậy mà tại lúc lớn lên không còn nhớ gì nữa nên không biết đấy thôi! Đọc câu này XM rất thấm bởi kinh nghiệm sau khi đã trải qua một lần chết hụt. Đến hay đi, hoặc xuất hay nhập vào thể xác một con người đều rất đau đớn và không phải dễ. XM cũng đã từng vùng vẫy để rồi chịu thua chấp tay niệm Phật xin được chết nhanh chóng bởi sự ghệt thở nó dễ sợ vô cùng. Những ai đã từng chết hụt một lần chắc sẽ cảm nhận được sự ghệt thở nó kinh khủng tới cỡ nào. Cho nên muốn chết cũng không phải dễ. XM bây giờ chỉ ước mong mình được ngủ một giấc yên lành đến khi thức dậy thấy người ta đang làm đám tang cho mình là khoẻ nhất. Nhưng không phải muốn là được đâu, có người thở một cái khi rồi đi luôn, có người nằm dầm dề năm này qua tháng nọ, không ai biết mình sẽ đáp chuyến xe cuối đời như thế nào. Trừ những vị cao tăng đắc đạo thì không nói làm gì, họ ra vào rong chơi chốn lục đạo tam giới như đi chợ. Họ “control” được sự đến đi, vào ra để hoàn thành những việc mà họ đã nguyện khi từ bỏ thân xác của kiếp trước để tái sinh vào kiếp sau. Ôi! Bề khổ cuộc đời đầy những đam mê hư ảo, làm mờ mắt thể nhân khiến chúng sanh cứ mãi mê muội mà lao theo.

Đạo diễn Lê Hoàng Hoa mất đi để lại rất nhiều sự thương tiếc trong lòng mọi người. Cá nhân XM cũng rất ngưỡng mộ một tài hoa nghệ thuật của đất nước đã cống hiến rất nhiều cho nền điện ảnh nước nhà. Đã tính không viết gì về ông cả nhưng ca sĩ Phương Hoài Tâm gọi điện thoại đến báo tin làm khơi dậy trong lòng XM sự nhớ nhung mãnh liệt đến cô ca sĩ Phương Hồng Loan. (Người vợ đầu tiên đã quá cố của ông) và cũng là cô bạn gái rất thân hồi còn nhỏ của XM, thớ còn mài đũng quần lau sạch bóng ghế của lò

Nguyễn Đức ban Việt Nhi ở đường Vĩnh Viễn Chợ Lớn ngày xưa. Bao kỷ niệm ngày thơ vụn ồ ạt kéo về khiến XM mũi lòng nhớ vô cùng nhớ... Loan ơi! Bây giờ “mày” đang ở đâu?!!!.. (Chúng tôi thân nhau đến độ chỉ xưng hô mày tao với nhau, có cái gì cũng kể cho nhau nghe chứ không khách sáo kêu nhau bằng tên hay chị em gì cả).

Nhà của Loan ở trong một con hẻm cuối cùng của Cư Xá Đô Thành (CXĐT), có thể ăn thông với con hẻm phía sau chùa Tam Tông Miếu đường Cao Thắng cũ thì phải, lâu quá rồi XM cũng không nhớ rõ. Nhà XM cũng trong CXĐT nhưng trên mặt lộ lớn đường tráng nhựa phía bên dãy nhà của tư nhân. Loan con nhà nghèo em đồng, Loan là con trưởng nên học hết tiểu học là phải nghỉ ở nhà, theo bố đi bán nhạc trên các vỉa hè lề đường thành phố Sài Gòn trước 75. XM may mắn hơn Loan, con nhà khá giả nên muốn học tới đâu thì học. Vậy mà cũng dốt bỏ xừ, tội nào cũng bị bố đét vào đít mấy roi vì cái tội ham chơi không chịu học. Nên khi đủ 18 tuổi xong cái Trung Học là lo giả từ tuổi học trò để dấn thân vào cuộc đời công chức. XM làm ở phòng máy IBM của Tổng Nha Ngân Khố trước 75.

Khoảng đầu thập niên 60, anh Hai (nhạc sĩ Nguyễn Đức) chạy vespa ngang qua chỗ bố con Loan bán nhạc, nhìn thấy “cô bé” Loan vừa ngồi bán vừa hát nghêu ngao, anh Hai hỏi Loan có muốn học hát không? Cô bé gật đầu, bố Loan cũng say “yes”, thế là Loan tham gia vào lò Nguyễn Đức. Một tháng sau XM cũng lò dò bon chen vào học nhạc do chị Đào giới thiệu, nhưng chỉ một năm rưỡi sau là XM lặng lẽ chuồng mát sau khi đã được anh Hai cho đi hát tập sự chung với các chị ở đài phát thanh Quân Đội một thời gian, XM phát giác biết mình không đủ

can đảm xuất đầu lộ diện trước đám đông để hát hò mà chỉ là “một tài năng” âm thầm trong bóng tối thì “bà” đây đêch sợ ai (dỡm cho vui). Nhưng đâu có dễ, anh Hai nhớ mặt nên ngày nào cũng hỏi Loan: “con nhỏ đen thui hay quậy” đâu rồi? Thế là Loan đến nhà la toáng lên nói anh Hai bắt phải có thơ của phụ huynh xin phép nghỉ đảng hoàng chứ đâu phải muốn dzô là dzô, muốn ra là ra đâu. Lúc đó bố XM mới biết XM đã cúp cua học nhạc, ông cụ mắng cho một trận nên thân rồi mới viết thơ cho anh Hai:

- Làm cái gì cũng dở dở ương ương. Người ta thì nhất nghệ tinh, nhất thân vinh. Có giỏi chuyên môn lấy một nghề thì sau này mới âm thầm thân được. Đảng này cái gì cũng biết, nhưng chỉ lằng nhằng chứ chẳng có cái nào ra hồn. Nếu không thích học chữ mà chỉ thích học hát thì sao không học cho nên tầm nên món với người ta? Rồi cụ chỉ chiếc: Sau này “mày” còn đòi học cái gì khác ngoài học chữ mà “tao” còn cho mày đi học nữa thì tao có họa là con kiến.

“Bố không biết chứ! Bây giờ con trở thành “dzăn sĩ” nè!” hí hí!!! Một ông bác đến chơi đúng lúc nghe được XM bị mắng như vậy, từ đó về sau mỗi lần ông đến nhà chơi đều trêu chọc: “Đâu rồi! “con kiến” đâu rồi? Có nhà không?”. Thế là XM rút lui khỏi lò Nguyễn Đức từ đó, nhưng Loan thì vẫn theo đuổi tới nơi tới chốn nghiệp cầm ca. Đầu Xuân năm 1966, Bố Loan đi lễ Giao Thừa về đến đầu ngõ đã bị một viên đạn lạc rơi vào đỉnh đầu ngã xấp xuống thêm nhà hàng xóm. Khi được đưa vào nhà thương cấp cứu thì đã quá muộn. Tội nghiệp Loan là con trưởng phải đứng mũi chịu sào, ra tiền đồn hát cho lính nghe để kiếm tiền phụ với mẹ lo cho các em còn quá nhỏ. Từ đó chúng tôi ít có dịp gặp nhau, nhưng mỗi lần về thăm nhà là Loan đều ghé nhà ở với XM cả

buổi để hai đứa tâm sự với nhau. Sau Tết Mậu thân, Loan về Sài Gòn luôn và đi hát cho các phòng trà chứ không ra tiền đồn nữa. Chúng tôi lại có dịp gặp nhau thường xuyên hơn, khi XM bắt đầu đi làm ở Tổng Ngân Khố thì Loan bắt đầu quen anh Hoa. Mỗi lần anh Hoa đi nước ngoài là thư từ gửi về cho Loan phải đề địa chỉ nhà XM vì sợ “bà già” quánh. Con gái mới nức mắt ra mà đã bày đặt có bồ. Mà Loan biết yêu sớm thiệt! Hai đứa ngang tuổi nhau, XM chưa biết gì hết thì Loan đã có bồ. Tuổi mới lớn ai không tò mò chuyện yêu đương? XM với Loan cứ giao hẹn đứa nào lấy chồng trước là phải kể cho đứa kia nghe chuyện “động phòng” của mình xem nó “kinh khủng” cỡ nào? Vậy đó mà khi Loan lấy chồng trước, XM nhắc lại lời giao ước của hai đứa, Loan mắc cỡ chối quanh rồi nói:

- “Dzui lắm!” Mày một mày lấy chồng thì biết liền hỏi tao làm cái gì? Ai thì cũng phải vậy thôi!

Quen anh Hoa được một thời gian Loan thôi không đi hát phòng trà nữa mà làm thợ ký cho một văn phòng nào đó (XM quên rồi) ở lâu một cửa thương xá TAX trên đường Nguyễn Huệ do anh Hoa giới thiệu. Thời gian này hai “anh chị” đã mùi lắm rồi! Nhưng thỉnh thoảng cũng không tránh khỏi “sóng gió” chút chút để Loan phải đổ lệ vì sự bay bướm của anh Hoa. Có một buổi tối, Loan chạy đến nhà XM mắt đỏ hoe, giọng buồn thiu:

- Ê Giao! Mày chờ tao tới một chỗ này để tao coi có phải anh Hoa đang gặp “con nhỏ” đó không? Tao biết hiện giờ “ông” đang ở với con nhỏ đó đó! (Không biết “con nhỏ đó” là con nhỏ nào mà ghê gớm thế! Làm cho bạn tôi phải đổ lệ vì yêu).

XM hết hồn:

- Bộ mày tính đi bắt ghen hả?

Loan không gạt đầu mà nói:

- Ông có hẹn với tao bữa nay, mà ông không tới nên tao biết chắc là ông đang “ở” với con nhỏ đó! Tao chỉ muốn tới coi xem có đúng là con nhỏ đó không thôi!

XM nhất nên từ chối:

- Thôi mày ơi! Kỳ thấy mô! Mày chưa là cái gì của ông hết, xông đại tới như vậy hông sợ quê sao?

Loan năn nỉ:

- Tao chỉ đứng xa xa coi có đúng không thôi chứ không có để cho ông nhìn thấy.

XM lắc đầu nhìn Loan tội nghiệp:

- Sao mày phải khổ vậy Loan? Yêu nhau là phải tin nhau chứ! Còn nếu không tin và không chấp nhận được cái tánh bay bướm của ông thì mày nhào dzô làm cái gì cho khổ tâm thân vậy?

Loan nhất quyết không nghe viện đủ lý lẽ cứ một hai bắt XM phải lấy Honda chở đi, XM cũng nhất quyết “ừ ừ!” nói:

- Khuya quá rồi! Tao ngại đi buổi tối lắm! Để sáng mai sau khi đi làm về (XM làm ca từ 7 giờ sáng đến 1 giờ trưa là về rồi) tao sẽ chờ mày đi gặp nếu mày vẫn còn muốn đi.

Loan ngồi một hồi thấy không nhờ cậy gì được nơi con nhỏ bạn “cà chớn” này (XM nghĩ lúc đó Loan chửi XM như vậy đó!) nên buồn bã ra về. Hôm sau không thấy Loan đến, XM cũng thôi không hỏi thăm mà làm gì. Vài ngày sau Loan lại đến nhưng không phải đòi đi “bắt ghen” nữa mà tâm sự với XM, Loan nói:

- Má ông Hoa đi coi tuổi nói hai đứa không hợp tuổi nên không làm đám cưới lớn được.

XM ngạc nhiên:

- Không làm lớn được thì làm nhỏ, bộ mày đòi làm đám cưới lớn hả?

Loan nhăn mặt:

- Không phải! Đám cưới lớn ở đây có nghĩa là đường đường chính chính giống người ta. Nghĩa là má ông Hoa phải qua nhà nói chuyện với má tao rồi xin cái lễ rước dâu cưới tao cho ông Hoa.

XM thắc mắc:

- Vậy tại sao không làm được?

- Má ông nói tuổi hai đứa không có hợp, bây giờ nếu làm đám cưới thì sẽ sinh ly tử biệt, tao với ông sẽ có một người phải chết. Bã nói nếu tao thương ông Hoa thì xách vali về ở không, chờ khi ông Hoa cưới vợ rồi thì tao làm bé.

XM nhảy dựng lên:

- Mày có điên không Loan? Làm như vậy chẳng khác nào theo trai. Con gái chỉ có cái ngày lên xe hoa là trả hiếu được cho bố mẹ mà thôi! Dù có nghèo đi chăng nữa cũng phải có một mâm cơm cúng ông bà, một tách nước mời cha mẹ chứ có lý nào “tình cho không biếu không” như vậy?

Ngày xưa còn trẻ lại không mấy hiểu về tuổi tác hợp khắc như thế nào nên mới tuyên bố vung vít như vậy, chứ già đầu và kinh nghiệm như bây giờ thú thật XM không dám có ý kiến gì cả. Vì sau khi chứng kiến được hai hoàn cảnh của Loan và con nhỏ em gái của XM thì XM cứ day dứt mãi trong lòng vì đã gay gắt và cho ý kiến “tâm bậy” với Loan. Không biết có phải vì cưỡng lại số mạng hay không mà Loan lấy chồng chỉ được 8,9 năm gì đó rồi chết trên đường vượt biển cùng hai con trai. Đó không phải sinh ly tử biệt thì là gì nữa? Còn kéo theo hai đứa con vô tội thật là tội nghiệp. Trường hợp thù nhì là con em gái kế XM (Đệ Tứ Công Chúa), cũng bị cái số giống Loan (không làm đám cưới được). Nhưng tụi nó vẫn làm đám cưới và cô dâu phải đi cửa sau vào nhà chồng để hoá giải cái số (có người mách phải làm như vậy). Vậy

mà vẫn không thoát được số mạng, con em gái XM lấy chồng cũng chỉ được 8 năm rồi cách biệt chồng một nơi vợ một ngã vì chồng nó vượt biên trước để bảo lãnh lại cho hai mẹ con nó sau. Nhưng bốn năm sau, khi nó cầm được giấy xuất cảnh cho phép đi đoàn tụ với chồng thì nó lăn quay ra chết, để lại thằng con trai sau này phải đi một mình sang Mỹ đoàn tụ với bố.

Trở lại chuyện của Loan, sau khi nghe XM “hùng hổ” nói như vậy, Loan cũng xiu xep lép nhưng cũng chẳng ý kiến gì. Rồi bằng đi đến cả mấy tháng sau, Loan bất ngờ đến nhà dí vào mặt XM cái thiệp cưới làm XM ngạc nhiên quá chừng. Loan nói:

- Bữa đưa dâu, tao muốn mày có mặt để tiễn tao về nhà chồng đang hoàng, mày đi không?

XM hí hửng:

- Đi! Sao lại không đi, nhưng sao lại nhiều thiệp thế này? Những ba cái cơ à?

Loan giải thích:

- Thi hai bác với mấy chị em của mày, nhà mày đông quá mà!

- Thi mời chung một thiệp là được rồi, vẽ chuyện!

Bố khi nhà nó, khi XM mang quà mừng đám cưới đến nhà anh Hoa trong một con ngõ kể bên tiệm chụp hình Lưu Luyện trên đường Trương Minh Giảng (gặp Loan cũng đang ở đó) thì đụng ngay một cặp máy giặt máy xấy vừa được delive tới, Loan ký nhận đọc xong rồi la lên:

- Cửa Thẩm Thúy Hằng tặng.

XM ôm gói quà đi ra cửa, Loan kêu giặt ngược:

- Mày đi đâu vậy Giao?

XM quay lại nói nhỏ:

- Tao đi về, “bà nội” Thẩm Thúy Hằng làm tao quê quá!

Loan cười kéo XM lại:

- Mày bày đặt nữa! Giỡn chơi hoài!

XM cũng đùa:

- Thiên hạ mừng đám cưới mày “kinh” quá! Tao thì không có nổi cái khả năng đó. Nhưng tao mừng cho mày cái này bảo đảm “đêm bảy ngày ba ra vô không kể” nếu mày đặt nó trong phòng ngủ của hai vợ chồng mày.

Loan phì cười:

- Mày lúc nào cũng giỡn bậy bạ.

XM trợn mắt:

- Bậy bạ cái gì? Bảo đảm với cái ánh sáng mờ mờ ảo ảo đẹp như sương mù sẽ khiến hai vợ chồng mày lạc động Thiên Thai quên luôn lối về.

Thấy chúng tôi cười vang vui vẻ, mẹ anh Hoa cũng góp chuyện:

- Các cô đến đây thì chẳng biết tôi là ai đâu, nhưng tôi thì tôi nhớ từng mặt các cô. Thấy cô hoài trên truyền hình đó mà!

XM cũng cười đáp lễ nhưng không cải chính, có lẽ cạ lộn XM với một ai đó trên TV.

Rồi ngày cưới Loan tung bùng nhộn nhịp cũng đến, XM đọc được cả một bầu trời tình yêu hồng rực trong mắt cô bạn thân nhỏ xíu của XM. (nhỏ xíu thiệt chứ không phải đùa), Loan rất là nhỏ con, nhỏ cả tuổi (Loan 19, anh Hoa 39). Cho nên lúc đó XM cứ dọa Loan là sẽ hát tặng cô dâu chú rể bài “Năm anh 20, em mới sinh ra đời. Ngày anh 40 em mới vừa đôi mươi...” làm Loan sợ hết hồn. Quả là tình yêu không phân biệt tuổi tác và nghệ sĩ thì không có tuổi. Loan nhớ đến nỗi khi cắt bánh cưới chú rể phải bế cô dâu trên tay nom y như một con búp bê rất là dễ thương, tiếc là XM không còn giữ được một tấm hình cưới nào của Loan bởi cuộc đời đã làm trôi đi tất cả. Đám cưới Loan được tổ chức ở lầu 10 của nhà hàng Caravelle năm 1970 với sự tham dự hầu hết của các ca sĩ, minh tinh màn bạc có tiếng tầm thời bấy giờ,

(dĩ nhiên là phải bao gồm cả sự có mặt của con nhỏ “Phương Tào lao” này rồi). XM thật là mừng cho cô bạn thân đã có được một tấm chồng như ý muốn.

Sau khi thăm Loan sanh đưa con trai đầu lòng ở nhà thương Saint Paul vào năm 1971 xong, đưa nào cũng bận bịu với gia đình riêng nên ít gặp nhau thường. Rồi 75 ập đến, Loan trở lại với hình dáng của một cô bé lọ lem ngày xưa. Nghĩa là những tháng ngày nghèo khổ lúc chưa có chồng, Loan đạp xe đạp đến nhà XM với một cái bàn gỗ xếp được làm đôi cột ở yên sau, bên trên là một bao bố dệp nhựa to tướng. Loan nói:

- Lúc này tao bán dệp ở trước cửa ga xe lửa chỗ bùng binh chợ Sài Gòn mày biết không?

XM phì cười:

- Biết! Tao sẽ kêu bạn bè ra mua ủng hộ mày.

Loan cũng cười:

- Ủa! Nhớ nhe! Nhớ ghé hàng tao chơi.

Không nói ra nhưng hai đứa tôi đứa nào cũng biết là mình đang đóng kịch. Sợ bóng sợ gió cộng sản quá nên trá hình đây thôi chứ bán buôn cái gì. Thay vì buôn bán thì người ta phải nói: “Nhớ ghé mua dệp dùm tao” chứ ai lại bảo nhớ ghé hàng tao chơi bao giờ? Sau đó, XM vào sở quảng cáo dùm Loan, bạn bè XM nghe nói vợ của đạo diễn Lê Hoàng Hoa bán dệp ở chợ Sài Gòn thì ùn ùn kéo nhau đến mua ủng hộ để coi mặt, còn XM thì ghé ngồi tán dộc với Loan sau giờ làm việc rồi phụ Loan dọn dẹp để ra về. Biết ngay mà! Chỉ một thời gian sau đó là Loan đẹp tiệm luôn, đóng cửa rút êm trong nhà để tính chuyện vượt biên. Lúc anh Hoa đi vượt biên bị bắt lần đầu, vợ chồng XM đến nhà thăm, Loan đưa cho XM đọc lá thư của tài tử Ngọc Phu viết cho anh hoa để thanh minh thanh nga việc dàn dựng chuyện đóng phim ngoài biển rồi đồng luôn và xin lỗi đã không dám rủ

anh Hoa cùng tham gia. Loan cứ tiếc rẻ hoài, than với XM phải chi Ngọc Phu nói với anh Hoa thì giờ này Loan đỡ khổ biết mấy? Phải thông cảm thôi! Thời buổi hỗn quân hỗn quan đó, mình chỉ dám tin vào chính mình mà thôi! Hồn ai nầy giữ, có ai mà dám mở miệng tâm sự với ai chuyện vượt biên lúc bấy giờ?

Đến năm 75 thì Loan có được hai cháu trai tên Đoàn Trần Khôi và Đoàn Trần Nguyên. Đoàn Trần là hai họ của Loan và anh Hoa ghép lại, Loan tên Trần thị Tố Loan, anh Hoa là Đoàn Lê hoa. Sau khi anh Hoa được thả về, đến lượt Loan dẫn hai con trai vượt biển năm 79 nhưng chẳng có tin tức gì đưa về. Thời gian này, XM chỉ liên lạc với gia đình Loan ở con hẻm của CXĐT thôi chứ không còn đến nhà anh Hoa sau khi biết tin chính xác Loan và các con không bao giờ quay trở về nữa! Sau này nghe tin anh Hoa đã quay trở lại làm việc với cái tên đạo diễn Khôi Nguyên, XM hiểu ngay là anh Hoa đã lấy tên hai đứa con trai ghép lại làm tên mình để tưởng niệm người đã khuất. Loan ơi! Bây giờ chắc mày đang tươi cười dang tay chào đón người chồng mày thương yêu bao nhiêu năm cách biệt giờ cũng trở về đoàn tụ với mày rồi phải không? Tao chúc cho mày với người mày thương yêu muôn đời hạnh phúc ở một nơi mà không ai có thể làm phiền hoặc chia cách hai người nữa. Xin dâng một nén hương lòng và lời cầu kinh “Nam Mô tiếp dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật” để hồi hướng cho hương linh của đạo diễn Lê Hoàng Hoa, mong anh sớm được siêu thoát đi về nơi anh muốn.

TÔN NỮ MẠC GIAO

(Kỷ niệm một năm giỗ đầu của Đạo diễn Lê Hoàng Hoa. Tháng 7 năm 2013.)

Ngõ Thu

sáng mưa, em bỏ mặt trời
tạnh mưa nhìn lại
nắng ngồi giọt rưng

trưa mưa, em bỏ điệu mừng
tạnh mưa nhìn lại
chập chờn cuộc chơi

chiều mưa, em bỏ nụ cười
tạnh mưa nhìn lại
môi đời đắm sương

đêm mưa, em bỏ yêu thương
tạnh mưa nhìn lại
tình vờn bóng hình

ngay đi bốn cột mưa nhìn
đêm về còn níu dậm nghìn sau lưng
tiếng cười khuya bắt chọt rưng
trong làn sương rữ
lưng chùng ngõ thu!

Cao Nguyên
MD July 16, 2013

Em Từ Lục Bát Bước Ra

(Thân tặng hai chàng Thơ Nhạc
Luân Hoán & Vĩnh Điện)

Em từ lục bát bước ra
thấy ta ngồi giữa häng hà nhạc thơ
Em cười bảo chớ quẩn mơ
đời kinh vắn điệu, tình ngờ ngẩn lời

Em từ lục bát ghé chơi
thấy ta ngồi đếm thì thời đã qua
Em cười bảo cứ nhẩn nha
trăm năm chưa tận còn tha thiết tình

Em từ lục bát đứng nhìn
thấy ta ngồi ngắm chu trình hoại sinh
Em cười bảo chớ giật mình
có không không có cứ bình sinh ngơi

Em từ lục bát ru đời
thấy ta đắm mắt ngắm trời ngã Thu
Em cười bảo chớ ưu tư
khởi lên tình khúc sương mù sẽ tan!

Cao Nguyên
MD July 05, 2013

La Mort des Oiseaux của François Coppée

PHẠM TRỌNG LỆ

Đây là một bài thơ giàu nhạc tính (musicality). Mở đầu bài thơ, hai câu đầu, nhịp thơ chậm chậm, làm người đọc hồi tưởng đến một dĩ vãng. Hai hình ảnh trái ngược: trong nhà, người ngồi trước lò sưởi ấm áp tương phản với hình ảnh của tổ chim đu đưa trước gió lạnh dưới bầu trời đông xám, gợi cho ta lòng thương cảm về cái chết của những con chim về mùa đông.

Âm mở /oa/ bắt đầu bằng /o/ và chấm dứt bằng /a/ trong những từ « soir », « fois », « oiseau », và « bois » nghe như tiếng vang lại từ quá khứ. Câu thứ 5 « Se balance au vent/ sur le ciel gris de fer » hai phần đều nhau cách nhau bởi chỗ ngắt giọng caesura ở giữa chữ « vent » và chữ « sur » như tả rõ hình ảnh chòng chành của tổ chim trên cành trước gió. Từ câu thứ 7 trở đi, nhịp thơ chuyển nhanh hơn như nhịp chân đuổi nhau trên thảm cỏ tháng tư giữa những bông hoa tím đang nở rộ: những ngày xuân ấm áp bây giờ tương phản với những ngày đông xám lạnh ở đoạn đầu.

Câu hỏi cuối cùng trong bài thơ: Không biết có ai tìm thấy bộ xương khô của chim trong rừng bao giờ không? Có ai chứng kiến cái chết của những con chim không



nhĩ? Khi chim còn sống, tiếng hót đem lại vui thú cho con người, và muôn loài. Đến khi chết thì đi tìm một nơi vắng vẻ làm nơi yên mồ.— chú thích của PTL

La mort des oiseaux

**Le soir, au coin du feu, j'ai
pensé bien des fois,
A la mort d'un oiseau,
quelque part, dans les bois,**

**Pendant les tristes jours de l'hiver
monotone**

**Les pauvres nids déserts, les nids qu'on
abandonne,**

Se balancent au vent sur le ciel gris de fer.

O! comme les oiseaux doivent mourir l'hiver!

**Pourtant, lorsque viendra le temps
des violettes,**

**Nous ne trouverons plus leurs
délicats squelettes.**

Dans le gazon d'avril où nous irons courir.

**Est-ce que les oiseaux se cachent
pour mourir?**

François Coppée

*François Édouard Joachim Coppée: thi sĩ Pháp sinh ngày 26 Janvier 1842, ở Paris, mất ngày 23 Mai 1908. Trong đời ông viết trên 18 tập thơ, 15 vở kịch và 14 cuốn tiểu thuyết.

Được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp (ghế bành số 10) trong số 40 vị hàn lâm, trong đó có những tên tuổi như Victor Hugo (Les Misérables), Anatole France (giải Nobel văn chương), Louis Pasteur (cha đẻ ra vaccins trị bệnh chó dại), Alexandre Dumas (Les Trois Mousquetaires) và Sully Prudhomme (bài thơ Le vase brisé).

-Dịch xuôi :

Cái chết của những con chim

Buổi tối, cạnh lò sưởi, tôi nhiều lần nghĩ đến
Cái chết của một con chim, ở một nơi nào
đó, trong rừng.
Trong những ngày đông buồn thảm đều-đều
một điệu tẻ nhạt
Những tổ chim đáng thương, những tổ chim
bị bỏ mặc không chăm sóc,
Đu đưa trước gió dưới bầu trời xám xịt như thép
Ôi! Thương thay những con chim phải chết
về mùa đông!
Vậy mà khi những bông hoa tím trở bông
Chúng ta không tìm thấy những bộ xương
chim mảnh khảnh yếu ớt
Trên thảm cỏ thảng tư nơi chúng ta chạy nhảy.
Phải chăng những con chim trốn ở một nơi
để chết một mình?

-Dịch sang văn vần:

Cái chết của những con chim

Bên lò sưởi ấm chiều hôm,
Bao lần nghĩ đến chim non trong rừng.
Ngày đông âm đạm lạnh lùng,
Tổ chim vắng mẹ nở lòng bỏ rơi.
Chòng chành trước gió giữa trời,
Thương thay chim sớm lia đời mùa đông!

Mà khi hoa tím trở bông,
Ta không thấy bộ xương cồng mảnh mai.
Thảng tư trên nội cỏ tươi,
Nơi ta chạy đuổi vui cười thành thoi.
Phải chăng chim ẩn một nơi
Để yên lặng chết lẻ loi một mình?
(Phạm Trọng Lệ phỏng dịch)

-Bản dịch sang tiếng Anh:

The Death of Birds

At eve, beside the fire, I've wondered
many times
About the way birds die, out somewhere in
the wild.
Day after dreary day, in winter's changeless
gloom,
The poor deserted nests, the nests they
leave behind,
Keep swaying in the wind against the iron-
gray sky.
Alas! How many birds must die, when
winter reigns!
And yet, when once again it's time for violets,
We'll find no trace of them, no fragile skeletons
Amidst the April grass in which we'll go
and run.
Do birds go off and hide, when they're
about to die?

Translated by Kendall Lappin

(From: Kendall Lappin, Dead French Poets
Speak Plain English: An Anthology of Poetry.
(Paradise, CA: Asylum Arts, 1997, p. 271)
[Kendall Lappin was a professor of foreign
languages at the United States Naval
Academy in Annapolis, Maryland.]

ĐỌC THƠ NGUYỄN PHÚ LONG

Nguyễn Phú Long, nhà thơ trong Nhóm Thi Đoàn Hoa Tiên Thanh Khí trước đây định cư tại tiểu bang Oklahoma gồm các nhà thơ Phạm Chiêu Đăng, Nguyễn Phú Long, Hoài Việt Nguyễn Vĩnh Tường,... Anh vừa cho ấn hành và gửi tới thi hữu bốn phương tập “Thơ Họa”, kể cả bì, gồm 36 trang. Đa phần là thơ họa vận, gọi hứng từ những bài thơ Đường luật của bằng hữu.



Như chúng tôi đã từng phát biểu: “Làm thơ xướng họa là cái thú văn chương tiêu khiển tao nhã, được chia sẻ, trao đổi giữa các thi hữu với nhau. Đó cũng là một cách gây hứng khởi, mời gọi nhau, khuyến khích nhau làm thơ, động viên nhau sáng tác vậ. Ngày nay, ở thời đại mới, hai người làm thơ có thể ở xa cách nhau ngàn dặm, "kê ở đầu sông Tương, người ở cuối sông Tương", làm thơ gửi cho nhau qua email hoặc liên lạc qua các diễn đàn thơ văn internet, bởi vậy, họa thơ chỉ là mượn 5 vần của bài xướng và nương theo 5 vần đó để sáng tác ra một bài thơ mới, một đề tài mới, không nhất thiết phải triển khai cùng một đề tài với bài xướng. Vì thế, bài thơ họa vận có thể xem là một sáng tác mới, hoàn toàn độc lập, và có thể đứng một mình một cõi trước mắt độc giả!”.

Trên tinh thần thương ngoạn thơ như đã trình bày ở trên, chúng ta thử bước vào thưởng thức nội dung một số bài trong thi tập có nhan đề “Thơ Họa” của nhà thơ Nguyễn Phú Long.

Mở đầu là bài thơ “Ngày Quốc Khánh” gợi lại những kỷ niệm êm ái, hào hùng ngày xưa, khi tác giả là một sĩ quan thuộc binh chủng Thủy Quân Lục Chiến trước năm 1975, neo tàu về Thủ Đức Sài Gòn hoa lệ giữa các giai

nhân tha thướt như trảy hội trong ngày Quốc Khánh, như sau:

Tung bùng ghi lại mấy vần thơ
Vội gửi cho ai, có đợi chờ?
Gói trọn ân tình theo chí lớn,
Vo tròn thương mến để vương tơ.
Buông neo, thủy thủ vào thành phố
Gác súng, binh hùng ghé thủ đô.
Mũ đỏ, mũ xanh, giày bóng loáng
Quân dân cá nước thỏa niềm mơ.
[NPL, trang 3]

Và những dịp Xuân về, Tết đến là dịp gọi thi hứng để nhà thơ của chúng ta vui xướng họa cùng bằng hữu xa gần:

Cứ muốn “bên thêm xuân rộ” mãi
Đề cùng bằng hữu góp đôi vần

[NPL, tr. 4]

hoặc nâng chén thù tạc thơ và rượu:

Rồi ta nâng chén cùng nhau nhé
Xướng họa đôi vần kỷ niệm chơi!
[NPL, tr 5]

Đôi khi không sẵn rượu, thì nhấp chén trà
để nhớ hương vị quê hương ở bên kia nửa
vòng trái đất cho khuây nỗi nhớ:

Trang trọng hai tay ủ chén trà,
Râm ran khoan khoái tự lòng ta.
Thái Nguyên, nụ với tình thơm ngát,
Bảo Lộc, mạn sen ý đậm đà.
Chè Huế, om sành vui giản dị,
Ô-Long, ấm sứ thú kiêu xa.
“Vào vườn hái quả cau” nhỏ nhỏ
Trầu nước... mời nhau lúc ghé nhà.
[NPL, “Một Chút Quê Hương”, tr. 11]

Nguyễn Phú Long, vốn dòng dõi hậu duệ
của nhà thơ nổi danh “núi Tản sông Đà”
Nguyễn Khắc Hiếu hồi đầu thế kỷ trước,
nên cũng thừa hưởng dòng máu “tếu”,
không thể lạnh nhạt trước “tửu và sắc”.
Người đọc đôi khi được thưởng thức những
đề tài nói về cái thú “Hát Cô Đầu”, mặc dầu
ở tuổi tác già, lúc di cư vào Nam sau năm
1954 thì cái thú gõ trống chầu “tom chát”
không còn thịnh hành ở miền Nam nữa,
hoặc giả chỉ còn diễn ra ở một vài địa điểm
như ở gần hồ tắm Chi Lăng, gần rạp Xi-nê-
ma Đại Đồng, Gia Định, Sài Gòn:

Nhân sinh quý thích chí
Chẳng gì hơn hú hí với Cô Đầu!
(Trần Tế Xương)
Lòng trần còn nặng mối tơ vương

Mỹ nữ! Chao ơi! Rất nỡn nường!
Giọng ngọt lời hay nghe chẳng chán,
Mây ngày mắt phượng ngó thêm thương.
Tiền nhân lẫn lóc nơi trình diễn,
Hậu duệ mãi mê chốn hý trường.
Nghệ thuật ca trù đàn với phách
Làm sao quên được thú du dương.
[NPL, "Hát Cô Đầu", tr. 18]

Cái “thú du dương” ấy quả thực nó đã làm
mê mẩn tâm thần bao nhiêu đấng mày râu.
Chẳng thế mà sinh thời Cụ Nguyễn Công
Trứ phải lận đận trên đường thi cử, về già
mới thi đỗ ra làm quan, có lúc chàng lếch
thếch đeo theo cô đào chỉ mong được
hưởng chút nước xái:

Giang sơn một gánh giữa đồng,
Thuyền quyền ứ hự, anh hùng nhớ chẳng?!
(Giai thoại Nguyễn Công Trứ)

Hoặc cảm hứng trước bức tranh “mỹ nữ
khỏa thân”, “ả hớ hênh, ả để đồ ra!” của
họa sĩ Vi-Vi:

Trở trêu sắc sắc với không không!
Ngay trước cổng chùa đã để mông:
Chuông mõ im lìm dòng nước nhược,
Kệ kinh yên ắng cõi non bông.
Cà sa chẳng kín... kia đầu trọc,
Da thịt còn phơi... đó má hồng!
Cố nén phát ra câu "bá ngọ!"
Mà thương con gái cảnh tông tông!
[NPL, "Xem Tranh", tr. 27]

Đọc thơ Nguyễn Phú Long, người đọc bắt
chợt được có những nụ cười dí dỏm, thích
thú, tươi mát.

HỒ CÔNG TÂM

Austin, ngày 16 tháng 6 năm 2013

TIN MỪNG

Được tin mừng Ông Bà Bác Sĩ Giang Hoàng
và Ông Bà Bác Sĩ John Shaw
sẽ làm lễ thành hôn cho đôi trẻ

KIM YƯƠNG HOÀNG

và

JAMES GREGORY SHAW

Chủ Nhật 8 tháng 9 năm 2013

tại

Wychmere Beach Club

Harwich Port, Massachusetts

Ông Bà Bác Sĩ Giang Hoàng là
đại diện Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm
tại Buffalo, New York.

Xin chung vui cùng hai họ Hoàng và Shaw.

**CHÚC TÂN LANG VÀ TÂN GIAI NHÂN
TRĂM NĂM HẠNH PHÚC, SẮT CẨM HÒA HỢP.**

Toàn thể Ban Điều Hành

và

Ban Biên Tập Cỏ Thơm.

VẾT CHÉM CUỐI CÙNG

(Viết khi nhận được tin CSVN ký nghị định 72 cấm tổng hợp tin qua mạng xã hội đã ký hôm 15/7, chính thức công bố hôm 31/7 và sẽ có hiệu lực từ ngày 1/9/2013)

Phong Thu

Lều vừa từ trường Cao Đẳng Kinh Tế trở về nhà mặt anh buồn so. Anh quăng cái cặp da vào góc bàn rồi lủi vào phòng đóng cửa lại. Đã hơn một tuần nay thái độ làm li của Lều khiến cho bà Bí rất lo lắng. Nhưng bà không muốn hỏi anh vì Lều vốn không muốn lắm lời. Tuần này, Lều đã thi tốt nghiệp Cao Đẳng xong, bà muốn bàn với chồng cho Lều đi sang Mỹ du học. Nhưng mỗi lần hỏi ý kiến thì Lều nín thinh không trả lời gì cả. Hôm nay, bà Bí thấy con trai đi nhận bằng tốt nghiệp hạng ưu về mà mặt mày bí xị nên đã chạy lại gõ cửa phòng hỏi han, lo lắng:

“Lều à! Có chuyện gì cho mẹ biết nào?”

Không có tiếng trả lời. Bà Bí tiếp tục nài nỉ:

“Con ra ăn cơm đi. Bố đang chờ con đấy.”

Giọng nói của Lều gay gắt:

“Mẹ và bố ăn đi. Con không ăn đâu.”

“Tại sao thế? Nói cho mẹ nghe có chuyện gì vậy?”

“Không có gì cả. Mẹ đừng lo cho con?”

Bà Bí dậm chân than thở:

“Giời ơi! Bố mày bận suốt ngày không bao giờ về nhà. Còn mày thì luôn giận dỗi. Thật là khổ cho mẹ.”

“Mẹ đừng có làm phiền con? Con không muốn gặp bố, con không muốn ở trong căn nhà này nữa. Con muốn dọn ra ngoài sống một mình thôi.”

“Sao lại thế hở con. Bố mẹ chỉ có một mình con. Nhà cao, cửa rộng, giàu sang thế này mà không ở, lại muốn ra ngoài sống một mình. Con có điên không?”

“Con không thèm sống trong căn nhà này. Con không muốn làm con của một ông Chủ Tịch, con chỉ muốn làm dân thường thôi cho được yên thân mà không bị người đời dè bĩu, khinh khi. Con không thể sống mãi như thế này.”

Bà Bí gào lên:

“Giời cao đất dày ơi! Con nói gì thế. Cả một đời bố mẹ đi theo cách mạng, chiến đấu vào sinh ra tử mới có ngày hôm nay. Bây giờ, những gì bố mẹ mơ ước đã trở thành sự thật. Bố làm quan lớn, nhà cửa khang trang, xe ô tô đắt giá nhất Việt Nam. Con xem, có khối người nằm mơ cả đời chưa chắc được. Vậy mà con chê sao?”

Lều hét lớn:

“Tôi không muốn nghe. Các người suốt ngày lái nhại chuyện quyền chức, lợi lộc, tiền đô la, vàng, nhà cửa, xe cộ... Các người có cái gì tốt hơn để bàn, để nghĩ hay sao? Tôi chán lắm! Tôi nghe đầy lỗ tai đến phát điên lên. Bà để tôi yên.”

Bà Bí đập cửa rầm rầm tru néo lên:

“Ông ơi! Ông vào đây xem thằng Lều nó đang lên án mình.”

Nghe tiếng vợ quát tháo, khóc lóc nên ông Lão rời bàn ăn và đến hỏi vợ:

“Chuyện gì thế? Nó lại nhịn ăn nữa phải không? Bà đừng có lo. Nó không chết

đâu. Bà đi ăn cơm đi. Tôi còn bận đi họp chiều nay.”

Nói xong ông nắm tay bà kéo đi về phòng ăn. Cô Sen, người giúp việc trông nom quét dọn nấu nướng trong nhà. Cô thấy ông Láo không vui nên hỏi:

“Ông à! Có chuyện gì thế? Cậu lại không ăn cơm nữa à! Vậy thì ông bà cứ ăn đi. Cháu sẽ năn nỉ cậu sau.”

Ông Láo nhìn Sen bằng đôi mắt thật đăm đăm:

“Cô đừng có lo cho thằng đó. Nó lớn rồi. Nó tự lo cho nó. Nó không ăn vài hôm nó không chết đâu. Thằng con trời đánh.”

“Tại cậu còn trẻ mà. Tôi...tôi..”

“Thôi! Cô lo cho vợ chồng tôi cũng đã mệt rồi. Đừng bận lòng. Đi lấy cho tôi chai rượu Tây đi nhanh lên.”

“Dạ, thưa ông.”

“Đừng có vâng dạ khách sáo lắm!”

Cô Sen trao cho ông một chai rượu. Ông rót rượu ra chiếc ly thủy tinh và trao cho vợ:

“Bà uống một tí cho ấm bụng, tiêu cơm.”

Bà Bí cầm ly lên nhấp vài ngụm rồi hỏi:

“Thứ rượu ngoại này đắt giá lắm đây. Ai cho ông vậy?”

“Người quen đó mà. Họ mang ơn vợ chồng mình nên đi đâu về cũng mua biếu tặng lung tung. Thôi mình ăn đi.”

Cô Sen đứng gần bên xới cơm cho hai ông bà. Mùi thịt bò xào đậu, cá biển chiên xù ướp cà chua, canh chua cá bông lau và thơm. Toàn là những món ăn mà cô Sen biết ông rất ưa thích. Ông vừa ăn vừa khen:

“Hôm nay cô nấu mấy món này ngon lắm. Cô càng ngày nấu càng ngon.”

Cô Sen mặt đỏ ửng. Cô vui vẻ đáp:

“Miễn là ông bà vừa lòng là tôi vui rồi.”

“Nè! Tôi sẽ tặng cô một xấp vải lụa của Pháp để may quần áo để thưởng công cô lo cho vợ con tôi.”

“Dạ, cảm ơn ông. Đó là trách nhiệm của con mà.”

“Cô đi ăn đi. Vợ chồng tôi có chuyện cần bàn riêng.”

“Dạ.” – Sen nói xong thì lui xuống bếp.

Còn lại hai vợ chồng. Ông Láo vừa ăn vừa nói:

“Mấy hôm nay tôi có cuộc họp quan trọng là đòi hỏi các Bộ quản lý báo chí truyền thông, internet phải có nghị định mới để siết chặt mọi thông tin trên net không có lợi cho chế độ.”

Bà Bí nghe chồng nói đã buông đũa xuống nhìn chồng. Miệng bà há ra để lộ những chiếc răng hô lồm chồm, vàng khè:

“Thế à! Nhà nước đã bị phê phán trên net từ lâu rồi. Tôi nghe đầy tai về chuyện các nhóm viết blog, nhóm nhạc sĩ, trí thức văn nghệ sĩ, nhà báo lung tung cả lên. Nhà nước cứ bắt, họ cứ viết...hình như càng ngày càng nhiều không thể ngăn chặn được.”

Ông Láo nhai một miếng cơm, nuốt nhanh vào bụng rồi trả lời:

“Nó là phong trào đó bà. Chính vì net mà các nước Trung Đông có loạn. Dân chúng đã giết những người cầm đầu chính quyền, giết Tổng Thống, tàn phá đất nước. Bà có muốn thấy Việt Nam rơi vào cảnh hỗn loạn như vậy không?”

“Nếu có loạn thì dân sẽ giết hết chúng ta. Lâu nay, tôi không biết về máy móc, nhưng nghe rằng càng ngày người ta càng viết bài trên mạng lên án chế độ cộng sản, lên án cán bộ ngày càng gay gắt. Họ đòi tự do, dân chủ. Hừ! bọn phản động này phải thanh toán chúng mới được.”

Ông Lão nghe vợ nói cũng hậm hực trong lòng. Ông trả lời:

“Hừ! Chúng công khai lên án chế độ, phê phán Đảng và nhà nước, chửi bới chúng ta là lũ tham nhũng, bán nước, lũ cướp cạn, mafia đỏ. Nếu không trừ được bọn này thì danh dự, quyền bính, tài sản mà chúng ta cả đời dành dụm mới tạo nên sẽ tan thành mây khói.”

Bà Bí gật đầu:

“Bây giờ ông cán bộ nào nhà cửa cũng bạc triệu. Con cháu sống ở nước ngoài với tài sản kếch sù. Chúng ta cũng có nhiều đất đai, nhà cửa, vàng bạc... ăn tới đời chắc chưa hết. Tội gì để cho ai chiếm đoạt.”

Ông Lão nói cho vợ biết tin tức của chính phủ:

“Ban Chấp Hành Trung Ương hiện đang họp và có biện pháp. Sau đó, các ban ngành liên quan phải ra một nghị quyết cấm sử dụng net, viết blog và viết trên Facebook. Hiện nay các đồng chí Thứ Trưởng Bộ Thông Tin và Truyền Thông, Cục Trưởng Cục Truyền Hình và Thông Tin Điện Tử đã trình lên Quốc Hội và Thủ Tướng phê chuẩn thành nghị quyết.”

“Nhưng thằng Lều nó mê net lắm! Ông mà ra lệnh cấm là nó sẽ cự ông liền.”

“Thằng này ngu lắm! Nó đi theo bọn trẻ blogger. Mấy hôm nay, nó lên tiếng viết bài công kích nghị quyết Đảng đề ra. Bởi vậy nó mới kiếm cớ trách gạ mặt tôi.”

“Thế à! Trời đất ơi! Sao nó đại thế.”

“Bà phải xem chừng nó. Nó vào web đọc những tin tức của bọn phản động nước ngoài và bọn không có đạo đức, chống đảng và nhà nước. Nó đang chống bả của nó. Thằng con trời đánh.”

“Khô thế! Tôi sẽ cố gắng khuyên bảo nó. Ông ăn đi.”

Nằm trong phòng nhưng Lều đã lắng nghe bố mẹ nói chuyện. Anh mở cửa, bước đến bàn ăn và đột ngột lên tiếng:

“Vâng. Bố mẹ hà hê với những gì mình có. Bố mẹ chỉ biết lên án người ta mà không nhìn lại những gì mình đã làm tổn thương đến người khác. Mình đang sống trên sự đau khổ của hàng triệu người. Của cái này con đâu có cần. Bố mẹ có biết trọng danh dự không? Còn lương tâm bố mẹ bỏ đi đâu? Ngày nào con đi học, con cũng bị chúng bạn khinh khi, nói bóng gió về ba mẹ, họ hàng nhà mình. Còn đây. Đây là những câu chuyện rất hay, rất tuyệt về đạo đức của gia đình ta. Bố mẹ đọc đi.”

Lều quăng chồng giấy lên bàn ăn và bỏ đi. Bà Bí gọi với theo:

“Con đi đâu thế. Ăn cơm rồi hẵng đi.”

Lều không buồn quay lại. Anh mở công dẫn xe mô tô ra và rồ ga đi mất. Bà Bí nhìn sập giấy trên bàn và mở ra xem hàng tựa đầu tiên: “Gia Đình Mafia số 1 tại Việt Nam - Chủ Tịch Nguyễn Văn Lão”. Bà đọc xong thì té xuống sàn nhà ngất xỉu...

Lều đi mẹ ra khu vườn hoa lớn phía sau nhà. Hòn non bộ có hình tượng Phật Bà Quan Âm đang cầm chiếc bình hoa đưa lên trời. Nước từ nhánh liễu trên bình hoa chảy thành dòng xuống bờ đá xanh, xám. Những con cá kiểng đủ màu to lớn bơi lượn lờ qua lại dưới đám lá sen. Vài cánh sen nở màu hồng nhạt nhô lên đón ánh mặt trời. Thường ngày, bà Bí ra đây đốt nhang, cầu khẩn. Bà rất tin dị đoan nên mời thầy về khấn vái và chọn ngày lành tháng tốt đắp bực tượng này để bà ngày đêm cầu nguyện cho gia đình làm ăn phát tài, hanh thông, giàu sang, quyền thế vững bền. Nhưng nay, những gì bà nguyện cầu đã không còn trở

thành sự thật. Những vật chất, sa hoa mà bà khao khát cả một đời nay đã không còn mang lại cho bà hạnh phúc như mong muốn. Hạnh phúc đã đội nón ra đi. Nỗi đau bị chồng phản bội đã đánh gục bà. Bà tự trách mình quá ham tiền tài, danh vọng, ham bon chen và xem tiền là cứu cánh của đời sống. Bà ham muốn chồng mình sẽ là ông Chủ Tịch nọ, Bí Thư kia. Cho nên bà chỉ biết đem tiền đút lót, chạy chọt hết nơi này đến nơi khác để tạo dựng sự nghiệp cho chồng. Bà quên rằng bà đã già nua, cần cỗi. Còn chồng bà quen thói rượu thịt, trăng hoa với bạn bè nên đã dần dần quên mất bà. Bà nghĩ rằng ông ăn bánh, trả tiền rồi trở về với bà. Nào ngờ, ngay cả con ở trong nhà, nó đáng con cháu, ông cũng xoi tuốt luốt. Thế mới nhục nhã với họ hàng. Chuyện đó lại được những kẻ là đàn em làm ăn với gia đình bà nhưng ngày nay vì tranh chấp chức vụ, tài sản, họ lại đem tin tức phôi bày hết trên liên mạng thì còn gì là danh giá. Bà đã gục ngã vì đau đớn, tủi nhục. Đôi mắt bà trở nên vô hồn khi nhìn mọi vật xung quanh. Lều diu mẹ ngồi xuống chiếc ghế xích đu đặt trong vườn. Khu vườn rộng mênh mông trồng đủ loại hoa và kiểng đặc tiền mua từ Nhật chở bằng tàu về trồng nơi đây. Vợ chồng bà Bí thường có tiệc tùng, mời bạn bè có chức vụ quan trọng, thân hữu và họ hàng đến đây để khoe khu vườn sang trọng này. Bây giờ, khu vườn đã vắng lặng. Lều nhẹ nhàng nói với bà:

“Mẹ ngồi xuống đây đi. Mẹ sẽ cảm thấy dễ chịu hơn.”

Bà Bí không nói gì. Nét mặt héo hon, buồn bã của bà giống như một tàu lá chuối rách tả tơi sau cơn bão dữ. Làn da xanh mét xếp chồng, chéo, ngang dọc những nếp nhăn. Đôi mắt nhỏ tí hí kéo dài như híp hẳn

lại sau cơn bệnh. Bà nắm tay Lều nói bằng giọng yếu ớt:

“Con đừng bỏ mẹ đi. Mẹ cô đơn lắm!”

Lều ứa nước mắt:

“Con không bỏ mẹ đâu. Con sẽ ở đây với mẹ.”

Thường ngày anh hay cãi lại mẹ, hay giận dỗi và không bao giờ muốn tâm sự với bà. mấy tuần nay, thấy mẹ ngất xỉu đến nỗi phải vào bệnh viện. Mẹ biếng ăn, chỉ uống sữa và khóc liên tục làm cho anh hết sức đau xót. Bố thì tránh mặt mẹ và không còn trở về nhà. Cô Sen đã biến mất từ hôm mẹ ngất xỉu. Có ai ngờ bố lại tặng tịu với cô Sen, người làm công trong nhà sinh ra một cháu trai năm nay đã ba tuổi. Bố lại nói rằng cô Sen có chồng, có con ở quê nhà. Cô rất hiền hậu và chăm sóc gia đình từ hơn năm năm nay. Lều cũng mến tình nết và sự chịu khó, cần cù siêng năng của cô. Đôi lúc, Lều thấy bố có những cử chỉ dịu dàng với cô nhưng Lều nghĩ rằng bố tốt bụng, thương người. Ai ngờ đâu, bố lại lấy cô Sen đến mang bầu và tuổi cô chỉ lớn hơn Lều vài tuổi. Bố là Đảng viên, là một người nằm trong Bộ Chính Trị, người có nhiều quyền lực nhất Việt Nam mà đạo đức như thế thì còn gì nhục nhã hơn. Nếu Lều không đọc được những bản tin trên net thì Lều không biết được chính xác bố và các cô cậu, chú bác, dòng họ mình đang làm cái gì. Tại sao bố làm một tháng khoảng hai trăm đô la, mẹ cũng khoảng đó mà bây giờ gia đình có một căn nhà triệu đô la tại Hà Nội. Căn nhà xây dựng trang trí toàn đồ đắt giá. Ngoài ra, bố mẹ còn có những phần hùn hạp trong mấy chục công ty, ngân hàng lớn. Bây giờ, người ta khui ra những vụ làm ăn bất chính này thì còn gì là danh dự. Lều thờ dài nhìn khu vườn đặc địa, nhìn tài sản mà bố mẹ

nói rằng cả đời mới tạo dựng nên mà anh chưa xót, đốn đau. Anh biết tài sản mà gia đình anh có, những gì anh được thừa hưởng là máu và nước mắt của dân lành. Đó là tài sản của quốc gia mà bố mẹ anh, dòng họ anh đã cướp đoạt bằng quyền lực và mọi mảnh khoé gian manh. Nước mắt anh ứa ra. Anh khóc khi nhớ lại lúc anh đọc những bài viết đó. Họ bịa đặt chằng? Không? Họ có đủ hình ảnh, tư liệu và sự kiện thì đó không phải là bịa đặt. Mà bịa đặt sao được vì căn nhà này, tài sản này không phải là một bóng ma. Nó như một nhân chứng sống đứng trơ trơ giữa thủ đô Hà Nội trước mắt mọi người. Nó là nhân chứng sống của tội ác mà người dân mất đất, mất ruộng oằn oại trong khổ nhục đã nguyện rửa và lên án. Lều có thể nào bênh vực cho bố mẹ, cho dòng họ và cho những đảng viên ăn nhậu, gái gú mà bố thường mang về nhà dự tiệc tùng liên miên. Lều có thể chấp nhận sống no đủ đến mức phè phỡn trên khổ hạnh của bao người chằng? Trời ơi! Sao người lại cho con sinh ra trong một gia đình như thế. Con không muốn bố con là Đảng viên, là Chủ tịch, là một người quyền thế...nhưng tâm hồn lại u tối, yếu đuối, ma mị đến mức sa đoạ. Ngược lại, tại sao người ban cho con sự thông minh, lòng tin, sự trong sáng, thanh tịnh đến mức sợ hãi những cạm bẫy tội lỗi? Tại sao con không thể là con của một công nhân bình thường lương thiện. Con của một trí thức tử tế thì con đâu có khổ sở, xấu hổ, nhục nhã trên đồng tài sản cướp bóc của người khác. Con đâu có cần nó. Tiếng mẹ anh thều thào bên tai:

“Lều à! Bố con có về nhà chưa?”

Lều vội vàng lau vội nước mắt đáp:

“Thưa mẹ chưa. Mẹ đã thấy khoẻ chút nào không?”

“Mẹ thấy đau quá! Đau bên ngực trái. Đầu mẹ nặng nề và mẹ chỉ muốn đi ngủ thôi.” - Mặt bà nhăn nhúm. Bà nắm tay Lều tiếp - Lều à! Mẹ thương con lắm! Chỉ còn có con bên cạnh mẹ thôi. Bố mày đi theo con Sen rồi. Ông ấy không về đây nữa đâu.”

Lều rung rung nước mắt nói:

“Mẹ! Con xin lỗi mẹ. Nếu con đừng cho mẹ đọc bản tin đó thì mẹ đâu có ra nông nổi này. Tại con bất hiểu. Con luôn không biết nghe lời mẹ. Con cãi với mẹ, làm cho mẹ buồn.”

“Con không có lỗi gì cả. Mẹ không bao giờ biết sử dụng máy móc nên mẹ không biết gì cả. Nhờ có con cho mẹ xem, mẹ mới biết những việc người ta phê phán, chửi bới gia đình mình. Mẹ cũng không ngờ người ta biết bố con ngoại tình với đứa ở có con đã ba năm nay.”

Lều vuốt lưng bà và an ủi:

“Chuyện lỡ rồi. Có buồn, khổ cũng đâu có giải quyết được gì. Mẹ phải bình tĩnh trở lại. Nếu mẹ còn nghĩ đến bố, còn thương ông ấy thì mẹ nên tha thứ cho ông ấy. Con sẽ khuyên bố trở về.”

Bà trừng mắt gào lên:

“Tao không muốn thấy ông ta. Thằng khốn nạn, phản phúc, bản thiêu. Ai nó cũng chơi. Chỉ còn có chó là nó không chơi thôi. Con đó nó có cái gì mà nó mê đến mức quên cả danh dự gia đình.”

Bà nói xong khóc nức nở. Cả thân hình của bà rũ liệt xuống khiến Lều lo lắng phải đưa bà vào nhà. Anh bế mẹ đặt bà nằm yên trên giường và đắp mền cho bà. Lều nắm tay mẹ thật lâu. Chờ cho con xúc động của bà dịu xuống rồi bước ra ngoài.

Lều gọi điện thoại cho ông Lão:

“Bố đang ở đâu? Mẹ bệnh mà bố không hề gọi điện thoại thăm. Sao bố bạc thế?”

Đầu dây bên kia ngập ngừng giây lát rồi giọng nói đầy uy lực của ông Lão vang lên mồm mọt:

“Mày đừng có lên án tao. Tại mẹ mày tát cả. Bà ta chỉ ham mê tiền bạc, quyền lực mà không hề biết tao sống cô đơn, tẻ nhạt như thế nào. Giờ thì tao cho bà ta tất cả những gì bà ta muốn. Bà ta cứ ôm tiền mà sống.”

“Bố chán ghét mẹ. Nhưng bố phải giữ danh dự cho gia đình. Bố có thể lấy ai cũng được nhưng tại sao bố lại đi lấy một đứa ở đáng tuổi con, cháu của bố. Bố không thấy xấu hổ sao?”

“Mày là thằng ranh. Mày là con tao chứ không phải bố tao. Tao cấm mày lên giọng dạy đời. Mày đã lớn khôn. Tao tạo dựng cơ ngơi đó cho mày. Mày hưởng đi. Xem như tao không còn có trách nhiệm gì cả. Hừ! Đồ ngu.”

Cuộc điện đàm đã cắt ngang. Lếu ngồi bệt xuống nền nhà, chiếc điện thoại di động rơi xuống nền gạch vỡ tan.

“Nhào vô, nhào vô...xin mời! Xin mời...chơi 100 phần trăm đi...”

“Uống đi...uống đi.”

“Chơi liền.”

“Uống đi các anh. Uống rồi xem em ca múa.”

“Nè! Sờ chỗ này mới đúng. Cao lên tí nữa...vậy mới là dân chơi thú thiệt.”

Quán Karaoke “Thiên Thai” đêm nay thật đông. Tiếng nhạc, tiếng hát, tiếng nói cười, tiếng tụng ly mời mọc chan chất vang lên đến nhức óc. Các cô gái phục vụ bìa cho khách ăn mặc thật mỏng manh, áo hai dây lơ lửng chỉ che một phần của ngực. Chiếc váy ngắn bó sát không hề mặc nội y. Mặt mũi các cô trang điểm thật đậm. Các

cô phục vụ từ A đến Z miễn có tiền boạ thật ngon lành.

Ông Lão đến đây nhiều lần nên các cô đều biết mặt. Trong nhóm gái nhảy có một vũ nữ thật quyến rũ tên là Nhu. Cô có đôi mắt đen láy, chiếc môi thật đầy và mỗi khi cô cười để lộ hàm răng trắng đều rất duyên dáng. Đôi chân cô uốn éo như loài rắn đã được tinh luyện mỗi khi cô lên sân khấu hát và nhảy thoát ý. Cô hấp dẫn và đẹp mê hồn khiến cho nhiều người đàn ông đắm say. Bên cạnh cô là một gã anh chị khét tiếng giang hồ cũng là chủ nhân của quán. Hắn vào tù, ra khám như chơi. Nhưng hắn cũng biết điều và biết nịnh hót, chia chát lợi nhuận từ quán Karaoke này. Dù nơi này có bán dâm, hay làm những điều phi pháp vẫn được bao che rất cẩn thận. Đặc biệt chỉ có Việt kiều, khách hạng sang, ngoại quốc, đại gia và quan chức mới dám đến đây chơi.

Đêm nay, Nhu thấy ông Lão ngồi xa xa nhìn và không đờn và với cô như mọi khi. Cô đến rót rượu cho ông và bá vai hỏi han:

“Anh à! Sao hôm nay anh buồn vậy? Anh nhảy với em một bản đi rồi mình phê như mọi khi.”

Ông Lão cười buồn đáp:

“Hôm nay anh mệt nên chỉ ngồi xem em ca, em nhảy rồi anh về ngủ.”

Nhu tựa đầu vào vai ông thì thầm:

“Anh không muốn em làm cho anh sung sướng sao?”

Ông Lão âm ừ một lát rồi gật:

“Được rồi. Em chuẩn bị đi. Anh sẽ lên.”

Nhu cười tình tứ:

“Anh quên rồi sao. Căn phòng đặc biệt ông chủ luôn dành cho những người khách quý như anh. Mình lên đi.”

Nhu nắm tay ông dẫn lên lầu. Khoảng nửa tiếng sau ông đi xuống. Mặt ông tươi

ngồi bên hồ ngắm thu về...

*em thấy lạ hôm nay sao lạnh quá...
thu mới về mà trời đã như đông
những chiếc lá vừa chớm thay màu áo
lạnh trong lòng... lạnh cả ở ngoài song.*

*thu lại về man mác những nhớ mong
vài con én co ro tìm nơi trú
hơi thu lạnh cá cũng thêm lười biếng
đòi tha hương...ngày đủ cả bốn mùa...*

*cứ như thế hồn lẫn đầy cỏ úa
mùa đi qua tan những cuộc tình mau
trên vai áo giọt mưa như nước mắt
miệng cười vui chân đá nhẹ nhánh sầu!*

*thôi thu nhé cho nỗi buồn ẩn náu
cho mùa sang với hạnh phúc tràn đầy
đáy trái tim để một chỗ cho mây
pha màu nắng vàng thu ngàn lá đỏ...*

Nguyễn Bạch

tinh. Mắt ông sáng lên đầy thoả mãn. Ông bắt tay nhiều người quen rồi đi ra khỏi quán.

Trời càng khuya gió càng trở lạnh. Những con đường ở Hà Nội đông đúc xe cộ, người qua kẻ lại đã thưa vắng. Đèn điện các dãy phố sáng trưng không thua gì Sài Gòn. Ông đi qua nhiều căn phố tồi tàn, nghèo nàn của dân lao động rồi ông cũng đi ngang qua những biệt thự triệu đô trắng lẹ, xinh đẹp nhưng không có ai ở. Chúng tôi om như những bóng ma đang thè lưỡi dè

bĩu, cười cợt những chủ nhân đã sản sinh ra nó. Nó trở nên hoang tàn, lạnh lẽo và kỳ quái giữa lòng thủ đô. Ông rút tay vào túi quần cho đỡ lạnh. Thường thì có tài xế lái xe đưa ông đi và đưa ông về cho dù ông đi chơi bởi, nhậu nhẹt, hay đến các khách sạn, quán bia ôm hay đi kiếm gái. Đêm nay, ông muốn đi một mình vì ông quá buồn. Gia đình tan nát, vợ mắng nhiếc, con khinh khi. Đồng nghiệp từ từ xa lánh. Họ chẳng còn xem ông là một trong Tứ Trụ Triều Đình, quyền uy tốt đỉnh. Họ đã quay lưng lại với ông. Tại sao vậy? Tại sao họ phản ông?

Ông rẽ sang một khúc queo để vào nhà trọ. Nơi ông tạm thời cư trú để tránh phải trở về nhà và để tránh những người hàng xóm tò mò nhìn ông bằng đôi mắt lạnh lùng, dừng đứng đầy khinh thị. Từ trong bóng tối, một người đàn ông tóc rối bù lù lù xuất hiện. Hắn chặn đường ông lại. Giọng hắn sắc nhọn và đầy đe dọa:

“Có tiền bao nhiêu đưa cho tao nhanh lên.”

Ông nhìn hắn và quát lớn:

“Tránh đường cho tao đi. Mày không biết tao là ai hả?”

Hắn ngửa mặt lên trời cười man dại:

“Mày là thằng chó đẻ nào tao không cần biết. Tao ra lệnh cho mày đưa tiền cho tao.”

“Mày ăn cướp công khai không sợ tao công đầu sao. Tao là Chủ tịch đây.”

“A! Mày tính khoe khoang chức vụ hả. Tao đói quá nên mới đi làm ăn cướp. Còn tụi quan lớn như mày ăn cướp ngày, ăn cướp đêm, ăn cướp công khai có giấy tờ nên được luật pháp bao che. Những thằng thực ra vô tù và có tội nặng nhất là bọn quan lại như mày. Mày nói mày là Chủ tịch là tao sợ hả?”

Ông Lão gầm lên:

“Mày muốn gì?”

“Muốn giết mày...giết bọn sâu bọ như mày là làm phước cho thiên hạ. Này chết đi..chết đi..ch...ết.. đi đồ khốn kiếp, đồ lưu manh, đồ vô luân.”

Đường dao của hắn vung lên. Ông Lão chỉ thấy một tia chớp sáng lóe và ông ngã xuống. Hắn thân nhiên lục túi áo ông lấy hết tất cả tiền bạc và thân nhiên huyết sáo một bản nhạc vui tươi rồi biến vào bóng đêm.

Hôm sau, báo chí trong nước đăng hàng loạt tin nói về cái chết của một quan chức cao cấp bị chém bay đầu thật là rùng rợn.

Đám tang của ông Lão đã được cử hành trọng thể. Tất cả các quan chức trong chính phủ, ban ngành, quân đội, công an, quan khách...đều đến thấp nhang. Bên quan tài, bà Bí mặc bộ quần áo trắng, đầu đội khăn tang trắng, phủ phục trên sàn nhà nước mắt chảy như mưa. Lều thì quỳ bên cạnh, lạy trả quả cho những người đến phúng điếu. Ông Bí Thư đang đọc diễn văn ca ngợi công đức lớn lao của ông Lão đối với sự nghiệp cách mạng mà ông Lão đã từng có công đóng góp. Đám tang của ông thật to lớn và vinh dự hơn cả những gì ông đã làm cho chính quyền Việt Nam.

Ba tháng sau khi ông Lão chết, bà Bí và Lều đã nhận được lệnh phải rời khỏi căn nhà trong vòng ba mươi ngày. Tài sản không được mang theo gì. Trong bức thư Trung Ương gửi đến cho biết, chính phủ nghiêm phong căn biệt thự vì ông Lão có liên quan đến đường dây buôn bán ma túy và buôn bán gái mại dâm xuyên biên giới. Cảnh sát quốc tế yêu cầu điều tra.

Buổi chiều cuối cùng trước khi rời khỏi căn biệt thự sang trọng, bà Bí và Lều đi ra vườn hoa lần cuối cùng. Bà đốt nhang dưới chân Phật Bà Quan Âm khóc lóc thảm thiết vì tiếc của. Nhưng Lều thì bình thản nói:

“Mẹ! Mẹ đừng tiếc rẻ. Cái gì không phải của mình làm ra thì hãy trả lại cho mọi người. Con chỉ buồn khi bỏ mất đi. Nhưng con vui vì mình đã thoát khỏi tai kiếp của quả báo nhân tiền. Con sẽ đi làm nuôi mẹ. Với bàn tay và nghị lực này, con rất tự hào khi được sống và làm người lương thiện.”

Bà Bí ôm ghì Lều vào lòng khóc mếu:

“Làm người lương thiện trong xã hội này không phải dễ đâu con.”

Lều vuốt lại mái tóc muối tiêu, sửa lại nếp áo cho mẹ và đáp:

“Con biết. Nhưng con nghĩ nếu mỗi đêm về nhà ngủ một giấc yên bình, không mộng mị, không sợ hãi là hạnh phúc nhất đó mẹ. Mẹ tin con nhé.”

Bà Bí gật đầu. Hai mẹ con ôm nhau thật lâu. Họ cảm thấy thật hạnh phúc và thanh thản để đón nhận tất cả những gì đang diễn ra.

Nắng đã tắt từ lâu. Vầng trăng tròn đang lên soi rõ ánh nước từ bàn tay Phật Bà Quan Âm tuôn xuống. Những giọt nước trắng xoá lấp lánh phản chiếu trong ánh hoàng hôn thoi thóp và nó lại rơi xuống nơi nó bắt đầu. Bà Bí chợt nhận ra giá trị của dòng nước từ bàn tay của Phật. Bà quỳ rạp xuống đất. Mắt nhắm nghiền và lâm râm khẩn nguyện: “Mẹ hãy cứu vớt linh hồn con. Tại sao con lại đau khổ đến thế. Tại sao con lại mất hết tất cả vậy? Tạo sao? Con đã cầu xin Mẹ trong suốt một đời nhưng giờ đây con chẳng còn gì cả...Mẹ cứu con với...”

Bà Bí lại tiếp tục khóc lóc như một đứa trẻ. Lều ôm vai bà, xoa nhẹ như an ủi, vỗ về. Mắt bà đã nhoè đi. Bà nhắm mắt lại và bên tai bà chỉ có tiếng gió thổi dài trên những hàng cây đen thẫm./.

Maryland ngày 1 tháng 8 năm 2013.

Phong Thu

Từ Paris Đến Ba-Lê

Phạm Hữu Bính

Chúng ta gọi Thành Phố London, thủ đô của Anh Quốc là Luân-Đôn, Thành Phố New York là Nữ Ước và ai cũng hiểu ngay rằng chúng ta đã dùng chữ Quốc Ngữ để phiên âm tên hai thành phố đó. Cho nên khi đọc lên thì ngay cả người ngoại quốc không hiểu tiếng Việt cũng biết là chúng ta nói đến thành phố nào. Vậy thì tại sao mà chúng ta lại gọi Thành Phố *Paris*, thủ đô của nước Pháp là **Ba-Lê**?

Tôi đã đặt câu hỏi này cho một vài ông bạn thuộc giới cao niên, nhóm người đã trải qua những thăng trầm của lịch sử trong gần một thế kỷ vừa qua.

Một ông đã cười mà giải thích như thế này:

“Cách đây gần ba trăm năm, khi triều đình Huế lần đầu tiên gửi phái đoàn ngoại giao sang Pháp để yêu cầu viện trợ quân sự đánh Nhà Tây Sơn, thì chưa có máy bay; phải đi bằng tàu thủy, mất cả mấy tháng trời mới tới Pháp. Sau một thời gian xa nhà dài lâu như vậy, lẽ dĩ nhiên là các cụ trong phái đoàn nhớ nhà lắm, nhất là nhớ các cụ bà. Những lúc nhớ các cụ bà như thế mà còn ở Huế, hay Hà Nội thì các cụ thường rủ nhau đi hát cô đầu để giải sầu. Nhưng khi sang đến thủ đô Paris thì không tìm đâu ra nhà hát cô đầu. Dò hỏi mãi những nhân viên khách sạn, các cụ mới được hướng dẫn

đến một nơi mà người Pháp gọi là *La Maison Rouge*. Các cụ chịu lắm nên mới đặt tên cho Thành Phố Paris là **Bà Lê** có nghĩa là người vợ thứ hai, hay thứ ba, hay thứ tư. Nhưng khi trở lại quê hương mà nói đến *Bà Lê* thì sợ các cụ bà làm khó dễ, nên các cụ bèn nói trạo ra là **Ba-Lê**.”

Nghe đến đây, một ông *già gân* khác góp ý kiến. Tác giả xin phép được ngừng ở đây vài giây để giải thích danh từ *già gân*. Trong giới cao niên, danh từ *già gân* thường được dùng để chỉ những vị bảy, tám mươi có lẽ, mà vẫn đi phòng tập thể dục bảy lần một tuần; nhờ vậy mà bắp thịt nở nang, gân cốt cứng cáp. Có đôi khi người ta dùng danh từ này để nói đến những vị đi võ trường năm lần một tuần, nhảy Tango Argentine còn đẹp hơn cả dân Argentina nữa. Nhờ vậy mà gân cốt cũng cứng dãn chẳng kém gì những vị đi tập thể dục..

Áy chết, tôi xin phép trở lại phần góp ý kiến của một ông già gân khác. Ông này nói:

“Có một tiệm bán các món ăn làm sẵn mang tên là tiệm **Ba-Lê** rất được khách. Có nhiều người gọi đùa là tiệm **Ba-Lê**. Có lần tôi đi qua, thấy hình Tháp Eiffel thật lớn dán ở cửa kính trước tiệm. Tôi không khỏi cười thầm và rất thích sáng kiến của ai đó.”

Một ông già gân nữa lắc đầu nói:

“Các ông nói đều sai hết. Sở dĩ người Việt Nam gọi Thành Phố Paris là Ba-Lê vì đầu đuôi nó như thế này. Khi phái đoàn

ngoại giao thời Nhà Nguyễn sang đến Paris thì được đón tiếp nồng hậu. Để cho những vị này có một ấn tượng thật đẹp về nước Pháp, Trưởng Ban Nghi Lễ Bộ Ngoại Giao Pháp đã mời phái đoàn Việt Nam đi Nhà Hát Lớn coi vũ **Ballet**. Các cụ khoái vô cùng khi thấy những vũ nữ đẹp như tiên, da trắng như trứng gà bóc, ăn mặc thật diêm dúa, lộng lẫy mà không kín đáo gì mấy, lại nhảy bằng những đầu ngón chân, thoăn thoắt theo điệu nhạc. Các cụ hỏi ông Trưởng Ban Nghi Lễ tên điệu vũ là gì. Ông này nói thật rõ và nhắc đi, nhắc lại hai, ba lần: Vũ **Ballet**, Thế là các cụ nhà mình liền gọi Thành Phố Paris là **Ba-Lê**.

Một ông già gân nữa, từ nãy đến giờ vẫn ngồi yên lặng nghe, phá lên cười:

“Chà, mấy anh này chỉ nói giỡn, chứ làm gì có chuyện Bà-Lê, hay Ba-Lê, hay vũ Ballet. Thực ra lý do là như thế này.

Khi Việt Nam bắt đầu tiếp xúc với người Âu Châu, thì chưa có chữ Quốc Ngữ. Các quan chức trong triều đình cũng như các học giả phải dùng sách viết bằng chữ Hán để tìm hiểu và học hỏi về mọi ngành, nhất là địa dư và phong tục tập quán của các dân tộc khác, đặc biệt là Pháp.

Chữ Hán là chữ viết chung cho toàn thể nước Trung Hoa. Nhưng khi đọc lên, thì mỗi địa phương đọc lên một cách khác nhau, tùy theo tiếng địa phương. Mà như chúng ta đã biết, Trung Hoa có đến hơn 50 thứ tiếng địa phương. Những tiếng địa phương quan trọng và có nhiều người nói nhất là tiếng Quan Thoại (Mandarin) và tiếng Quảng Đông (Cantonese). Tiếng

Quan Thoại được coi là tiếng nói chính thức của Trung Hoa.

Khi các tác giả Trung Hoa viết sách, viết báo, họ phải dùng chữ Trung Hoa để phiên âm những tên địa danh viết bằng mẫu tự La-Tinh vì người Hoa giới bình dân không đọc được chữ viết bằng mẫu tự La-Tinh.

Thủ Đô Paris của nước Pháp được phiên âm sang chữ Trung Hoa là

巴黎

Khi đọc lên theo tiếng Quan Thoại (Tiếng chính thức của Trung Hoa) thì là /pa-ri/, nhưng người nói tiếng Quảng Đông (Cantonese) lại đọc thành **Ba-Lê**. Người Việt tiếp xúc nhiều với người Hoa nói tiếng Quảng Đông và đọc theo là **Ba-Lê**.

Chúng ta nhận thấy là trong tiếng Quảng Đông, âm /p/ trong chữ Paris đã được đổi thành âm /b/, âm /r/ đã được đổi thành âm /l/ và âm /i/ đã được đổi thành âm /ê/

Những ai đã học ngữ học đều biết rằng âm /p/ và âm /b/ cách phát âm y hệt nhau về vị trí của môi, răng và lưỡi; chỉ khác nhau là khi phát âm /p/ người ta không rung thanh quản, khi phát âm /b/ thì rung thanh quản. Trong ngữ học, người ta gọi những âm mà thanh quản rung lên là **âm tỏ** và những âm mà thanh quản không rung là **âm điếc**. Sau đây là một số những âm điếc mà trong tiếng Quảng Đông đã đổi thành âm tỏ:

<u>ÂM ĐIẾC</u>	<u>ÂM TỎ</u>
/p/	/b/
/t/	/d/
/f/	/v/

Ngoài ra đối với người nói tiếng Quảng Đông, âm /r/ và âm /l/ nghe y hệt nhau. Nói khác đi, người nói tiếng Quảng Đông không phân biệt được hai âm /r/ và /l/. Họ dùng âm này thay cho âm kia mà không biết như vậy. Tôi nhớ ngày còn ở Sài Gòn, tôi có xem một phim có tên là Mr. Loberts. Nhân vật chính có tên là Mr. Roberts. Khi ông này đến ở một khách sạn bên Hồng Kông, cứ bị người hầu phòng gọi là Mr. Loberts. Ông ta bực quá, nói thật rõ cho cô ta nghe ‘Tên tôi là Mr. **Roberts**’. Cô hầu phòng cúi đầu lễ độ nói: ‘Dạ, tôi biết như vậy, thưa ông **Loberts**.’

Vì những lẽ trên mà chúng ta theo người nói tiếng Quảng Đông gọi:

Paris	là	Ba Lê
Roma	là	La Mã
Espagna	là	Tây-Ban-Nha
Romania	là	Lỗ-mã-ni

Ngày xưa, khi chưa có chữ Quốc Ngữ, các cụ phải đọc và viết bằng chữ Hán, thì dùng cách phiên âm của người Trung Hoa là hợp lý. Nhưng ngày nay chúng ta đã dùng chữ Quốc Ngữ, tức là thứ chữ viết, dùng mẫu tự La-Tinh, mà hầu hết các nơi trên thế giới đều dùng, thì không còn lý do gì để chúng ta vay mượn cách phiên âm của người Trung Hoa nữa. Nhất là lại bắt chước cách phát âm sai của người nói tiếng Quảng Đông. Làm như vậy gây ra nhiều phiền toái

cho chúng ta ngay bây giờ và cho các con cháu chúng ta sau này. Thí dụ như chúng ta bảo một học sinh tìm một quốc gia có tên là **Romania** trên bản đồ thế giới, học sinh đó sẽ dễ dàng tìm thấy hơn là gọi tên quốc gia đó là **Lỗ-Mã-Ni**. Cái tên **Romania** nghe hay và đẹp như một cuốn tiểu thuyết lãng mạn mà chúng ta lại theo người Quảng Đông gọi sai lầm là **Lỗ Mã Ni** thì nghe thật là *thô lỗ*. Không, không thể như thế được. Chúng ta nên để nguyên tên **Rô-Ma-Nia** hay là **Romania** thì hay hơn.

Cũng vậy, thủ đô của Hoa Kỳ, Thành Phố Washington, đã được Quốc Hội Hoa Kỳ lấy tên vị Tổng Thống đầu tiên, George Washington, mà đặt cho để vinh danh vị tổng thống này. Nếu chúng ta gọi thành phố Washington là Hoa-Thịnh-Đôn thì phải chăng chúng ta sẽ nói vị tổng thống đầu tiên của Hoa-Kỳ tên là Hoa-thịnh-Đôn? Rồi chúng ta gọi các tổng thống khác của Hoa Kỳ là gì? Thí dụ như Tổng Thống Jefferson, Lincoln, Roosevelt, Eisenhower, Reagan, Bush?

Đã đến lúc chúng ta phải gọi Paris là /**pa-ri**/ chứ không phải là *Ba-Lê* và Roma là /**ro-ma**/ chứ không phải là *La-Mã*.

Nói vậy cho vui thôi, chứ riêng phần tôi nghe tên gọi **Ba-Lê** vẫn thấy hay và đẹp hơn, có lẽ là vì **Ba-Lê** nghe thoang thoang như là **pha-lê**, một thứ thủy tinh trong sáng, không một chút bọt bụi gì. Phải chăng vì thế mà nhiều người gọi kinh thành **Ba-Lê** là

**Kinh Đô Ánh Sáng – La Capitale De
Lumière – The Capital of Light?**

+++

BỔNG MỘT NGÀY

Tặng thầy T.H.C.

Thầy nói đời như một chuyến xe
Một cuộc đi chơi trên xe lửa
Khi xe ngừng ở bến
Để hành khách xuống tàu
Có ai nhỏ lệ sầu
Vì chuyến xe tiếp tục
Mà người thân đã xuống
Không đợi đến trạm sau
Chuyến xe còn đi mãi
Tiếp tục cuộc hành trình
Vòng quanh khắp địa cầu
Một vòng tròn vĩ đại
Vũ trụ của muôn loài
Không bao giờ chấm dứt
Nhưng tàu vẫn dừng chân
Cho mọi người có dịp
An nghỉ cuộc hành trình
Có hành khách không màng
Chuyến đi chơi rộn ràng
Có hành khách già từ
Dù chưa muốn rời xe
Thầy nói em là người thân mến
Cùng thầy đi trên đoạn đường trường
Em hân hạnh gặp Thầy
Trên chuyến xe lửa đời
Như ánh sáng mặt trời
Thầy làm rạng lòng người
Hân hoan hoa nở rộ
Cùng nhau ta thưởng thức
Bao nhiêu niềm vui thú
Nên kỷ niệm khó quên

Gặp nhau ta hàn huyên
Tiếng cười vang vọng xa
Trên xe bao ân tình
Cuộc vui nào đã cạn
Nụ cười nở trên môi
Bổng một ngày thầy nói
Đời là một chuyến xe
Thầy sẵn sàng tiếp tục
Vui chơi chuyến xe này
Nhưng nếu thầy dừng bến
Thì đừng khóc làm chi

Vì cuộc đi chơi không vô tận
Và chuyến xe dài đã quá vui
Em ngỡ ngang phút giây
Nghẹn lời biết nói chi
Chi biết cúi đầu xin
Phép lành ban xuống đây
Để thầy còn vui hưởng
Hạnh phúc trong tầm tay
Trên con đường thầy đi
Vẫn còn hoa nở rộ
Vẫn còn tia nắng hồng
Vẫn còn dòng suối mát
Em mong thầy nán lại
Đừng vội gì xuống bến
Đoạn đường sẽ hết vui
Sẽ có người buồn bã
Có người quên biết cười
Nguyện cầu đường thầy đi
Còn dài thêm ngày tháng
Còn hạnh phúc triền miên
Cho nụ cười vẫn trên môi

Diễm Trân

Virginia, tháng bảy 2013

Tuổi Thơ Như Còn Đó...

Ỡ NGUYÊN

Sau khi hai trái bom nguyên tử của Mỹ trút xuống Hiroshima vào ngày 6 tháng 8 và Nagasaki vào ngày 8 tháng 8 năm 1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và ra lệnh cho quân đội Nhật rút khỏi Việt Nam. Pháp trở lại đô hộ Việt Nam vào khoảng giữa năm 1946.

Lúc này bố tôi vẫn làm việc cho sở Hoá Xa thành phố Hải Phòng, mẹ tôi buôn bán tạp hóa để phụ giúp gia đình. Năm anh chị em chúng tôi được chị người làm đưa đi học và đón về mỗi ngày. Gia đình chúng tôi coi như có một cuộc sống bình thường trong cảnh yên vui, thanh bình của đất nước.

Bố tôi là người theo Tây học nhưng rất trọng lễ giáo. Lối sống đạo đức và tính tình hiền hoà của ông được nhiều người kính nể. Cá tính đặc biệt của bố là thường nghĩ về người khác, luôn luôn làm người khác vui lòng. Có thể nói là bố chưa từng làm phật ý ai bao giờ. Bố có rất nhiều bạn bè thân thiết nên cuối tuần chẳng mấy khi có mặt ở nhà, không đi đánh *mạt chược* ở nhà người bạn này thì cũng đi đánh *tổ tôm, tài bàn* ở nhà người khác. Lúc nào bố cũng nói với mẹ là bố được bài. Có thể vì chiều các con và lấy lòng vợ nên hầu như chiều nào đi làm về bố đều mua quà cho cả nhà. Có khi bố đem về đào hộp, nhãn hộp, lê táo đủ thứ, có khi thị quay xá xíu v.v... ít khi bố về nhà tay không.

Tuy không thường gần gũi với các con như mẹ, nhưng tôi hiểu bố lo lắng và yêu thương chúng tôi hết mực. Thời buổi đó anh chị em chúng tôi không có đồ chơi cao cấp

như bây giờ, thế nhưng bố vẫn luôn mua về nhiều thứ đồ chơi đắt tiền. Tôi còn nhớ đồ chơi của tôi là một bộ hình đám cưới gồm những thỏi gỗ hình vuông màu hạt dẻ và được mài nhẵn bóng, trên mỗi thỏi gỗ có khắc và sơn nhiều hình ảnh khác nhau như hình cô dâu chú rể, ông mối bà mai, bố mẹ hai bên và họ hàng thân quen trong trang phục cổ truyền, có cả mâm trầu, mâm cau cùng nhiều hình ảnh khác nữa mà tôi không còn nhớ rõ, tất cả đều được trạm khắc thực linh động với đủ màu sắc nổi bật. Tôi rất thích thú với món đồ chơi này nên tối ngày xếp những thỏi gỗ trên bàn để ngắm và truyện trò với những hình ảnh trên gỗ như tôi thường thủ thỉ với những con búp bê bằng nhựa mà bố mua về lúc trước. Còn anh Kỳ và cậu Khôi chơi với những khẩu súng trường, súng lục cũng bằng gỗ. Hai anh em chạy nấp sau góc nhà, xó bếp, gặm giường bắn nhau đoàng đoàng bằng miệng ồn ào điếc cả tai. Chị Mai lớn nhất nhà, không thích đồ chơi nên bố mua cho chị một hộp đồ thêu gồm khung thêu và chỉ thêu đủ màu. Khi rảnh rang chị thường hí hoáy ngồi thêu những chiếc khăn tay rất dễ thương. Thêu xong chị lại cho các em. Tôi thích lắm, hí hửng gấp khăn cho vuông vắn rồi đem giấu thật kỹ trong ngăn đựng quần áo, không dám đem ra dùng vì sợ bị bắn và cũ đi. Chị tôi hiền lành giống tính mẹ lại rất khéo tay và luôn gần gũi bên mẹ để phụ mẹ và chị người làm trong công việc bếp núc. Sau này chị học thêm về môn nữ công gia chánh nên chị rất giỏi về thêu thùa, may vá và đan nát. Đến khi lấy chồng

chị dùng biệt tài của mình để thêu và may vá cho 10 đứa con, đặc biệt là bốn cô công chúa xinh đẹp của chị. Chị là con trưởng mà bố mẹ gọi là con chim đầu đàn nên được giao trọng trách chăm sóc các em, do đó chúng tôi phải luôn vâng theo lời chỉ bảo của chị. Cũng vì vậy mà anh em chúng tôi, nếu đi học thì thôi nhưng khi có mặt ở nhà là phải giữ chân tay, quần áo cho sạch sẽ, ăn uống và ngủ nghỉ đúng giờ giấc, nói năng phép tắc, thưa gửi đàng hoàng, nhất cử nhất động phải nghe theo chị răm rắp nếu không chị thưa lại với mẹ thì thế nào cũng có anh phải ăn đòn?

Khác hẳn bố, mẹ tôi rất quan tâm đến con cái. Lâu lâu mẹ lại bắt ngờ cảnh báo chúng tôi: *"Tối nay, sau khi ăn cơm, tất cả chị em phải nằm hết ra sập để mẹ hỏi tội."* Thế là chị em chúng tôi sợ run lên với nhau không hiểu là đã phạm điều gì làm lỗi ngày hôm đó? Rồi chúng tôi bảo nhau mặc thêm hai ba cái quần cho dày để khi bị đánh vào mông không bị đau nhiều. Đe nạt và hăm he cây roi mây trong tay vậy thôi chứ có bao giờ mẹ đánh chúng tôi đau. Nếu có thì cũng chỉ một roi nhẹ vào mông là cùng. Đánh như phũ bụi. Mẹ luôn khuyến cáo chúng tôi: *"Tội của các con hôm nay đáng lẽ mỗi đứa phải chịu 10 roi mây, nhưng mẹ cho nợ, lần tới, nếu còn tái phạm thì mẹ sẽ tăng lên 15 roi nghe chưa."* Và lần nào mẹ cũng lặp lại câu nói này và chúng tôi vẫn chưa bị ăn đòn thế mới lạ.

Về điểm này, bố lại khác mẹ ở chỗ là ít khi rầy mắng chúng tôi, bố không tin vào việc đánh đòn con cái, mặc dầu người đời thường nói *"yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi"*. Duy có anh Kỳ hay nghịch ngợm, phá phách, nên đã có lần bố cầm cây roi mây lên định đánh anh, nhưng lại

ném cây roi vào xó nhà và nói: *"Các con là máu huyết được kết tụ bởi ba lần mẹ tạo ra... Ba không nỡ đánh các con, vì đánh các con là ba đánh lên thân thể của ba và của mẹ vậy."* Do đó chẳng bao giờ chúng tôi bị ăn đòn của bố. Bố luôn dành cho con cái một tình cảm dạt dào khó tả.

Giờ đây ngồi ghi lại giòng ký ức này đầu óc tôi không khỏi ngập tràn những kỷ niệm thân thương của ngày nào. Tự nhiên tôi cảm thấy thèm thèm cái không khí của ngày xa xưa ấy khi còn sống dưới mái ấm của gia đình, bên những người thân yêu nhất đời mình để được lãnh nhận những chiếc roi mây thân quen của bố mẹ. Những lời răn dạy của bố mẹ như vẫn nằm trong tiềm thức, dầu rằng tôi đã là bà nội bà ngoại từ lâu rồi. Bây giờ mỗi lần cầm cây thước kẻ đe nạt mấy đứa cháu, tôi lại hồi tưởng đến chuyện của mình năm xưa năm xưa mà nhớ đến bố mẹ và thương các cháu sao tả xiết. Ôi tất cả giờ chỉ là kỷ niệm !

Trở lại câu chuyện của bố tôi ... Ngoài những thú vui chơi bài bạc với bạn bè, bố lại có tật thích đi hát cô đầu ở phố Khâm Thiên (Hình như các quán cô đầu đều tập trung trong khu phố này) mỗi lần có mấy ông bạn thân đến rủ rê.

Các cụ ông nhà ta ở vào thời kỳ Pháp thuộc, lấy môn hát cô đầu làm thú vui giải trí vào ngày cuối tuần, khi các cụ có tiền dư bạc thừa. Môn hát cô đầu chỉ xuất hiện ở miền Bắc. Vào giai đoạn ấy âm nhạc cải cách (tân nhạc) còn trong giai đoạn phôi thai nên đi nghe hát cô đầu cũng coi như tham dự vào một thú vui giải trí thanh lịch nhất thời. Lúc đó chị em chúng tôi còn nhỏ đâu biết *"cô đầu"* là gì nếu không được nghe mẹ kể lại. Mẹ giải thích có hai loại cô đầu - Cô đầu hát và cô đầu rượu.

Thường thường *cô đầu hát* (còn gọi là đào nương) là các cô gái trẻ, có nhan sắc mặn mà và giọng ca tuyền cảm, quyến rũ nên được tuyển chọn làm cô đầu hát. Tay nghề của các cô là ngồi hát cho các quan viên nghe và quan viên thường là các ông trung niên, công chức hay nhà buôn, dư tiền dư bạc, qui tụ tại quán Cô Đầu để mua vui, kiểu như phòng trà ca nhạc bây giờ. Một khi đã đặt chân vào quán cô đầu, hầu hết các ông đều phải biết cầm châu (đánh trống) rành rọt (chát chát bom bom), vì tiếng trống của quan viên đôi khi thể hiện sự mến mộ tài năng đối với các cô đào hát mà còn là một phần thưởng để khuyến khích tùy vào lời ca và giọng hát luyến láy của các cô, nghĩa là các ông phải biết đánh trống có nhịp điệu với đàn đáy và nhịp phách cùng giọng ca của đào nương, giả dụ như: "*Hồng Hồng tuyết tuyết... ừ ừ (chát chát bom)*. *Mới ngày nào chưa biết cái chi chi... ừ ừ (bom chát)*. *Mười lăm năm thắm thoát có xa gì, ngoảnh mặt lại đã tới kỳ tư liễu ... (thơ Dương Khuê)*". (Đây là một thể loại âm nhạc đặc biệt, giống như Ca Trù hay Hát Nói còn gọi là Hát Ả Đào, không phải là hát Chèo, hát Quan Họ, nó có âm hưởng riêng biệt đặc sắc nghe mang máng như hát Châu Văn, hát Cung Văn mà các đào nương phải tốn nhiều thời gian để luyện giọng, nhà chữ, ngắt hơi, sử dụng tiếng rung từ cổ họng phát ra sao cho truyền cảm mạnh mẽ đến trái tim người nghe mà vẫn tròn vành và rõ tiếng - "*Theo Đào Nương nức tiếng...*"). Ngay thuở thiếu thời tôi đã bị mê hoặc bởi những âm thanh khác biệt và giọng ca bay bổng của các đào nương vậy nên hình ảnh này dường như vẫn đeo đuổi và thấm nhập vào tâm thức tôi

cho đến tận bây giờ. Sau này, vài lần về thăm lại miền Bắc chúng tôi đã tìm đến các "*quán tranh*" nằm dọc trên những con phố cổ tại trung tâm Hà Nội để thưởng thức nghệ thuật hát văn, ca trù qua giọng hát của các cô gái Bắc Kỳ mới lớn lên sau này. Ngày nay lối hát Ả Đào này vẫn được duy trì và có phần cải tiến linh hoạt hơn từ giọng ca đến phong cách biểu diễn khiến khách mộ điệu rất hài lòng. Mẹ nói, thời kỳ đó cô đầu hát không được giáp mặt quan viên như bây giờ. Các đào nương ngồi hát ở phía sau bức rèm trúc thưa cùng với các nhạc công phụ gõ phách và chơi đàn đáy nhịp nhàng giao hưởng với nhịp trống châu của các quan viên ngồi phía ngoài rèm. Ấu cũng là một thú vui của mỗi thời đại!

Chức năng của các cô *đầu rượu* không giống các cô đầu hát, song hầu hết các cô cũng có nhan sắc mặn mà và dáng dấp thanh tao. Họ không hát, chỉ lo phần tiếp khách, hoặc mời rượu khách làng chơi mỗi khi họ đến quán để thưởng thức môn *nghệ thuật* đặc sắc này. Cả hai loại cô đầu kể trên đều là người làm công cho người chủ quán mà bấy giờ người ta gọi là "*Chủ Cô Đầu*". Hầu hết người chủ quán là những bà góa, chồng bỏ, bỏ chồng, nhanh nhẹn, khôn ngoan, tháo vát để có thể đảm đương dịch vụ thương mại đặc biệt này. Vào thời buổi ấy, quý ông có nhiều quyền lực hơn quý bà. Nói chung ông chồng có nhiều quyền năng hơn bà vợ, vì ông ta là chủ gia đình. Ông là người kiếm tiền để nuôi sống cả gia đình. Vợ và con cái trong nhà đều phải kính nể và tôn trọng nên mới có câu "*chồng chúa vợ tôi*". Vậy nên chuyện đi chơi giải trí cuối tuần, tìm hoa thơm cỏ lạ là chuyện thường tình. Cũng vì vậy mà đã có nhiều ông mắc vào nạn đa

thê từ chỗ đi chơi cô đầu mà ra. Vợ này, vợ nọ, con đàn, con đống nên trách nhiệm của các ông lại nặng nề hơn để lo phục dịch các bà. Thôi thì vợ cả, vợ hai, hai bà đều là vợ cả, bỏ ai, thương ai bây giờ. Đây là thời kỳ của chế độ "đa thê" mà người phụ nữ trong xã hội Việt Nam lúc đó phải chấp nhận mọi sự thiệt thòi vô lý. Đàn ông có quyền 5 thê 7 thiếp trong khi đàn bà chỉ được phép có một chồng. Viết đến đây tôi chợt hồi tưởng tới câu chuyện mà một ông bạn của bố tôi đã có tới ba bà vợ mà họ lại là chị em ruột với nhau mới thần sầu chứ. Ông ta quả là người khôn ngoan, cao tay ấ. Như vậy không sợ các bà ghen tị nhau. Ông là một nhà thầu khoán giàu có, nổi tiếng, làm chủ một biệt thự ba tầng lầu, nên mỗi bà ở riêng một tầng không ai đụng chạm với ai. Chỉ tội nghiệp cho ông ta phải làm việc vất vả ngày đêm để không làm mất lòng bà nào, thành thử cả ba bà đua nhau sinh con năm một !..

Về phần các bà, ai mà không ghen tuông - ghen vì thương yêu chồng, ghen vì tình yêu bị san sẻ, vì cảm thấy mình thua kém người ta, v.v..., có điều mỗi người ghen theo một lối, không ai giống ai, người thì ghen ra mặt, giận dữ la lối om xòm, người thì kín đáo, muốn giữ thể diện cho chồng nên chỉ ghen ngầm ghen ngầm. Cũng bởi không quyền hành trong tay, không tiền của, không nghề nghiệp, các bà sống nương nhờ vào chồng nên dám ăn dám nói làm sao, đành phải ngậm đắng bỏ hờn, chịu đựng đau khổ thầm kín riêng mình, vậy mới có câu: "*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung, Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng...*"

Mẹ tôi tuy hiền hậu nhưng đâu phải không biết ghen, nhưng lối ghen của mẹ lại khác mọi người, mẹ không ghen bóng ghen gió, mà khi mẹ ghen lên chắc phải có

chúng có hiển nhiên. Sau này khi di cư vào Nam, đã có lần tôi theo mẹ đi đánh ghen ở một quán Cô Đầu gần hồ tắm Chi Lăng Gia Định. Chẳng hiểu sao mà mẹ biết rõ là bố tôi có mặt ở trong quán đêm hôm đó và chắc phải có điều gì làm mẹ nghi ngờ nên mẹ mới mạo hiểm như thế. Mẹ dẫn tôi đến trước cửa quán rồi nhờ người gọi bố tôi ra. Khi đối diện với mẹ, bố rất sững sờ ngó mẹ và tôi đang đứng giữa nhiều cô gái mà tôi nghĩ họ là cô đầu của quán này, đang ngăn chặn mẹ tôi không cho vào trong quán, có thể họ cho rằng mẹ tôi đòi vào trong để đánh ghen. Thay vì làm dữ với mẹ, nhưng trối lại bố vẫn vui vẻ và nhẹ nhàng: "*Mợ và con đi về trước đi, tôi sẽ về sau. Những người này không là gì để mợ phải mất công ghen tuông với họ, tôi đến đây chỉ để nghe hát với vài người bạn chứ không có điều gì mờ ám đâu mà mợ phải quan tâm quá như vậy.*" Nói rồi bố tôi gọi xe xích lô để đưa mẹ tôi và tôi lên xe về trước còn bố gọi xe khác về theo sau.

Hồi xưa, khi lấy bố, mẹ tôi mới 18 tuổi xuân, còn bố đã 30. Hàng xóm láng giềng toạc mạch, dèm pha, nói mẹ tôi phải làm lẽ bố tôi là cái chắc vì bố tuổi cao lại là ông Tham, ông Phán sở Hoà Xa và tướng tá bành bao như vậy, làm gì không có đến hai, ba vợ. Có thể mẹ tôi sẽ là vợ lẽ thứ hai hay thứ ba không chừng? Thực ra bố tôi vẫn còn độc thân cho đến ngày cưới hỏi mẹ tôi

Bố mẹ tôi cùng tuổi Ty, tuổi con rắn nên hai người lúc nào cũng quấn quýt bên nhau. Mẹ kém bố một giáp (12 tuổi) nên trông mẹ trẻ hơn bố nhiều, cho nên bạn bè hay đùa cợt gọi bố và mẹ là cụ và cô, nghe thực tếu!. Mẹ có nước da trắng như ngó càn, hàm răng đen nhánh hột na, vấn tóc trần, dáng đắp mảnh mai lạnh lẹn. Mẹ là biểu

tượng của người phụ nữ miền Bắc trong thời kỳ Pháp thuộc. Ở thời kỳ này, đàn bà con gái thuộc gia đình gia giáo nho phong không được phép uốn tóc và để răng trắng. Đức hạnh của người đàn bà là phải chăm lo công việc nội trợ, bếp núc, và chăm sóc con cái trong nhà, mà người đàn bà nết na phải luôn luôn tâm niệm câu "*tam tông tứ đức*", không được phép học đòi theo người Tây phương. Các cụ nhà ta thường có thành kiến không hay với các cô gái tân thời, nên mới có lời ra tiếng vào chỉ trích mấy bà lấy Tây: "*Ồi dà, cái thứ lấy Tây mất xanh mũi lõ thì mới ăn trắng mặc trơn, răng để trắng ỏn, đầu tóc phi dê quần teo trông rõ thực nhố nhăng!*"

Bố tôi yêu thương mẹ tôi là điều không thể phủ nhận. Bố thường nói vì mẹ sinh ra trong một gia đình không mấy khá giả, nên không được ăn học như người ta, bị thua kém nhiều người. Mẹ tôi không biết đọc, không biết viết cho đến khi lấy bố mới biết chữ. Bố thường hãnh diện về mẹ và luôn khen mẹ là một người đàn bà đảm đang, một người vợ hiền, gương mẫu, đoan trang, chỉ biết lo cho chồng cho con mà không nghĩ đến cá nhân mình. Bố tôi có tật mê hát cô đầu, thì mẹ tôi cũng mê tít, dị đoan và thích đi xem các bà bạn ngồi đồng (hầu bóng), ngồi cốt. Hồi còn bé tôi thường theo mẹ đi xem lên đồng, gọi hồn của các bà đồng bà cốt ở các am điện nên tôi thành thuộc những bài hát mà các ông cung văn xướng lên để tăng bốc các bà đồng khi họ nhảy múa. Nói về tập quán này tôi không nhớ rõ ngọn ngành nhưng hình ảnh của mấy bà lên đồng hình như tôi chưa thể nào quên được. Trong cuộc sống hiện nay tại miền Bắc bây giờ, môn hầu bóng này vẫn

được duy trì và được cải tiến khác xưa rất nhiều. Cách trang điểm, phục sức và ăn mặc cho từng giá đồng đều rất tốn kém mà chỉ các bà vợ của các đại gia mới có điều kiện để theo đuổi thú hầu bóng này. Mỗi một giá đồng, bà đồng đều phục sức khác nhau trông như các kếp độc, các đào thương hát cải lương trên sân khấu của miền Nam trước đây. Các ông cung văn ngồi phía hai bên chánh điện, hát những bài ca tụng bà đồng tùy theo từng giá đồng, chẳng hạn như gia "*Cô Bơ*", "*Cô Đới Thượng Ngàn*", hay "*Ông Hoàng Mười*..." trong tiếng nhạc điệu đàn cung văn. Các bài hát này đã được truyền tụng trong dân gian từ hồi nào đến nay, có điều thời buổi văn minh bây giờ các ông cung văn trẻ tuổi thêm bớt và chêm vào những điệu nhạc trẻ hiện đại hơn nên khi âm thanh kích động của các loại nhạc khí trỗi lên bà đồng lập tức hí hửng nhảy múa theo điệu đàn tiếng nhạc trông thực lạ mắt mà người am tường âm nhạc có cảm tưởng như bà đồng đang nhảy *disco*. Rồi cao hứng bà đồng vung tiền, bánh, kẹo (phát lộc) cho bà con ngồi xung quanh, như chúng tôi đã từng được chứng kiến những giá hầu bóng tại Hội Phủ Dầy Nam Định trong chuyến về thăm quê hương mới đây. Thời đó đi theo mẹ nhiều lần xem lên đồng nên tôi cũng biết cách "*tấu cổ*" (hát để nịnh cô, khen cô đẹp, cô nhảy giỏi) hầu nhận được nhiều lộc. Đặc biệt mấy bà đồng này chỉ tìm người quen và người trong gia đình để phát lộc. Các ông cung văn cũng nhờ vậy nhận được lộc của cô tặng liên tiếp. Mê tít dị đoan hầu như là cái bệnh chung của mấy bà mấy cô trong thời kỳ ấy cho đến tận ngày nay không thuyên giảm mà có phần tăng lên. Lúc ấy

biết như thế mà bố tôi chẳng phiền hà gì mẹ trong vấn đề này, trái lại mẹ tôi lại khổ sở vì ghen bố tôi đi hát cô đầu. Tuy nhiên, chưa bao giờ anh chị em chúng tôi thấy bố tôi nặng lời hay to tiếng với mẹ, lúc nào bố cũng nhẹ nhàng từ tốn, một điều Mẹ hai điều Mợ và chỉ cười xoa khi mẹ tôi trút mọi phàn nàn, trách móc lên đầu bố. Bố tôi quả là một người đàn ông xuề xòa dễ dãi và là một người chồng hiền lành vui tính hết chỗ chê,

Mẹ tôi tuy có ghen (đàn bà mà), "*Ốt nào mà ốt chẳng cay, Gái nào mà gái chẳng hay ghen chồng, Vôi nào mà vôi chẳng nòng, Gái nào mà gái có chồng chẳng ghen?*" nhưng rất tin tưởng ở lòng chung thủy của bố tôi, để rồi ...

Đùng một cái ... một tin sét đánh từ đâu bay đến làm mẹ choáng váng... Mẹ chẳng thể bao giờ ngờ tới. Thần tượng của mẹ bỗng dung bị sụp đổ. Bao nhiêu tự hào về bố mà mẹ luôn luôn hành diện giờ đã tan biến hết làm mẹ thất vọng đến ê chề. Mẹ chợt nhận ra là bố đã phản bội lại lòng tin của mẹ. Bố chẳng chung tình như mẹ nghĩ? Bố đã đem tình yêu san sẻ với người khác từ hồi nào mà mẹ đâu hay. Cuối tuần bố đều nói với mẹ là bố đi đánh bài hay đi hát cô đầu, ai dè bố nói dối mẹ để đi chia bùi sẻ ngọt với người khác. Bố quanh co dấu diếm mãi nhưng cuối cùng bố phải thú nhận với mẹ là bố chót lỗ tăng tịu với một người đàn bà trẻ tuổi ở bến Sáu Kho gần văn phòng làm việc của bố là hăng Xuất Nhập Cảnh của người Pháp sau khi bố nghỉ việc ở sở Hoà Xa. Cô ta đã có thai với bố!!! Đã từ lâu, mẹ cũng nghi nghi có điều gì khác lạ ở bố, nhưng mẹ không bao giờ dám nghĩ là bố đã lừa dối mẹ để di dân dítu với người đàn bà khác. Bây giờ sự thật đã phơi bày, bố hết đường chối cãi. Câu chuyện

hoa bướm giữa bố tôi và cô ta ra sao tôi không được nghe kể lại nên chỉ biết lơ mơ như thế. Thế là mẹ không thể dần lòng được nữa nên đã có lời qua tiếng lại với bố làm con cái như chúng tôi không biết phải đứng về phía nào, chuyện của người lớn mà. Vậy chú thấy mẹ thiệt thòi đau khổ chúng tôi cảm thấy thương mẹ thực nhiều. Dần dà bố tôi muốn mẹ nhủ lòng thương mà đón cô ta về làm lẽ bố tôi và hầu hạ mẹ tôi. Lúc đầu khi nghe bố thổ lộ chuyện động trời này, mẹ tôi như muốn chết ngất vì ghen tức, nhưng sau nghe bố thuyết phục mãi mẹ thấy cũng bùi tai xiêu lòng. Mặc dầu trong bụng, mẹ tôi đoán biết là bố tôi đã dính líu đèo bòng cô này ở quán Cô Đầu chứ không phải ở bến Sáu Kho nào cả. Tuy nhiên mẹ cũng tin vào duyên số của mỗi người nên đành chấp thuận lời đề nghị van nài của bố. *Vậy mà cây muốn lặng, gió chẳng muốn ngừng*, cô ta lại bày trò kèn kiệu ta đây nên bắt tin là phải có trâu cau đón rước cô về đàng hoàng mặc dù cô chỉ được phép về làm lẽ bố tôi để hầu hạ mẹ tôi và phụ mẹ tôi chăm sóc chúng tôi. Thế là máu *hoạn thu* của mẹ phút chốc bùng phát, cơn thịnh nộ tam bành nổi dậy và người khảng định không đón nhận cô ta vào gia đình nhà tôi nữa.

Những tưởng lòng ghen tức của mẹ sẽ chẳng bao giờ nguôi được, vậy mà một thời gian sau khi cô ta sinh nở (một bé gái, đặt tên là Nguyễn thị Minh Tâm) mẹ tôi đã bỏ qua chuyện cũ và nhờ bà ngoại đến thăm nom thường xuyên và giúp đỡ tiền cũng như đỡ dùm, quần áo cho Tâm, người con gái cùng cha khác mẹ với chúng tôi. Mẹ đã cư xử thực cao thượng với mẹ của em Tâm, điều mà bố tôi không hề biết.

Rồi băng đi một thời gian khá lâu, có đến ba năm, cô ta không liên lạc gì với bố mẹ tôi nữa. Bỗng một ngày kia, cô ta nhờ người quen đánh tiếng là cô không có đủ khả năng nuôi con và muốn đem trả đứa trẻ về cho bố mẹ tôi. Đến lúc này thì mẹ cũng đã nguôi ngoai nên đồng ý đón Tâm về với gia đình chúng tôi. Nhưng chuyện đời thường không xuôi xê như người ta tưởng, đúng là *được voi đòi tiên* cho nên cô ta mới dám dọa là nếu bố mẹ tôi không nhận đứa bé này thì cô ta sẽ đem cho người khác nuôi khiến mẹ tôi cũng tự ái và rất bất bình nên từ chối phắc đi làm bố phải khuyên dụ mãi: *"Thôi bà nghe lời tôi đi, dù gì đi nữa, nó cũng là giọt máu của tôi, để cho người khác nuôi tội nghiệp, hơn nữa nhà mình cũng không đến nỗi nào, cho nó về đây ở để nó có chị có em. Như vậy là mình đã làm được một việc phúc đức phải không bà?"* Đàn bà thường thì nhẹ dạ, dễ tha thứ, khiến những lời năn nỉ ý ôi của bố đã làm mẹ xiêu lòng nên một lần nữa mẹ đã đồng ý đón bé Minh Tâm về. Dù sao mẹ tôi cũng thông cảm tình mẫu tử thâm sâu của cô ta nên ưng thuận cho cô thỉnh thoảng đến thăm con. Sau đó cô ta lấy chồng nên ít khi lui tới nhà tôi. Mẹ tôi nói số cô ta cũng vất vả gian truân lắm nên toàn phải đi làm lế người ta. Mỗi lần bị vợ cả hành hạ hay có điều gì phiền muộn cô đều tìm đến mẹ tôi để tâm sự. Vì cùng là phận đàn bà, nên mẹ tôi rất thông cảm và thấy tội nghiệp cho cô ta nên đã không từ chối những điều cô nhờ cậy. Mỗi lần cô ta đến thăm bé Minh Tâm, mẹ lại cho tiền, quà bánh hoặc quần áo đem về. Tuy không sinh ra Tâm, nhưng mẹ tôi thương tất cả đồng đều như nhau. Ăn cùng mâm, ngủ cùng giường. Chúng tôi

có cái gì thì Tâm có cái ấy. Tâm kém tôi hai tuổi nên gọi tôi là chị. Thằng em Khôi kể tôi kém Tâm một tuổi bố bắt nó gọi Tâm là chị. Anh chị em chúng tôi yêu thương Tâm như anh em cùng một cha một mẹ. Dù sao Tâm về với gia đình chúng tôi từ lúc còn bé bỏng thành thử tình thương của mọi người dành cho Tâm nảy nở thật nhanh chóng, Tâm và tôi rất hợp ý nhau nên chúng tôi lúc nào cũng ở bên nhau như bóng với hình.

Thời gian qua đi trong nháy mắt. Bố tôi không còn nữa, Mẹ tôi qua đời được mấy năm nay, Chị Mai, anh Kỳ, cô Tâm và cậu Khôi, cậu Đạt tất cả đã lần lượt ra đi. Tôi là người duy nhất trong gia đình còn sót lại. Đôi lúc nghĩ lại cảnh đầm ấm yên vui của gia đình nhà mình trước đây, tự nhiên tôi thấy buồn trong lòng làm sao. Duy có một câu nói của bố như mãi đeo đuổi tôi suốt cả cuộc đời. Lúc xưa, khi tôi tới tuổi cập kê, hề có ai muốn đánh tiếng dạm hỏi là bố tôi lại sụt sùi buồn bã: *"Bố biết số con vất vả, nhưng con gái đến tuổi phải lấy chồng lế nào bố mẹ giữ mãi con ở nhà để chết già hay sao?"* Và ngày tôi lấy chồng bố cũng chẳng vui gì, vẫn nước mắt vẫn dài như sợ mất tôi vĩnh viễn.

Bố tôi biết xem số tử vi và tướng mạo nên bố đoán được tương lai con cái mình, mà bố thì luôn luôn nói là số tôi sẽ khổ và lận đận? Ước chi bố còn sống chắc bố sẽ mãn nguyện và mừng cho con gái bố đã thành đạt và hậu vận của nó chẳng đến nỗi nào, có vẻ nhàn nhã thành thoi. Bố tôi thực tình cảm. Bố ơi! con thương bố kể sao cho xiết...

(Trích "Từ Một Vùng Ký Ức")

Ý Nguyên

Maryland, June 2013

TÌNH THU Mùa Màng

Dịu dàng Chậm

Vũ Đức Nghiêm

Mùa Thu, Mùa Thu ơi ! Tình thu ơi, tình thu muộn
màng Mùa Thu, mùa thu , tình thu ơi ! Ôi, tiếng gọi
thu, ta chết vì buồn Yêu em lòng ta mãi mãi cô đơn Ôi tiếng gọi
thu, ta chết vì buồn Yêu em lòng ta muôn thuở cô đơn Mùa vào
thu, khung trời thơm ngát hương Bước chân đi như lạc chốn vô thường
Hồn ta theo mây trắng bay nhanh Chân trời xa nhẹ rung khói biếc xây thành Yêu
người tình thu muộn màng ánh mắt buồn như khói vương mỗi khi mùa sang Gió
cuốn mây trôi về đâu lằng lằng như tình yêu cũ, nước trôi qua cầu Thương
người, tình yêu đại khờ, đắm đuối 3 ân tình ngu ngơ như tình ngày thơ Xa
nhau, âm thầm thương nhớ, yêu thương mà không dám nói thương yêu

Mời quý vị nghe Vũ Trung Hiền trình bày Tình Thu Mùa Màng ở link này:
<http://cothommagazine.com/nhac/VuDucNghiem/TinhThuMuonMang-VDN-VTH.mp3>

Khắc Khẩu

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

Không hiểu tại sao khi xưa, trong thời gian hai đứa còn yêu nhau, Hường Dương không nhận ra điều này: thời gian càng chồng chất, mỗi khi nói chuyện, hai người thường xảy ra đụng chạm, khắc khẩu!

Thật là tức chết đi được. Nói cho ngay, phần lỗi thì không phải đến từ phía Dương, mà là do anh ta, Trung ngày càng khó khăn, hay bắt bẻ! Nhiều khi Hường Dương tức quá, hét lên:

- Anh đúng là già lão rồi, nên khó người khó nết!

Ngay lập tức, đôi phương quát lại:

- Phải, phải... tôi già... còn cô, cô chắc còn trẻ lắm! Xí, bà ngoại rồi còn còn xí xọn!

Câu này mới là tức! "Xí xọn lúc nào?". Dương đâu có chịu thua, mặc dù thấy câu nói phân đầu của Trung hơi đúng đúng! Chỉ tại con bé Thương ham vui, đòi đám cưới sớm khi chưa ra trường. Thế là Dương có đứa cháu ngoại ngang xương!

- Hồng trẻ gì, nhưng chỉ thua anh chục tuổi là ngon rồi. Bà ngoại mà trẻ đẹp thì đâu có sao!

Trung bĩu môi như không công nhận câu nói của vợ, mặc dù câu ấy cũng khá chí lý và chính xác.

Trung năm nay 55, còn Dương thì 45 cái xuân già. Ngày xưa hai người đẹp đôi là thế. Bây giờ thì nhờ son phấn, áo quần, ăn diện, lại nhờ vóc dáng thon gọn, cử chỉ thân thiện, ra đường ai cũng thích và nói Dương chưa tới bốn chục. Còn Trung thì tóc đã bạc phơ! Có khi hai người đi với nhau vào hàng

quán, người ta gọi Trung bằng chú hay bác, còn kêu Dương bằng chị!

Trung ra mặt phản đối ngay:

- Tại sao lại kêu tôi bằng chú mà kêu cô bằng chị là sao? Vợ chồng thì phải gọi anh chị hay là cô chú mới đúng chứ!

Nghe thì cũng đúng thiệt! Trong lúc Dương thích thú trong lòng, thầm nghĩ: "Cho ông chồng biết sự thật cho ông sáng mắt ra, làm như ông ngon lắm ấy!" thì Trung không công nhận điều này! Làm vậy cốt cho tự ái được vuốt ve! Cái tính "bất cái thiện" trong con người Trung, Dương đã quá rõ!

Ngày đó, anh chàng Trung chết mê chết mệt một cô gái "thương màu tím" như chính bản thân mình. Nhìn cô nàng Hường Dương thường thấp thoáng có một màu tím phảng phất, từ áo quần, nón mũ, giày bóp... , cái gì cô xài đều phớt màu tím. Khác biệt với mấy cô gái xuân thì chung quanh.

Mái tóc dài tha thướt của cô trong tà áo dài tím Huế một ngày nọ, đã khiến Trung phải gơ tay đầu hàng khắc phục, sau đó đã tự ý nài nỉ cô vào văn phòng chính phủ ký giấy hôn thú, và không lâu sau, một đám cưới long trọng của cặp đôi Dương-Trung diễn ra trước mắt bạn bè, thân nhân. Mới đó mà đã gần hai mươi lăm năm trôi qua. Bây giờ anh chàng Trung đâu có còn sót lại một cử chỉ "ga lăng" ga liếc nào cả, mà toàn là hối thúc, chụp giựt, cầu nhàu, chỉ trích, thực tế đến nào lòng!

Là người yêu màu tím, dĩ nhiên Hường Dương phải có chất thơ mộng ít nhiều trong tâm hồn. Hường Dương thích làm thơ, ca hát, chăm sóc vườn tược, nhà cửa, kể cả chuyện son phấn, ăn diện.

Đã quen như vậy từ khi còn trẻ, thì làm sao Hường Dương bỏ ngang xương cái

chuyện tân trang cho bản thân mình, mà Trung thường cho cô làm điều quá đáng! Trung hay chỉ trích Dương với lời lẽ khá châm biếm:

- Sao bà già rồi mà điều quá vậy không biết!

Chẳng những thế, còn phang thêm một câu:

- Có bôi son trét phấn cho nhiều, cũng chẳng ma nào thêm nhìn!

Dương quắc mắt lên, lòng sôi sục, trong lúc Trung thản nhiên tiếp:

- Mấy lão già thì thích nhìn gái trẻ, còn mấy thằng trẻ thì không thích nhìn gái già... vậy thì bà làm đẹp cho ai? Thà để mặt mộc tui còn thích hơn.

- Ông làm ơn làm phúc đừng có để ý đến tui được không! Tui có bao giờ làm phiền hay phê bình ông đâu!

Nghĩ một chút, Dương tiếp:

- Nên nhớ là tui làm đẹp vì thói quen từ xưa nay, chứ không chạy theo trào lưu hay bắt chước ai. Tui cũng không cần thằng đàn ông nào ngắm, kể cả ông - Dương nhấn mạnh khi nói câu này - tui làm cho bản thân, vì tui thích vậy đó, ông có hiểu chưa!

Trung rất ghét khi nghe vợ phun ra như vậy! Cô ta có cái lý của cô ta, nhưng cách nói ngang tàng đó là Trung không chịu nổi!

Nhưng... nếu bình thường, hai vợ chồng mạnh ai nấy lo việc của họ, thì không có chuyện gì xảy ra, như những khi Trung đi làm, đi coi đá banh, đi họp hăng... thì Dương thờ phào nhẹ nhõm.

Trong nhà, sau khi cô con gái lấy chồng dọn ra riêng, thì chỉ còn hai vợ chồng. Trung vẫn đi làm và Dương ở nhà. Nàng nghỉ hưu sớm khi hăng đưa ra đề nghị ai làm trong hăng đã hai mươi năm, tình nguyện nghỉ hưu non bây giờ, sẽ lãnh được một trăm ngàn đô la tiền mặt.

Nghe đề nghị đó, Dương tình nguyện ngay. Bởi nàng cũng đã chán cảnh sáng phải thức dậy sớm cấp ô đi, chiều cấp ô về, rồi lại lao đầu vào bếp nấu nướng, dọn dẹp.

Có tiền bỏ vào băng, Dương nhìn con số trong chương mục cảm thấy yên lòng. Sau đó thời giờ còn lại, Dương sẽ ngồi nghĩ coi có việc gì làm tại gia mà không bị hối hả thì giờ, nàng sẽ nhận về nhà làm.

Những ngày đầu được thức dậy trễ, Dương thích thú. Cuộn mình trong nhung nệm, Dương thấy mãn nguyện với chính mình. Hạnh phúc vợ chồng bây giờ không còn như xưa, đã chấp cánh bay mất tự bao giờ, nhưng Hướng Dương đã tập cho mình tính "băng lòng đi em". Không phải băng lòng về với quê anh, mà băng lòng những gì mình đang có, luôn cả ông chồng ba búa, hay bắt bẻ cho đời thêm đau thương!

Những khi leo lên chiếc xe, chưa kịp đóng cửa, cài dây khóa an toàn thì chiếc xe đã lăn bánh! Dương kêu lên:

- Từ từ, chưa đóng cửa!

Tiếng găt gong đáp lại:

- Làm cái gì cũng chậm như bò!

Dương bực, nhưng dằn lòng. Đã không biết lỗi còn đối đáp! Dương mới leo lên xe nên không muốn trả treo, như thế thì coi như quãng đường còn lại sẽ kinh khủng đến dường nào! Toàn là tiếng chì chiết, nghe đến buốt óc!

Ngày xưa...

Dù là một cô gái biết làm cho mình đẹp dưới mắt mọi người, nhưng Dương lại có tính khoái ăn hàng, nhất là quán Nhớ Huế ở gần nhà.

Quán Nhớ Huế có bán đủ các món Huế. Từ bún bò giò heo cho đến bánh bèo, bánh bột lọc, bánh nậm, bán ít ram, bánh khoai và chả tôm... chưa kể các loại chè, nhất là

chè đậu ngự nước trong leo lèo, những hột đậu to nằm dưới đáy ly trong bát thêm!

Trung độc thân, đang đi làm. Ngày ngày, Trung cũng lấy quán Nhớ Huế làm tâm điểm cho sự ăn uống của mình, bởi ngoài những món Huế, họ còn bán cơm đĩa rất ngon và giá khá rẻ. Đây là điểm lồi cuốn khách hàng ghé lại.

Tại đây Trung gặp Dương. Cái tật tham ăn của Dương khiến Trung chú ý nhiều hơn là nhan sắc! Trung cứ thấy con bé Áo Tím, tên mà Trung đặt cho Dương khi chưa quen, bước vào là hay chiếm cái bàn nhỏ ở trong góc, rồi quay miệng kêu vói vào chỗ quầy hàng gần đó:

- Chú ơi, cho một đĩa bánh bột lọc, một ly chè đậu ngự, một chả tôm, hai cái chả Huế nghe chú... à... thêm một ly cà phê sữa đá nữa, bỏ vào ly giấy để mang đi.

Ngày nào gặp Áo Tím, thì Trung cũng nghe cô ta order nhiều như thế, nhưng kêu món ăn thì có hơi khác nhau một chút.

- Một tô cơm hến, một bánh bột lọc, ly chè đậu xanh đánh, cà phê sữa đá bỏ ly giấy để mang về.

Chỉ một tuần, là Trung biết con bé đó thích ăn bánh bột lọc, uống cà phê sữa đá... vì lần nào nó cũng kêu hai thứ đó, các món khác thì thay đổi.

Làm quen cô bé cũng dễ thôi. Trung biết giờ cô ta hay đến quán, và chàng cũng đến đó trước khi cô đến một chút, dành ngay cái bàn cô nhỏ hay ngồi. Thế rồi hai người quen nhau.

- Phải cô bé thích ngồi chỗ này?

Trung lịch sự mở lời khi thấy Áo Tím có vẻ tui nghi ngờ nhìn chỗ của mình đã bị người khác chiếm.

- Dạ, sao anh biết?

- Anh biết... vì anh có thấy em vài lần ngồi bàn này.

Rồi Trung đứng lên, lịch sự:

- Em có thể ngồi đây, anh đi chỗ khác.

Dương kêu lên, mừng rỡ:

- Ồ... cảm ơn anh nhé.

Thế đấy, Trung còn biết lấy lòng Dương là kín đáo trả tiền cho cô bé lần đó, còn bảo tiếp viên gói cho cô hai ly chè, mười cái bột lọc lá, một ít chả Huế mang về nhà ăn tiếp. Việc này đã khiến cho Dương cảm động, và nghĩ ngợi về anh trai này không ngớt, lọt vào lưới tình của anh lúc nào không hay.

Khi quen nhau, Trung tiếp tục khiêu gợi... lòng "tham ăn" của Dương:

- Má anh làm mấy món bánh Huế này số một, cả bún bò Huế không ai nấu qua mặt má anh.

- Thật không? Vậy má anh có ở bên đây không?

Trung ngân ngữ:

- Bà sắp qua, anh bảo lãnh lâu rồi.

- Vậy sao? má anh biết nấu chè không?

Trung khoa tay:

- Khỏi phải nói: chè chuối chung, chè bà ba, chè bắp... Món nào bà cũng nấu ngon lành.

Còn Dương, vì thích ăn uống, nghe lời của Trung quảng cáo, Dương về nhà Trung chỉ vì những món ăn hàm thụ hứa hẹn ngon lành mà chẳng bao giờ có!

Sự việc khiến hai bên không còn tin tưởng lẫn nhau là vì má của Trung chẳng bao giờ qua Mỹ cả! Lý do bởi bà không thích đi Mỹ, họ hàng nhà Trung còn ở lại hết bên Việt Nam, chỉ có hai anh em qua đây, họ đã lớn, tự lo lấy thân được. Còn những đứa em và đám cháu nội ngoại của

má Trung thì nhỏ xíu, vậy thì bà qua Mỹ làm chi!

Do đó giờ đây, cũng cái quán Nhớ Huế, được thay chủ từ lâu. Dương chỉ có kêu một đĩa bánh bột lọc, thêm đĩa bánh bèo, và ly cà phê sữa đá, thì già Trung lâm bâm:

- Khiếp, ăn gì mà lắm thế không biết! Đúng là "Nữ thực như voi!"

Dương tức lộn ruột! Nàng trả treo:

- Ủ... Em "nữ thực như voi" còn anh thì "Nam thực như... meo", cơ thể ngày teo tóp lại, có eo lấm đấy, đi thi hoa hậu áo dài chắc là anh đoạt giải nhất!

Trung có hơi tức vì lời châm chọc. Đàn ông thì ai cũng muốn được khen khỏe mạnh, con mụ vợ chàng lại chê yếu! Điều này chạm vào tự ái Trung khá lớn. Hai người bắt đầu "khẩu chiến".

- Phải, chứ ai như em, đi thi "lão bà bà phu nhân" người ta đo vòng eo mà phải nói hai sợi thước mới đo đủ! Hahaha...

"Thằng cha già chê mình mập", Dương nghĩ bụng và đáp:

- Phải có những bà vợ vòng eo to như vậy mới đẽ bẹp được những ông chồng ốm lòi xương le lười ra vì cái tội hay châm chọc người khác, với lại nói dóc "dụ khí" con người ta về nhà mình!

Dương nhắc cho Trung nhớ lại những khoe khoang hứa hẹn của Trung ngày xưa. Tiếp viên bung đồ ăn ra mà Dương còn bực. Nhìn thức ăn hấp dẫn trước mắt, nàng bỗng dịu lại:

- Mình chỉ có da có thịt thôi, đừng nên để cho ông chồng già kéo mình vào cơn lốc khùng điên, thích gây lộn, làm mất vui. Mấy ông già chướng khí!

Nghĩ thế, Dương bỏ hết mọi chuyện, ngồi tĩnh bơ gáp món ăn, "enjoy" một mình.

Trung thì khác, thích lẳng nhẳng gây chuyện, chọc phá cho vợ nổi giận nhưng tính nết của mình lại lâu quên. Nhìn Dương ăn uống ngon lành, Trung hơi bẽ, tức khí hơn, để tỏ nổi bất bình, Trung bất ngờ đẩy ghế đứng lên, bước ra ngoài, không thèm ăn!

Chuyện này thì Dương đã rành sáu câu. Trung vẫn vậy! Mỗi khi không ưng chuyện gì, là tỏ ngay ra mặt, chẳng cần để ý đến người chung quanh! Chuyên môn làm mất mặt vợ ở đám đông.

Cứ mỗi lần Dương bị bẽ mặt một chuyện gì, là Trung lại thấy thích thú trong lòng. Vì sao? Lý do Dương hay tự hào, tuyên bố năng không làm gì sai hết. Làm việc gì đâu ra đó. Chuyện này khiến Trung nghĩ vợ mình lộng ngôn! bất mãn thâm!

Trong đời người, làm gì có chuyện ai cũng là người tuyệt hảo! Do đó, Trung thấy Dương tự cao, tự đại, không phải đối với người ngoài, mà với chồng!

Lâu nay, từ khi bị người ta coi mình già hơn vợ, Trung đã bị mặc cảm thua sút! Làm cái gì trong nhà Dương cũng chê, không vừa ý! Ai đời có lần Dương oang oang đầu ngõ:

- Anh chị thấy không, vườn nhà đằng sau có chút xíu, ông lại nghe lời thằng cha thầy bói nào đó, đi mua về một con rùa tổ bố! Nói là con rùa thành Thăng Long trấn ải, hôm bữa tụi nó đào cống, làm sao mà con rùa bị đứt đầu, ông lấy xi măng trét gắn lại, nhìn thấy gớm!

Trung nghe vợ nói, lao ra:

- Em không biết gì hết thì đừng có nói!

- Biết gì! Nhà mình đâu phải thành Thăng Long mà anh trấn! Đó, chưa gì thằng đào cống nó làm bẽ rồi... có sao đâu?

Chưa đã, Dương còn thêm:

- Anh giỏi "trấn" cho anh với em đừng có gây lộn nữa đi, tốn bao nhiêu em cũng

chịu hết. Em tính đập nát con rùa đó cho rồi, anh gắn lại làm gì, giờ nhìn giống "rùa quái thai"!

Trung hầm hầm nhìn Dương, rồi không ngại có mặt vợ chồng người bạn đang ở đó, hăm he:

- Em mà rờ vào con rùa của anh, thì phải bước qua xác anh!

Dương cười khẩy:

- Em đâu có thèm rờ, em kêu mấy thằng Mễ rờ, được không?

Nói xong nàng cười to lên, khiến hai người bạn cũng cười theo. Trung ra sau nhìn con rùa của mình, lúc này thấy nó kỳ kỳ làm sao ấy!

Tuy hay chọc giận Trung, nhưng Dương lại làm lành nhanh. Nàng quên nhanh và lại không để ý những gì Trung nói. Nàng biết quá tính tình của ông chồng già mình! Làm ra vẻ ngon lắm ấy! Mà nàng có bao giờ nghĩ là anh ta không ngon đâu! Chỉ có cái là không có con mắt mỹ thuật, vụng về.

Trong nhà, Dương có con mèo. Nuôi mèo thì chẳng tốn công bao nhiêu, và chỉ tốn tiền mua thức ăn cho nó. Con mèo của Dương thuộc loại đẹp, nghe nói người bạn thân có con mèo giống Ba Tư, rất mắc tiền, sanh được ba con mèo con, thay vì bán, họ cho Dương một con.

Dương quý con mèo có màu lông nâu đậm và nhạt ở bụng này lắm, gọi tên nó là "Bé Yêu". Nàng không cho con mèo ra ngoài, sợ mất! Nhưng Trung vẫn hay lên mở cửa cho nó ra, nếu không muốn nói là thàm cầu mong nó đi mất luôn càng tốt! Tuy trong bụng cũng thàm tiếc.

Nhưng con mèo khôn còn hơn con chó! Cứ mỗi lần Trung vừa đóng cửa nhốt nó ở

bên ngoài, thì chỉ một vài phút sau, nó lại kêu "meo meo", cào cửa đòi vào.

Khi Trung mở cửa vì nó kêu dữ quá, sợ Dương nghe thấy. Con mèo dùng đỉnh đi vào, lại kể bên Trung, quên ngay là kẻ thù đứng trước mặt mới đuổi mình, mà đưa hai chân trước cào nhẹ vào chân của Trung, làm như là thân ái lắm vậy!

"Đúng là chủ nào tớ này!". Dù nghĩ thế, và trong lòng có hơi ngần ngại, nhưng Trung cũng thấy đỡ áy náy hơn, nếu như con mèo đi mất!

Sáng hôm đó Trung đang ngồi ký hai tấm check mỗi tấm một ngàn đô la để đưa đi nhà bank "deposit", thì bị đau bụng. Trung chạy vào nhà vệ sinh khoảng mười lăm phút. Khi trở ra, thì không thấy mấy tấm check đâu nữa!

Trong nhà chỉ có hai vợ chồng và con mèo. Trung thì nhất định không lấy rồi, chỉ còn hai kẻ khả nghi là Dương và Baby.

Lúc đó Dương đang thu dọn đồ trong bếp. Từ bếp tới bàn ăn có mấy bước. Có thể nàng là thủ phạm? Nhưng Dương lấy mấy tấm check làm gì? Chương mục tên của hai người, "deposit" vô thì cũng là tiền của nàng ở đó!

Như vậy chính thị là con Baby! Con mèo này được chủ cưng như cưng trứng, gì mà nó không dám làm?

Thế là hai người cãi nhau ôm tòi lên!

- Anh có cất đâu không?

Trung gào lên:

- Không, không... anh để ngay chỗ này.

Lần này, không hiểu vì xót tiền hay sao mà Trung quát lên hung hãn! Dương mọi ngày vẫn chịu được những sự nóng nảy vớ vẩn của anh chồng khó ưa, nay vì sự phát ngôn bừa bãi, nặng lời khiến nàng phát khóc!

Dương đã đi tìm hai tấm check thật kỹ. Lúc đầu chính nàng cũng nghi là con Baby chộp phả, có thể nó tha đi đâu và xé nát cũng không chừng! Lần trước chính nó cũng tha một cái thư của Trung và cắn xé tơi tả, nàng phải bao che, giấu không cho Trung biết.

Sau đó, chính mắt Trung bắt gặp nó tái diễn trò này vài lần, với những tờ báo, giấy trong nhà. Baby thích vòn tờ giấy, và ghé miệng cắn nát mới thôi. Vì vậy, nó bị nghi là thủ phạm cũng không sai!

Tim không ra hai tấm check, Dương nghĩ chắc con mèo nhai nuốt rồi chẳng? Mà dù nó có nhai nuốt, cũng không phải là nàng. Làm gì mà Trung lại hẩn học chữ rủa như thế!

Đúng là quen tât!

Nếu Dương không phản ứng mạnh mẽ, thì chắc chắn mỗi ngày Trung sẽ đối với nàng tệ hại hơn.

- Hừm... mình phải đi khỏi cái nhà này mới được! Để chả ở một mình làm chết luôn cho biết thân.

Nghĩ vậy, Dương thu xếp quần áo. Đi đâu? Chính nàng cũng chưa biết! Hồi nào tới giờ, Dương luôn nhịn nhục chồng, cho qua để yên nhà, yên cửa... khi nào tức lắm, thì Trung luôn là người ra khỏi nhà.

Nhiều khi Trung đi chơi đến tối mịt mới về, khiến Dương lo ngay ngáy! Nàng thức đợi chồng cho đến khi nghe tiếng chìa khoá tra vào ổ, mới vội chạy nhanh vào phòng, đóng cửa lại như vờ ngủ. Trong lòng nàng lúc đó mới thấy yên tâm.

Vậy đó, dù họ thương nhau, nhưng hề ông nói gà thì bà nói vịt! Lần này Dương giận nhiều vì câu:

- Trong nhà này bây giờ có “ăn cướp” hay sao ấy!

Câu này khiến cho Dương tủi thân! Dù biết Trung nói khơi khơi cho đã tức, nhưng nhà chỉ có con mèo với Dương, ai là ăn cướp chứ!

Trung đi làm về thấy nhột nhạt! Hình như không có ai ở nhà! Con mèo hàng ngày thường hay nằm trên cửa sổ nhìn ra ngoài cũng không thấy bóng dáng! Trong bếp im lặng, Trung vào phòng cũng không thấy Dương ở đó!

Hôm qua, sau khi mắt hai tấm check, Trung ngửa miệng nói cho đã! Trung nhớ Dương đã tròn mắt ra mà nhìn Trung, lập lại:

- Ông nói ai ăn cướp?

Trung không trả lời vì đang bực! Có bao giờ Trung nghĩ Dương ăn cướp tiền đâu! Đích thị con mèo chứ ai vào đây? Nhưng con mèo là của Dương, nên Trung tức lây! Dương quay ngoắt vào trong, và từ đó không ai thèm nhìn mặt ai!

“Đi đâu vậy không biết? Hình như là cái valy nhỏ cũng không còn trong tủ!”. Đói bụng, Trung vào bếp kiếm đồ ăn. Trong tủ lạnh thức ăn ngày hôm trước thì Trung chê, chỉ có Dương ăn. Trung ngán ngâm đứng nhìn một lát rồi lôi mì gói ra nấu.

Mọi ngày lâu lâu ăn mì gói, thì Dương làm rất hấp dẫn. Trung bực mình nhìn tô mì trước mặt chán nản, nổi con, giận Dương nhiều hơn. Có gì đâu mà làm eo, làm sách “bỏ đi”! Mà đi đâu? Hay là bà ấy có người khác?

Phải rồi, Dương thường hay tự hào, mà bà ấy ra đường hay có mấy gã đàn ông khoái, cà rà đi theo. Hay là bà ấy có thằng cha nào rù rê rồi? Dám lắm!

Trung đứng phắt dậy! Mình đi làm về mệt mà con mụ vợ bỏ đi mất, cơm nước cũng không có, thứ đàn bà tệ bạc!

Mèo với chó! Toàn là một lũ phá như giặc, chẳng nên tích sự gì!

Ra tới xe, Trung lại chạy vào nhà vì thấy hơi lạnh, phải mang theo cái áo khoác. Rồi khi thọc tay vào túi áo lấy chìa khoá xe, Trung bỗng thấy có tờ giấy đang ở trong túi áo mình, lấy ra coi thì mới thấy đó là hai tấm check!

Quái! Vậy mà Trung quên mất! Bây giờ Trung mới nhớ lại là khi đau bụng, Trung sợ con mèo cắn phá tờ check, mới

nhét vào túi áo khoác đang vắt trên ghế, vậy mà không nhớ ra! Sao mình lại quên dễ dàng vậy chứ!

Trung cảm thấy hối hận, đứng ngẩn ngơ bên chiếc xe, không biết phải làm gì!

Một lát chàng ôm đầu, lầm bầm: “Em nói đúng, anh già thật rồi!”

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)



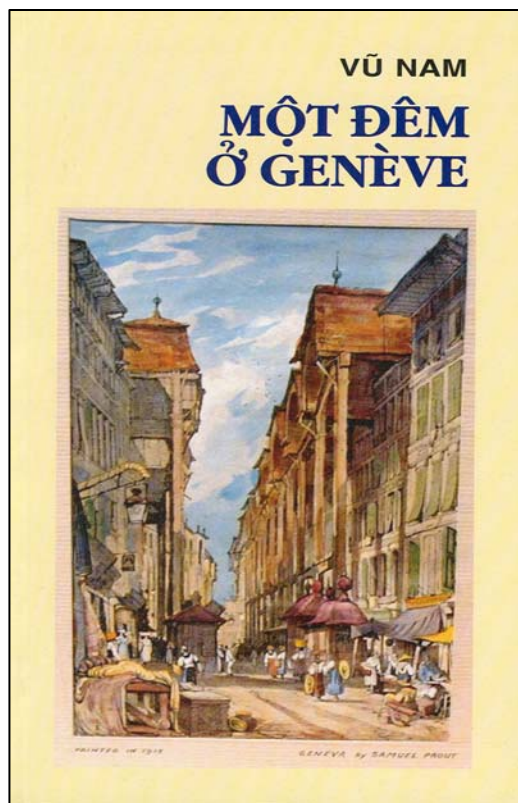
RU CON: Tranh Cát Đơn Sa

Đọc "Một đêm ở Genève" của nhà Văn Vũ Nam

DIỆU TÀN

1. Đây là lần đầu tiên tôi nói về tác phẩm của một nhà văn Việt trên xứ Đức. Trên đất nước giòng Nhật-nhĩ-man trước đây độc giả đã được đọc "Thằng người có đuôi" của nhà văn Thế Giang, ra đi từ Hà Nội, một truyện mới lạ với ngôn từ rất Bắc Kỳ. Hôm nay chúng ta sẽ được đọc văn phong của một người viết sinh ra và trưởng thành ở Bà Rịa tuy nhiên có nhiều người tưởng anh là dân di cư 75 với bút hiệu Vũ Nam. Tập truyện ngắn này chỉ dày 175 trang nhưng có 11 truyện chọn lọc, không truyện nào dài quá 30 trang, đọc nhẹ nhàng thoải mái. Tác giả dẫn dắt người đọc từ Đức qua Mỹ, trở về Việt Nam, qua thăm nước Thụy Sĩ quanh năm tuyết phủ, rồi qua bang California xứ ấm tình nồng, rồi qua Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, đảo Chypre (Cyprus), đảo Rodos, Pháp, Hòa Lan. v.v...

2. Tác giả có một kỹ thuật viết rất vững vàng, viết sáng sủa, mạch lạc, đầm thắm. Ông không tham lam bao biện, mỗi câu chuyện chỉ nhắm vào một tiêu đề chính, gọn gàng. Đoạn kết mỗi truyện đôi khi có bất ngờ, nhưng là một kết cục tất nhiên phải có, không gượng gạo, gò ép và rất hợp lý hợp tình (trừ truyện "Tìm lại hư không" có kết cục như của Bồ Tùng Linh). Người di trú ở xứ tuyết trắng, núi đá cao, mức lạnh



dưới hai, ba độ âm, trông thấy cây cam vàng óng chũu chịt quả rất thấy làm thích thú. Ông không dựng truyện, ông chỉ ôn lại, kể lại những chuyện rất bình thường, những tâm tư cảm nghĩ rất thực, rất ít hư cấu. Có truyện ông viết gần như dạng một hồi ký thuở học trò rất trung thực.

3. Phần lớn tập truyện nhắc đến những mối tình xưa cũ thuở nhỏ, tuổi học trò. Nhưng nhân vật chính trong truyện, có thể là một phần hóa thân của tác giả là một con người bình dị, nếu không nói là nhõn nhõ, không quá đam mê, buông xuôi chấp nhận sự việc xảy ra vui tươi hoặc buồn rầu. Đó là những người đàn ông đã lập gia đình hoặc muộn vợ làm những chuyến đi xa vắn vớ, từ nước này sang nước khác. Để làm gì? chỉ để tìm lại một hình bóng cũ, một kỷ niệm xưa. Bởi chỉ vì nhớ đến một vòng ôm vô thức trong giấc ngủ, một vòng ôm trên yên xe đạp, một khoảng trống da thịt người phụ nữ... ở quê nhà. Nhân vật truyện như một Từ Thức trở về hạ giới, không quá háo hức, nhưng cũng không quá bi quan.

4. Tập "Một đêm ở Genève" không có những sự việc gay cấn, đột ngột, nhiều kịch tính dồn dập. Kịch tính của Vũ Nam là những mâu thuẫn, những biến chuyển tâm tư, suy nghĩ đời thường hoặc sâu sắc, lẳng đọng. Chàng thanh niên thuở đó thường chậm lụt, nhất gan không dám ngỏ lời yêu đương trước, chỉ là kẻ đến sau. Có những mối tình dang dở, có mối tình ngang trái và cũng có mối tình nối lại được, trọn vẹn. Truyện nào cũng có điều độ, chừng mực, tuy rằng nhân vật truyện đã nói văn chương, thì phú là quá mơ mộng, không thực tế. Nhưng cũng có nhiều người đồng ý là nếu ai "có tâm hồn nghệ sĩ quá" sẽ có vấn đề, sẽ không thi hành trọn vẹn được nhiệm vụ với vợ, chồng, con cái. Do đó cần có sự thông cảm từ người hôn phối, từ các con...

5. Có thể nói truyện hay nhất và dài nhất trong tập, được chọn làm tựa đề cho

cuốn sách, được đặt ngay ở những trang đầu. Câu chuyện đời sau 1975, giữa 2 vai trò chính hai thầy cô giáo miền quê. Rồi thêm 2 vai trò phụ là chồng trước ở Việt Nam và chồng sau ở Thụy Sĩ. Tính cách chồng cộng của thầy cô giáo trong truyện thấm vào chiều sâu, khác với tính chất sôi nổi của một thanh niên nhân buổi ra mắt sách của cô giáo Phương. Thanh niên này đứng lên hỏi tại sao cô Phương vắng mặt trong những cuộc biểu tình. Lời giải thích hợp lý, bởi có nhiều cách chống độc tài, áp bức. Bởi chính bản thân cô giáo, có chồng sĩ quan cải tạo chết trong tù, còn cô điều đứng vì nghề dạy học sau 75, vừa là nạn nhân vừa là chứng nhân.

6. Bối cảnh bang California nắng ấm được làm khung cho vài truyện tình. Nhân vật trong các truyện đều tỏ ra rất thèm hưởng nắng ấm chan hòa, nắng vàng rực rỡ. Rồi những cửa tiệm mang bằng hiệu Việt Nam, Thung lũng hoa vàng, cầu Golden Gate... Những chuyến đi tìm người tình cũ, có khi như vô vọng, bóng chim tắm cá, biết đâu mà tìm. Đi tìm người cùng quê hương, được gặp cả tình nồng và tình lạnh như nước đá. Người ta tìm về những nơi ấm áp, và thèm được đón tiếp, đối xử bằng tình cảm đôn hậu, chứ không phải bằng luật pháp thẳng tuột khô khan, máy móc. Tả biển xanh, bãi cát và khen ngợi nắng vàng xứ người, nhưng tác giả vẫn than thở: "...*nắng thật đây, khung cảnh thật ấm, nhưng vẫn ngời trong tôi nỗi ngậm ngùi, nhưng ấm sao bằng nắng ấm Quê hương.*"

7. Những người đàn ông xa quê hương trên trang sách mãi mê đi tìm người yêu cũ. Đi tìm hình bóng cũ, đi tìm dĩ vãng. Không

như một ông vua đa tình kia, đập vỡ kính cổ để vớt vát hình tượng xưa, thần thờ gấp tấm áo cũ của người cung phi yêu dấu để cố lưu lại hơi hướm ái ân. Những nhân vật đó chỉ tìm cái *áo* là hình dáng người yêu, nhưng thực ra trong tiềm thức là đi tìm cái *thực*. Đó là tìm lại quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi đã nuôi con người khôn lớn. Thơ trong nước dụ khí những người xa cố quốc bằng câu: "Quê hương là chùm khế ngọt..." Khôn nổi có bao nhiêu trái ngon ngọt mong nước, người anh em *lùm* hết cả rồi, người đi xa trở về chỉ còn lượm được trái chua lè... Do đó hiểu rằng nắng Quê Hương tuy có đẹp thật, nhưng những kẻ cầm quyền đã lợi dụng sức nắng đốt cháy tương lai và ước vọng.

8. Nói chung, tâm tư, tình cảm nhân vật truyện của nhà văn Vũ Nam, đôi khi toát ra chút lạnh lùng, mệt mỏi, nhưng không bi quan. Tập truyện "Một đêm ở Genève" đầy ắp tình người, nhắc đến những kỷ niệm và ôm những hy vọng thật bình thường. Nội dung đề cập đến tình đời âm lạnh, nói đến sắc đẹp phụ nữ về già tàn phai, tình yêu không vĩnh cửu, có khi còn cho là chuyện tình cảm lãng nhãng nhỏ mọn. Con người thời đại mới giờ đây thực tế hơn để sống hòa mình vào giòng sông bao la đầy niềm vui của nhân loại.

Bang California nắng ấm hoa vàng, vốn hiếu khách, yêu văn học nghệ thuật chào đón tác giả Vũ Nam. Rất mong trong tương lai gần chúng tôi sẽ được đón nhận một tác phẩm dài hơn lắng đọng hơn nữa.

VŨ NAM
(Germany)

Cổ Thơm hân hạnh giới thiệu cùng độc giả tập Hồi ký về một cuộc vượt Trường Sơn nguy hiểm, hồi hộp và gian lao, để thoát nạn Cộng Sản, của tác giả Tô Bạch Tuyết cựu học sinh Trưng Vương, Chu Văn An và sinh viên được khoa tại Hà Nội trước năm 1958. Tác giả cũng là cựu sinh viên được khoa, cựu được sĩ tại Sài Gòn và Hoa Kỳ.

Sách dày 187 trang. Giá US\$15.

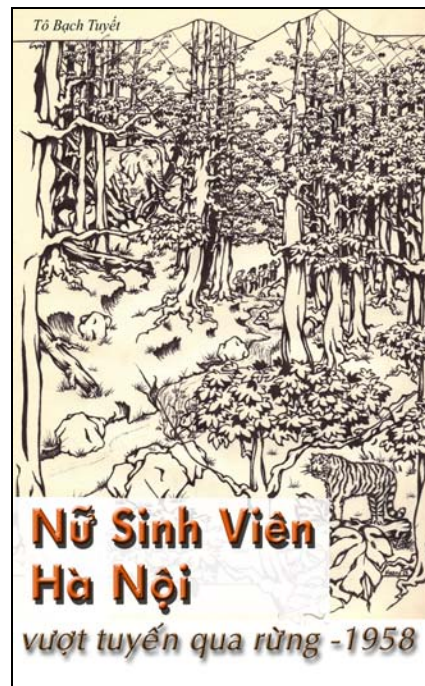
Liên lạc:

TÔ BẠCH TUYẾT

2605 Galen Dr.

Champaign, IL. 61821

E-mail: tto2209@comcast.net





VASE : Tranh của Họa sĩ LIÊN PHƯƠNG

Nguyễn Liên Phương, sinh năm 1952 tại Hà Nội, du học Thụy Sĩ năm 1972 theo học ngành sư phạm và hiện nay dạy học tại Lausanne, Thụy Sĩ. Vốn thích thi họa từ nhỏ, nay có nhiều thời giờ vào hội họa, đã triển lãm tranh để có phương tiện giúp trẻ em mồ côi và khuyết tật ở Việt Nam.

DUỜNG NHƯ ĐÃ GẶP

Trần Tam Nguyên

Hôm nay ông bà Thịnh, cha mẹ của Huy, tổ chức tại nhà riêng ở ngoại ô Paris một buổi tiệc để cho các bạn trẻ gặp nhau. Hầu hết các bạn của Huy và em gái của Huy là Thụy Mi đều được mời tham dự, có đến hơn 60 bạn trẻ. Hạ được mời dự tiệc hôm nay vì ngoài việc Hạ và Huy là bạn cùng lớp ở đại học, hơn nữa ông bà Thịnh còn quen biết với ông bà Xuân từ lâu ở Pháp. Hạ là con trai của ông bà Xuân, được sinh ra ở Pháp, vừa tốt nghiệp kỹ sư ở một trường đại học tại Paris. Cách nay hai năm Hạ lần đầu tiên đi về du lịch Việt Nam, Hạ mang ba-lô đi từ Nam ra Bắc để viếng thăm khắp các miền đất nước.

Thu là con gái của ông bà Đông giàu có, được sinh ra ở Việt nam, học về ngành âm nhạc và kịch nghệ ở Sài gòn, lần đầu tiên sang Pháp du lịch. Thu cũng được mời đến tham dự buổi tiệc này vì cha mẹ của Thu là bạn cũ của ông bà Thịnh, hai gia đình vẫn liên lạc với nhau từ xưa đến nay, hơn nữa từ gần tám năm nay cứ cách một năm Huy lại về Việt Nam một lần và vì hai gia đình quen nhau nên Huy và Thu đã nhiều lần cùng nhau đi du lịch trong nước.

Tám giờ tối, trong số các bạn bè đến nhà Huy cùng lúc, lần đầu tiên Hạ gặp Thu nhưng chàng có cảm tưởng như đã gặp Thu ở đâu rồi, Thu hôm nay mặc chiếc áo dài

màu xanh da trời, "một thứ màu xanh e lệ của một thời tiết muốn đẹp nhưng còn ngập ngừng", rất duyên dáng với nụ cười luôn luôn nở trên môi và đôi mắt đen to với cái nhìn như muốn bày tỏ một điều gì nhưng còn ngại ngùng không dám nói ra. Đứng trước mặt và chuyện trò với Thu, Hạ có cảm giác như mình trở về một miền xa xôi nào đó trong ký ức và đã gặp cô gái này vào một ngày xa xưa, dù rằng chàng chỉ mới 25 tuổi. Một điều lạ lùng khác nữa là trong câu chuyện những gì Thu kể cho chàng nghe vào lúc nằng 10 tuổi, Hạ cũng có cảm tưởng là chàng đã sống qua giống như vậy.

Tiệc tan vào khoảng hai giờ đêm, Hạ về đến nhà vẫn còn bàng hoàng và suy nghĩ mãi về hiện tượng này vì chàng không thể tưởng tượng được rằng mình có thể đã gặp và sống trong những kỷ niệm của Thu. Đầu óc quay cuồng, Hạ ngủ thiếp đi trong một giấc mơ, chàng đã trở về trong tiềm thức ở một kích thước thời gian nào đó. Rất nhiều hình ảnh và cảm nghĩ của Hạ, cũng như của Thu đã hiện đến xen lẫn nhau trong giấc mơ, không theo một thứ tự thời gian nào cả, giống như những đám mây đen trong một bầu trời bao la xám xịt. Hạ mơ bất chợt mình đang ở trong khung cảnh thời gian khi giao thừa vừa điểm, một năm mới vừa được sinh nở, mưa lay bay như những hoa giấy rơi chen vào những nụ hôn chúc mừng đầu năm của những người bộ hành trên đại lộ. Bỗng Hạ mơ thấy một cảm giác cô đơn giữa

đám đông người và cảm thấy thật lạ lùng vì trong những ngày này sự vui sướng của cuộc sống dường như được sắp chương trình trong những tờ lịch. Hạ cũng chợt mơ thấy những diễn tiến trong suốt một thời niên thiếu của chàng và trong đó có Thu, hai người trẻ tuổi luôn luôn khấn khít bên nhau, và đã cùng hứa hẹn sẽ yêu nhau mãi mãi. Nhưng cuộc đời đã làm chia cách đôi trẻ như hai ngôi sao bị ảnh hưởng bởi trọng lực ly tâm cuốn hút. Hạ mơ thấy Thu bị cuốn hút, quay tít trong một trận cuồng phong, nàng đang phải lo đối phó với những trận bão lụt cuồng phong dữ dội ở một vùng đất xa xôi hẻo lánh nghèo khổ nào đó, còn chàng thì đổ đạt làm ăn thành công ở vùng đô thị nước Pháp, rồi thảnh thơi và đặc biệt lắm chàng và Thu mới gặp nhau một cách vội vã ở phi trường gần một thành phố lớn lờ mờ mà chàng không nhận rõ được trong giấc mơ. Cả hai chỉ biết những diễn tiến đời sống của nhau qua những bức thư viết cho nhau trong suốt những năm tháng dài. Cả hai vẫn giữ nguyên tình yêu và không hề làm tan vỡ mối giây thương yêu đã kết hợp họ thành một. Hạ có cảm tưởng rằng thời gian đã đặt từng giai đoạn căng thẳng khác nhau trên cuộc đời mỗi người, theo từng nhịp điệu không bao giờ giống nhau, nhưng tình cảm liên hệ với những nhịp điệu và những giai đoạn đó vẫn không hề lay chuyển, chỉ có những cách nói khác nhau làm khiếm khuyết và làm sai lệch tình cảm đó. Có lẽ vì thế nên Thu và chàng đã phải chịu đau đớn, khổ sở vì sự vắng bóng nhau ở một khoảng cách ngàn dặm. Những

hình ảnh hiện ra trong giấc mơ cho Hạ thấy có những lần chàng nhớ Thu đến nỗi tâm hồn chàng thật khó mà bình thường trở lại được, chàng tự hỏi có lẽ nào Thu nghĩ rằng yêu đương có thể thúc đẩy đến độ phải chạy trốn sao? Hạ có cảm tưởng mình đã già đi, những tiếng động ban đêm ở trong nhà đã làm chàng thức giấc và làm cho mình không dễ lại được giấc ngủ, chàng cảm thấy lạnh rồi nóng và mỗi buổi sáng chàng thức dậy trong sự lo sợ về những gì không hoàn tất được trong ngày hôm trước. Mùa này thật êm ả, chàng nghĩ rằng có thể viết cho Thu tất cả những cảnh vật chung quanh, chàng có thể kể cho nàng từng phút những sinh hoạt trong suốt những ngày tháng của chàng, chỉ vì chàng muốn tiếp tục nói chuyện với Thu về chàng.

Giấc mơ vẫn kéo dài, Hạ mơ thấy vào một buổi sớm mai chàng bỏ đi theo các nẻo đường đất nước để hướng về một chặng đường kế tiếp trong sự hiện hữu của chàng. Chàng thấy những tuần lễ sau đó Thu đã phải chống chọi lại sự buồn bã của một cánh cửa chỉ còn mở ra cho sự cô đơn.

Tỉnh dậy, Hạ nghĩ phải chăng giấc mơ vừa qua là sự thật trong một cuộc sống của chàng ở một kiếp sống nào đó? Qua cửa sổ phòng, chàng nhìn xuống đường phố đèn vàng heo hắt, chàng cảm thấy một nỗi buồn thương nhớ không tên, ray rứt và chàng nghe mơ màng đâu đây tiếng nhạc buồn với lời ca "có lẽ nào tôi buồn đến thế! có lẽ nào quãng đường xa thế! để bàn chân không muốn tìm về". Hạ luôn luôn bị ám ảnh bởi giấc mơ này và hiện tượng "dường như đã

gặp nhau rồi". Hạ bắt đầu một cuộc tìm kiếm để giải thích hiện tượng đó và sau bao ngày tháng nghiên cứu qua các hiện tượng, qua các tin tức, qua các dữ kiện, qua các sách vở, qua những trường hợp khác nhau đã xảy ra ở khắp nơi trên thế giới, Hạ đã đi đến những kết luận như sau :

Nhận thức rằng chúng ta có thời gian trong vũ trụ này là một điều sai lầm. Thời gian là một kích thước chứa đầy những phân tử năng lượng. Mỗi loài, mỗi cá nhân, mỗi nguyên tử chạy ngang qua kích thước này một cách khác nhau. Đến một ngày nào đó, người ta có thể chứng minh được rằng thời gian chứa đựng vũ trụ chứ không phải vũ trụ chứa đựng thời gian như người ta vẫn tin tưởng vào ngày nay. Và đến một ngày nào đó, chúng ta sẽ hiểu được rằng thời gian là một chuyển động, nó tự quay vòng tròn như trái đất và không ngừng giãn nở. Đến khi nào chúng ta chấp nhận đặt lại những lý thuyết mà chúng ta đã sáng chế ra, thì lúc đó chúng ta sẽ hiểu biết được rõ ràng hơn mọi sự kiện liên quan đến sự lâu dài thật sự hay tương đối của cuộc đời một con người hay một vật.

Cái gì không phản chiếu ánh sáng là trong suốt, điều đó rất hiếm hoi vì mọi vật thường không trong suốt và điều chắc chắn là chúng ta không còn thấy được cuộc đời khi linh hồn chúng ta lìa bỏ thể xác. Mỗi người chúng ta được tạo thành và bị phá bỏ sự hiện hữu của mình theo một nhịp độ riêng biệt. Chúng ta không bị già đi do bởi thời gian trôi qua, nhưng bị già đi do năng lực chúng ta tiêu thụ và do khả năng đổi mới một phần năng lực của chúng ta.

HÀ NỘI VÀO THU

Hà nội vào thu gió dịu hiền
Tây Hồ trầm bổng sáo ai lên
Lững lờ mây trôi đi muôn nẻo
Đào dạt bè trôi đến mọi miền
Liễu rủ mơ màng tranh tuế nguyệt
Trăng soi bàng bạc cảnh thần tiên
Một lần gặp gỡ lòng xao xuyến
Như lạc mất ai nét dịu hiền.

KIỀU ANH

Ánh sáng của một ngôi sao không dùng một thời gian nào đó để chạy đến chúng ta mà chính thời gian dẫn ngôi sao đó về phía chúng ta. Nếu chúng ta hiểu được thật sự thời gian là gì thì chúng ta tự tạo được cho mình những phương tiện thực hiện một cuộc hành trình trong kích thước của thời gian. Sức lực thể chất của chúng ta bị giới hạn, sức lực này chứa đựng sức tự đề kháng nhưng đối nghịch nhau và làm cho sức mạnh cơ thể của chúng ta mất dần, nhưng linh hồn thì thoát được những điều đó. Tuy nhiên phần lớn các linh hồn cũng kết thúc bằng sự tắt ngúm. Thể chất của chúng ta bị già đi, còn linh hồn thì thay đổi tâm vóc và tuần tự ghi nhớ lại cuộc hành trình đã chạy qua trong vũ trụ, chúng thấm thấu ánh sáng, vận chuyển tính di truyền của đời sống từ

những phần tử nhỏ vô định đến phần tử to lớn vô định. Đó chính là sứ mệnh được đặt ra mà tất cả mọi linh hồn đều ước mong phải đạt cho được.

Chúng ta sống trên một hành tinh mà trong đó rất ít ai trong chúng ta đã làm hết được một chu kỳ cuộc đời và cũng rất ít linh hồn thành công trong việc đạt được mục đích của một cuộc hành trình, tức là chạy trốn vụn được cái vòng sáng tạo. Các linh hồn là những làn sóng điện. Linh hồn được cấu tạo do hàng tỉ phân tử khác nhau như tất cả những thành phần khác của vũ trụ. Như số phận đã xảy ra cho ông bà tổ tiên của chúng ta chẳng hạn, linh hồn đã bị phân tán riêng rẽ ra, tất cả chỉ là vấn đề năng lực. Chính vì thế mà ông bà tổ tiên chúng ta cần đến một thể xác ở chốn trần gian để đầu thai vào đó, để làm sống lại ở đó và để tiếp tục chạy theo lộ trình trong kịch thước thời gian.

Một khi cơ thể không còn đủ năng lực, linh hồn sẽ rời bỏ cơ thể và đi tìm một nguồn sống mới có thể đón chào nó để nó tiếp tục cuộc hành trình. Linh hồn đi tìm nguồn sống mới trong bao lâu ? Một ngày hay một thế kỷ ? Điều đó tùy thuộc vào sức mạnh của nó, vào nguồn năng lực mà nó làm sống lại trong suốt một cuộc đời. Nếu nó thiếu nguồn năng lực thì nó sẽ tắt ngúm. Nguồn năng lực này là nguồn sống, đó chính là tình cảm !

Vì nguồn năng lực chính là tình cảm theo nghĩa tổng quát hay theo nghĩa đặc thù của tình yêu, nên có thể xảy ra trường hợp hai linh hồn gặp nhau để làm thành một

linh hồn. Lúc đó hai linh hồn phụ thuộc nhau mãi mãi. Cả hai không rời bỏ nhau và không ngừng tự tìm gặp lại nhau, từ cuộc đời này sang cuộc đời khác. Nếu trong cuộc hành trình của sự hiện hữu trên trái đất này, một nửa linh hồn này tự tách rời nửa kia, cắt đứt sự thề nguyện kết hợp giữa chúng thì cả hai linh hồn cũng tự tắt ngúm.

Linh hồn này không thể tiếp tục cuộc hành trình mà không có linh hồn kia. Trong trường hợp nếu linh hồn này khước từ linh hồn kia thì một điều rất tệ hại sẽ xảy ra là hai linh hồn sẽ không gặp lại được nhau mà chỉ đi bên cạnh cuộc đời nhau và cả hai linh hồn sẽ bị tắt ngúm và biến mất đi. Như thế hai chuyến hành trình của hai linh hồn sẽ chỉ còn là một sự phí phạm không tưởng cho cả hai, vì rằng hai linh hồn đã đến gần kề mục đích.

Qua sáu nhận thức này, Hạ nghĩ đến trường hợp của mình và Thu, chàng đã nhận thức được sự kiện "đường như đã gặp nhau rồi" là do sự khác biệt về ý thức kích thước thời gian, nên chàng nhất quyết không để cho hai linh hồn chỉ đi phớt ngang qua một bên của nhau mà không cố gắng làm cho chúng gặp lại để kết hợp với nhau trong việc thực hành cho được trọn vẹn ít nhất một chu trình sáng tạo trong kịch thước thời gian này, đặt biệt trong tình yêu, để tránh một sự phí phạm không tưởng! Hạ đã tìm cách gặp lại được Thu.

Trần Tam Nguyên
(Paris)

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp theo)

Từ Đường Espagne đến Công trường Nhà thờ

Rời Công trường Nhà Hát, ta đi về hướng Nhà thờ Đức Bà. Từ Đường Espagne (Lê Thánh Tôn) trở đi, ta bắt đầu vào khu vực hành chánh, đường phố ít náo nhiệt hơn. Chỗ Quán cà phê La Pagode trước kia là phòng họp của Hội đồng thành phố (Khoảng 1867). Góc đường phía bên trái đối diện với La Pagode là Dinh Hiệp lý (Khoảng 1893-1900), một tòa nhà nằm giữa khuôn viên trải rộng đến Tòa Đô chánh ngày nay. Gần đó, từ năm 1864 đã có Dinh Thượng thư (còn gọi là Dinh Đồng lý Nội vụ) tọa lạc trên khoảnh đất chạy dài đến



Công trường Nhà Hát khoảng (1905)

góc Đường La Grandière (Gia Long), thời gian đầu chỉ là mấy ngôi nhà nhỏ xinh xắn khuất dưới vòm cây xanh, trong hàng rào có hươu nai đang gặm cỏ, dần dần dinh được xây lớn rộng thành tòa nhà hình chữ U hướng ra Đường Gia Long, sau này trở thành trụ sở của Bộ Kinh Tế VNCH. Phía đối diện, bên kia Đường Catinat, xưa là phần đất thuộc Sở Công binh (Khoảng

1870), sau chuyển giao cho Sở Thanh tra Hành chánh và Tài chánh (Khoảng 1900). Năm 1924, khu đất này được sửa sang làm Công viên Pagès, đến 1955 đổi tên là Chi Lăng. Theo cụ Trương Vĩnh Ký, vào đời vua Minh Mạng, nơi đây là Xóm Hàng Đinh, chuyên sản xuất đinh đóng gỗ.



Đường Catinat nhìn từ Ngã tư La Grandière (Tự Do - Gia Long, khoảng 1920). Khu nhà bên trái sau trở thành Công viên Chi Lăng.

Từ Đường La Grandière đến Nhà thờ Đức Bà, phía hai bên ta chỉ thấy toàn các ty, sở của chính quyền, vị trí các cơ quan này tuy không cố định, nhưng ta thường gặp nhất là các sở: Địa chánh, Trước bạ, Bưu chánh, Điện báo, Ngân Khố, v.v. Vào những năm Pháp mới đánh chiếm Sài Gòn, nhiều cơ quan hành chánh, quân sự hay chuyên môn được tập trung trong khu vực này như Dinh Thống đốc, Tòa án Quân sự, Sở Thủy đạo, Nhà Dây thép, Dinh Tư lệnh Quân đội, v.v. Một kiến trúc đặc biệt gây sự chú ý cho những ai đi qua đây là cái tháp cao chừng 15 mét, trên đỉnh có gắn đồng hồ, nên khoảng

đất bằng tại đây được gọi là "Công trường Đồng hồ" thay thế cho cái tên trước đó là "Công trường Chánh phủ". Không bao lâu tháp này bị tháo dỡ, một trạm bưu chánh được dựng lên, sau trở thành phòng thu thuế, ở vị trí hiện nay là góc Đường Tự Do - Nguyễn Du, chỗ Bộ Nội vụ VNCH. Trong khuôn viên Trường Taberd, phía góc Đường Hai Bà Trưng - Gia Long, trước năm 1865 có Sở Thiên văn, nơi lập bảng đối chiếu âm dương lịch, thông báo lịch gieo trồng hoa màu, lịch lên xuống của thủy triều, giờ mọc và lặn của mặt trời, mặt trăng v.v.



Đường Catinat nhìn từ Công trường Nhà Thờ (Khoảng 1900).

Nhà thờ Đức Bà

Ta đến công trường nơi cuối Đường Catinat, một vị trí độc đáo, nằm giữa trung tâm khu vực hành chánh. Nhà cầm quyền cho xây dựng tại địa điểm này một ngôi nhà thờ có kích thước đồ sộ và bằng vật liệu bền chắc để thay thế nhà thờ nhỏ tạm thời đặt tại phòng khánh tiết trong Dinh Thống đốc bằng gỗ, bên cạnh Công trường Đồng hồ. Vào ngày 7 tháng 10 năm 1877, Đức cha Colombert, với sự hiện diện của đông đảo các cấp lãnh đạo tại Sài Gòn, làm phép cho viên đá đầu tiên của ngôi thánh đường. Khi đào móng xây nền người ta tìm thấy mạch

nước trong, dùng cung cấp nước ngọt cho thành phố. Ngoài ra còn khám phá được những vũ khí và dụng cụ bằng đá, chứng tỏ là vào thời tiền sử đã có dân cư sinh sống tại vùng này. Nhà thờ được xây dựng khá nhanh, từ 1877 đến 1880, do Sở Công chánh thực hiện theo đồ án của Kiến trúc sư Bourard. Hầu hết mọi vật liệu như gạch, đá, sắt đều được nhập cảng từ chính quốc. Tường làm bằng gạch đỏ để trần, nền bằng đá hoa cương, bên trong được chiếu sáng nhờ có các cửa sổ trên cao và các ô kính màu trên vách dẫy nhà nguyện hai bên. Kiến trúc theo phong cách roman nhưng đặc sắc ở các chi tiết biểu hiện nét địa phương qua hình ảnh trên tranh kính màu, hoặc các dòng chữ Hán khắc phía trên cửa vào bên phải. Mặt tiền nhà thờ nhìn thẳng ra Đường Catinat, hai bên cửa chính có hai tháp chuông mái bằng phẳng, cao khoảng 40 mét. Bên trong hai tháp có 6 chuông, tất cả nặng khoảng 26 tấn. Nhà thờ do Đức cha Colombert khánh thành vào năm 1880, cung hiến cho Đức Mẹ Vô Nhiễm và Thánh Phanxicô Xaviê. Đến năm 1895, Kiến trúc sư Gardès phụ trách việc xây thêm hai chóp nhọn, phủ ngói bằng đá bằng màu xám, cây thập giá bằng sắt đứng chót vót trên mỗi



Nhà thờ Đức Bà (1900)

chóp, nâng độ cao tháp chuông lên tổng cộng là 57 mét. Việc xây dựng nhà thờ bị nhiều chỉ trích gay gắt vì tốn kém gần một phần mười ngân sách thuộc địa. Vì mọi kinh phí xây cất đều do chính quyền đài thọ nên người Sài Gòn lúc trước thường gọi Nhà thờ Đức Bà là "Nhà thờ Nhà Nước".



Nhà thờ Đức Bà (1905)

Thời ấy vào các ngày chúa nhật và đại lễ, tiếng đàn đại phong cầm ngân vang những bài thánh nhạc từ bục cao phía trên cửa chính. Lúc tan lễ, giáo dân tràn ra trước sân nhà thờ, y phục màu sắc tươi vui của các phụ nữ người Âu bên cạnh màu áo sari sặc sỡ quần quanh thân hình các phụ nữ Ấn Độ, hoặc áo dài, áo bà ba màu đậm của người Việt, nổi bật hẳn lên giữa sắc trắng y phục của các đấng mày râu người Âu. Kể từ tháng 10 năm 1913, Linh mục Souillard cho lắp đặt khoảng một ngàn bóng đèn điện lên các đèn chùm và quanh các cột trong nhà thờ, làm cho các buổi thánh lễ càng thêm trang trọng, rực rỡ. Vào thập niên đầu thế kỷ XX, họ đạo Sài Gòn gồm khoảng 5500 giáo dân, trong đó người Âu chiếm đa số (Khoảng 4000 người), còn lại là người Ấn (Khoảng 800 người) và người Việt (Khoảng 700 người). Giữa thảm cỏ xanh trước nhà thờ có bồn phun nước. Năm 1902

bồn nước này bị lấp đi, được thay thế bằng pho tượng biểu hiện Đức cha Bá Đa Lộc tay trình bản Hiệp ước Versailles cho Hoàng tử Cảnh đứng bên cạnh. Tác phẩm này do Lormier thực hiện, đặt trên trụ đá hoa cương đỏ, chỉ tồn tại đến năm 1945 thì bị kéo đổ.

Nhà Bưu điện

Sở Bưu chánh tại Sài Gòn gồm có hai văn phòng: Một tại Công trường Đồng hồ, một tại Nha Thương cảng cạnh bờ sông. Từ năm 1886 đến 1891, người ta xây tòa nhà Bưu điện và các sở, các văn phòng phụ thuộc trên khu phố giới hạn bởi Đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng) và Công trường Nhà thờ. Việc xây dựng được giao phó cho Sở Công chánh, dựa theo đồ án của Kiến trúc sư Villedieu (Về sau ông này giữ chức giám đốc Sở Xây dựng Dân sự tại Hà Nội) và phụ tá là Foulhoux. Kiến trúc mặt tiền theo phong cách Pháp vào đầu thời Đế Tam Cộng hòa. Đại sảnh rộng, thoáng, vòm cao,



Nhà Bưu Điện (1905)

tường trang trí bằng những bản đồ to chỉ dẫn về vùng Saigon và xứ Nam Kỳ. Trong cùng khuôn viên, cạnh tòa nhà chính của Bưu điện, người ta tập trung các cơ quan trực thuộc như nhà máy, phòng thí nghiệm, cơ

xưởng, lò rèn, tất cả cần ích cho sự bảo trì và khuếch trương hệ thống điện báo.



Nhà Bưu Điện (1920)

ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ NĂM XƯA

Trở lại đường bờ sông, ta bắt đầu chuyến đi thăm vại nơi tiêu biểu trên Đại lộ Nguyễn Huệ thời xa xưa. Khi Pháp mới đánh chiếm Sài Gòn, trục giữa của đại lộ này là lòng một con rạch, di tích của Rạch Sa Ngư đã được nhắc đến từ thời nhà Nguyễn. Pháp biến rạch này thành kinh đào thông thương với Rạch Cầu Sáu (Đại lộ Hàm Nghi) và Kinh Cây Cám (Trong khu vực Bộ Tư lệnh Hải quân VNCH). Một ngôi chợ được xây trên bờ kinh (Chỗ Tổng nha Ngân khố), thay thế Chợ Bến Thành cũ nằm gần bờ sông. Người Pháp thường gọi kinh này là Grand Canal nhưng dân ta gọi là Kinh Chợ Vải. Sau này kinh bị lấp biến thành con đường rộng thênh thang mang tên Charner nhưng người cổ cựu vẫn quen gọi là Đường Kinh Lấp.

Kinh Chợ Vải.

Khoảng năm 1864 Kinh Chợ Vải được nạo vét và đào nối dài đến Đường Isabelle II (Lê Thánh Tôn) là ranh giới vùng đất cao của thành phố. Công trình nạo vét quá tốn kém vì dưới đáy kinh đầy bùn nhão, người ta phải đóng rất nhiều cọc trước khi xây bờ

kè bằng đá và xi-măng. Có người châm biếm gọi nó là "Kinh đào Suez" vì phải mất thời gian khá lâu để kết thúc việc đào đắp. Đất đào lên dùng để lấp những nơi ảm thấp, lầy lội hoặc để đắp đường sá trong thành phố. Kinh Chợ Vải là một đường thủy tiện lợi, giúp cho ghe thuyền chuyên chở hàng hóa, thực phẩm đến cung cấp cho chợ và các hiệu buôn nằm dọc hai bên bờ kinh. Có hai cây cầu bắc qua kinh, một tại vàm kinh cạnh Sông Sài Gòn, một ở phía trước ngôi nhà thờ gỗ (chỗ Tòa Hòa giải, nhìn qua Đường Nguyễn Văn Thịnh).

Từ Sông Sài Gòn đi vào kinh, đường trên bờ phía tay trái của ta là Bến Charner, phía bên tay phải là Bến Rigault de Genouilly. Sau khi kinh bị lấp, tên "Charner" được giữ nguyên đặt cho đại lộ vừa hoàn thành, còn tên "Rigault de Genouilly" dành đặt cho Công trường Một Hình (Công trường Mê Linh hiện nay). Kinh Chợ Vải ngăn cách hai khu sinh hoạt thương mại, một bên là "Khu phố Châu Á", đa số tiệm buôn hay sạp hàng là của người Hoa, người Ấn, người Việt, tập trung chung quanh chợ. Theo hình chụp do Thống đốc Le Myre de Vilers lưu lại, ta thấy dãy nhà dọc theo bến chia thành nhiều căn đứng kề sát nhau, tầng trệt dành cho việc thương mại, tầng trên lầu dùng làm nhà ở. Bên bờ kinh đối diện, cùng một phía với Đường Catinat, tuy không gọi là "Khu phố Tây" nhưng phần nhiều các hiệu buôn do người Pháp làm chủ.

Kinh Chợ Vải là đường vận tải tiện lợi, nhưng vì nó ở gần bên chợ và khu dân cư đông đúc nên dễ trở thành hồ ú đọng đủ loại rác rưởi, mùi hôi thối bốc lên, ảnh hưởng đến sức khỏe của thị dân. Từ lâu, nhiều ủy viên trong Hội đồng thành phố đã

đề nghị lấp kinh nhưng mãi đến năm 1887 dự án này mới được hoàn tất. Người ta làm riêng một đường sắt để tải đất lấy từ Đống Mồ Mả mang về lấp Kinh Chợ Vải. Việc lấp kinh diễn ra từng giai đoạn: Khởi đầu kinh được lấp từ trong ngọn trở ra tới Tòa Hòa giải, đoạn kinh còn lại có hai chiếc cầu bắc qua, một tại vàm kinh, một gần bên chợ, thẳng hàng với Đường Ngô Đức Kế ngày nay. Mảnh đất bên trên khúc kinh vừa lấp xong được sử dụng làm công viên và dựng Đài kỷ niệm Doudard de Lagrée.



(Đại lộ Charner (Khoảng 1900))

Đến năm 1887 kinh được lấp hoàn toàn, trở thành đại lộ rộng nhất Sài Gòn (64 mét). Do đại lộ quá to nên cách bố trí lòng đường, vỉa hè, cây xanh, v.v. không gặp mấy khó khăn, trừ những năm đầu khi kinh vừa mới lấp, đất thường sụt lún, lầy lội và đầy ổ gà, khiến Sở Công chánh phải sửa đổi các dự án. Có lẽ ít đường phố nào trải qua nhiều thay đổi diện mạo như Đại lộ Charner. Trục giữa có lúc là bồn cỏ trang trí bằng khóm hoa và cây cảnh, hai bên dành làm đường cho xe chạy. Trục giữa cũng có lúc là một lòng đường rộng, nằm giữa hai lề đường trồng cây, v.v. Buổi đầu Đường Kinh Lấp được trải đá, đến năm 1906 mới được tráng nhựa.

Đứng trên bến tàu đầu đại lộ nhìn ra



Đại lộ Charner (Khoảng 1909)

dòng sông ta thấy một rừng cột buồm và từng cuộn khói đen bốc lên từ các tàu thủy. Cận đây có Đài kỷ niệm mà dân chúng gọi là "Ba Hình" gồm tượng Gambetta đứng trên bệ cao, hai bên dưới chân bệ có hai tượng lính. Ít lâu sau "Ba Hình" được dời về Ngã tư Norodom - Pellerin (Thống Nhất - Pasteur), phía trước Dinh Toàn quyền.

Từ chỗ ta đứng nhìn sang góc đường bên trái là cánh bên của tòa nhà Wang Tai (Nha Thương chánh) đi vài mươi bước ta tới một hẻm nhỏ mang tên là "Rue aux Fleurs".

Rue aux Fleurs

"Đường Hoa" là một ngõ hẻm ở khu phía sau Nha Thương chánh, chia làm hai nhánh, bên trái thông qua Đại lộ Canton (Hàm Nghi), bên phải đi ra Đường Amiral Roze (Phủ Kiết) bên hông chợ. Tên đường có vẻ nên thơ vì chỉ nghe qua ta tưởng tượng đến một đường phố đẹp và đầy hoa thơm. Nhưng khách đến thăm sẽ thất vọng vì chỉ là con hẻm rộng không tới 3 mét, dọc theo chính giữa có mương nước bắn hôi hám. Khoảng năm 1870, trong con phố thương mại này đã có bốn hạp năm sòng bạc. Ban ngày nơi đây khá vắng lặng. Từ chiều tối đến nửa đêm trở nên ồn ào khủng khiếp. Người tứ xứ đến giải trí, cờ bạc, chung quanh họ vang lên lần lộn tiếng kèn, tiếng trống, dưới ánh sáng đèn lồng hình trụ hay hình cầu làm bằng giấy màu. Cửa sòng

bạc mở rộng, khách đi thẳng từ ngoài đường vào trong gian nhà, nơi ba hay bốn người Hoa đang điều khiển cuộc đổ đen. Môn cờ bạc thịnh hành tại đây là "ba quan", giống như chơi hốt me nhưng thay vì dùng hốt trái me, họ dùng tiền xu bằng đồng đỏ. Chủ cái bỏ những đồng tiền vào cái bao vải, nắm hai đầu bao rồi lắc mạnh, tạo nên âm thanh lọc xọc đê cô xúy người chơi. Trong sòng bạc dành cho các tay đánh lớn, tấm chiếu rộng trải ra trên chiếc bàn cao đến thất lưng, tại đây tiền đặt thập nhất là một piastre. Không chỉ có lính bộ và lính thủy người Tây đến đánh bạc, mà có cả người giàu bản xứ. Tại các sòng bạc thuộc hạng thường, con bạc vây quanh chiếc chiếu trải dưới đất, anh lính săn-đá mặc áo xanh đội chiếc nón cối trắng đang lom khom, anh lính thủy nặc nồng mùi rượu, áo xốc xếch, nón đội lệch, ngồi chen bên cạnh anh "bồi" đến "nướng" số tiền lương ít ỏi.

Trong Đường Hoa cũng có vài ba ký viện, thực ra là những nhà ô chuột, nơi thường chỉ thấy lính trắng và thủy thủ lui tới. Những phụ nữ mặc áo rộng, đứng sau song gỗ, nước da nhợt nhạt, mái tóc cài hoa, mời mọc khách đi qua bằng những lời kêu gọi nhất. Khoảng 1880, các sòng bạc bị đóng cửa, các nhà chứa tạm lánh về Đường Batavia (Đường này nay không còn, một đoạn chạy xuyên qua Công trường Quách Thị Trang), trong khu đầm lầy Bourses. Khách hàng vẫn nhộn nhịp đi vào Đường Hoa, nhưng họ đến các tiệm bán hàng, tiệm hớt tóc, tiệm xay lúa già gạo...

Ga xe lửa.

Rời Đường Hoa ta trở ra Đường Kinh Lấp, đi về phía chợ. Khoảng 1900, trên dãy phố hai tầng đi từ bờ sông tới chợ có Quán cà phê Méridional và Khách sạn Hôtel du Marché. Phía bên kia đường, nơi đáng lưu ý là Tiệm chụp ảnh Planté, ghi lại bao ký ức của Sài Gòn vào đầu thế kỷ XX, truyền lại cho đời sau hằng trăm bưu ảnh kỷ niệm.

Trên lề đường ngay trước chợ có nhà



Nhà ga trước Chợ Sài Gòn (Khoảng 1905)

ga xe lửa. Đứng ra đây chỉ là một trạm xây bằng khung sườn sắt, mái lợp tôn, dùng làm nơi che mưa nắng. Ngoài trừ ca-bin bán vé, trạm không có vách che nên hành khách đi xuyên qua lại dễ dàng. Từ ga này xuất phát hai đường tramway chạy bằng máy hơi nước, một đường đi về Chợ Lớn qua ngã Cầu Ông Lãnh, đường kia đi về Gia Định - Gò Vấp qua ngã Đa Kao. Lộ trình Sài Gòn - Chợ Lớn được khánh thành vào năm 1891, lúc ấy ga xuất phát còn nằm trên bờ sông, gần Công trường Một Hình. Từ năm 1895, bắt đầu khai thác lộ trình Sài Gòn - Gia Định, hai năm sau nối dài tới Gò Vấp - Hóc Môn.

Từ bờ sông, chiếc xe lửa xinh xắn nhả khói tiến vào ga, đưa đón khách xong quay trở ra bên tàu, tùy theo lộ trình xe sẽ quẹo trái hay quẹo phải. Theo niên giám năm 1904, thay phiên nhau cứ mỗi nửa giờ có một xe lửa khởi hành. Xe đi Chợ Lớn rời ga lúc 5 giờ rưỡi sáng, chuyên chót lúc 8 giờ tối. Xe đi Gò Vấp bắt đầu vào buổi sáng lúc 4 giờ 35 phút, chuyên chót vào lúc 8 giờ 5 phút buổi tối. Vì được xây bằng vật liệu nhẹ dễ lắp ghép nên nhà ga thay hình đổi dạng nhiều lần, cuối cùng bị tháo dỡ không để lại chút dấu vết nào.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH

(Còn tiếp)

HẠT SÁNG THỂ, KHÔNG TRƯỜNG, VÀ BIỂN CHÂN NHƯ

+++

Minh Tích

Tháng ba năm 2013, một tin làm chấn động giới khoa học cũng như quảng đại quần chúng trên toàn cầu: đã xác nhận là có “hạt sáng thể” (God particle), đơn vị dưới nguyên tử (subatomic), giải thích cho việc những hạt cơ bản từ “không có hình tướng” (massless) biến thành “có hình tướng” (massive). Nghĩa là từ không thành có sự thay đổi mà những người có tín ngưỡng tin rằng thuộc về quyền năng Thượng Đế.

Sự đột phá trong khoa học này bắt đầu vào năm 1964, khi giáo sư Peter Higgs thuộc trường Đại Học Edinburgh bên Anh, cùng lúc với một số đồng nghiệp của ông, đưa ra lý thuyết là có sự hiện hữu bằng bạc khắp vũ trụ của một “trường” mênh mông không bờ bến được tạm đặt tên là “Higgs field”. Những hạt cơ bản khi qua trường này thì từ không tự nhiên trở nên có hình tướng, cũng có nghĩa là mang trọng lượng (gravity). Nhưng để có thể chứng minh là trường này hiện hữu thì phải có hiện thể của nó, đó là một boson có tên “Higgs boson”, được một nhà khoa học người Anh khác là Roger Penrose dùng một từ rất lý thú để đặt tên, là “hạt trời đánh” (the goddamn particle), nhưng khi nhà báo phổ biến cho quảng đại quần chúng thì đổi ra thành một từ đỡ gây sốc hơn là Hạt Thượng Đế (God particle). Tôi cho rằng từ tiếng Việt chính xác hơn có lẽ nên là “hạt

sáng thể”, gợi ý từ “Sáng thể ký” (Genesis) trong Thánh Kinh Thiên Chúa giáo.

Vấn đề “Thượng Đế” là một trong những vấn đề nhức nhối nhất của con người, đưa đến biết bao nhiêu tai họa suốt chiều dài lịch sử, cho đến ngay tại thời này, lúc này, trên toàn thế giới. Vậy mà giờ đây, Trung Tâm Âu châu về Khảo Cứu Năng Lượng (CERN), gần nửa thế kỷ sau khởi nguyên lý thuyết, cuối cùng đã xác nhận là “hạt Thượng Đế” được minh chứng không chối cãi qua các phương tiện khoa học trong một cơ sở trị giá 10 tỷ Mỹ Kim, thu thập dữ kiện từ hai ngàn tỷ sự va chạm (collision) giữa các hạt cơ bản. Higgs boson có lượng điện 0, lượng quang 0, độ quay 0, và tuổi thọ trung bình là 1.56×10^{-22} giây.

Nhưng nói “hạt Thượng Đế”, tôi ngại là không chính xác, vì tác nhân ở đây không phải là “Higgs boson”, mà là “Higgs field”, đưa vạn vật từ “không” đến “có”.

Mới đây tôi có duyên may đọc “KINH BÁCH DỤ”, thấy một đoạn làm tôi rụng rời nên đã dịch ra Anh ngữ, trong đó Phật đã trả lời một người Bà la Môn là vạn vật sinh ra từ Niết Bàn. Và Niết Bàn cũng là “Biển Chân Như”, “Bồ Đề Hải”, Không Hải, Như Lai, Như Lai Tạng, Phật Tính, mà tôi mừng tượng ra như một cái gì tựa tựa “Higgs field”.

Và tôi cũng lại nhớ do một phước lớn mà mới đây hiểu được đôi chút về cuộc tranh luận kéo dài mấy thế kỷ giữa những đệ tử

Ngắm thu DC nhớ thu Hà Nội

Mùa thu DC
Nắng vàng như uơm mật
Cả rừng phong rực rỡ đến sững sờ
Lá đỏ thắm tươi như áo em ngày cưới
Lá vàng mơ sầu đẹp tựa cô dâu
Em bước đi
Ánh mắt buồn vương lại
Anh xót xa nhìn
Chẳng biết nói năng chi
Bao năm qua đi
Từ khi già biệt kinh kỳ
Anh vẫn nhớ
Mùa thu xưa Hà Nội
Mùa thu với bao tang thương biến đổi
Khiến tình mình tức tưởi ly tan
Em ở lại Bắc
Anh vô trong Nam
Rời sang đất Mỹ
Người góc bể
Kẻ chân trời
Giờ chỉ biết ngậm ngùi
Nhớ lại mối tình xưa

Hồng Thủy

của Phật, một bên là phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivada) chủ trương “nhân không pháp hữu”, và bên kia là những đại sư Long Thọ, Vô Trước và Thế Thân, đã đưa ra lập luận cho rằng “nhân không và pháp cũng không”. Nhân ở đây là “cái ta đáng ghét”, và pháp ở đây là vạn hữu”, núi đồi sông biển, cỏ cây hoa lá, các loài chúng sinh, cho đến ánh sáng, bóng tối, điện từ, màu sắc, nghĩa là vạn hữu lan tràn khắp thế gian và vũ trụ.

Một điều đặc biệt lý thú khác nữa: theo lý thuyết đang được minh chứng, thì vũ trụ, trong cơ bản là không bền vững (unstable), một ngày nào đó sẽ tiêu hoại tan tành (nhưng cũng phải nhiều tỷ năm nữa chứ không sớm hơn).

Cũng lại đúng như lời Phật đã dạy chúng ta trong lý vô thường, chu trình thành trụ hoại không, với các loại thủy, hỏa và phong tai ngón đến biết bao nhiêu tầng trời trù ra những tầng vô sắc.

Nhưng vậy mà vẫn còn có cái vĩnh hằng, bất biến. Phải chăng đó là “Higgs field”, hay Bồ Đề Hải, Không Hải, hoặc Biển Chân Như, vv... từ đó bắt đầu mọi tạo tác khởi tự vô minh, và tới đó mọi loạn động cuối cùng sẽ hướng về, một Niết Bàn tịch tĩnh, cũng là “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”? Cái mà nhiều tín đồ các tôn giáo lập chế linh cảm được và đặt tên là “THƯỢNG ĐẾ”, hoàn toàn vượt ngoài tầm hiểu biết của con người và cần phải được thờ phụng với trọn niềm tin?

Minh Tích
(California)

ĐỌC TẬP THƠ “ƠN NGHĨA TRÙNG TRÙNG” của Huỳnh Công Ánh

NGÔ TÀNG GIAO

Sau khi cho ra mắt hai tập thơ là “HẠNH NGỘ BẾN TRỜI” và “QUẢNG GÁNH LAO ĐÀO GIỮ NỤ CƯỜI” Huỳnh Công Ánh lại ra mắt thêm tác phẩm thứ ba là “ƠN NGHĨA TRÙNG TRÙNG”. Tập thơ với gần 150 bài thơ. Có bài chỉ ngắn gọn 2 câu. Có bài dài hơn 13 trang. Chỉ có khoảng hơn chục bài theo thể thơ “lục bát”. Còn lại tất cả là thơ tự do, phá thể...

Người ta thường có ấn tượng là thi sĩ có một cuộc đời khác biệt hẳn với cuộc đời của thể nhân thường tình. Thi sĩ nhìn thấy những đối tượng mà đôi mắt trần tục của những con người thường không thể nhìn thấy. Nhiều người còn thần tượng hóa thi sĩ, cho thi sĩ là một kẻ vì phạm tội nên bị phát vãng từ trên thiên cung xuống dưới dương trần. Thật ra thi sĩ cũng chỉ là một con người bình thường và đối tượng của thơ, chất liệu cấu tạo nên những vần thơ không phải từ trên trời cao rơi xuống mà chính là những vui buồn, sướng khổ, những ước vọng, những ơn cao nghĩa nặng trong cuộc đời này mà thôi. Huỳnh Công Ánh đã chỉ ghi lại trung thực những điều đó dưới con mắt thi nhân.

Trong bài thơ “*Ơn Nghĩa Trùng Trùng*” Huỳnh Công Ánh viết những lời tha thiết để trước hết là ghi nhớ công ơn của hai đấng sinh thành:

*“Ơn cha mẹ
Ơn đất trời*

Ơn người đã dựng nên tôi xác hồn

...

Ơn tuổi thơ

Tiếng ru hời

Võng đưa lời mẹ à ơi ngọt ngào

Da vàng

Xương trắng

Máu đào

Cơm cha, sữa mẹ, tôi cao lớn dần.”

Rồi ghi nhớ đến công ơn của Thầy giáo và Cô giáo nơi mái học đường:

“Mái trường

Thầy, cô ân cần

Dạy tôi hiểu thấu nghĩa ân muôn trùng...”

Kể đến là tình nghĩa với vợ con, với gia đình và bà con họ hàng thân thuộc:

“Ơn vợ hiền

Ơn ân tình

Ơn ấm nồng mái gia đình dung thân

Ơn các con

Ơn họ hàng

Ơn sâu, nghĩa nặng tôi mang đời đời.”

...

“Ơn nghĩa sâu

Mong đáp đền

Ơn em tuyệt diệu nên duyên vợ chồng

Ơn yêu ai

Yêu hết lòng

Ơn nguyện đi hết đường trần bên nhau...”

Có lẽ chính bản thân mình bị thiếu thốn vòng tay nồng ấm của cha mẹ từ hồi còn nhỏ tuổi nên thi sĩ bộc lộ tình thương con nồng nàn:

*“Biết mấy thương con, con có biết
Đời ta rời cha mẹ thuở lên năm
Nên lơ lảo cả đời khao khát
Chút thiêng liêng ấm áp mái gia đình.”*

Trong một số bài thơ khác Huỳnh Công Ánh đã đặc biệt ghi nhớ ơn nghĩa với vợ mình một cách rất nhiệt tình:

*“Ơn em trong hồn anh cùng khắp
Hồn anh có bao giờ chết đâu...”*

*“Tạ ơn em đã
Cùng tôi ấm nồng...”*

*“Xuân Hạ
Thu Đông
Em mãi
Trong lòng...”*

*“Anh ngồi đọc chuyện phu thê
Ở trang kết cuộc toàn đề tên em...”*

“Nhìn em con mắt trở mầm xuân...”

*“Em mới là thi sĩ
Vì từ em
Anh đã viết thành thơ...”*

Đọc những dòng này một thân hữu của thi sĩ là Việt Phương đã phải thốt lên: “Chao ôi! Nịnh đầm khéo quá, chắc chúng tôi cũng phải mượn những câu thơ này để tán tỉnh bà xã ở nhà.”

Huỳnh Công Ánh cũng không quên hình ảnh thân thương của các người bạn của mình. Tưởng niệm một bạn tù, từng là phi công, bị chết trong trại tù cộng sản thi sĩ viết:

*“Trên mắt, trên môi anh
Đã bám tím vết cầm hờn*

*Hai tay buông xuôi
Nỗi hận thù chưa rửa được
Chiếc chiếu bó thân anh...”*

Khi được giải thoát khỏi ngục tù, lúc thăm bạn, tình cảm dâng tràn:

*“Bắt tay bạn nghe lòng thật ấm
Ám lạ thường dù chưa nhấp chén cay...”
(Thăm Bạn)*

Tại hải ngoại, nhận thức được nhiều khi có những mâu thuẫn giữa các bạn bè có chính kiến khác biệt, thi sĩ đã khéo léo nhắc nhở là chớ gây chia rẽ, thờ ơ vì như thế là u mê và chỉ làm quà cho giặc:

*“Quên mất rằng chỉ mỗi kẻ thù chung
Là cộng sản vô thân, độc tài, bán nước...”*

Tất nhiên một cái ơn nghĩa to lớn và đáng ghi nhớ nhất trong số những ơn nghĩa trùng trùng là ơn Tổ quốc, giống nòi, quê hương. Không bao giờ quên bản thân mình là dân Việt:

*“Ơn Tổ Quốc
Ơn giống giòng
Ơn Việt Nam đã nổi vòng tử sinh.”*

Công lao của các bậc tiền bối trong sử sách cùng với hình ảnh quê hương nào là bờ tre, bụi chuối, nào là bóng dừa, vườn cau... mãi mãi khắc ghi trong tâm hồn thi sĩ, chẳng dễ mau quên:

*“Quê mẹ đó bờ bờ xa tằm tấp
Mấy ngàn năm Đinh, Lê, Lý, Nguyễn, Trần
Tiền nhân dày công bao đời xây đắp
Xương máu anh hùng tô thắm giải giang sơn...”*
*

Hàn Mạc Tử vốn là người được nuôi dưỡng trong môi trường Thiên Chúa Giáo thể mà khi làm thơ đã nhiều lần nói lên cái ảnh hưởng bàng bạc và sâu xa của Phật giáo. Khi thì viết rằng: “*Thơ tôi thom huyền diệu / Mọc lên đạo từ bi...*” Trong bài khác lại viết: “*Trời từ bi cảm động ứa sương*

mờ...” Ngay trong bài “Thánh Nữ Đồng Trinh Maria” thi sĩ họ Hàn cũng đặt bút viết: “Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu với bình minh / Chiếu cùng khắp ba nghìn thế giới.”

Chính vì cái tư tưởng Phật giáo đã lắng sâu trong hồn dân tộc, trong nếp sống hàng ngày nên trong thơ Huỳnh Công Ánh, người cũng được nuôi dưỡng trong Thiên Chúa Giáo, độc giả cũng thấy xuất hiện những hình ảnh Phật giáo. Trước hết là “Niết Bàn”, “thiền”, rồi đến “luân hồi” và hình bóng “Phật Đà”:

“Niết Bàn gần lắm không cần với
Đã sẵn trong tâm một chữ thiền...”

“Luân hồi nghĩa là loanh quanh quay lại
Ta ở điểm nào trên vòng ấy bánh xe?...”

“Bánh xe em, vòng luân hồi kiếp kiếp
Quay muôn đời cứ thế kéo theo tôi...”

“Nam mô Phật, niệm không ngừng
Cầu ơn cứu độ để đừng rời nhau.”

Bàng bạc trong thơ còn có những từ ngữ khác đặc biệt của Phật giáo như “cõi tạm”, “cõi ta bà”, “sắc không”, “tiếng chuông Bát nhã” và “cầu kinh siêu độ” v.v...

Một điểm rất độc đáo trong thơ Huỳnh Công Ánh là thi sĩ hầu như đã nghĩ sao viết vậy. Lời thơ rất mộc mạc nhưng vẫn đầy nhạc tính. Điển hình là bài thơ có tựa đề là “Chu Đáo”:

“Món chu đáo, món mặn nồng
Kho cùng với món thương chồng đường xa
Món đảm đang, món thiết tha
Món dịu dàng nữa mở ra thom lừng
Dỡ cho anh đầy một thùng
Mỗi ngày ăn món thủy chung em làm.”

Hoặc khi đòi trả công trong bài “Ăn Càn”:

“Vá hộ anh
chỗ rách này

Trả công anh về
lông mày em cong
Dùng dăng mãi
chưa hài lòng
Thêm nụ hôn nữa
Được không?
Ừ liền.”

Và bàng bạc trong tập thơ độc giả bắt gặp những từ ngữ rất bình dị, mộc mạc như “cầu nhàu”, “mắc dịch”, “lành nhành”, “chạm đĩa”, “cù lằn”... Lúc thì cười “nắc nẻ”, khi thì “te tua”, có thời “lí lắc”, lúc thì nằm “chèo queo”, rồi còn hình ảnh chạy “lia” và ôm eo éch “chắc nụi” v.v....

Từ bình dị, mộc mạc dòng thơ nhiều khi lại thân nhiên gợi ra những hình ảnh rất dí dỏm, hóm hỉnh, tạo ra những nụ cười khá ý nhị. Khi cho con lên 3 bú sữa mẹ, con chề là hôi mùi thuốc rê, thi sĩ thân nhiên viết:

“Sao lạ vậy cả
Thời để mẹ hỏi
Ông già mày coi.”

Đôi khi lại muốn đóng vai chú cuội ngấp nghé dưới ánh trăng:

“Ánh trăng sáng ngà
Núp sau góc đĩa
Dưới ao em tắm
Anh là cuội già.”

Trong bài “Mơ Bị VC Bắt Lại” từ ngữ thật độc đáo:

“Đang ngủ đá vào mông em cái bịch
Em hét lớn! Sao vậy? Anh đá em
Không, anh đá lũ dịch
Nó chụp anh kéo vào lại trại giam...”

Quả thật Huỳnh Công Ánh không hề than mây, khóc gió. Trong thơ không thấy đề cập chi tới “bờ môi trái mộng”, không thấy hình ảnh “khoé mắt trời sao” và cũng chẳng có “da em lụa là”... Tuyệt nhiên không thấy đề cập chi tới “động hoa vàng”. Vắng bóng “chón Thiên thai”. Còn đâu “rừng ái ân”...

Phải chăng Huỳnh Công Ánh đã chọn đường đi khá biệt lập trong thi ca nhưng lại

rất đặc sắc. Vì thái độ tất yếu của thi nhân vẫn là sự chân thành, chân thành với đời và nhất là trung thành với chính mình. Nếu không có sự chân thành đó thì thi nhân sẽ không còn là thi nhân nữa.

*

Thi sĩ Huỳnh Công Ánh là một chiến sĩ nêu cao ý chí chống lại chế độ cộng sản rất tích cực. Cái ngày mà cộng sản thường gọi là ngày “giải phóng” thời thi sĩ của chúng ta khẳng định:

“30 tháng 4

Ngày giao hàng của phường buôn dân bán nước

30 tháng 4

Ngày tũn hồn của người vì tự do tranh đấu

Ngày tổ quốc vẫn khăn tang

Ngày Việt Nam trong đêm đen

Ngày dân cuộc đời anh đi vào nhà giam...”

Kể từ đó dân Việt làm than trong kiếp tù đầy, cảnh sống tang thương khắp trong xã hội, kể đi làm lao nô, người trở thành nô lệ tình dục ở nước ngoài :

“Cả giống nòi quần quại bởi lũ cuồng điên
Họng sủng, lưỡi lê, trại tù khắp mọi miền...”

Khi còn những lao nô, em bé bán mình
Những trẻ thơ không đủ áo, đủ cơm...”

Đất nước đang trên bờ vực thẳm rơi
vào kiếp nô lệ ngoại bang, bị Hán hóa:

“Ôi lịch sử đang đến hồi mạt vận
Lũ vô thần dâng, nộp, bán nước non...”

Thi sĩ nói lên cái ước nguyện của mình. Đây cũng là tiếng nói thiết tha của toàn dân Việt cả ở trong nước lẫn hải ngoại:

“Muốn sống còn về lại với người thương
Anh em ta chỉ còn có con đường
Phá ngục tù, không còn loài quỷ đở
Về chung xây lại cả nước Việt Nam...”
“Thề một ngày diệt lũ vô thần

Để người Việt Nam

Được làm người Việt Nam.”

Tại hải ngoại, với tinh thần quật cường bất khuất Huỳnh Công Ánh luôn nêu cao hình ảnh ngọn cờ vàng ba sọc đỏ. Ngọn cờ chính nghĩa này luôn luôn in đậm trong tâm khảm. Trong Đại hội Hưng Ca thi sĩ viết:

“Gặp người, người gặp ta lần ấy
Cờ Vàng bay bay trong mắt nhau...”

“Hôm nay lục lại ngày tháng cũ
Vẫn hồn tôi lồng lộng ánh Cờ Vàng...”

“Hai mươi lăm năm rồi

Em vẫn là em gái nhỏ

Mà Triệu Trưng linh hiển

Hiện trong hồn

Vững bước dưới bóng cờ

Vàng ba sọc đỏ

Ước vọng giống nòi

An lạc, quang vinh...”

Xuân Diệu trước khi bị nhuộm đỏ bởi chủ nghĩa vô thần đã húng chí mà cho rằng thi nhân là “Một con chim đến từ núi lạ, ngựa cỏ hát chơi.” Người nghe có cảm tưởng rằng trong cuộc đời này thi sĩ chỉ là một người quá xa lạ giữa loài người xa lạ.

Nhưng Huỳnh Công Ánh của chúng ta không phải là một con chim đến từ núi lạ. Con chim này đã trốn thoát khỏi cái lồng tù ngục cộng sản, cái loại nhà tù chẳng lạ lắm chi vì thường được che đậy dưới danh xưng xảo quyệt là “trại học tập cải tạo” mà ai cũng hay biết. Sau khi vượt trốn thành công khỏi trại tù thi sĩ lại thêm một lần nữa trốn khỏi cái lồng tù ngục lớn hơn, đó là đất nước Việt Nam dưới ngọn cờ máu. May thay cuộc vượt biên tới bến bờ tự do cũng thành công.

Hơn nữa Huỳnh Công Ánh không ngựa cỏ hát chơi. Thi sĩ kiêm nhạc sĩ này đã hát lên với giọng ca hùng tráng, truyền cảm trong phong trào Hưng Ca VN do chính anh sáng lập. Hát đòi Tự do, đòi Dân chủ và

Nhân quyền cho người dân Việt. Anh đóng vai ca nhạc sĩ vừa sáng tác, vừa hát những ca khúc đấu tranh, quện với tiếng đàn độc tấu tây ban cầm rất tài hoa của chính anh:

*“Bút thay gươm, lời hát rền thay bom
Khắp năm châu, lạnh lốt vạn tiếng chuông...”*

Tự nhủ cùng nhau rằng bằng câu hát lời ca coi như đã tham dự vào cuộc hành quân diệt cộng. Một lòng nuôi ý chí quang phục quê hương, giành độc lập cho đất nước, và xây dựng một Việt Nam không cộng sản, có tự do, dân chủ, và nhân quyền” :

*“Anh em mình, bởi thế mãi ngược xuôi
Đem niềm tin vang tỏa nỗi ngậm ngùi
Mong quê mẹ giống nòi thôi quần quại...”*

Văng vẳng tiếng Mẹ Việt Nam kêu gọi bên tai:

*“Mẹ đang chờ, mẹ đang đợi
Đợi đàn con từ khắp muôn nơi*

Quay về

Giành lại quê hương...”

Thi ca của Huỳnh Công Ánh quả thật là tiếng nói của lòng người, là cảm xúc chân thành, nói lên cái ước vọng của con người. Cầu mong sao điều mong ước của thi sĩ, và có lẽ của chung người dân Việt ở khắp mọi nơi, sớm trở thành hiện thực trong tương lai:

*“Quê hương sẽ một ngày kia quang phục
Tự do, nhân quyền và nòi giống quang vinh”*

*

Vườn hoa văn học nghệ thuật hải ngoại lại một lần nữa mở rộng đôi cánh cửa để đón thêm một bông hoa đầy khởi sắc, đó là thi phẩm: “ƠN NGHĨA TRÙNG TRÙNG” của Huỳnh Công Ánh.

Ngô Tăng Giao
(Tháng 8 năm 2013)



Trong buổi ra mắt sách *Ơn Nghĩa Trùng Trùng* của Nhà thơ Huỳnh Công Ánh tại Annandale, Virginia ngày 4 tháng 8, 2013.

Từ trái: Huỳnh Công Ánh, Lữ Anh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao và Nguyễn Ngọc Bích..

NHỚ THƯƠNG U-MINH

*Kính tặng anh lính chiến VNCH và phu quân tôi.
Đại hội họp bạn, vào ngày 31 tháng 8 năm 2013
của SĐ21/BB “Sét Miền Tây” ở Nam CA*

Đêm Tân Uyên thương câu hò Cái Nứa
Cơm lửa rơm, cá kho nghệ vàng tươi
Tháng mười một trắng cảnh bông so đũa
Cuồng mật ngọt ngào đượm thắm bờ môi

Qua Xẻo Muồng nhớ thuốc rê giấy quynh
Chòi lá sơ sài gió tạt mưa xuyên
Thôn xóm tiêu điều trong cơn chinh chiến
Trời tối thui đom đóm rộ lên đèn

Về Cần Thơ, ghé thăm ngôi trường cũ
Phan Thanh Giản còn loang vết đạn bom
Sân trường lớp học con đường tình sử
Ngày xanh ơi, những kỷ niệm vui buồn

Đường về ngoại sinh lầy mưa sùi sụt
Hồn trũng buồn theo vết tích quê hương
Đón đưa em cổng trường Nông Lâm Súc
Học trò nghèo không giữ được người thương

Sáng Cham-pa, chiều Ya-li, Ái Tử...
Khuya trăng lên, thôn Hòa Hảo êm đềm
Tiếng kinh kệ đưa vào hồn cô lữ
Chợt rời xa những lo lắng muộn phiền

Châu Đốc, Vĩnh Bình, Khe Xanh, Đồng Tháp...
Lội nước quá lưng, rừng, núi... cheo leo
Nắng cháy da dướng quân chiều Đá Bạc...
Suối trong veo bát ngát uốn chân đèo

Trời rặng sáng quân về U Minh Thượng
Trú chân “*sư đoàn hai một*” bán doanh
Mưa nhiệt đới, mây âm u tám hướng
Trùm Pon-sô, màn đen phủ xây thành

Bên nước đục ngọt, bên trong lò lợ
Bao hiểm nguy đời lính chiến phong sương
Hành trang nặng ba-lô niềm thương nhớ!
Phép thường niên là mơ ước bình thường

Giờ nữa vòng trái đất... xa xôi quá!
Sau giặc tràn vào cưỡng chiếm miền Nam
Chưa thành thơ, dù xú người giàu, lạ...
Dân khổ đau... nên nhiều việc phải làm...

Bốn Vùng Chiến Thuật bốn ba xuôi ngược
Yêu quê mình, yêu đời lính bộ binh...
Chiều U Minh con vắt, rừng tràm, đước...
Ôi cổ hương, sao quần nặng thâm tình!

DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN

ĐT: (530)822 5622

Email: dtdbuon@hotmail.com

LÊ MAI LĨNH TRÊN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG GAI LỬA

Thái Tú Hạp

Trong khoảng thời gian chiến tranh bùng vỡ khốc liệt trên quê hương thân yêu, Trường Bộ Binh Thủ Đức được xem như điểm hẹn của tuổi trẻ lên đường “xếp bút nghiên theo việc đao cung”. Hầu như các nhà thơ nhà văn miền Nam đã từng có tác phẩm đăng trên tạp chí Bách Khoa, Văn, Văn Học, Khởi Hành... đều hiện diện trên các mặt trận bốn vùng chiến thuật. Ở khắp các chiến trường xa, trong mỗi phút giây là mỗi thách thức với định mệnh. Nhưng đối với người lính trẻ lúc nào cũng tỏ ra can trường, vẫn an nhiên tự tại, vẫn xem cái chết tựa như lông hồng có gì phải quan tâm lo sợ “*Túy ngộ sa trường quân mạc tiếu. Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*”. (Sa trường say khướt cần chi? Xưa nay chinh chiến mấy khi trở về) (Vương Hàn – Chi Điền dịch)
Xem cuộc chiến như trò chơi.

*“Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau”...*
(Nguyễn Bắc Sơn)

Ngông nghênh bạt mạng coi đời như cỏ rác, biểu tượng thái độ tuổi trẻ lúc bấy giờ. Vô nghĩa, phi lý, cuộc chiến không có niềm tin ở tương lai trước âm mưu xâm lược thâm độc của kẻ thù Phương Bắc. Cuộc tử sinh bất ngờ đến độ người lính không còn cảm giác buồn vui. Ở mặt trận có thể thiếu

nhiều thứ nhưng không thể nào thiếu thơ trong tâm hồn đã trót mang nghiệp vào thân. Chính nhờ cái thế giới thơ văn này, tôi đã quen biết và nhớ đến hầu hết các bằng hữu chung cùng thế hệ đầy những bất hạnh, trong giòng lịch sử thăng trầm u uẩn đó.

Trong những bằng hữu quen tên nhưng chưa bao giờ gặp mặt này, có nhà thơ Sương Biên Thùy (bút hiệu của Lê Mai Lĩnh), anh dùng vào những năm 1958 qua những tác phẩm của anh xuất hiện trên các tạp chí Văn Nghệ ở Sài Gòn.

Sau cuộc tang thương trầm thống, chúng tôi chẳng khác nào bầy chim trên giàn lửa, hốt hoảng bay lên tung cánh ra khắp phương trời để hít thở không khí tự do bát ngát tình người. Không ngờ nơi đất khách quê người, tôi gặp lại nhà thơ Sương Biên Thùy. Anh đã đến định cư ở thành phố Hartford thuộc tiểu bang Connecticut, Hoa Kỳ, và tiếp tục làm thơ, viết văn, làm báo sau nhiều năm nghiệt ngã đau thương tận cùng ở các trại tù Cộng Sản từ Nam ra Bắc: Trảng Lớn, Long Khánh, Long Giao, Hoàng Liên Sơn, Lao Kai, Vĩnh Phú, Thanh Hóa, Gia Rai... Cái khí khái của người lính ngày xưa vẫn còn lẫm liệt bất khuất trong máu huyết Lê Mai Lĩnh “*Tất cả chúng ta đều là những kẻ chiến bại trước sự đói nghèo của nhân dân. Trước quê hương khổ đau, chúng ta đều có tội, dấu khoác cho nhau màu áo nào. Trái tim, máu, nước mắt tôi đây ngày trở lại, sau 3102 ngày khổ sai trong 10 nhà tù Cộng Sản từ Nam ra Bắc, xin trao tặng quê hương và bạn bè...*”.

Anh đã cố hết sức vắt óc moi tim, nhớ cho ra những tác phẩm sáng tác trong các trại tù, trong mọi tình huống khó khăn nguy hiểm, nhất là trong những giây phút bị dòm ngó theo dõi để tạo chứng cứ trả thù anh bằng những ngón đòn độc hiểm. Nhưng anh không bao giờ chết. Thi sĩ không bao giờ chết. Như Y Uyên, Bùi Giáng, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hoàng Sa, Phan Nhự Thức... Còn hơi thở là còn tiếp tục làm thơ. Cho dù bàn viết ở nơi viễn xứ không khác gì những ngiệt ngã đau xót về vật chất như ở quê nhà, nó cũng đầy đầy những tra tấn tinh thần kẻ sĩ. Nhưng chúng ta vẫn hiên ngang lên đường vượt qua tất cả mọi khó khăn. Khi anh còn đang ở trong những trại tù CSVN, anh ngang ngạnh bướng bỉnh không cúi đầu khuất phục, chống đối chế độ đến cùng, anh đã từng bị kỷ luật Kiên Giam suốt 3 tháng rông rã nhưng vẫn không dập tắt lửa trong hồn anh. Ngục tù đối với những người lính chiến kiên cường lắm liệt, chẳng khác như trạm dừng chân, nhà chí sĩ Sào Nam Phan Bội Châu đã từng nói

*“Cũng là hào kiệt, cũng phong lưu,
chạy mỗi chân thì phải ở tù
Thân này vẫn còn, còn sự nghiệp
Bao nhiêu nguy hiểm ngại ngục chi”.*

Khi nhà chí sĩ này bị bắt vào ngục thất ở Quảng Châu. Đến Cự Tây Hồ Phan Chu Trinh, khi bị quân Pháp bắt đày ải ngoài đảo Côn Lôn, Cự đã nhận định: *“Những kẻ và trời khi lỡ bước. Nam nhi hà sá chuyện cón con”*. Nhà thơ Lê Mai Lĩnh đã nuôi dưỡng khí miệt mài thâm lặng sáng tác và anh đã gom góp lại bằng trí nhớ hơn năm mươi bài thơ có lửa, có tình yêu và quê hương, giao cho nhà xuất bản Sông Thu chúng tôi lo chuyện in ấn phát hành. Cõi thơ Lê Mai Lĩnh có cái khí khái của

Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát, Trần Dần, Nguyễn Chí Thiện...

*...Cười, không thể được
Khóc, chẳng phải hay
Giận mình, đời hèn mọn
Bất lực và nhỏ nòi
Trước trăm muôn buốt nhói
Giữa nỗi đau nhân quần
Đọc lại thơ Úc Trai
Soi rõ tài thao lược
Đời mùa hát vung vuơm
Dựng lên người tâm thươc
Muôn năm sau sử sách còn wom...
(Nguyễn Trãi)*

Ra khỏi trại tù trên chuyến tàu cuối năm trở về mái ấm gia đình, Lê Mai Lĩnh không tỏ ra thái độ khiếp nhược sợ hãi, anh tự tin vào hồn thiêng sông núi, vào sự phần nộ của lòng dân đói khô, và tự hứa với chính anh là phải tiếp tục con đường đấu tranh giành lại tự do dân chủ:

*Chúng không giết được chúng ta
Sau ngày 30 tháng 4...
Chúng không giết được chúng ta
trong bóng tối
đôi rét và sự lãng quên
Nơi núi rừng âm u Việt Bắc
Ta đã ra ánh sáng
ta đã về đất sống*

*Nhất định chúng ta phải thắng
Nhất định chúng ta phải thắng...
(Chuyến Tàu Cuối Năm)*

Đọc thơ Lê Mai Lĩnh, chúng ta hình dung ra ngay quê hương Quảng Trị miền địa đầu giới tuyến, nơi anh đã sinh ra đời trong cái thời tiết đầy ngiệt ngã, khủng khiếp của mưa nắng Hạ Lào. Cửa truyền thông bà Mẹ Gio Linh cần rặng nuôi thù đi nhận đầu con giữa chợ. Nhớ lại những ngày tái chiếm Cổ Thành, Quân Đội VNCH được thế giới vinh danh... Giòng sông Thạch Hãn như ông đồ già trầm mặc chuyện thế sự nghìn năm đời

thay hưng phế... Nhưng tôi vẫn yêu Quảng Trị có Thánh Đường La Vang, có ngôi trường Nguyễn Hoàng với hai hàng cây phượng vĩ, yêu những nét nhạc đầy ắp âm hưởng nồng thắm quê hương của Hoàng Thi Thơ, và tiếng hát ngọt ngào trữ tình của Như Quỳnh...

Bên cạnh những bài thơ có lửa, chiếm đa số trong thi tập Thơ Lê Mai Lĩnh, chúng tôi tìm thấy cái thế giới nhẹ nhàng êm ả tình yêu lãng mạn, khá thơ mộng của anh.

...Em có biết

Một tối Đông Xuân người ta chôn anh

Huyệt, là nơi trái tim em ngự tọa

Và nhờ thế, anh phục sinh, sống lại...

...Anh hứa,

sẽ nổi gió cho diều em lên cao

cho tài năng,

nhân sắc em lên cao

Nhưng hãy ở lại mặt đất

cùng anh nghe em

trái tim nồng, hơi người yêu dấu”.

(Anh Hứa)

Trong thơ, Lê Mai Lĩnh dùng nhiều từ ngữ rất hiện thực, thường tình như những mẫu đối thoại thân thương giữa hai người bạn, giữa hai người lính, thoát nghe như khó chịu, nhưng ngẫm nghĩ cảm nhận được trọn vẹn cái tình thâm rất dễ thương, đại khái như: Ba người anh dữ dằn, tôi biết mình nhỏ con, trói gà không chặt, chơi bạo, chơi xa, cầm khẩu súng trong tay, nẩy cò, làm thơ, uống rượu... tự nhiên chơn chất không hoa hòe hoa sói điệu nghệ. Tuy nhiên, trong những cái tầm thường, đôi khi cũng cần thiết cho đời sống, nhất là khi chúng ta rời bỏ tất cả những cái tầm thường đầy kỷ niệm đó, để phải mỗi ngày nhìn ngắm những cảnh trí giả tạo chung quanh:

“...Những cánh sữa sang tầm thường giả dối.

Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng.

Giải nước đen giả suối chẳng thông dòng...

Dăm vùng lá hiền lành không bí hiểm.

Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu...”

(Hồ Nhớ Rừng của Thế Lữ)

Có thể hằng ngày chúng ta chạy đuổi theo đời sống ở miền đất quá mê mông này, chưa quen, nên vẫn có cảm tưởng như thời gian qua quá nhanh, một thoáng đã hơn mười năm, hai mươi năm, giật mình tưởng chừng cuộc đời như bóng câu qua cửa sổ. Mỗi người đều tự lựa chọn cho chính mình một phương hướng nhân sinh phù hợp với tuổi đời. Càng “tri thiên mệnh”, càng cảm thấy cuộc tử sinh thật vô thường, chuyện đến đi nơi thế gian này cũng chỉ:

“nào ai tỉnh, nào ai say?

Chỉ ta, ta biết.

Lòng ta, ta hay.

Nam nhi sự nghiệp ư?

Hồ thi. Hà tát, tiêu dao.

Cùng sâu với cỏ cây”

(Hồ Trường - Dương Bá Trạc)

Nhưng với nhà thơ Lê Mai Lĩnh thì lúc nào lửa cũng hừng hực trong tim. Có lần, tôi phỏng vấn anh trước khi anh dự tính cho xuất bản thi tập Lê Mai Lĩnh, chính anh đã thổ lộ chí hướng phải đạt đến. “*Tiền bạc không làm mình bất tử, nhưng tham gia vận động lịch sử làm mình sống mãi với thiên thu*”. Anh đang đi theo con đường gai lửa của Nguyễn Trãi, khí khái của Nguyễn Thái Học (*không thành công thì thành nhân*)... và cầu mong anh sớm được toại nguyện.

Sống trong đời, ai cũng nuôi ước mơ, nếu không có ước mơ, chắc đời sống sẽ trở nên vô nghĩa. Người xưa đã bảo: “*Thà thấp lên ngọn nến còn hơn ngồi nguyên rửa hoài trong bóng đêm*”.

Thái Tú Hạp

ĐAM MÊ THẦM KÍN CỦA LUCIA

Phuong-Duy TDC

1-

Chiếc xe buýt “ Dragon Tour” khởi hành từ Westminster, Nam California đã đến Las Vegas sau một thời gian dài chạy nhanh băng qua vùng sa mạc chỉ trồng toàn những loại cây thấp, cằn cỗi mọc hai bên đường trắng nhựa. Nhìn xa xa những đỉnh núi vẫn còn tuyết phủ trắng xóa.

Toàn bước xuống xe và kéo túi hành lý vào khách sạn Riviera Casino & Hotel nằm trên đại lộ Nam Las Vegas. Đây là một building nhiều tầng cao, rộng lớn, chớp chớp ánh đèn nhiều màu ngày đêm. Sau khi xong thủ tục thuê phòng, chàng nhận chìa khóa rồi theo thang máy lên dãy lầu 8. Tắm rửa xong xuôi, thay áo quần sạch sẽ và ấm hơn. Chàng đi xuống phòng kéo máy, chơi bài của khách sạn. Phòng rất rộng rãi, trang trí mỹ thuật nhưng quá yên lặng.

Chàng nhìn các máy, mỗi dãy dài cả trăm máy mà chỉ có một hai người ngồi chơi. Chẳng bù mấy năm trước đây, khách nào đến chậm phải chờ người đứng lên, mới có chỗ ngồi chơi.

Không khí thời huy hoàng đó rất vui nhộn, ồn ào, tiếng nhạc reo inh ỏi kể tiếp nhau không ngớt khi có người trúng lớn. Ngồi chơi một lát, nhìn quanh chẳng thấy khách, chàng đứng lên tìm các dãy khác, mong thấy đông khách chơi mới hào hứng. Chàng đã đổi chỗ năm lần, không phải bị thua phải đổi máy mà vì chàng hôm nay đang thời vận đỏ, thắng nhiều và thắng lớn

nữa là khác. Số tiền ghi trên giấy biên nhận đã lên đến vài ngàn. Nếu ngày trước, khi thấy thắng nhiều tiền là chàng ngưng không chơi nữa, đứng dậy ngay đi đến quầy đổi tiền, đem tiền bỏ vào ví cho chắc ăn. Nhưng lần này, trong phòng im lặng quá, tuy thắng mà không thấy hào hứng vì máy có reo lên mà chỉ có mình chàng nghe. Trước kia, đông người chơi, hẳn có người trúng lớn, nghe tiếng máy reo, là mọi người tạm ngừng chơi nhìn xem người nào mà được may mắn thế! Tâm lý chung của người chơi bài bạc là thích không khí hào hứng; còn được hay thua thì cũng chỉ là phụ, bỏ ra ít tiền và nhiều thì giờ để thử thời vận và giải trí là chính. Toàn đi qua hai ba dãy máy không có khách. Đến dãy cuối phòng, chàng thấy có hai người khách ngồi cách nhau, chàng chen vào máy phía giữa. Thấy được một số tiền lớn rồi, chàng hăng hái bỏ nhiều tiền vào máy hy vọng sẽ trúng lớn hơn. Thần may mắn cũng còn theo phù hộ chàng: tiếng nhạc reo to và kéo dài!

Bà lão người Hoa bên cạnh nói to một tràng tiếng Tàu, Toàn không hiểu bà nói gì, chỉ nghe được vài âm “ta hầu, ta hầu”... nên chàng hiểu “rất tốt, rất tốt” thôi. Cô đầm trẻ tuổi bên cạnh cũng ngưng chơi, nhìn sang và nói “Va bene... duecento dolares...”. Lần này, chàng hiểu rõ nghĩa câu nói này: “Tốt thật!...hai trăm đô-la...” và nhờ câu nói này chàng cũng biết thêm “cô

đầm láng giềng” là một cô gái người Ý. Chàng cố gắng vét trong trí nhớ mới “tiếng Tàu Chợ Lớn” hồi còn ở Việt Nam, nói lớn

với bà già người Hoa bên cạnh để mong bà vui cũng như cảm ơn Bà:

“Lụ mụ, siê siê nì ! Nì hẩu ma? ” (Lão mẫu, cảm ơn Cụ! Cụ có khỏe không?)

Rồi quay sang cô gái chàng nói một hơi dài:

“Grazie. Per forvare, parli più lentamente. Parlo italiano. “ (Thành thật cảm ơn. Xin cô vui lòng nói chậm chậm một chút. Tôi nói được tiếng I-ta-ly.)

Cô gái rất ngạc nhiên khi nghe câu nói đúng giọng Ý của Toàn nói với mình. Bỗng người đẹp cất giọng Bắc, nói một câu tiếng Việt, đủ cả dấu huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã... để đáp lại:

“Xin lỗi, Ông là người Việt? Mi chiamo.... Lucia (tên tôi là Lucia).

“Còn cô cũng là người Việt? Tên tôi: Toàn Nguyễn.”

“Không, tôi là người Ý, quốc tịch Ý, sinh ra tại Milano, nước Ý, nhưng có một nửa phần máu Rồng Tiên luân lưu trong người.”

2-

Vận may lại đến thêm với Toàn, ngoài số hên về cung tài lộc bài bạc, nay thêm số đỏ về cung bạn bè. Lucia cho biết nàng đến sòng bài Las Vegas bằng phi cơ từ New York ngày hôm qua. Nàng đi một mình, không quen ai nên thấy hơi cô đơn, lạc lõng. Nay tình cờ gặp một người Việt biết một ít tiếng Ý nên nàng cảm thấy vui vui và lạ lạ. Nàng muốn làm quen để cùng vui chơi trong những ngày nàng đi du lịch ở nơi này.

Nàng hỏi Toàn:

“Vận hên của anh còn... nhưng Lucia hỏi anh còn muốn tiếp tục kéo máy nữa không? Hay muốn đứng dậy dạo chơi với Lucia một lát?

Si? No?”

Toàn đứng dậy ngay, nở một nụ cười rồi nói:

“*Si!* (Vâng) “*È vero.*” (được quá!)

Lucia đề nghị:

“Bây giờ chúng mình đi ăn. Sau đó đi dạo phía ngoài phố để xem sinh hoạt Las Vegas về đêm. Anh đồng ý không? Em không rành nơi đây lắm, tùy anh dẫn dắt.”

“Ý kiến của em rất hay, thôi chúng mình đi ăn.”

Toàn chọn một ristorante italiano sang trọng để ăn tối với người đẹp. Ngồi nơi nhà hàng ăn của Ý này, Toàn để toàn quyền Lucia gọi thức ăn. Nàng nói bằng tiếng Ý khi order món ăn nào nàng thích. Chàng ngồi nghe Lucia nói với bồi bàn như để có dịp ôn lại ngôn ngữ Ý-đại-lợi chàng đã học thuở còn là sinh viên xa xưa mà nay mới có cơ hội thực hành.

“*Un tavolo per due personas, per favore.*”

Chàng hiểu: “Xin vui lòng dành một bàn cho hai người.”

“*Potrei vedere il menu*”(xin cho xem thực đơn)

“*la lista dei vini?*”(cho xem list các loại rượu vang?)

“*Vorrei vino rosso, per favore*”(Vui lòng cho tôi rượu vang đỏ)

Nàng chỉ vào thực đơn rồi nói:

“*Antipastro...*”(Món khai vị...)

Chỉ hàng tiếp theo:

“*piatto principale...*” (Món ăn chính...)

Cuối cùng:

“*...acqua, due tazzas di caffè, por favore*” (Nước, hai tách cà phê)

Dưới ánh đèn nhiều màu nơi nhà hàng, Toàn nhìn Lucia không chớp mắt, càng nhìn càng trông nàng xinh đẹp và tươi trẻ hơn lúc Lucia ngồi ở máy đánh bạc nơi sòng bài. Chàng tự nhủ: “sao mà mình gặp hên thế!”

Chờ thức ăn mang ra, Lucia nhìn Toàn và hỏi nhỏ:

“ Xin lỗi anh, em đặt vài câu hỏi thật thân tình nếu có gì làm phật lòng anh, xin anh bỏ qua nhé. Anh có vương bận gì không trong thời gian này, vợ con, công việc làm, tiền bạc tốn phí... có thể rong chơi với Lucia một thời gian ngắn được không?”

“Tuy mới gặp em nhưng anh rất vui để giải đáp thắc mắc của Lucia. Không bận bịu thế nhi, không lo việc đi làm vì anh chủ một business riêng, nghỉ hay làm do anh quyết định, tiền bạc thì cũng tạm đủ để vui chơi trong một thời gian vừa phải. Anh qua Mỹ định cư cũng trên hai mươi năm. Lúc đầu mới qua lo bù đầu đi làm vừa kiếm sống vừa đi học thêm. Sau đó tốt nghiệp đại học rồi ra mở business tư. Chưa có lúc nào thật sự rảnh rang để đi chơi xa với bạn bè nhiều ngày. Nay nếu Lucia thấy có thể chọn anh làm bạn thì cũng là dịp may để anh thực hiện ý nguyện rong chơi nhiều ngày với bạn, nhất là bạn gái ngoại quốc mỹ miều như em thì còn gì thú vị hơn?”

“Thế thì tốt! Tôi nay em sẽ trả phòng, dọn về ở chung với anh. Anh phải “take care” cho người em gái bé bỏng của anh kể từ giờ này, anh chịu không?”

3-

Sau khi ăn xong, rời nhà hàng hai người bạn tay trong tay tìm hơi ấm khi đi dạo chơi các đường phố và một số sông bãi. Lucia thích nhất là đứng trên một cây cầu bắc qua hai bên bờ một con lạch nhỏ xây dựng tượng trưng một đại lộ, nói đúng ra một thủy lộ ở Venice thu nhỏ lại. Đôi bạn nhìn một chiếc gondola, thuyền đáy bằng, trước mũi vuron cao mà du khách thường thấy ở bên Ý, chờ khách dạo chơi trên

những con sông đào trong thành phố Venice, đang chờ đôi tình nhân nam nữ âu yếm nhau, trong khi người điều khiển chiếc thuyền tình vừa chèo vừa hát những tình khúc nổi tiếng của Ý. Giọng hát opera không cần máy khuếch âm mà nghe vẫn rõ ràng. Giọng rất ấm và vang xa những ca khúc nổi tiếng của dân tộc I-ta-li-a: như “Arrivederci Roma, O Sole Mio, Volare, Santa Lucia, O Marenariello...” thật du dương, thật lãng mạn của dân tộc Ý đa tình.

Nghe những tình ca này, cô gái Ý Lucia trẻ trung, đa tình không tự chủ nổi nữa, nâng quay sang người bạn trai vít đầu chàng xuống trao một nụ hôn dài vừa thỏa tình vừa thêm hơi ấm giữa đêm thu lạnh ở Las Vegas, một trong những thiên đàng ăn chơi và bài bạc trên địa cầu.

Toàn đưa Lucia đi thăm nhiều nơi nữa: khu khách sạn sông bãi “New York, New York”, khu “Tour Eiffel”, khu “Hải Tặc”...

Trời về khuya, đôi bạn cảm thấy thấm lạnh, Lucia đề nghị nên trở về khách sạn. Phòng khách sạn đang mở máy sưởi nên rất ấm. Lucia đưa tay bật TV lên để nghe dự báo thời tiết và tin tức. Trong một bản tin tức, xướng ngôn viên loan tin:

“... năm 2010 có nhiều sông bãi, khách sạn tại thành phố này phải đổi chủ hoặc đóng cửa vì mức thu nhập quá yếu kém ...”

Nằm gồi lên tay Toàn, mặt sát mặt của Toàn, Lucia kể:

“Mẹ em vượt biển, được một tàu buôn của Ý vớt đưa về Ý. Được chính phủ Ý chấp nhận cho định cư. Khi bà đi làm, được một chủ nhà hàng ăn người Ý thương yêu và sau đó bà kết hôn với ông ta. Bà tiếp tục chăm sóc nhà hàng. Bốn năm sau, em ra đời tại thành phố Milano. Bố em rất thương yêu quý mến mẹ con em. Em đi học và tốt

ngiệp đại học bốn năm. Sau đó em lấy người chồng Ý cùng học với em. Chẳng may, bốn năm qua, người bố thân thương của gia đình em qua đời để lại toàn bộ gia tài khách sạn và ristorante cho mẹ con em quản lý. Mẹ em không có bà con nào sống tại Ý, nên cảm thấy cô quạnh khi tuổi càng ngày càng cao. Có mấy bà cô, ông cậu, bà di ở New York viết thư rủ mẹ em sang sống ở New York cho gần bà con, gần cộng đồng người Việt. Mấy người bà con đó nhờ luật sư làm thủ tục đưa mẹ con em sang Hoa Kỳ với lý do bỏ số vốn lớn mở nhà hàng ăn Ý như ở bên Châu Âu.

Em kết hôn năm năm, không có con cái gì nên khi gia đình em có ý định sẽ định cư ở Mỹ, em chia tay với chồng em để đi theo hầu hạ mẹ em lúc tuổi già.

Mới qua Mỹ được vài tháng, sẵn có nhiều tiền ba em để lại, em xin phép mẹ em làm một chuyến du lịch cho biết nước Mỹ trước khi về lại New York trông coi nhà hàng với mẹ em. Em bay sang Las Vegas và gặp anh đầu tiên. Anh biết đôi chút tiếng Ý nên hợp với ý muốn của em. Em sẽ nhờ anh đưa em đi chơi vài nơi ở tiểu bang Arizona, California, Washington State và vài nơi nữa tùy anh lựa chọn. Sau cùng em về lại New York lo làm ăn. Nếu anh không vương bận thì cũng như công việc làm ăn riêng của anh, anh thích làm quản lý một ristorante thì theo em, em sẽ giới thiệu với mẹ em để anh nhận công việc. Tiền du lịch từ nay về sau, em chỉ trả, nếu anh muốn đóng góp thì tùy hỷ. Em cần anh chăm sóc và thương yêu em trong lúc chúng ta cùng đi du lịch. Nơi nào nổi tiếng, thắng cảnh nào đẹp, em mong anh đưa em tới để vui chơi. Đối với quan niệm của người Ý, đời sống rất ngắn ngủi nên phải

tận hưởng nhưng phải sống cho thủy chung, thánh thiện”.

Về phần Toàn, nhiều người bạn gái Việt, Hoa đã chung sống với Toàn “như vợ chồng” trong thời gian lâu rồi nhưng khi gặp cô gái Ý lai Việt, chàng thấy khác lạ. Giống như ăn một tô bún bò và một đĩa bít-téc. Cùng là thịt bò mà mùi vị, khẩu vị khác nhau xa. Thân hình Lucia, cô gái lai âu tây đầy đà hơn, săn chắc hơn, vòng nào cũng đạt tiêu chuẩn. Lại thêm dòng máu lãng mạn của Ý, lối sống cởi mở của người tây phương khác với lối sống khép kín của gái Á đông nên trên giường ngủ cũng như nơi công cộng rất hợp với đam mê của Toàn.

Nàng thủ thi bên tai Toàn:

“Trong các bản tình ca nổi tiếng nước Ý của em, em thích nhất bản Serenata của Toselli. Nhưng các CD khó tìm thấy bản nhạc này mà đa số, gần như đĩa CD nào cũng xen kẽ những bản O Sole Mio, Volare, Santa Lucia, Come Back To Sorrento.”

Toàn giải thích:

“Em biết tại sao mà bản Serenata rất nổi tiếng trên thế giới mà ít xuất hiện trong các CD ở Ý cũng như Âu Mỹ vì... lý do “đạo đức”. Tác giả Enrico Toselli sáng tác bản Serenata năm 1900 lúc ông mới ở tuổi “teen”. Nhạc sĩ sinh ra ngày 13 tháng Ba năm 1883 tại Florence, Ý và qua đời ngày 15 tháng Giêng năm 1926 cũng tại sinh quán. Ông là một người chơi dương cầm và soạn nhạc. Thời trẻ tuổi, ông là một tay dương cầm thủ có hạng trong các ban nhạc hòa tấu nổi tiếng ở Châu Âu. Bản nhạc trữ tình Serenata “Rimpianto” Op. 6-No 1 được nhiều người biết và thích. Nhưng sau đó, ông bị một scandal tình ái lãng nhãng với Bà Công tước, vợ của một vương tước một quốc gia bên Âu Châu. Bà này bỏ

chồng vì mê nhạc và đi theo ông nhạc sĩ này. Họ thành hôn với nhau năm 1907, chỉ được vài năm ngắn ngủi vì sống với nhau không có hạnh phúc như trước kia họ mơ tưởng. Họ ly dị năm 1912. Họ có với nhau một người con trai tên Carlo Emanuele Toselli (sinh 7 tháng 5 1908 và mất 1969). Các triều đình bên Châu Âu lúc bấy giờ không bằng lòng scandal của Toselli vì thể các nhạc phẩm khác của Toselli dù có hay như bản Serenata cũng tạm quên lãng”

Toàn nói tiếp:

“ Khi nào Lucia qua California, anh sẽ dẫn em đến các tiệm bán nhạc như Rasputin, Border Music để tìm CD có bản nhạc Serenata em thích. Riêng anh, đã mua được đĩa CD có bản nhạc này là “A Ticket to Italy” và CD Enrico Toselli “Le romanze ritrovate” hát bằng tiếng Ý rất hay. “

4-

Toàn đưa Lucia đi thăm thắng cảnh Grand Canyon ở tiểu bang Arizona theo lời yêu cầu của nàng. Tuy mới vào những ngày cuối của mùa thu, nhưng khí hậu Arizona là xứ sa mạc khắc nghiệt nên đôi thay tùy lúc, có lúc nóng cũng dữ mà lạnh cũng không kém, chẳng theo ngày hay đêm. Sáng sớm đôi bạn rời khách sạn, lên xe buýt du lịch. Sương mù và khí lạnh ban mai còn trùm toàn vùng sa mạc Las Vegas. Lucia uống cạn ly cà phê nóng mang theo mà vẫn không thấy ấm hơn chút nào dù trên xe buýt đang mở máy sưởi. Nàng ngồi sát vào Toàn, ngả đầu lên vai Toàn, tay nắm hai tay Toàn mà hơi nóng của người Toàn cũng chưa làm Lucia bớt lạnh.

“Em cảm thấy thế nào?”, Toàn hỏi.

“Em lạnh...”

“Ngâm viên kẹo ho bạc hà này rồi choàng thêm chiếc áo ấm của anh. Lát nữa mặt trời lên, sẽ nóng hơn. Em nên nhắm mắt ngủ tiếp, tối hôm qua em thức gần như suốt đêm để vui chơi nên em chưa ngủ đủ giấc đây.”

“Khi nào mới đến nơi?”

“Xe còn đưa du khách ghé thăm Hoover Dam, đập thủy điện lớn nhất nước Mỹ, rồi sau đó mới trực chỉ Grand Canyon. Phải 2 giờ trưa may ra mới đến nơi.”

Mặt trời đã xóa tan lớp sương mù dày đặc buổi sáng, chiếu sáng xuống sa mạc Nevada và Arizona tỏa nhiều nhiệt lượng hơn. Trời âm dần khi mặt trời lên cao và có màu đỏ đậm. Lucia chợp mắt được một thời gian khá dài. Nàng thức giấc, cảm thấy bớt lạnh và dễ chịu hơn vào lúc xe buýt đang rẽ vào khu Hoover Dam. Toàn nhìn Lucia và hỏi:

“Cung tỉnh ngủ chưa? có bớt lạnh và khô chưa? Chuẩn bị xuống xe và lội bộ thăm khu Hoover Dam hùng vĩ.”

Tấm bảng sơn hàng chữ lớn chào mừng Hoover Dam hiện ra phía trước. Như một hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp, Toàn bắt đầu rót vào tai cô bạn Lucia những điều mà nàng đang muốn biết khi hai người đang nói gót theo đoàn du khách. Toàn nói:

“Du khách đến Las Vegas thường thích đi viếng Hoover Dam và Grand Canyon sau khi đã bỏ nhiều ngày đêm thử thời vận đỏ đen ở các sòng bài tại đây. Hoover Dam là một trong những công trình xây dựng vĩ đại của nước Mỹ. Đập này khởi công từ năm 1931 và hoàn thành năm 1935. Đập ngăn dòng nước của con sông Colorado để tạo ra hai hồ nước. Hồ thứ nhất là hồ Mead (1935) và hồ nước thứ hai là Mohave cùng hoàn thành đập Davis trong năm 1950.

Khi xây đập nước này 5,218 công nhân có thể làm việc trên đồi cao cùng một lúc. Hoover Dam cao 726.4 feet, chiều ngang 660 feet phía đáy và đã cần đến 4,360,000 khối yard bê-tông và có thể cung cấp vào khoảng 150 tỉ kilowatts điện, đủ nhu cầu năng lượng cho hàng triệu cư dân sử dụng trong hai mươi năm.”

Lucia và Toàn tay trong tay nới đuôi du khách đi vòng quanh đập để chụp ảnh, quan sát những cảnh vật chung quanh. Từ trên cao nhìn xuống phía đáy đập, nước chảy rì rào. Mặt trời đứng bóng rọi xuống nước phản chiếu những tia sáng nhiều màu sắc rất đẹp. Xem Hoover Dam trong vòng hai tiếng đồng hồ rồi du khách lên xe để tiếp tục vào địa phận bang Arizona.

5-

Khi ngồi trong xe, Toàn đưa chai nước cho Lucia. Lucia từ chối vì nàng không thấy khát.

Toàn giải thích cho Lucia:

“Em phải uống nhiều nước liên tục tuy em không cảm thấy khát. Uống nước để giữ sức khỏe. Theo bản chỉ dẫn cho du khách, vì phải cuộc bộ nhiều giờ để xem phong cảnh Grand Canyon dưới thời tiết khắc nghiệt giữa nóng và lạnh chênh lệch nhiều, nên cần phải ăn uống đủ chất bổ, hoặc dùng những thức ăn có nhiều muối như potato chips, salty snacks. Uống nước hoặc loại “sport drinks” tạo nhiều năng lượng, bổ dưỡng nếu phải đi bách bộ trong vòng 30 phút. Thức ăn giúp cho thân thể đủ sức đi bộ còn phải uống nửa lít nước và muối giúp cho thân thể bồi đắp khi bị điện giải (electrolytes) sau lúc đi bộ nhiều giờ. Sau chuyến du lịch về, buổi tối phải ăn nhiều hơn thường ngày. Dịp này không

phải là thời gian kiêng ăn “diet” vì nếu thiếu bồi dưỡng sẽ bị bệnh sau vài ngày đi chơi. Cung nghe rõ chưa?”

Nghe Toàn nói xong, Lucia mở chai nước “tu” một hơi rồi bóc gói potato chip và các loại nuts ra nhâm nhi ngay. Nhìn thấy thế, Toàn khen Lucia:

- Anh rất vui khi được “take care” một cô bé rất “ngoan” và dễ mến!

Đến khu vực Grand Canyon, xe buýt dừng lại tại khu Grand Canyon Visitor Center có quán sách, văn phòng chỉ dẫn du khách, khu ăn uống, chỗ mua đồ lưu niệm để hành khách ăn trưa và thư giãn một lúc.

Lucia theo sát Toàn vào khu mua đồ lưu niệm. Nàng mua hai chiếc “mugs” có in hình Grand Canyon tại quầy hàng của National Geographic.

Đôi bạn đưa máy ảnh nhờ một du khách chụp ảnh hộ khi hai người đứng trước tấm phóng ảnh rất lớn có dãy núi Grand Canyon hùng vĩ. Sau đó, tay trong tay, đôi bạn dắt nhau vào nhà hàng ăn trưa và mua thêm nước để uống khi đi viếng cảnh Grand Canyon. Toàn nói với Lucia:

“Năm nay, Grand Canyon National Park tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 90 nhưng thật ra người ta đã khám phá và đến xem phong cảnh này từ những ngày xa xưa, nghĩa là lâu lắm rồi. Tổng thống Wilson đã ký lệnh công nhận Grand Canyon National Park ngày 26 tháng 2 năm 1919. Từ ngày đó đến nay có nhiều công lệnh, và nhiều vị Tổng thống ký những quyết định tu sửa công viên. Đến năm 1975 “Grand Canyon Enlargement Act” cho phép công viên nới rộng thêm như khu vực chúng ta trông thấy hiện hữu.”

Vừa đi Toàn vừa nói cho Lucia biết thêm một vài khái niệm về nơi đến thăm

viếng. Lucia chú ý nghe và rất thích thú kiến thức khái quát này.

“Grand Canyon chia ra thành hai “Rims”: South Rim và North Rim cách nhau theo đường bộ 215 miles (356 km). South Rim ở trên độ cao 7,000 feet (2,100 m) có nhiệt độ 50-80 độ F (10-30 độ C) về mùa hè và 20-50 độ F (- 7 đến 10 độ C) về mùa đông. North Rim ở độ cao 1,000 feet (300m) và chênh lệch vào khoảng 10 độ F (6 độ C), khí hậu lạnh hơn so với South Rim.

South Rim mở cửa đón du khách suốt năm trong khi North Rim chỉ mở cửa giữa tháng Năm cho đến giữa tháng Mười. Tuyết phủ đầy North Rim về mùa Đông và ít tuyết hơn ở South Rim. “

Theo dòng du khách đi thăm viếng, Lucia và Toàn đi bộ băng qua công viên rất rộng để đến địa điểm quan sát núi đá Grand Canyon. Nhìn cây cối trong công viên chỉ còn một ít lá đổi sang màu đỏ, màu vàng bám vào cành cây. Đứng lá rụng xuống các gốc cây bị khí hậu lạnh ẩm ướt nên đổi màu sậm và bùn. Mặc dù đã xế trưa, du khách vẫn còn giẫm chân trên vài đám tuyết chưa tan hết. Chỉ nghe tiếng gió thổi mạnh, không nghe tiếng chim chóc hay thú vật nào khác. Tiếp theo, đoàn du khách bách bộ theo đường mòn nhìn mặt trời chiếu xuống dãy Grand Canyon từng phút từng giờ thay đổi cường độ và góc độ ánh sáng, màu sắc trên các dãy núi đá trước mặt. Có lúc du khách hít gió mạnh đập vào mặt mình. Nghe tiếng nước chảy rì rào một cách mơ hồ vì dòng sông Colorado đang luân lưu từ dưới vực sâu trong khi du khách ở trên bờ rất cao. Cảnh rất lạ và đẹp, thật thần tiên! Nhất là khi có dịp xem mặt trời lúc bình minh, xem mặt trời khi hoàng hôn ánh sáng như kéo chạy trên dãy núi đá thay đổi

màu sắc thật tuyệt vời. Những nơi mà du khách đứng xem cảnh hùng vĩ của Grand Canyon ngày hôm nay là món quà rất quý của nhiều thế hệ trước đây đã bỏ rất nhiều công sức để tạo nên. Du khách được thụ hưởng công lao, trí tuệ của nhiều người đóng góp vào. Những công trường hiện nay vẫn tiếp tục những công trình nói rộng, mở mang đường xá, xây dựng thêm tiện nghi và tạo sự hấp dẫn thêm cho du khách những ngày tháng tới. Sau những giờ đi ngắm hàng dãy núi đá dài bất tận của Grand Canyon, du khách lên xe trở về lại Las Vegas. Toàn quay sang Lucia và hỏi:

“Lucia, le piace?” (Lucia, em thích chứ?)

Lucia mỉm cười, trả lời ngay:

“Sì, mi piace...” (Vâng, em thích...)

Lucia rất vui vì được Toàn hướng dẫn chuyên đi chơi xa ở ngoài trời được chiều chuộng và thương yêu như nàng mong ước. Nàng thủ thỉ với Toàn:

“Chuyến du lịch này với anh, em sẽ nhớ mãi!”

Cô gái Ý dơ tay lên vẫy và nói:

“Arrivederci Grand Canyon! “ (Tạm biệt Grand Canyon) khi xe buýt từ từ chuyên bánh.

Một luồng gió rất mạnh thổi qua, những chiếc lá rụng nơi sân xi-măng ở chỗ đậu xe bốc lên và xoay tít trên không. Lucia tưởng tượng như Thiên Nhiên vẫy tay chào nàng. Nàng mỉm cười đưa tay lên môi làm một động tác “hôn gió” để đáp lại.

6-

Chiếc xe buýt của hãng du lịch “Dragon Tour” về đến bến tại thành phố Westminster lúc 8 giờ tối. Toàn và Lucia nhận hành lý và gọi taxi đi về nhà. Nhà

Toàn là một biệt thự tọa lạc trên một con đường nhìn ra biển Thái Bình Dương. Lucia bước xuống xe, Toàn kéo hành lý của nàng và của chàng, hướng dẫn Lucia đi vào nhà. Toàn mở cửa, bật đèn. Một phòng khách rộng rãi dưới ánh sáng êm dịu từ chùm đèn tỏa ra. Lucia thốt lên tiếng khen:

“Nhà của anh Toàn đẹp quá!”

Bản tính “tò mò” cũng như muốn “double-check” của Lucia nổi lên. Nàng nói ngay với chủ nhà:

“Anh Toàn, chỉ cho em bathroom, em cần...”

Toàn dẫn Lucia đến bathroom, tiện tay chàng bật đèn hộ nàng. Lucia nhoẻn một nụ cười rồi nhỏ nhẹ: “Cảm ơn Anh”. Lucia bước vào trong, nàng gài cửa rồi quan sát, nàng lầm bầm: “Đúng là tổ ấm của một ông độc thân”!

Sở dĩ nàng muốn vào phòng này không vì nhu cầu cá nhân mà muốn biết Toàn có đúng “không bận thê nhi” như chàng đã thổ lộ hai ngày trước đây khi gặp nàng lần đầu tại Las Vegas. “Mùi đàn ông” phảng phất với những đồ dùng bày trước mắt nàng như lotion after shave “Aqua Velva Ice Balm”, chai “California L'eau de Cologne en atomiseur pour hommes” cùng một chiếc khăn tắm màu sậm duy nhất. Chẳng có một đồ đạc hay dấu vết gì của phái nữ nơi đây cả. Nàng yên chí đi ra phòng khách.

Toàn nhủ Lucia đi theo chàng. Toàn giới thiệu các phòng trong nhà để Lucia tiện sử dụng:

“Đây là hai phòng ngủ. Em chọn phòng nào cũng được rồi kéo hành lý vào. Lấy quần

áo ra treo vào tủ. Đây là phòng ăn và bếp. Đây phòng giặt, sấy quần áo. Trong khi em sắp xếp áo quần, tắm rửa... anh lái xe ra phố mua một ít thực phẩm, rau củ, tối nay chúng mình nấu cơm ăn tại nhà. Ngày mai sẽ tính chuyện đi ra ngoài phố ăn nếu em thích.”

“Vâng, ý kiến này hợp với Lucia. Em đề nghị với anh, tối nay em sẽ nấu món ăn của Italia đãi anh, Lucia từ nhỏ đến lớn, mẹ em không có nhiều thì giờ rảnh rỗi để truyền cách nấu những món ăn Việt cho em. Em lấy chồng người Ý năm năm chỉ ăn món ăn Ý và nấu toàn món Ý. Em chỉ biết làm một món “đặc sản Việt Nam” duy nhất là món “chả giò cua bể” mà mẹ em thường làm riêng cho gia đình ăn vì bố em và em rất thích món ăn này. Rồi mẹ em bận trông coi nhà hàng ristorante italiano cũng chỉ nấu toàn món ăn của Ý nên em chẳng học được món ăn Việt Nam nào thêm.”

“Đi chợ, anh mua cho em loại thịt bò để làm beefsteak, rau xà lách đủ loại đã làm sẵn đóng gói, chai Italian dressing (light), một hũ Dijon Mustard with honey, cà tomate, hai củ hành tây lớn màu trắng (white onions)... và đừng quên chai rượu vang đỏ loại Cabernet Sauvignon, OK!”

7-

Mùi chiên xào đồ ăn trong bếp tỏa ra thơm lừng.

Toàn nhìn Lucia mang “tạp dề” đang đứng trước bếp trở tài nấu nướng rất thiện nghệ. Nàng như người nhạc công điều khiển dàn trống đang “solo” trong một ban nhạc, tay nàng bốc miếng thịt bò bỏ vào

chảo, tay khác đảo nấm, hành, cà chua, ớt... thêm chút nước Maggi, bơ Bretel, thêm gia vị. Hình như theo một thứ tự, lớp lang có sẵn trong đầu nàng. Toàn quan sát tỉ mỉ thấy Lucia không lúng túng, không lo âu, có lẽ vì nàng đã quá quen nấu những món ăn này.

Toàn hỏi nàng:

“Potrei vedere il menu, per favore?”

(“ Tôi nay cho anh thưởng thức món ăn nào?”)

Lucia trả lời:

“Em nói chậm để anh nhớ hoặc ghi vào giấy nhé:

“ Menu gồm có *“Crema di funghi”* hoặc *“Zuppa di cipolle”*, anh thích loại nào?”

“Món “xúp nấm”, “xúp hành”. Em cho xúp hành nhé!”

“OK, nghe tiếp:

“Spaghetti aglio, olio e peperoncino”, nghe rõ không?”.

Như một thông dịch viên, khi nghe xong một câu tiếng Ý do Lucia nói, chàng dịch ngay ra tiếng Việt đề Lucia kiểm lại chàng có hiểu sai ý của nàng không.

“Rõ, mì xào tỏi, dầu và ớt”

“Đến món chính: *“Bistecca di manzo”*

(Bít-téc)

Lucia khen:

“Đúng, giỏi...”

tiếp theo *“Insalata di pomodori”*

(Xà lách trộn cà chua...)

“Vino rosso”

(Rượu vang đỏ)

“Tráng miệng:

“Frutta”, *Caffè*, *Tè con limone*, *Acqua...*”

(Trái cây, Cà phê, Trà chanh và Nước...)

Lucia nhìn Toàn bằng một ánh mắt âu yếm như người vợ trẻ mới vừa về nhà chồng, nàng nói:

“Không ngờ “một bò tiếng Ý của anh” cũng kha khá nhỉ!”.

Toàn chuẩn bị bàn ăn. Chàng đặt các ly, đĩa, muỗng, nĩa. Một lọ hoa hồng giữa bàn. Hai đèn cây màu xanh ngọc. Chai rượu vang đỏ Cabernet Sauvignon chàng chọn do Robert Mondavi Napa Valley sản xuất. Mondavi là người chế tạo rượu vang Hoa Kỳ rất nổi tiếng được thế giới biết tên tuổi. Gia đình Ông từ nước Ý di cư sang Hoa Kỳ sinh sống từ nhiều thập niên ở cái nơi của rượu vang nổi tiếng của Hoa Kỳ: “Napa Valley, California”.

(Còn tiếp một kỳ)



©PHƯƠNG-DUY
TRƯƠNG DUY CƯỜNG
(California)

GẶP GỠ NỮ SĨ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Hồ Trường An

Đây là chương cuối cùng trích trong tập Bút khảo “*Náo Nức Hội Trăng Rằm*” của Nhà văn Hồ Trường An được Cơ Sở Cỏ Thơm xuất bản năm 2007. Các chương viết về Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trần Bích San đã được Đặc San Cỏ Thơm lần lượt đăng tải trước đây.

Tôi vốn thích văn chương viết về quê hương đất nước và văn chương viết về hồi ký. Tôi thích phong tục tập quán và văn minh Nước Trung Hoa. Có lẽ phong tục tập quán của Nước Việt Nam chúng ta chịu ảnh hưởng sâu đậm nền văn minh tập quán của đất nước có diện tích vĩ đại trên bàn đồ thế giới này chăng? Cho nên khi đọc quyển hồi ký *Les Mondes Que J'ai Connus* của Nữ Sĩ Pearl S. Buck tôi rất thống khoái. Bà nữ sĩ người Mỹ này sống một phần ba cuộc đời trên đất Nước Trung Hoa. Sự nghiệp văn chương vĩ đại của bà cùng Giải Nobel Văn Chương dành cho bà vào năm 1939 là ở công trình khai thác tập quán và phong tục của đất Nước Trung Hoa mà nơi ấy thân phụ của bà mang cả gia đình (trong đó có bà) đến truyền giáo Tin Lành.

Tôi chưa bao giờ ra khỏi Nam Kỳ Lục Tỉnh, nhưng ai cấm tôi mơ Miền Bắc từ thuở biết đọc tiểu thuyết. Nơi ấy có bốn mùa xuân hạ thu đông, có mưa phùn, có hoa đào, chim sơn ca, chim họa mi, có hoa sữa... Đó là những đặc sản của Quê Bắc

chúng ta qua nhiều tác phẩm văn chương của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn, của các Nhà Văn Trần Tiêu, Tô Hoài, Mạnh Phú Tứ, Nguyễn Công Hoan... vào Thời Tiền Chiến và nhất là các tác phẩm (tiểu thuyết cũng như biên khảo) của Toan Ánh sau thời kỳ Nam Bắc chia đôi v.v... Tôi thèm ăn gạo Tám Thơm, nhãn Hưng Yên, dưa La, húng Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét, cá diếc, trái sấu, trái muỗm, trái nhót, trái hồng bì, chim ngói, mắm rươi qua hai cuốn *Món Ngon Hà Nội* và *Thương Nhớ Mười Hai* của Vũ Bằng. Lại còn thắng cảnh Hà Nội, Lạng Sơn, Đồ Sơn, Sầm Sơn. Hai bãi biển Đồ Sơn và Sầm Sơn này đã được Hoàng Ngọc Phách (qua cuốn *Tổ Tâm*) và Khái Hưng (qua hai cuốn *Trống Mái* và *Bản Khoăn*) khai thác nửa chi! Đấy, từ 12 tuổi tôi đã mơ Miền Bắc qua sách vở. Người ơi, những giấc mơ trên trang sách bao giờ mà chẳng lộng lẫy, chẳng hào hứng, hả người? Nhưng khi ra hải ngoại, hầu như chẳng ai viết về Miền Bắc, trừ

những thi tập của Thi Sĩ Lê Ngọc Hồ. Tôi đợi chờ một cây bút gốc Bắc Kỳ nào đã từng di cư vào Nam vào thuở hoa niên của tôi có thể ôn lại dĩ vãng để viết về Hà Nội, viết về Miền Bắc. Nhưng sự chờ đợi đó như nàng cô phụ đợi người chồng lãng tử đã bỏ nhà ra đi, không còn gửi về một bóng chim tăm cá, rồi bật tin biệt tức trải qua bao năm rộng thảng dài.

Thế rồi vào năm 1995, tình cờ đọc trong chương mục sách ố của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, tôi chợt thấy giới thiệu cuốn *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội*. Có phải đây là quyển hồi ký với công trình thấp sáng thời hoa niên rực rỡ lẫn tuổi thanh xuân mộng ảo có biết bao kỷ niệm tươi thắm của tác giả hay chăng? Có phải đây là quyển tự truyện với những vận sự có thật như mảnh gương trong sáng trợn lẫn những đợt khói mơ màng phiêu diểu của óc tưởng tượng hay chăng? Nhưng tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung là ai? Một khuôn mặt chính khách phụ nữ? Một khuôn mặt trong các bộ môn nghệ thuật? Hay đây là một ái nữ của một nhân vật xênh xang trong chiếc cẩm bào, ngực đeo thẻ ngà và tay cầm hốt ngà vào thời xa xưa? Hoặc đây là một phu nhân của một ông tai to mặt lớn trong guồng máy hành chánh ở Miền Nam vào hai Thời Kỳ Cộng Hòa? Nhưng mà không. Đây là người vợ cũ một nhà văn lừng lẫy và sau đó là đương kim phu nhân của một nhà cựu ngoại giao Hoa Kỳ.

Ở hình bìa sau của quyển *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội*, tôi nhận thấy qua tám

ảnh màu, tác giả dùng màu xanh để phục sức và trang sức: áo màu Bích Lục chen hoa sậm màu Thúy Lục thúy lam, hoa tai nạm viên bảo thạch trong suốt màu Bích Ngọc (hoặc có thể là hai viên Bích Ngọc cũng không chừng). Người trong ảnh có cặp mắt hơi nhỏ, nhưng cái nhìn long lanh và bao la với vợ. Nụ cười chị tươi sáng dưới lớp son màu hồng đào. Hàm răng chị ngắn gọn, đều đặn như hạt lựu và bóng lộn như hạt trân châu. Một người bạn hàng xóm có lần bảo tôi:

- Răng ngắn thì bền chắc và lâu rụng. Lại đẹp nữa.

Nguyễn Thị Ngọc Dung, một tên tuổi mới trong cõi văn chương Việt Nam vùng Đông Bắc Hoa Kỳ! Trong tám ảnh chụp chung với Nữ Sĩ Cao My Nhân in ở bìa sau quyển *Áo Màu Xanh* (của Cao My Nhân), chị mặc áo xanh màu “saphir” (màu thúy ngọc/màu ngọc phỉ thúy) rất tươi sáng, rất hợp với màu trắng của chiếc quần xa-tanh tuyệt nhưng. Và nếu chị Ngọc Dung hợp với những màu xanh thì chị cũng hợp với màu vàng. Cứ xem tám ảnh chị mặc áo màu hoàng yến đeo kiềng trợn bằng vàng trong tám ảnh in trên bìa sau cuốn *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* thì rõ. Chiếc áo vàng như sóng sánh nắng ban mai làm chị rạng ngời vẻ mệnh phụ Xứ Huế hơn, cao sang thanh thoát hơn.

Qua trung gian chị Trương Anh Thụy, một thành viên của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, tôi được làm quen với chị Nguyễn Thị Ngọc Dung. Chị nhờ tôi viết bài Bạt cho quyển *Sài Gòn Nhớ*

Mưa Thương và mời tôi cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm. Từ đó, cả hai liên lạc nhau qua những bức thư đánh máy ký tên trên giấy trắng nõn như lông cánh thiên nga, trong các cuộc điện đàm khá dài. Cả hai phương tiện đàm đạo đều ấm áp những giai thoại, những huyền thoại, luôn cả những truyền kỳ trong giới văn nghệ sĩ kim cổ Đông Tây. Thường là những huyền thoại hấp dẫn như tình tiết trong các pho thiên phượng dạ đàm Xứ Ba Tư. Thường là những giai thoại sống động như trên những trang giấy ngọc cốt của quyển *Úc Viên Thi Thoại* của nhà thơ Đông Hồ. Và những truyền kỳ thì hư lẫn thực, giả lẫn chân pha trộn vào nhau như những vóc gấm dệt chỉ tơ cùng với kim tuyến hoặc ngân tuyến. Gặp những đoạn hào hứng, chị cười dòn dã và trong sáng như những mảnh vỡ của pha lê. Chị hỏi bằng giọng ngờ vực:

- Thế à anh? Thật hả anh?

Than ôi, trong truyền kỳ và huyền thoại, vận sự có thật chỉ là một nhúm gạo móng chim đem nấu một nồi cháo, chỉ là một thìa nhỏ bột huỳnh tinh khuấy thành một soong hồ bột mà thôi!

Năm 1998, tôi qua Virginia ra mắt quyển *Theo Chân Những Tiếng Hát* do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản. Lúc đó, bên Pháp vào mùa Đông. Ngọn gió từ Bắc Cực thổi xuống cộng với ngọn gió vùng hoang dã Tây-bá-lợi-á thổi qua làm xứ Pháp lạnh cóng. Nhưng vùng Virginia thì vào gần cuối thu. Lớp lá vàng, lá màu cam, lá đỏ rơi rụng để cây cối trong

rừng, trong rú, trên sườn đồi trơ cành xương xẩu. Tôi có dịp gặp chị Ngọc Dung, ảnh sao người vậy. Chị duyên dáng, lúc nào cũng cười điềm đậm. Nhìn chị, tôi cảm nhận ngay đây là một ý chí to lớn và cứng rắn trong một thể xác nhỏ nhắn mảnh mai. Tiềm lực và ý chí của chị như những hòn than ngùn lửa hoai hoai dưới lớp tro mỏng, chỉ có dịp thuận tiện là khêu bùng bùng ngọn lửa thấp sáng, làm ấm áp căn bếp trong tiết hàn nhuận mùa đông. Mà quả vậy, tôi đoán không lầm: sau này dù bận việc nội trợ, chị vẫn vừa viết lách vừa chăm sóc Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm khi anh Lưu Nguyễn Đạt tạm tách rời để chăm lo cho Tạp Chí Tư Tưởng Việt.

Kỳ viếng D.C. vào năm 1998 đó, chị đãi tôi bữa cơm tối với 3 cặp uyên ương: anh Nguyễn Huy Long & chị Trương Anh Thụy, anh Lưu Nguyễn Đạt & chị Phùng thị Hạnh, anh Phó Hồng Hà & chị Thúy Diễm, lại thêm có chị Quỳnh Anh, anh Hà Bình Trung. Món canh chua đậu bắp ở tiệm Việt Royale ngon tuyệt vời. Món sò xào tương đen rất lạ miệng. Nhưng nó là cái hưởng để cho các nghệ sĩ ở Washington, D. C. đãi tôi liên tiếp vào các ngày hôm sau. Canh chua và sò xào tương đen! Ôi là canh chua và sò xào tương đen! Nếu không phải là người đang mắc chứng cảm cúm như tôi, đương sự sẽ rùng mình luôn! Sau đó, mọi người kéo đến anh chị Đạt & Hạnh, dùng trà, ăn tàu hủ chần nước đường đặc sánh và thơm ngát mùi gừng. Và lại có cả tiết mục văn nghệ bỏ túi. Chị Ngọc Dung hát bài “Suối Mơ” của Văn

Cao. Tiếng hát sáng lồng lộng của chị, sáng và ấm áp như ánh nắng, chứ không sáng lạnh lẽo như ánh trăng.

Cũng kỳ đó, chị Ngọc Dung đến nhà chị Trương Anh Thụy dự tiệc khoản đãi các thân hữu sau buổi ra mắt *Theo Chân Những Tiếng Hát*. Và trong bữa tiệc do vợ chồng Võ Sư Hồ Bửu khoản đãi tôi, chị cũng có mặt.

Vào dịp Tết dương lịch năm 1999, chị gửi cho tôi một băng *cassette* những bài chị hát. Phải nói là chị chọn những bản có giá trị nghệ thuật hợp với cảm quan của tôi như bản “Đàn Chim Việt” của Văn Cao, “Nỗi Lòng” và “Chiều Vàng” của Nguyễn Văn Khánh, “Dư Âm” của Nguyễn Văn Tý, “Biệt Ly” của Doãn Mẫn, “Nửa Hồn Thương Đau” của Phạm Đình Chương v.v. Theo tôi nghĩ, chị chỉ chọn toàn những ca khúc sang trọng, quý phái để hát.

Giọng hát của chị Ngọc Dung nồng ấm, có vẻ chuyên nghiệp được máy *karaoke* tô điểm phần nhạc đệm với phần hòa âm tuyệt hảo nên càng tăng thêm âm sắc quyến rũ. Đây là giọng hát ấm áp và nồng nàn như băng phiến, ở chót đuôi lóe lên âm vang thanh thanh và lạnh lót. Khi xuống trầm, giọng chị khàn và ấm nồng như quế, khi lên cao giọng chị ngọt như mật ong và sáng như pha lê, như gương báu. Có lúc giọng chị khoan thai dịu nhẹ như dòng sông chảy êm đềm dưới nắng. Giọng không điệu đà, không chơi *fantaisie* bừa bãi. Một giọng đơn giản như giọng của nữ danh ca Mộc Lan trước năm 1975 mà tôi nghĩ đó là giọng mệnh phụ. Cái

lạnh lót lúc lên cao làm tôi nghĩ đó là những đợt gió chướng nổi lên xôn xao vào mùa Tết mát dịu. Và cái khàn khàn làm cho giọng chị thêm gợi cảm như mang âm hưởng tiếng đại hồ cầm.

Từ khi con chim ý nhi Ngọc Dung cất giọng líu lo trong các lớp của trường nữ trung học Trưng Vương đã được cố giáo sư Thẩm Oánh vốn là một nhạc sĩ tiền phong phải quan tâm chú ý. Giọng ấy sao mà mỏng, thanh và ngân vang từ các thanh đới dẻo mềm và buồng phổi tươi non thoát ra. Rồi đó, sau nửa thế kỷ trôi qua, thầy trò gặp lại nơi chốn Hoa Đô (Washington, D.C.), tiếng hát ấy vẫn mỏng và thanh như thuở nào. Nhưng nó đượm thêm âm sắc khào khào và ấm cúng như khói nhang bạch đàn và nồng nàn như trầm hương bách hợp được đốt trong ngày rằm nguyên tiêu, khi bóng trăng tròn đầu tiên của một năm mới hiện trên nền trời lấp lánh sao. Tiếng hát đó khi ra hải ngoại được Cố Nhạc Sĩ Nhật Bằng uốn nắn thêm phần kỹ thuật để cất lên trong những cuộc tiếp tân hay trong các bữa dạ yến rộn ràng bằng hữu liên tài và sành điệu.

Văn chương, âm nhạc, hội họa vốn là ba sở thích rất bền bỉ đối với chị Ngọc Dung. Dù năm tháng trôi qua, dù mùa đông cuộc đời có tới hay không tới, chị vẫn bền lòng đeo đuổi chúng. Cả ba như ba cây cảnh không sợ tiết mạnh đông buốt giá. Nhánh thanh tùng vẫn phớt nhẹ một lớp tuyết nhưng mỏng như phấn rắc. Lá thúy trúc được tráng một lớp băng mỏng lấp lánh ánh pha lê. Hoa hồng mai đỏ như

son tươi rọi ánh mây hồng trên lớp giá cứng như gương.

Băng nhạc của chị là món quà quý cho bạn bè trong dịp Tết Kỷ Mão. Nội cái việc chị chọn nhạc phẩm để trình bày, người nghe cũng biết chị có khiếu thưởng ngoạn cao. Tôi tự hứa sẽ viết một bài về giọng hát này.

Năm 2001, tôi lại làm cuộc Mỹ du với 3 giai đoạn hành trình. Ở giai đoạn thứ nhất tôi ghé thăm các văn hữu ở Washington, D.C. và ăn Tết Niên tại nhà anh Lưu Nguyễn Đạt có xen một buổi văn nghệ hào hứng. Kỳ đó, chị Ngọc Dung bị bệnh cúm, nhưng vẫn tươi cười thanh lịch trong chiếc áo tơ lụa màu xanh đặc biệt cùng màu với khăn phu-la. Màu xanh này thắm rực hơn

bệnh, lại phải dự dạ hội nên chị mới tô son thắm đậm như thế, chứ thường nhật chị dùng màu son hồng đào tươi sáng mà thôi. Giai đoạn thứ hai, tôi đi California ra mắt hai cuốn sách *Tập Truyện Ma* (tập truyện), *Chân Dung Những Tiếng Hát II* (ký sự văn học nghệ thuật) và ở chơi tại Quận Cam 10 ngày. Sau đó, tôi trở về Virginia ra mắt cuốn bút khảo *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn*. Người đón tôi tại phi trường là chị Ngọc Dung. Chị lại đưa tôi dùng cơm với anh Lưu Nguyễn Đạt và chị Phùng thị Hạnh trước khi tôi theo cặp Đạt & Hạnh về biệt thất của họ ở thành phố Fairfax, Virginia. Cũng vẫn món canh chua đậu bắp bất hủ. Cũng vẫn món sò xào tương hột đen. Và có thêm vài món thịnh soạn nữa.



Trong buổi ra mắt «*Tác Phẩm Đẹp Của Bạn*» của Hồ Trường An tại Virginia ngày 30 tháng 1, 2001.

màu Bích Ngọc, óng ả hơn màu Ngọc Thạch Hoàng Gia. Đúng là màu xanh lông chim công, rất hòa hợp với tầng hoa màu hồng quế in trên khăn phu-la, với màu son hồng hạnh tô trên môi. Bởi đang lúc xanh xao vì

Hôm ra mắt sách, chị Ngọc Dung mặc áo màu tím pha xám; đó là màu rượu vang *Côte du Rhône* hơi tái rất trang nhã có thêu một tầng hoa trắng chen loáng thoáng hoa đỏ lá xanh phía trước. Chị dùng sứt bộ trên châu gồm đôi

hoa tai và hai râu chuối đeo cổ để trang sức. Chị ăn mặc trang điểm không gượng nhẹ mà cũng chẳng mạnh tay, cốt lấy cái sáng mát và tươi thắm cho nhân diện vóc dáng của mình. Theo tôi, chị mặc quốc phục đẹp hơn Âu phục vì chỉ có cái áo dài cổ truyền mới làm vóc dáng chị thon thả và mềm mại. Sau đó, một tuần, người đưa tôi ra phi trường để tôi trở về Pháp cũng chính là chị Ngọc Dung, nhưng lại có thêm phu quân chị vốn là nhà cựu ngoại giao, Ông Robert Senser đã từng làm việc tại Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn.

Từ tiệm bún ốc ở Falls Church, chị đưa tôi đến viếng nhà chị ở thành phố Reston để yết kiến đấng trượng phu của chị chỉ trong vòng năm phút, trước khi cả ba cùng ra phi trường. Nhà chị có nhiều món ngoạn hảo và vài tấm tranh sơn dầu của Nguyễn Trung. Tôi chưa kịp quan sát thì chị giục tôi ra xe kéo không sẽ đến phi trường trễ nải. Hôm đó, trên đoạn đường đến nhà chị, tôi có bảo chị:

- Hồi mới lớn, bọn bạn bè chúng tôi ưa thói thời thượng, kiêu cách. Đi đâu tụi tôi cũng mang kè kè theo mấy cuốn sách của Ông Albert Camus hay vài cuốn sách của ông Jean Paul Sartre, dù tụi tôi chưa đọc nổi một câu. Nghĩ lại, sao tôi mắc cỡ đến rùng rợn!

Chị Ngọc Dung bảo:

- Giờ đây tụi mình lại thích đọc sách viết về quê hương đất nước. Chúng mình cũng chẳng cần tìm hiểu mấy ông ấy viết những gì, viết ra sao? Chúng mình đâu còn nhỏ dại gì mà tìm hiểu những điều không cần thiết cho văn chương mình. Hồi mới lớn, tôi thích xem xi-nê hơn.

Bốn năm trôi qua. Tạp Chí Cỏ Thơm và Cơ Sở Xuất Bản Cỏ Thơm vẫn trở gan cùng tuế nguyệt, dù vận nước bên quê nhà hầy còn cau mặt với tang thương. Trên sóng lớp phế hưng, tấm lòng yêu tha thiết văn chương cùng ý chí sắt đá đã hướng dẫn chị Nguyễn Thị Ngọc Dung sáng tác thêm tập truyện *Một Thoáng Mây Bay* (2001) sau thi tập *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* (1999). Cơ Sở Cỏ Thơm tới nay đã xuất bản gần 30 tác phẩm đủ loại (thơ, văn xuôi, biên khảo, bút ký). Chị đã hoàn tất quyển bút ký *Non Nước Đá Vàng*, nhưng chưa xuất bản (1). Nhờ óc quan sát tinh nhuệ, nhờ niềm rung cảm sâu sắc nên lối viết bút ký của chị rất tươi, rất hứng khởi không kém lối viết bút ký của nữ sĩ Minh Quân qua cuốn *Trời Âu Qua Mắt Việt* hay của Nguyễn Hiến Lê qua cuốn *Bảy Ngày Trong Đồng Tháp Mười*. Năm ngoái (2004), sau chuyến về Việt Nam ăn Tết, chị còn cho tôi biết:

- Tôi đang viết bút ký (2) về chuyến về thăm Việt Nam đây, anh ạ.

Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của Nguyễn Thị Ngọc Dung là hai tác phẩm ăn khách, phải tái bản hai lần, đã đủ sức đưa tác giả lên một cương vị sáng sủa trên văn đàn.

Đọc hai tác phẩm đầu tay này, chúng ta bắt gặp sức sống thắm nhuần các mạch văn và chảy cuộn cuộn vào tâm hồn độc giả. Chị viết văn bằng kinh nghiệm sống chứ không bằng tài liệu chết chóc và khô cứng. Chị không nhồi nhét những vấn đề lớn lao như tôn giáo, xã hội chính trị, luôn cả thời

sự nóng hổi hay các khoa học nhân văn khác vào văn chương. Chị chân thành và khiêm tốn, biết gì viết nấy, không làm dáng trí thức. Chị khác với những kẻ thời thượng kiểu cách (*les snobs*) khác, họ dám dùng bốn chân ngắn ngủn của con thằn lằn ôm cái cột nhà to tát, viết toàn chuyện trên trời dưới biển bao la và không tưởng trên các chương sách tràng giang đại hải, làm độc giả mệt khờ khạo ngất ngư. Còn chị chỉ viết những vấn đề tuy tầm thường mà gần gũi với tâm tình mình, không quờ quạng nắm bắt những ảo ảnh trí thức phù du.

Vào thời buổi này, thiên hạ hay đưa các vấn đề khoa học nhân văn to tát vào văn chương. Nhưng coi chừng đó. Nếu họ không xử dụng chúng đúng đắn, sắp đặt chúng đúng chỗ, không biến hóa chúng thành ngôn ngữ văn chương đúng lúc thì những vấn đề to tát đó chẳng những không làm cho tác phẩm không trở thành một văn phẩm vĩ đại, mà còn làm cho văn chương đương sự trở nên kệch cỡm, biến tác giả trở thành nông nghênh, kẻ khoe khoang kiến thức một cách lộ bịch. Văn chương cần sự sống hồn nhiên, lai láng, dồi dào. Nó rất kỵ những tài liệu khô khan, chết chóc, không gây rung cảm

cho độc giả. Nó phải là một sinh vật ngập tràn nhựa sống. Những vấn đề chính trị, tôn giáo, xã hội v. v... nếu không được tác giả giúp chúng khoác lấy cái ngôn ngữ văn chương, nếu đương sự không dùng chúng để dựng nên những hoạt cách kết hợp bằng những nét tạo hình thì tác phẩm sẽ hổng to, hổng nặng một cách thê thảm! Và nếu chúng cứ bị tác giả lạm dụng bừa bãi tức nhiên đương sự làm cho tác phẩm mình nếu không biến thành cái xác thối tha hư vữa thì cũng thành cái xác ướp cứng đờ lạnh ngắt.



Nguyễn Thị Ngọc Dung
và Hồ Trường An,
VA 01/30/2001

Đọc xong *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, chúng ta mới biết Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ tinh tế là dường nào khi chọn nó để xuất bản. Và chắc không nhiều thì ít các bạn độc giả khi đọc xong hai quyển này sẽ cảm thấy cái hơi mát phổi phổi cùng dư âm ngọt lịm từ quyển sách thấm sang tâm hồn và trái tim mình.

HỒ TRƯỜNG AN

Chú thích:

- (1) Bút ký “*Non Nước Đá Vàng*” đã được xuất bản năm 7/21/2007.
- (2) Bút ký “*Bước Lạ Đường Quê*” đã đăng trọn trong Báo Cỏ Thơm.

Đi thăm anh Hồ Trường An

VŨ NAM

Kể từ mùa thu năm 2009, nhân ngày Thu Tao Ngộ, tôi có dịp đến Paris để cùng các văn thi hữu ra mắt Tuyển tập Món Ăn Theo Bước Di Tàn, gồm nhiều người viết, đến ngày 17 tháng 8 mùa hè vừa qua tôi mới gặp lại anh Hồ Trường An, nơi thành phố anh ở, Troyes, nằm cách Paris khoảng 200 Km về hướng đông nam.

So với năm 2009, hôm gặp thấy anh ốm hơn nhiều, dù trông anh vẫn khỏe. Đang mùa hè mà da mặt anh rất trắng, ắt hẳn anh ít được đi ra ngoài để tắm nắng như những người khác trong mỗi mùa hè. Mà muốn đi ra ngoài với anh cũng đâu có dễ dàng! Anh đang ngồi xe lăn, khó di chuyển, căn Apartment lại ở trên tầng cao trong một chung cư. Dù có thang máy nhưng việc đi lên xuống ắt hẳn là khó rồi. Chưa kể anh Bernard, người bạn ở chung với anh còn bận đi làm mỗi ngày.

Tháng 8 nghỉ hè tôi qua thăm anh lúc nào cũng được. Nhưng hẹn tới hẹn lui rồi cũng thống nhất là ngày thứ bảy, 17.8. Chiều ngày 16 tháng 8 chúng tôi đến Paris, ngủ qua đêm ở khách sạn. Sáng hôm sau chúng tôi đi vòng vòng ở Paris khoảng 2 tiếng đồng hồ rồi mới trực chỉ đi Troyes.

Con đường từ Paris đến Troyes này lần đầu tiên chúng tôi đi, nên cũng bị

lạc đôi chút.

Từ miền Tây Nam nước Đức, nơi rập rành thành phố Strasbourg của Pháp tôi đã chạy nhiều lần qua Pháp. Lúc theo hướng nam để đến Marseille, lúc đi hướng tây nam để đến Bordeaux, lúc theo hướng tây để đi Paris. Đi hướng nam để xuống biển ấm Địa Trung Hải, Monaco, Nice, Cannes, Marseille..., là đi tiếp qua Tây Ban Nha. Nước Pháp đã giúp chúng tôi vào những ngày hè nóng nực vì có bãi biển dài, đẹp. Tôi đã có dịp xem một bộ phim tài liệu dài về các vùng biển quanh nước Pháp do đài truyền hình Đức chiếu, thật ngoạn mục. Đi hướng tây để vào Paris xem tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn..., đến quận 13 tìm mua thức ăn VN, đi xa hơn nữa là đến vùng biển Normandie, đến vùng biển nằm giữa nước Pháp và Anh... Đi về hướng tây nam



là đi Bordeaux, đi thăm vùng biển lạnh Đại Tây Dương, thăm Làng Mai v.v..

Chúng tôi đi nhiều lần qua Pháp thành như hình rẽ quạt.

Về đất đai Pháp cũng lớn hơn Đức, nên trên đường đi thường gặp những cánh rừng, cánh đồng, đồng cỏ lớn hơn những cánh rừng, đồng lúa ở nước Đức nhiều. Có những đoạn đường, nhất là ở miền nam nước Pháp, mà ở hai bên đường hơi giống hai bên đường ở những đường làng VN. Những mái nhà, lúc thấp, lúc cao, cách kiến trúc hai nước hao hao giống nhau. Cũng dễ hiểu thôi vì hai nước đã bao năm đã gắn liền với nhau về nhiều mặt rồi. Điều hao hao giống nhau này người viết không bao giờ tìm thấy ở trên nước Đức.

Đi thăm anh HTA kỳ này có anh bạn, mà lúc anh HTA đến vùng Tübingen, Reutlingen, hai thành phố của chúng tôi ở, anh HTA đã gặp. Anh HTA đã nhận ra ngay và còn nói lần đó đã tặng anh bạn này hai cuốn sách. Qua vậy mới biết trí nhớ anh HTA còn quá tốt.



Anh ngồi trên xe lăn, dẫn tôi vào phòng riêng của anh. Thấy hình Phật thờ trên cao (anh HTA ăn chay trường). Đầy sách chung quanh bốn bức tường, vây quanh một giường ngủ. Một bàn, trên đó có một Computer. Một chong đèn. Chắc gia tài anh nhiều đó. Thấy tay mặt anh nằm yên, mọi di chuyển lay động chỉ có tay trái, tôi hỏi anh:

„Anh viết ra sao?“. Anh đưa hai ngón tay của bàn tay trái lên trước mặt tôi. Đó là câu trả lời của anh. Sau đó ra ngoài nghe ai nói anh viết được đâu hai ba cuốn sách rồi, trong cách viết như vậy: hai ngón tay chạy trên bàn phím máy Computer. Tôi thấy nề phục! Anh kiên trì với chữ nghĩa văn chương quá!

Trong khi các chị Kiệt, Mây Thu, Mỹ Hòa bận bịu trong bếp lo cho buổi trưa cho bảy tám người ăn; anh Huỳnh Tâm, Đỗ Bình, Mỹ Phước Nguyễn Thanh ngồi trò chuyện với „phái đoàn“ tụi tôi; Bernard ra phố mua thêm rượu, bia, tôi ra trước nhà anh HTA ít phút để xem cảnh và chụp ảnh. Trước nhà anh, bên dưới là dòng sông, mà hai đầu đã khuất bởi những tán cây. Nước trong xanh, những cành lá xòe ra dọc hai bờ sông, khung cảnh không thật tuyệt đẹp, nhưng cũng cảm thấy được ít nhiều sự thơ mộng khi đứng trên Balkon của căn nhà từ trên cao mà nhìn xuống bên dưới.

Cám ơn anh HTA, cám ơn anh Bernard, cám ơn các chị làm cơm trưa. Chúng tôi đến làm bận rộn các anh chị quá!

Anh Đỗ Bình tôi đã gặp trong ngày Thu Tao Ngộ rồi. Cách anh nói chuyện rất duyên dáng, làm MC rất hay, nhưng hôm gặp ở nhà anh HTA thấy hình như anh còn rất nhiều tài (không phải chỉ là nhà thơ mà lâu nay tôi vẫn nghĩ). Anh hiểu biết rất nhiều về thơ văn, lý luận trình bày sâu sắc về tình hình chính trị, sinh hoạt cộng đồng, báo chí v.v.. Gặp anh Huỳnh Tâm, cây viết mà tôi biết được qua những chuyện „Người Rơm“ đăng trên các Website, cũng không phải là vừa. Cũng một cây lý luận. Gặp mới biết anh Huỳnh Tâm còn viết cho rất nhiều ở các Website khác.

Anh Mỹ Phước Nguyễn Thanh thật hiền, ít nói. Chị Mỹ Hòa ca sĩ của Ban Tam Ca „Ba Con Mèo“ ngày xưa ở Sài Gòn nói chuyện rất vui, có những nhận xét, ý kiến sâu sắc về ca nhạc lẫn văn chương. Hình

như trong vài bài viết thỉnh thoảng anh HTA có nhắc đến chị Mỹ Hòa, người bạn văn nghệ cũng cư ngụ ở Troyes. Anh Kiệt cũng ít nói. Anh chị đến chắc để chị phụ nấu ăn do anh HTA nhờ nhân dịp có bạn bè đến thăm, tôi nghĩ vậy vì thấy chị làm nhiều món ăn cho bữa ăn trưa hôm đó. Chị Mây Thu cũng bận rộn trong bếp nên tôi cũng không chuyện trò được nhiều, dù trước đó ít ngày khi nói chuyện với nhau bằng điện thoại vài lần về chuyến đi về Troyes, tôi nghe được giọng nói đầy chất miền Nam của chị, giọng ấm trầm, làm lòng mình có chút rung động. Một giọng nói thật đặc biệt!

Rất tiếc, vì anh bạn đi chung có hẹn với bạn ở Paris nên chúng tôi phải từ giả anh HTA, Bernard và các anh chị để về lại Paris sớm. Không thể tiếp tục trò chuyện với các anh chị dù lòng rất muốn, nhất là về chuyện văn thơ. Nghe chị Mây Thu nói hôm đó hơn 10 giờ 30 đêm anh chị mới về đến nhà.

Xa xôi quá, gặp một lần rồi không biết bao giờ mới gặp lại! Không biết bao giờ các

anh chị mới qua vùng Stuttgart, Tübingen, Reutlingen của chúng tôi? Cứ chờ vậy.

Đường đi Paris đi và về Troyes thật rộng rãi, ít xe, nhưng không phải là muốn chạy bao nhiêu thì chạy như ở Đức. Vì trên nước Pháp tốc độ ở xa lộ bị giới hạn, nên thỉnh thoảng cũng có Police canh chừng. Vừa chạy vừa sợ nó „bắn tốc độ“.

Bài viết ngắn cho kịp số báo Cỏ Thơm ra kỳ này nên tôi không viết được đầy đủ, chi tiết được. Nhưng rút lại chỉ có một điều đáng nói: Đi thăm được anh HTA tôi rất mừng. Hẹn hoài nhưng bây giờ mới thực hiện được. Thấy anh ốm hơn bốn năm về trước, nhưng anh còn minh mẫn, trí nhớ còn tốt, cũng mừng. Xin hẹn một dịp khác nha anh HTA! Cám ơn Anh cùng cầu chúc Anh sức khỏe, an Khang. Thân chào các Anh Chị trong ngày 17 tháng 8 ở nhà anh HTA. Hẹn có ngày gặp lại.

Đức Quốc 23. 8. 2013

Vũ Nam



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA
4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Nhà Báo Vũ Văn Hoa

Chủ nhiệm Nhật Báo Việt Nam Mới viếng thăm Virginia



Nhà báo Vũ Văn Hoa, thân hữu, Nhà thơ Hoàng Dung,
Tổng Thư Ký VNM Đào Khanh, Nhà thơ Hoàng Song Liêm và Phu Nhân



Nhà văn Lê Thị Nhị, Nhà báo Đào Khanh, thân hữu Thuý Hiền,
và Chủ Nhiệm Đặc san Cỏ Thơm Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Chuyện “cờ bạc” ngày xưa ở Việt Nam

Văn Quang

Viết từ Sài Gòn

Tuần cuối tháng 8-2013 này, dư luận tại VN đang sôi nổi về đề tài cờ bạc nhân dịp chính phủ VN vừa có tờ trình cho nghị định kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế (nghị định về cá cược), cùng với nghị định hoạt động kinh doanh casino (nghị định về casino). Có nhiều nỗi băn khoăn được đặt ra, như: mỗi ngày cá cược không được quá 1 triệu đồng, mỗi lần chơi ít nhất là 10.000 đồng; tại sao không được cá cược bóng đá trong nước; vào casino có cần xác minh nhân thân và nhân đó họ bàn luận đến chuyện có hay không nên thành lập những khu mại dâm hợp pháp. Dư luận đã có chiều hướng đồng tình với sự “mở cửa” cho phép những hoạt động này. Nhưng từ lúc ra nghị định đến những hướng dẫn thi hành cũng rất phức tạp và có thể sẽ còn thay đổi, có nhiều chi tiết thực tế đáng quan tâm hơn. Nền kỳ báo sau, tôi sẽ bàn với bạn đọc về vấn đề hiện nay. Kỳ này, tôi ghi lại vài điều về ký ức cờ bạc ngày xưa cùng đôi chút kỷ niệm về những người bạn có mặt trong các cuộc chơi đó. Những kỷ niệm riêng tư gom lại, hy vọng phản ánh được một phần của những cuộc chơi cờ bạc thuở xa xưa, tôi không có tham vọng trình bày đầy đủ về món ăn chơi này.

Biết có hại vẫn làm

Ai cũng biết “cờ bạc là bác thằng bần”, ngay từ hồi còn học trường làng, chúng tôi cũng đã được học bài này và nhớ mãi câu này. Dĩ nhiên ai cũng biết, cũng nhớ,

nhưng người ta vẫn đánh bạc, cũng như ngay trên bao thuốc lá có ghi rõ “hút thuốc lá dễ bị ung thư” nhưng người ta vẫn hút. Sau này có nhiều vị đã bỏ được, còn khối vị vẫn phì phà như không có gì xảy ra, trong số đó có tôi. Tôi xin tỏ lòng ngưỡng mộ các vị đã đoạn tuyệt với thuốc lá. Tôi bỏ vài tháng, nhưng sau này không đi chơi, không “cờ bạc” nữa, chẳng còn cái thú gì. Và lại khi ngồi gõ máy, cứ thấy “thiếu thiếu” một cái gì ấy, có lẽ là thiếu thứ tạo thêm cảm hứng nên lại hút thuốc lá “cho đời lên hương”. Tôi biết đó chỉ là “ngụy biện” cho cái thói hư tật xấu của mình, nhưng “không thích bỏ thì cứ hút”. Tám bó có lẽ rồi, mà mình hút thuốc lá đã hơn “60 năm cuộc đời” có chết vì ho lao hay ung thư đâu. Khối ông từ bé tới lớn không hút thuốc, vậy mà lần quay ra chết vì bệnh ung thư phổi. Như ông Thái Thủy từ nhỏ tới già không hút thuốc, thế mà chết vì bệnh phổi đây các cụ ạ. Thế có “phản khoa học” không? Tôi chịu thua!

Tôi lại nhớ đến câu nói của ông bác sĩ Hà Xuân Du, khi ở San Jose về VN, ông ấy nói “anh hút thuốc lá lâu năm, có khi cơ thể anh quen với chất nicotin rồi, thiếu nó, anh bệnh đấy”. Tôi không biết ông bạn tôi nói thật hay nói đùa, tuy vậy tôi cũng cứ tin như thật để có thêm lý do mua thuốc lá đều đều.

Cũng xin nói thêm là, tôi chỉ hút thuốc lá có cái tên SAIGON. Tôi khoái cái tên ấy từ ngày ở “tù cải tạo” ra cho nên nhất định chỉ hút thuốc lá Saigon. Ông nào ở Mễ về cho ba số 5, Cravena, xì gà gộc... tôi đem đổi hoặc đem cho hết. Một tút thuốc ba số 5 đổi được hơn hai tút thuốc Saigon, bởi thứ thuốc lá tôi hút bây giờ ở VN, một gói

chỉ có giá 11 ngàn VN, chỉ bằng nửa đô la Mỹ. Song, giá cả chưa phải là chính, vẫn chỉ là cái tên tôi thích “THUỐC LÁ SAIGON”. Tuy vậy tôi vẫn đề nghị với bạn không nên hút thuốc lá. Còn tôi không bỏ được thì có chết cũng mang theo SAIGON trong túi áo.

Trở lại với chuyện “cờ bịch”. Dù là “vui chơi, giải trí” hay tăng gia bại sản cũng là “cờ bịch”. Chữ này vốn là chữ của tôi dùng trong các bài phóng sự và nó đã được “bảo chứng” khi nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh cũng đã có lần dùng trong bài viết của mình và ông còn cẩn thận ghi thêm sau hai chữ “cờ bịch” là “*chữ của anh Văn Quang*”. Chắc ông cũng chỉ có ẩn ý muốn nhắc lại vài kỷ niệm của anh em chúng tôi thời xa xưa thôi. Ông Nguyễn Đạt Thịnh hơn tôi vài ba tuổi và tốt nghiệp khoá 6 Trường Võ Bị Đà Lạt. Hồi sau tết Mậu Thân 1968, còn cấm trại “chăm phần chăm em ơi”, chúng tôi cũng ngồi đánh phé còm với nhau ở phòng báo chí. Hồi đó tôi đã về Đài Phát Thanh Quân Đội, anh Thịnh làm Trưởng phòng Báo Chí. Đánh phé còm cho đỡ buồn, bắt kể cấp bậc, quan cũng như lính, ngồi vào chơi cùng nhau rất “bình đẳng bình quyền”. Cũng “tổ”, cũng “thấu cáy” như điên. Rất hào hứng, đến nỗi có những anh em thích “chăm phần chăm” ở trại hơn là ở nhà với vợ. Chúng tôi bày ra cái trò này để anh em chơi cho đỡ “trốn cấm trại”. Ngay trong Cục Tâm Lý Chiến, buổi tối đã có 3 bàn phé còm. Ngoài phòng báo chí, ở trong phòng vi âm của đài phát thanh QĐ, máy lạnh 24/24, cũng có “sòng bài” nhỏ cho các ông nhạc sĩ, biên tập viên, phóng viên “oánh thả cửa”, nhưng dĩ nhiên là có kiểm soát, không vượt quá giới hạn. Nhật báo Tiền Tuyến do cụ Hà Thượng Nhân cai quản cũng có sòng xì phé và mạt chược còm.

Nhân nhắc tới chuyện cũ tích xưa này, tôi điểm lại đôi nét về chuyện “cờ bịch” tại

VN, trong giới hạn thời gian, không gian nhỏ và bạn bè mà tôi biết, tất nhiên không thể nói hết.

Cờ bạc trước 1945

Tôi lấy cái mốc thời gian đó như nhiều ông bạn có tuổi bây giờ thường hay nghĩ đến. Thực ra từ hồi trước năm 1945, tôi chỉ biết vài thứ cờ bạc ở làng tôi. Miền Bắc hồi đó chỉ có xóc đĩa hay còn gọi là “lắc đĩa”. Ngay trong nhà tôi, cứ vào dịp Tết hoặc ngày giỗ ông nội tôi, thường tổ chức một canh xóc đĩa gồm nhiều vị “chức sắc” và điền chủ trong huyện đến chơi, đôi khi có cả các vị ở huyện khác thân quen với gia chủ cũng tới ngồi sòng. Có khi lên đến 50 - 60 người. Canh xóc đĩa này được coi là khá lớn, giấy “bạc con công” như bươm bươm. Thường là chừng hơn chục cái chiếu hoa cạp điều được trải trong dài trong dãy nhà khách khá lớn của nhà tôi. Nhà khách được thắp sáng trưng bởi mấy cái đèn “măng sông” và đèn đất. Canh bạc bắt đầu ngay từ chiều cho tới sáng hôm sau. Nhà tôi chỉ lập sòng mỗi năm một lần.

Tôi còn nhớ nên chỉ biết có mỗi cách đánh là chắn lẻ. Tôi khoái nhất là khi sắp mở đĩa để quyết định thắng thua. Nhà cái hô hoán lung tung, khi cả “làng” đặt tiền và đặt cược xong mới mở. Cái cử chỉ mở bát rất phóng túng, rất “tay chơi”, rất chuyên nghiệp. Cái bát được nhón lên cho khỏi va chạm làm ảnh hưởng tới cái đĩa, nhưng vừa lên khỏi đĩa là cái bát được vung mạnh bật ra xa nằm quay cu lơ. Mọi con mắt để dồn vào 4 đồng trinh trong đĩa sắp ngửa ra sao, nó có ảnh hưởng tới số phận hên xui, có khi tới cả vận mạng mình. Bởi có những ván bài rất lớn, bằng cả cơ nghiệp của một số “bá hộ” mà bây giờ người ta gọi là “đại gia miệt vườn”. (Ban muốn biết chơi xóc đĩa xin vào đường link này

<http://www.youtube.com/watch?v=m64zHK AOSNA>).

Sau xóc đĩa là những bàn bài nhỏ như chắn cạ, tổ tôm, đánh lú thì hầu như những nhà khá giả trong làng, ngoài tỉnh đều tổ chức đánh với hàng xóm, bạn bè mua vui. Cũng đôi khi có những sòng chắn cạ tổ tôm chuyên nghiệp, hầu hết họ ở gần phố, gần chợ, gần những “xóm cô đầu”. Còn ở làng khi có hội hè cũng tổ chức vài món chơi phổ thông như cờ tướng, tổ tôm điểm, tùy theo phong tục của từng làng.

Ở cổng các trường học, nhất là vào dịp có kỳ thi, thường có mấy bàn “bầu cua cá cọp” đứng dụ mấy cậu học sinh. Nó thoáng cho mình thấy cái con cờ bằng gỗ úp xuống là con cua, nên mình tưởng bỏ nhào vào đặt vài xu, khi lật lên lại là con cá nên nhiều anh thua hết cả tiền com.



Cảnh hát cô đầu và hút thuốc phiện thời xa xưa

Nói thêm một tí là cái thú “cờ bịch” của các cụ thời đó, nhiều nhất và “tốn kém đến mất nghiệp” là xóc đĩa, thường đi kèm với cái thú hút thuốc phiện và “đi hát cô đầu”, các ông anh và ông chú tôi đi hát cô đầu gọi tắt là “đi hát”, hoặc đi hút thuốc phiện là “đi hít”. Hồi đó, chưa có những loại ma túy ghê gớm như bây giờ. Phải bánh lăm mới hút thuốc phiện và đi “hát cô đầu” được. Có lẽ nhiều bạn còn nhớ, hai phố cô đầu nổi tiếng đất Bắc xưa là Quán Bà Mau ở Hải

Phòng và Khâm Thiên ở Hà Nội. Ở thành phố có vài dancing, hầu hết là trong các khách sạn lớn. Dân văn minh lăm mới đi nhảy với mấy “ông Tây bà đầm”.

Đó là vài thú chơi thường thấy thời tôi còn thơ ấu từ trước 1945 ở miền Bắc, còn ở miền Nam, tôi không biết nhiều nhưng chắc chắn là dân miền Nam không đánh xóc đĩa, theo tôi biết thì phần đông người miền Nam và miền Trung chơi tứ sắc, bài cào, sập sấm và cờ tướng.

Cờ bạc ở VN trước 1975

Phần đời khôn lớn của tôi ở miền Nam, có thể kể từ năm 1953, khoảng gần mười năm sau tôi mới biết “cờ bịch”. Thoạt đầu là đánh chắn với mấy ông bạn “Bắc Kỳ chính hiệu con nai”. Tôi biết lơ mơ chắn cạ từ hồi còn nhỏ ngồi bên mẹ. Thế nên khi ông bà Quốc Phong rủ đánh chắn là tôi háng hái nhận lời. Rồi đến Phạm Đình Chương rủ đến nhà đánh chắn cho bà cụ mua vui. Bàn chắn đó chúng tôi gọi là nhà “bà cụ Hoài Bắc”.

Sau đó, tôi biết đánh xì hay còn gọi là đánh phé. Từ năm 1960 có thể gọi là thời kỳ bột phát của xì phé. Bàn xì phé có mặt lung tung đủ mọi nơi, từ cổng Đài Phát Thanh Sài Gòn, đến nhà Ân Shell, ông Tú Vopco, hay ở trong các hóc hẻm như nhà ông Hà Huyền Chi, Nguyễn Đình Toàn... Hai ông này thuộc loại “kinh tế suy thoái” nhưng đánh bài như công tử, chẳng kém ai.

Sau đó vài năm, đến phong trào chơi mạt chược cũng nẩy nở rầm rộ như chơi phé. Ít năm sau, tôi bỏ chơi phé, một trò chơi “không khoan nhượng” chỉ nhằm “giết” lẫn nhau dù là bạn bè thân thuộc, bởi nếu không thế thì không còn là đánh phé, phải giấu kỹ con bài tẩy, hớ ra là “chết”. Chơi mạt chược có tính “gia đình” hơn, có thể khoan nhượng được. Nhưng hầu hết là chúng tôi chơi mạt chược còm, “láng” rất ít. Có thua

nhiều lắm cũng chỉ mất một ngày lương chứ không thể so sánh với các sòng đại gia.

Những sòng bài có bảo kê

Sau sự kiện đám Bình Xuyên tan tác, kéo theo Kim Chung Đại Thế giới đóng cửa, nhiều sòng bài các kiểu mọc lên và một số sòng bài lớn nhất thời đó thường được bảo kê bởi một vài thế lực lớn. Tôi biết khá rõ những địa chỉ bảo kê này qua nhà phóng sự gia Phan Nghị thường lẫn lộn ở khắp “chốn giang hồ”, ông cho tôi biết từng địa chỉ và chính ông cũng được các đại ca thỉnh thoảng chi cho một tí tiền đi ăn chơi. Nhưng nay các vị đứng đầu bảo kê hoặc con em các vị ấy cầm đầu bảo kê đã mất, tôi không nhắc lại làm gì cho “mất đoàn kết”.

Hầu hết các sòng bài đó là sọc đĩa, xì phé, sì dách và cũng có những tổ chức bịp bợm rất tinh vi. Ngay trong tổ chức đánh phé ở nhà tư cũng có nơi bịp. Tôi còn nhớ có lần ông Phan Lạc Phúc và tôi đến nhà một ông ở khu Chợ Cá Trần Quốc Toản đánh phé. Đánh kiểu nào cũng thua. Tôi khám phá ra bài có dấu. Liên dùng chiêu “gây ông đập lưng ông”, lấy lại đủ tiền. Đánh xong ván đó, tôi nháy ông Phúc ra về ngay. Chính vì sợ bị bịp nên sau này, chúng tôi lập một club fermer chừng 7-8 anh em bạn biết nhau, chơi cho yên tâm. Mỗi tuần, thay nhau tổ chức đánh bài ở một nhà, không chơi với người lạ.

Vào thời này trường đua ngựa cũng được phép tổ chức khá bài bản, nhưng chưa có “đua chó”, bởi thời đó không nhiều “đại gia chơi chó” như thời nay. Cá độ bóng đá cũng chỉ có giới hạn nhưng hầu như các ông bạn tôi rất ít người đến trường đua Phú Thọ. (Tôi sẽ nói ở bài sau).

Vài cá tính cờ bạc của các ông văn nghệ sĩ

Nói đến cờ bạc, tôi nhớ lại vài tính cách chơi bài của các ông bạn tôi. Tôi chỉ

nhắc đến vài ông có cá tính đặc biệt mà tôi tin rằng sẽ không ai viết tới, dù có viết tiểu sử các ông ấy rất cẩn thận. Những nét rất nhỏ nhưng lại là “giai thoại” mang theo hết cuộc đời mình.

Tôi nghĩ, bạn đọc cũng có những mẫu chuyện tương tự, chuyện lớn có thể không nhớ, nhưng kỷ niệm rất nhỏ lại cứ nhớ hoài. Gặp nhau là nhắc lại để tiếc thương những gì đã qua mà chỉ có “chúng mình biết với nhau”. Mới chỉ tuần trước đây thôi, một ông bạn tôi ở Úc về, chúng tôi gặp nhau trong một quán ăn, ông ấy còn nhắc lại một ván bài với ông Quang “hói” khi chơi ở báo Tiền Tuyến cách đây gần nửa thế kỷ. Từng chi tiết sống động như mới xảy ra tháng trước.



Tài tử Lê Quỳnh và Kiều Chinh trong phim Hồi Chuông Thiên Mụ

Lại phải nói về cái sự đánh phé của ông Quang “hói”. Ông đánh phé hùng hục, “cái gì cũng theo”, ông có biệt danh là Pôn Húc, nên ăn tiền của ông “ngon” như đi ăn phở 79. Ông Quang “dù” và ông Quốc Phong chủ báo Kịch Ảnh cũng nóng tính không kém. Tài tử Lê Quỳnh đánh chắn

không khá lắm nên thua xiểng liểng. Hoài Bắc - Phạm Đình Chương đánh phé rất “chắc”, có đôi lớn mới theo, khi ông ấy ra tiền là kể như ăn chắc nên được đặt cái nick name là “gánh gánh về”. Mai Thảo thì luôn uể oải kể cả khi đánh chắn hay đánh phé còm, mắt cứ lơ mơ như buồn ngủ. Dường như ông này không có máu ăn thua đủ. Ông Thái Thủy khi đánh phé, cứ có bài lớn là tay run run, mặt mũi xanh dờn như gặp cướp, nên đối thủ đoán được ngay. Cụ Hà Thượng Nhân chơi tổ tôm rất có “đẳng cấp” nhưng khi đánh phé thì cụ nhát gan, tổ mạnh là cụ “chạy có cờ” ngay. Ông Anh Ngọc không đánh phé, có thời ở gần nhà tôi, ông và ông Cung Tiến cùng vài anh em khác hay chơi “băng ky”. Tôi không khoái trò này không hiểu luật chơi ra sao. Nghe nói sau này, qua Mỹ rồi ông cũng chơi mạt chược ở nhà, có bà Nhung phụ tá. Nhưng nay “người” hơi yếu rồi nên ông Hoàng Song Liêm thông báo là “người” chỉ cầm vài ván cho đỡ buồn tay thôi.

Ông Duy Trác vốn là luật sư, ông chơi mạt chược cũng từ tốn khoan thai như vậy. Nhạc sĩ Y Vân vẫn lao vào chơi mạt chược và vốn là dân đối rách “có hạng”, song nhưng lại hay thua. Ông Nhật Bằng chơi rầy hay và rất kỹ tính, cả nhà ông đều chơi mạt chược rất giỏi, có khi vợ chồng con cái ngồi chơi với nhau, chắc là chơi ăn “búng tai” thôi. Đó là vài “sự kiện” đáng nhớ.

Những ông không chơi cờ bịch

Có những ông không bao giờ bén mảng đến làng cờ bịch và dancng. Ông Hoàng Hải Thủy tức Công Tử Hà Đông viết phóng sự rất “ác liệt”, nhiều độc giả cứ tưởng công tử “ăn chơi kinh lắm” nhưng ông không hề chơi bất kỳ món nào. Ông là một ông chồng mẫu mực. Ông Tạ Quang Khôi cũng vậy, ông tự nhận là Giáo Gian nhưng thật ra ông rất hiền, tốt tính, chỉ hay giận vặt, không nhảy đầm, không cờ bịch

dù suốt đời chơi với hầu hết anh em văn nghệ sĩ vì ông từng làm “nhón” ở Phòng Văn Nghệ của đài PT Saigon. Ông Uyên Thao cũng là một người “chân chỉ”, cuộc sống của ông là “cày” và “cày”. Làm nhiều đến nỗi anh em... phát ghét. Lê Xuyên còn hiền lành hơn, không cờ bịch rựu chề, thậm chí không bước chân đến phòng trà nghe nhạc. Ông Nguyễn Sa và ông Huy Phương cũng vậy, có lẽ ảnh hưởng từ “nghề làm thầy giáo” nên các ông ấy không “văng mạng” như chúng tôi...

Đặc biệt là mấy ông đạo diễn, làm phim “xã hội đen”, phim “giang hồ uýnh lộn toi bời”, bắt diễn viên chơi bài bịp như làm xiếc nhưng đạo diễn lại chưa cầm đến con bài bao giờ, như Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Hoàng Hoa, Hoàng Anh Tuấn...

Còn khá nhiều những ông như thế nữa. Nhưng tính theo tỷ lệ, ước chừng có 10% các “bố văn nghệ” không cờ bịch, không nhảy nhót. Còn hầu hết là ít nhiều có cờ bịch, có nhảy nhót, có cá độ và những món linh tinh khác.

Trong một ngày gần đây, tôi sẽ có dịp viết tỉ mỉ về “cuộc đời ái tình sự nghiệp” riêng của từng ông này nhưng tất nhiên là những chuyện “đàng goàng” chứ không có cờ bịch.

Từ mạt chược

đến các phòng trà tiệm nhảy

Cùng với mạt chược là các phòng trà, tiệm nhảy mọc lên nhanh chóng. Sau 1954, cô đầu “rựu” ngoài Bắc “dô Nam”, một số lớn chuyển sang nghề làm gái nhảy, thoát tiên là “vào học nghề” ở các tiệm nhảy matinée có giá rất rẻ như Lai Yun ở đường Tổng Đốc Phương trong Chợ Lớn. Các ông Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ hiện ở Mỹ, chắc chưa quên, thời chúng ta còn rách, còn “xê li bạt”, những buổi chiều thứ bảy, chủ nhật thường la cà vào đó để nhảy bốn chục một ly nước, ngồi hàng giờ với các em Hương khăn – sau này còn biệt danh là “Hương

National” để phân biệt với Hương Suziki, em Hải 44, em Lan mập... Ông Toàn Phong thời còn trẻ, dường như cũng có vài lần đặt gót giày “đời phi công” đến nơi đó rồi?

Trong khi đó các phòng trà tiệm nhẩy ở Sài Gòn cho giới trung lưu ngày một nhiều và sang trọng thêm. Phòng trà Anh Vũ ra đời sớm rồi cũng tàn sớm ở đường Bùi Viện. Sau đó đến Tự Do, Mỹ Phụng, Baccara, Đại Nam, Queen Bee, Olympia, Versailles, Moulin Rouge... nhiều quá kể không xuể. Các nam nữ ca sĩ bắt đầu xuất hiện và tạo được tên tuổi nhờ phòng trà ca nhạc chứ không phải từ các đài phát thanh. Nhưng sau bước khởi nghiệp ban đầu, các đài phát thanh lại rất quan trọng, bởi đài phát thanh là mảnh đất cho các ca nhạc sĩ lan tỏa tên tuổi nghệ sĩ của mình và “nuôi” tên tuổi đứng vững trong làng giải trí toàn quốc và cho tới tận mai sau.

Sau 1975, cờ bạc Sài Gòn biến tướng ra sao

Những năm đầu, khi tôi còn nằm kỹ trong các trại tù cải tạo và các ông được gọi là “hào hoa phong nhã” của nền cờ bạc Saigon cũng di tản ra nước ngoài. Ở trong các trại cải tạo, chúng tôi tự làm những con bài mặt chược bằng gỗ, làm bàn bằng tre, ngồi đánh cho vui và cá độ đá bóng bằng vài miếng thuốc lá. Ở ngoài thành phố Saigon “đi dép lỏp”, anh nào cũng rách như tổ đĩa, ăn bo bo thấy mẹ, làm gì có “cờ bạc” nữa. Nhưng chục năm sau, thành phố khá lên và những ông “hào hoa” còn kẹt lại có tí tiền từ bà con ở nước ngoài gửi về, lại tập tễnh cờ bạc. Khi đi tù về, chúng tôi lại bắt đầu tụ họp đánh mặt chược cùng nhau, trước hết là ở nhà ông bà Đăng Giao - Chu Vị Thủy vào chủ nhật hàng tuần. Chỉ có vài anh em rất thân chơi với nhau, vậy mà vẫn

có kẻ xấu miệng rêu rao chúng tôi tụ họp để “bàn chuyện chính trị”. Ngày thường chơi ở nhà ông Khương “trục thẳng”. Rất đông vui. Nhưng chỉ một thời gian, từng người lần lượt ra đi nên cả hai chốn hẹn hò đó đều ngưng hoạt động. Cho tới bây giờ tôi được một bàn mặt chược ở Sài Gòn hơi khó, chỉ còn vài nơi duy trì được nếp cũ.



Văn Quang, Kiều Chinh, Đăng Giao, Phan Nghị.

Và cho tới nay rất ít ông cán bộ và thanh niên biết chơi mặt chược. Các ông ấy chơi thứ khác. Sang Macao, Campuchia, Las Vegas chơi toàn đô la Mỹ và euro, cá độ bóng đá, đi karaoke, chơi ma túy, đi dancing sân chân dài. Hoặc ở vài tỉnh thành và thôn quê, một số anh có tiền lại quay về với thú cổ điển là xóc đĩa và thú “điền viên” là đi nhà nghỉ với “rau sạch”. Nền “văn hóa ngoại tình” phát triển như rươi.

Trong kỳ sau tôi sẽ bàn với bạn đọc về những thú cờ bạc hiện nay và chi tiết cái nghị định về cờ bạc của chính phủ VN cùng những dư luận của đa số người dân và khi thực hiện sẽ gặp những lợi hại ra sao.

Văn Quang
23-8-2013

HÌNH ẢNH PHÁT HÀNH BÁO CỎ THƠM

6/29/2013



Từ trái: Kiều Nga, Bùi Thanh Tiên, Hoàng Song Liên, Phan Anh Dũng, Ngọc Trinh, Tâm Hào, Ngọc Dung, Phan Khâm, Nguyễn Lân, Paul Van.





Phong Thu, Bạch Mai, Thân hữu, Tâm Hào, Ngọc Trinh



Bùi Thanh Tiên, Nguyễn Tường Vân, Phạm Khâm, Cao Nguyên.



Hàng trước: Ông Nguyễn Văn Thành.
Hàng sau: Hoàng Song Liêm, Trúc Mai,
Thúy Diễm.

Paul Văn và Cao Nguyên đọc báo Cỏ Thơm
số mùa hè.



Ý Anh, Nguyễn Lân



Bạch Mai



Lộc Khuê



Thái Phương, Vũ An Thanh



Paul Van, Phan Anh Dũng.



Kiều Nga và Minh Châu ca, Phan Anh Dũng đệm đàn.



Trúc Mai, Diễm Trân, Hồng Thủy, Phương Nga, Ngọc Dung



Bùi Thanh Tiên, Thái Phụng, Tâm Hảo, Phan Anh Dũng, Vũ An Thanh.

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

TỦ SÁCH CỔ THƠM

11623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA

Tel. (703) 471-1271, Fax (703) 471-1196; Email: dsenser@yahoo.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM (Từ năm 1996)

TÌNH TRONG CỐI MỘNG – Thơ Quỳnh Anh (1998)

ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung

TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên

NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân

TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An

VĂN KHẢO (2000) - Trần Bích San

MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung

TÌNH ANH NHƯ THẾ ĐẤY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YÊU EM (2002) - Thơ Kim Vũ

BÊN DÒNG THẠCH HẪN (2002) - Thơ Phan Khâm

SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lân; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên

HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao Mỹ Nhân, Phan Khâm,

Nguyễn T. Ngọc Dung, Vân Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.

VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An

ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004)-Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005)-Thơ Việt Bằng

PHƯƠNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005)-Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung

SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005)-Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung

GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,

Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.

DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - Phan Khâm

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - Nguyễn Thị Ngọc Dung

NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - HỒ TRƯỜNG AN về các tác giả

Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,

Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.

THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG (2007),

KHÚC VÔ THANH (2008), 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)

THƯƠNG VỀ KỶ NIỆM (2010) - Thơ Đỗ Thị Minh Giang

ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao

GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt

CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm

NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013)



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

.....

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35.00 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ
ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

Giá báo: US\$7:00